

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2565



LUẬN VỀ CỬA-RIÊNG, CỬA-CHUNG

TỶ KHƯU HỘ PHÁP
(*DHAMMARAKKHITA BHIKKHU*)
(*AGGAMAHĀPANDITA*)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2022

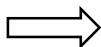


BHADDANTA DHAMMARAKKHITA BHIKKHU
dự lễ nhận danh hiệu Aggamahāpaṇḍita
tại Nay Pyi Taw, Myanmar. Ngày 19-3-2011
(Rằm tháng 2 P.L.2554)

“Sabbadānaṃ dhammadānaṃ jināti.”
Pháp-thí là cao thượng hơn các loại thí.

LUẬN VỀ CỦA-RIÊNG, CỦA-CHUNG

Dhammapaṇṇākāra
Món Quà Pháp



Mục lục

Thành Kính Tri Ân

Tất cả chúng con biết được Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda là nhờ ơn Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng với chư Trưởng-lão khác đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy Theravāda về truyền bá trên đất nước Việt-Nam thân yêu này.

Tất cả chúng con đem hết lòng thành kính đánh lễ Ngài Sư Tổ Hộ-Tông cùng quý Ngài Trưởng-lão với tâm lòng chân thành tôn kính và tri ân sâu sắc của tất cả chúng con.

PHẬT-GIÁO NGUYÊN-THỦY
THERAVĀDA
PHẬT-LỊCH 2565

LUẬN VỀ CỬA-RIÊNG, CỬA-CHUNG

TỶ-KHUÙ HỘ-PHÁP
(*DHAMMARAKKHITA BHIKKHU*)
(*AGGAMAHĀPAṆḌITA*)



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO - 2022

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn ấy,
Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Đảnh Lễ Ân-Đức Tam-Bảo

Đức-Phật có chín ân-đức cao thượng.
Danh tiếng vang lừng khắp cõi chúng-sinh.
Là Đấng Pháp-Vương vô-thượng vô-song.
Con kính đánh lễ bằng thân khẩu ý.

Đức-Pháp có sáu ân-đức cao thượng.
Hay ở phần đầu, phần giữa, phần cuối.
Là Pháp giải thoát khổ của Đức-Phật.
Con kính đánh lễ bằng thân khẩu ý.

Đức-Tăng có chín ân-đức cao thượng.
Thánh Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.
Có bốn đôi thành tám bậc Thánh-Tăng.
Là phước-diên vô-thượng của chúng-sinh.
Con kính đánh lễ bằng thân khẩu ý.

Con kính đánh lễ ân-đức Tam-Bảo.
Biên soạn Luận Về Cửa-Riêng, Cửa-Chung.

Namo tassa bhagavato arahato sammāsambuddhassa.
Con đem hết lòng thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Luận Về Cửa-Riêng, Cửa-Chung

Soạn-giả: Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Lời Nói Đầu

Cửa-riêng, cửa-chung là vấn đề mà mỗi người có mỗi quan niệm không giống nhau.

Cửa-riêng là thuộc quyền sở hữu của ta, không liên quan đến người khác. **Cửa-chung** là cửa-chung đối với mọi người trong đó có ta.

Thật ra, **cửa-riêng** của mỗi người chỉ có tính chất tạm-thời mà thôi, nên gọi là **cửa-riêng tạm-thời** đối với mỗi người. Nếu người ấy chết, thì **cửa-riêng tạm-thời** của người ấy thuộc về quyền sở hữu của người khác.

- Nếu **của-riêng tạm-thời** của người nào có được bằng cách bất hợp pháp, thì người ấy bị cơ quan nhà nước bắt phạt tù và tịch thu tài sản sung vào **của-chung**.

Cho nên, của cải tài-sản thuộc về quyền sở hữu của người nào chỉ là **của-riêng tạm-thời** của người ấy mà thôi. Trong đời này, không có thứ của cải nào gọi là **của-riêng vĩnh-viễn** thật sự của một người nào cả.

Trong đời này, tất cả của cải tài-sản, nhà cửa, đất đai, v.v... đều là **của-chung**. Nếu người nào có đại-thiện-nghiệp bố-thí nào có cơ hội cho quả, thì người ấy được thừa hưởng của cải tài-sản, nhà cửa, đất đai, v.v... thuộc về **của-riêng tạm-thời** của người ấy, trong thời gian lâu hoặc mau tùy theo quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

Bậc thiện-trí nào có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, **tin nghiệp và quả của nghiệp**, có chánh-kiến hiểu biết đúng (*kammassakatāsammāditṭhi*) rằng: chỉ có **nghiệp** là **của-riêng vĩnh-viễn của ta** mà thôi, nên biết sử dụng của cải thuộc về **của-riêng tạm-thời** của mình, đem tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỷ-khưu-Tăng, gọi là **đại-thiện-nghiệp bố-thí** trở thành **của-riêng vĩnh-viễn** của bậc thiện-trí ấy.

- **Đại-thiện-nghiệp bố-thí** ấy có cơ hội cho quả an-lạc trong **kiếp hiện-tại**.

Sau khi bậc thiện-trí ấy chết, **đại-thiện-nghiệp bố-thí** ấy có cơ hội cho quả tái-sinh **kiếp kế-tiếp** (kiếp thứ nhì) đầu thai làm người trong cõi người, hoặc có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời dục-giới ấy cho đến hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy.

- **Đại-thiện-nghiệp bố-thí** ấy còn có cơ hội cho quả an-lạc, quả tốt đối với chủ-nhân của **nghiệp** ấy kể từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, chỉ có **nghiệp** là **của-riêng vĩnh-viễn** thật sự của ta mà thôi.

Nghiệp là gì?

Đức-Phật dạy rằng:

“Cetanā’ham bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā.” ⁽¹⁾

- Đây chư tỳ-khưu! Sau khi đã có tác-ý, rồi mới tạo **nghiệp** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

Vì vậy, Như-Lai dạy “**tác-ý gọi là nghiệp**”.

¹ Aṅguttaranikāya, Chakkanipāta, Nibbedhikasutta.

Tác-y (*cetanā*) đó là **tác-y tâm-sở** (*cetanā-cetasika*) là 1 trong 52 tâm-sở đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

Tác-y gọi là nghiệp

Nếu khi tác-y tâm-sở (*cetanācetasika*) đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) và tác-y tâm-sở đồng sinh với 21 hoặc 37 thiện-tâm, thì tác-y tâm-sở ấy gọi là **nghiệp** như sau:

- Tác-y tâm-sở (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) gọi là **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

- Tác-y tâm-sở (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 8 dục-giới đại-thiện-tâm gọi là **dục-giới đại-thiện-nghiệp** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

- Tác-y tâm-sở (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm gọi là **5 sắc-giới thiện-nghiệp** bằng ý.

- Tác-y tâm-sở (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là **4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp** bằng ý.

- Tác-y tâm-sở (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm gọi là 4 hoặc 20 **siêu-tam-giới thiện-nghiệp** bằng ý.

Tác-y không gọi là nghiệp

Nếu khi tác-y tâm-sở (cetanācetasika) đồng sinh với 36 hoặc 52 quả-tâm ⁽¹⁾ và đồng sinh với 20 duy-tác-tâm ⁽²⁾ thì tác-y tâm-sở ấy không gọi là **nghiệp**.

Mỗi người tự mình hoàn toàn **chủ-động** có quyền lựa chọn tạo **ác-nghiệp** nào hoặc **thiện-nghiệp** nào theo khả năng của mình.

Khi người nào đã tạo **ác-nghiệp** nào rồi, hoặc tạo **đại-thiện-nghiệp** nào rồi, dù nhẹ dù nặng **tất cả nghiệp** ấy đều được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn trong **tâm** của người ấy, từ kiếp này sang kiếp kia, trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô-thủy cho đến kiếp hiện-tại này, không hề mất mát một mảy may nào cả.

Tất cả mọi ác-nghiệp ấy, mọi đại-thiện-nghiệp ấy chỉ thuộc về **của-riêng vĩnh-viễn** của người ấy mà thôi, hoàn toàn không liên quan đến người nào khác cả.

Đức-Phật truyền dạy nghiệp và quả của nghiệp rằng:

¹ **36 hoặc 52 quả-tâm** đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 đại-quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.

² **20 duy-tác-tâm** đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 đại duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.

“*Kammassako’ mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammam karissāmi kalyāṇam vā pāpakam vā, tassa dāyādo bhavissāmi.*” ⁽¹⁾

Ta có **ngiệp là của-riêng ta**, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-ngiệp hoặc ác-ngiệp,’ ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-ngiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-ngiệp ấy.

Đức-Phật dạy rằng: **kammassako’ mhi**: ta có **ngiệp là của-riêng ta**. Khi ta tự mình hoàn toàn **chủ động** tạo đại-thiện-ngiệp nào hoặc ác-ngiệp nào, tất cả mọi đại-thiện-ngiệp ấy, mọi ác-ngiệp ấy đều thuộc về **của-riêng vĩnh-viễn** của ta mà thôi, hoàn toàn không liên quan đến người nào cả.

Thật vậy, ngoài **ngiệp là của-riêng vĩnh-viễn của ta** ra, còn tất cả mọi thứ của cải tài-sản, nhà cửa, đất đai, ... trong đời chỉ là **của-riêng tạm-thời** mà thôi, thậm chí ngay cả **sắc-thân** này cũng là **của-riêng tạm-thời** trong mỗi kiếp hiện-tại, tùy theo tuổi thọ hoặc nghiệp, đến khi hết tuổi thọ hoặc hết nghiệp hỗ-trợ là khi tắt

¹ Aṅg. Pañcakanpāta, Abhinipaccavekkhitabbaṭṭhāna-sutta.

thở thì tâm-thức rời khỏi sắc-thân này (chết), sắc thân này trở thành tử-thi.

Đức-Phật dạy rằng: tassa dāyādo bhavissāmi: ta sẽ là người hoàn toàn bị-động thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

- Nếu ác-nghiệp nào gặp 4 nghịch-duyên ⁽¹⁾ thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả khổ, quả xấu đối với chủ-nhân của ác-nghiệp ấy.

- Nếu ác-nghiệp nào gặp 4 thuận-duyên thì ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả khổ, quả xấu đối với chủ-nhân của ác-nghiệp ấy.

- Nếu đại-thiện-nghiệp nào gặp 4 thuận-duyên ⁽²⁾ thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho

¹ **Vipatti: nghịch-duyên có 4 pháp:**

- 1- Gativipatti: Cõi-giới nghịch-duyên đó là 4 cõi ác-giới.
- 2- Upadhipipatti: Thân-thể nghịch-duyên đó là thân-thể bị tật-nguyên.
- 3- Kālavipatti: Thời gian nghịch-duyên đó là gặp nạn đói, nạn dịch bệnh, ...
- 4- Payogavipatti: Tinh-tần nghịch-duyên đó là tinh-tần tạo mọi ác-pháp.

² **Sampatti: thuận-duyên có 4 pháp:**

- 1- Gatisampatti: Cõi-giới thuận-duyên đó là các cõi thiện-giới.
- 2- Upadhisampatti: Thân-thể thuận-duyên đó là thân-thể khỏe mạnh, có đầy đủ các bộ phận.
- 3- Kālasampatti: Thời gian thuận-duyên đó là thời gian có đầy đủ sung túc.
- 4- Payogasampatti: Tinh-tần thuận-duyên đó là tinh-tần tạo mọi thiện-pháp.

quả an-lạc, quả tốt đối với chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp ấy.

- Nếu đại-thiện-nghiệp gặp 4 nghịch-duyên thì mọi đại-thiện-nghiệp không có cơ hội cho quả an-lạc, quả tốt đối với chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp ấy. ⁽¹⁾

Tính chất nghiệp và quả của nghiệp

Nếu người nào tự mình hoàn toàn chủ-động quyết định tạo ác-nghiệp, đại-thiện-nghiệp nào rồi, thì ác-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy hoàn toàn không liên quan đến người nào khác.

Nếu ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả khổ, quả xấu thì người ấy hoàn toàn bị-động, phải chịu quả khổ, quả xấu của ác-nghiệp ấy như người thừa kế quả khổ của ác-nghiệp ấy.

Nếu đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội cho quả an-lạc, quả tốt thì người ấy hoàn toàn bị-động, hưởng được quả an-lạc, quả tốt của đại-thiện-nghiệp ấy như người thừa kế quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

Tuy nhiên, nếu ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả thì không chỉ đối với chủ-nhân của ác-nghiệp ấy phải chịu quả khổ, quả xấu, mà còn

¹ Tìm hiểu rõ quyền IV: Nghiệp Và Quả Của Nghiệp, trong phần Nghiệp cho quả theo 4 sampatti, 4 vipatti (trang 435).

liên lụy đến những người gần gũi thân cận với chủ-nhân của ác-nghiệp ấy cũng phải chịu quả khổ, quả xấu nữa. Nếu những người ấy biết lánh xa người có ác-nghiệp ấy thì không còn liên lụy đến quả khổ, quả xấu của ác-nghiệp ấy.

- Nếu **đại-thiện-nghiệp** nào có cơ hội cho quả thì không chỉ đối với chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp ấy hưởng được quả an-lạc, quả tốt, mà còn ảnh hưởng đến những người gần gũi thân cận với chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp ấy cũng hưởng được quả an-lạc, quả tốt nữa. Nếu chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp ấy đi nơi khác thì những người ấy không còn ảnh hưởng đến quả an-lạc, quả tốt của đại-thiện-nghiệp ấy nữa.

Bậc thiện-trí có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có trí-tuệ hiểu biết tai họa lớn do từ lỗi nhỏ, nên bậc thiện-trí tự mình hoàn toàn chủ-động có quyền lựa chọn, quyết định tránh xa mọi ác-nghiệp, **không tạo ác-nghiệp dù nhẹ**, bởi vì ác-nghiệp làm cho tâm ô nhiễm, nếu ác-nghiệp có cơ hội thì chỉ cho quả khổ, quả xấu mà thôi.

Bậc thiện-trí tự mình hoàn toàn chủ-động có quyền lựa chọn, quyết định tạo mọi đại-thiện-nghiệp, bởi vì đại-thiện-nghiệp làm cho tâm thanh-tịnh, nếu đại-thiện-nghiệp có cơ hội thì chỉ cho quả an-lạc, quả tốt mà thôi.

Thật ra, trong đời này, **cửa-riêng** thuộc về quyền sở hữu của mỗi người chỉ là **cửa-riêng tạm-thời** mà thôi, chắc chắn không có loại **cửa-riêng vĩnh-viễn** nào giành riêng cho ai cả.

Đức-Phật dạy chỉ có **ngiệp** là cửa-riêng vĩnh-viễn của ta mà thôi. Nếu khi ta đã tạo **ác-ngiệp** nào, **đại-thiện-ngiệp** nào rồi, thì **mọi ác-ngiệp** ấy, **mọi đại-thiện-ngiệp** ấy là cửa-riêng vĩnh-viễn của ta. Bởi vì **mọi nghiệp** ấy được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn trong **tâm** của ta, từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô-thủy cho đến kiếp hiện-tại.

- Nếu **ác-ngiệp** nào có cơ hội thì ác-ngiệp ấy cho quả khổ, quả xấu trong kiếp hiện-tại, trong vô số kiếp vị-lai cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Nếu **đại-thiện-ngiệp** nào có cơ hội thì đại-thiện-ngiệp ấy cho quả an-lạc, quả tốt trong kiếp hiện-tại, trong vô số kiếp vị-lai cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh-luân hồi trong tam-giới.

Quyển sách nhỏ “**Luận Về Cửa-riêng, Cửa-chung**” này, bản sư đã cố gắng sưu tầm gom nhặt nhiều nguồn tài liệu từ trong Tam-tạng Pāli, bộ

Chú-giải Pāḷi và các bộ sách khác liên quan đến của-riêng vĩnh-viễn chỉ được bấy nhiêu thôi!

Tuy bản sư cố gắng giảng giải để giúp cho độc giả tìm hiểu rõ về của-riêng **tam-thờ** và **của-riêng vĩnh viễn**, song vì khả năng có hạn, nên chắc chắn không tránh khỏi những điều sơ sót, thậm chí còn có chỗ sai ngoài khả năng hiểu biết của bản sư.

Để lần sau tái bản được hoàn thiện hơn, kính mong chư bậc thiện-trí có tâm từ chỉ giáo, góp ý chân tình.

Kính xin quý vị xem soạn phẩm này như là **của-chung** mà mỗi người trong chúng ta, ai cũng có bốn phận đóng góp xây dựng, để cho soạn phẩm này được hoàn hảo, hầu mong đem lại sự lợi ích chung, sự tiến hóa, sự an-lạc cho phần đông chúng ta.

Bản sư kính cần đón nhận những lời đóng góp phê bình xây dựng ấy của chư bậc thiện-trí, và kính xin quý vị ghi nhận nơi đây lòng chân thành biết ơn sâu sắc của bản sư.

* Quyển sách nhỏ “**Luận Về Của-riêng, Của-chung**” này được hoàn thành do nhờ nhiều người giúp đỡ như là Dhammavara Sāmaṇera xem kỹ bản thảo, Dhammanandā upāsikā đã tận tâm xem kỹ lại bản thảo, dàn trang, làm thành

quyển sách và được Nhà xuất bản Tôn giáo cho phép ấn hành.

Bần sư vô cùng hoan-hỷ biết ơn tất cả quý vị.

Nhân dịp này, con là Dhammarakkhita Bhikkhu (tỳ-khuru Hộ-Pháp) thành kính dâng phần pháp-thí thanh cao này đến Ngài Đại-Trưởng-lão Hộ-Tông, Vamsarakkhitamahāthera là sư phụ của con, đồng thời kính dâng đến Ngài Đại-Trưởng-lão Thiện-Luật, Ngài Đại-Trưởng-lão Bửu-Chơn, Ngài Đại-Trưởng-lão Giới-Nghiêm, Ngài Trưởng-lão Hộ-Giác (chùa Từ-Quang), Ngài Trưởng-lão Hộ-Nhẫn (chùa Thiền-Lâm, Huế), cùng chư Đại-Trưởng-lão đã dày công đem Phật-giáo Nguyên-thủy (Theravāda) về truyền bá trên quê hương Việt-Nam thân yêu, và xin kính dâng phần phước-thiện thanh cao này đến chư Đại-Trưởng-lão ở nước Thái-Lan, nước Myanmar (Miến-Điện), đã có công dạy dỗ con về pháp-học và pháp-hành.

Con kính mong quý Ngài hoan-hỷ.

Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này, xin hồi hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con từ kiếp hiện-tại cho đến vô lượng kiếp trong quá-khứ, mong quý vị hoan-hỷ nhận phần

phước-thiện thanh cao này để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

***Imaṃ puññābhāgaṃ mātā-pitu-ācariya-
ñāti-mittānañceva sesasabbasattānañca dema,
sabbepi te puññapattim laddhāna sukhitā
hontu, dukkhā muccantu sabbattha.***

Chúng con thành tâm hồi hướng, chia phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này đến ông bà, cha mẹ, thầy tổ, thân quyến, bạn hữu cùng tất cả chúng-sinh từ cõi địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh, nhân-loại, chư-thiên trong các cõi trời dục-giới, ...

Xin tất cả quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong quý vị thoát khỏi mọi cảnh khổ, hưởng được mọi sự an-lạc lâu dài trong khắp mọi nơi.

***Idaṃ me dhammadānaṃ āsavakkhayāvahaṃ
hotu.***

Phước-thiện pháp-thí thanh cao này của mỗi người chúng con, xin làm duyên lành dẫn dắt mỗi người chúng con đến chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi phiền-não trầm-luân, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Nếu mỗi người trong chúng con chưa diệt tận

được mọi phiền-não trầm-luân, chưa giải thoát khổ sinh, vẫn còn tử sinh luân-hồi thì do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này ngăn cản mọi ác-nghiệp không có cơ hội cho quả tái-sinh trong 4 cõi ác-giới, và cũng do năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này chỉ hỗ trợ đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh trong 7 cõi thiện-dục-giới mà thôi.

Được sinh kiếp nào, mỗi người trong chúng con đều là người có chánh-kiến, có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp, có duyên lành được gần gũi thân cận với bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, có đức-tin trong sạch nơi bậc thiện-trí, cố gắng tinh-tân thực hành theo lời giáo huấn của bậc thiện-trí, không ngừng tạo mọi pháp-hạnh ba-la-mật cho sớm được đầy đủ trọn vẹn, để mong sớm chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, mong chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

*Nay, chúng con hết lòng thành kính **thọ phép quy-y Tam-bảo** và thành tâm hộ trì Tam-bảo cho đến trọn đời, trọn kiếp.*

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này, mong cho mỗi người chúng con luôn luôn có duyên lành, tạo được nhân tốt sâu sắc trong Phật-giáo.

Do nhờ năng lực phước-thiện pháp-thí thanh cao này theo hỗ trợ, nhắc nhở mỗi người chúng con trong mỗi kiếp, dù có được thành tựu quả báu ở cõi người (manussasampatti), hưởng được mọi sự an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi người; hoặc dù có được thành tựu quả báu ở cõi trời (devasampatti), hưởng được mọi an-lạc như thế nào, cũng không đắm say trong cõi trời.

Thật ra, mục đích cứu cánh cao cả của mỗi người chúng con chỉ có mong sớm được thành tựu quả báu chứng ngộ Niết-bàn (Nibbāna-sampatti) mà thôi, để mong giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

***Icchitaṃ patthitaṃ amhaṃ,
khippameva samijjhatu.***

*Điều mong ước, ý nguyện của chúng con
Mong sớm được thành tựu như ý nguyện.*

*PL. 2565 / DL. 2022
Rừng Núi Viên Không,
xã Tóc -Tiên, thị xã Phú-Mỹ,
tỉnh Bà-Rịa – Vũng-Tàu.*

*Tỳ-khưu Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)*

MỤC LỤC

KỆ LỄ BÁI TAM-BẢO

LỜI NÓI ĐẦU

LUẬN VỀ CỦA-RIÊNG, CỦA-CHUNG

- Tìm hiểu tích công-tử Subha	3
- Kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta	8
1- Người chết yếu.....	10
2- Người sống lâu.....	11
3- Người có nhiều bệnh hoạn.....	12
4- Người có ít bệnh hoạn	12
5- Người xấu xí, da dễ sần sùi đáng ghê sợ	13
6- Người xinh đẹp, da dễ hồng hào.....	14
7- Người có ít quyền lực	15
8- Người có nhiều quyền lực	16
9- Người có ít của cải.....	17
10- Người có nhiều của cải	18
11- Người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn.....	19
12- Người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý.....	20
13- Người không có trí-tuệ	22
14- Người có nhiều trí-tuệ.....	23
- Tác-ý gọi là nghiệp	29
- Tác-ý không gọi là nghiệp.....	30
- Bất-thiện-nghiệp (ác-nghiệp)	30

5- Đạo-sư Nigaṇṭhanātaputta	90
6- Đạo-sư Sañcayabelatṭhaputta.....	92
• Đức-Thế-Tôn giải đáp câu hỏi.....	95
1- Giải đáp sāmāññaphala thứ nhất.....	96
2- Giải đáp sāmāññaphala thứ nhì.....	98
- Bậc thiên sắc-giới thiện-tâm.....	102
- Bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm	103
- Phép tam-giới thần-thông	105
• Đức-vua Ajātasattu thọ phép quy-y Tam-bảo..	110
• Chú-giải bài kinh Sāmāññaphalasutta.....	112
• Đức-vua Ajātasattu hộ độ kỳ kết tập Tam-tạng lần thứ nhất.....	113
• Nghiệp và quả của nghiệp của Đức-vua Ajātasattu	115
* Xét về tỳ-khuru Devadatta và Đức-vua Ajātasattu	116
- Giảng giải kamma và kammaphala	118
- Tính chất của ác-nghiệp, đại-thiện-nghiệp	119
- Tính chất quả của nghiệp (kammaphala)	121
- Cơ hội đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả	122
- Nghiệp cho quả theo 4 sampatti, 4 vipatti	123
• Giảng giải 16 trường-hợp.....	126
- Nghiệp và quả của nghiệp đối với chúng-sinh các cõi-giới.....	132
- Tính chất ác-nghiệp và quả khổ của ác-nghiệp ..	137
- Quả khổ của bất-thiện-nghiệp	138
• Tích Ngài Trưởng-lão Losakatissa.....	138
- Kiếp chót của vị tỳ-khuru trụ trì	144
- Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta tế độ đứa bé trai	146

- Nghiệp và quả của nghiệp của
 Ngài Trưởng-lão Losakatissa..... 152
- Tính chất đại-thiện-nghiệp và quả an-lạc
 của đại-thiện-nghiệp ... 153
- Quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp..... 153
 - Tích Ngài Trưởng-lão Sīvali 153
 - Quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí 161
 - Công-tử Sīvali nằm trong bụng mẫu-thân 162
 - Công-tử Sīvali xuất gia..... 166
 - Chư-thiên cúng dường
 Ngài Trưởng-lão Sīvali 8 nơi..... 169
 - Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng
 đến thăm Ngài Đại-đức Revata.... 171
 - Ngài Trưởng-lão Revata tiếp đón Đức-Phật
 cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng 175
 - Đức-Phật tuyên dương Ngài Trưởng-lão Sīvali
 và Ngài Trưởng-lão Revata ... 176
 - Ngài Trưởng-lão Sīvali có tài lược bậc nhất..... 177
 - Ngài Revata một mình trú trong rừng..... 179
- **Nghiệp với kiếp của mỗi chúng-sinh**..... 182
 - Tích phú-hộ Ānanda 182
 - Tích nga-quỷ Cūḷasetṭhi..... 188
 - Kinh Kāma-bhogīsutta 194
- **Kiếp hiện-tại với kiếp kế-tiếp** 201
 - Tích tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali 202
 - Kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Sīvali 204
 - Đức-vua Bô-tát Vessantara 209
 - Đức-vua Bô-tát bố-thí bạch tượng báu..... 212
 - Dân chúng tỏ thái độ bất bình 215
 - Lễ đại-thí đầy đủ mọi vật thí 221

- Đức-vua Bồ-tát rời khỏi đất nước Sivi	230
- Rừng núi Vaṅka.....	233
- Xuất gia trở thành đạo-sĩ	240
- Bà-la-môn Jūjaka.....	242
- Đức-vua Bồ-tát Vesantara thực hành pháp-hạnh đại-thí con yêu quý	254
- Pháp-hạnh đại-thí ba-la-mật có 5 pháp.....	272
- Đức-vua Bồ-tát Vesantara thực hành pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý	289
- Lễ đón rước Đức-vua Bồ-tát Vessantara	309
- Vương gia đoàn tụ	311
- Trận mưa phép.....	318
- Lễ đăng quang lên ngôi vua	322
- Hồi cung trở về kinh-thành Jetuttara	324
- Tóm lược các kiếp hiện-tại với kiếp kế-tiếp ...	327
• Tích phú-hộ Anāthapiṇḍika	330
- Bồ-thí cúng-dường của phú-hộ Anāthapiṇḍika	331
- Ngày cuối cùng của ông phú-hộ Anāthapiṇḍika	332
- Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika hiện xuống.....	336
• Tích Lājadevadhītāvatthu.....	340
• Tích Ācāmadāyikāvimāna	342
- Vấn đáp Cửa-riêng tạm-thời và Cửa-riêng vĩnh viễn	346
- Cửa-riêng tạm-thời trở thành Cửa-riêng vĩnh viễn	348

ĐOẠN KẾT

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

Namo Tassa Bhagavato Arahato Sammāsambuddhassa
Con đem hết lòng thành kính đảnh lễ Đức-Thế-Tôn
ấy, Đức A-ra-hán, Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

Lược Về Cửa-Riêng, Cửa-Chung

Người đời thường lược về cửa-riêng, cửa-chung.

Cửa-riêng là thuộc về riêng ta, ta là chủ-nhân, không liên quan đến người khác.

Cửa-chung là thuộc về mọi người, có cả ta.

- Người nông dân lương thiện làm ruộng, đến mùa thu hoạch phân thóc lúa thuộc về **cửa-riêng** người nông dân. Người nông dân bán phân thóc lúa ấy cho thương nhân, phân thóc lúa ấy thuộc về **cửa-riêng** thương nhân, người nông dân có được số tiền thuộc về **cửa-riêng** người nông dân. Người nông dân trả tiền cho các công nhân, trả tiền nợ cho tiệm bán phân bón, số tiền còn lại thuộc về **cửa-riêng** người nông dân.

- Một thương gia giàu sang phú quý có ngôi biệt thự nguy nga, có tài-sản đồ sộ, đi chiếc xe hơi lộng lẫy sang trọng, tất cả của cải tài-sản thuộc về **cửa-riêng** thương gia ấy.

Về sau, thương gia ấy bị phát giác buôn bán đồ quốc cấm, nên thương gia ấy bị truy tố ra tòa án xét xử. Tòa tuyên án tù chung thân, gia sản bị tịch thu toàn bộ sung vào của công.

Thương gia ở tù chung thân, tất cả của cải tài-sản bị tịch thu, không còn gì thuộc về **của-riêng** thương gia nữa.

- Kẻ trộm cắp lấy của cải người khác làm **của-riêng** mình, hoặc bọn cướp của giết người chiếm đoạt của cải người khác làm **của-riêng** mình.

Công an truy nã bắt kẻ trộm và bọn cướp của giết người đưa ra tòa án xét xử. Tòa tuyên án kẻ tội nhẹ thì bị ở tù, kẻ tội nặng thì bị tử hình, tịch thu toàn bộ của cải, sung vào của công.

- Hiện-tại, ông A là chủ-nhân có quyền sở hữu *một khu đất tốt* thuộc về **của-riêng** ông A. Thử hỏi trong thời quá-khứ đã từng có bao nhiêu người là chủ-nhân của *khu đất tốt ấy*? Đó là câu hỏi khó mà khẳng định chính xác được, bởi vì *khu đất tốt ấy* ai cũng muốn là chủ-nhân thuộc về **của-riêng** mình.

Thật ra, *khu đất tốt ấy* vốn dĩ là **của-chung** của mọi người, nếu người nào có nhiều phước-thiện bố-thí đã từng tích lũy trong những kiếp quá-khứ, kiếp hiện-tại này người ấy có cơ hội hưởng quả báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí ấy, nên người ấy dễ dàng là chủ-nhân có quyền sở hữu *khu đất tốt ấy*, *khu đất ấy* thuộc về **của-riêng tạm-thời** của người ấy.

Sau khi người ấy chết, *khu đất tốt ấy* cùng với tất cả của cải tài-sản sẽ thuộc về người khác.

Cho nên, trong đời tất cả của cải tài-sản, đất đai, nhà cửa, ngọc ngà châu báu, v.v.... đều thuộc về **của-chung** đối với mọi người. Nếu người nào có nhiều phước-thiện bố-thí có cơ hội cho quả-báu thì người ấy được thừa hưởng phần tài sản ấy thuộc về **của-riêng tạm-thời** trong khoảng thời gian lâu dài hoặc ngắn ngủi đối với người ấy, nhưng mà chắc chắn không phải là **của-riêng vĩnh-viễn** đối với người nào cả.

Vậy, của-riêng vĩnh-viễn thật sự có hay không?

Trong Phật-giáo, Đức-Phật dạy mỗi chúng-sinh đều có **của-riêng vĩnh-viễn thật sự**, đó là gì?

* Tìm hiểu tích công-tử Subha

Công-tử Subha là con trai của **phú hộ Todeyya** trong kinh-thành Sāvatthī. **Phú hộ Todeyya** có của cải nhiều đến 87 koti (870 triệu), nhưng ông nổi tiếng là người keo kiệt bủn xỉn trong của cải tài sản của mình. Tuy ông được sinh ra trong thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, nhưng ông không từng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Đức-Phật và chư tỳ-khưu-Tăng dù chỉ là một muống cháo, một vá cơm.

Đến lúc lâm chung, ông **phú hộ Todeyya** phát sinh *tham-tâm luyến tiếc của cải tài sản* thuộc về **của-riêng** ông, nên sau khi ông **phú hộ** chết,

ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm con chó trong nhà của ông. Con chó được công-tử Subha hết mực thương yêu, hề công-tử dùng món ăn nào thì nó cũng được ăn món ăn ấy, nó còn được công-tử bông ẵm cho nằm trên chiếc giường sang trọng.

Canh chót đêm ấy, sau khi xả đại-bi định, Đức-Phật xem xét chúng-sinh có duyên nên tế độ, thì thấy *con chó trong nhà công-tử Subha*. Đức-Phật xem xét thấy rõ, biết rõ tiền-kiếp của con chó ấy vốn là *ông phú hộ Todeyya, là cha của công-tử Subha*. Lúc lâm chung ông phú hộ có tham-tâm luyến tiếc của cải tài sản *cửa-riêng* ông, nên sau khi ông phú hộ chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh làm con chó trong nhà của ông.

Vào buổi sáng ngày hôm ấy, Đức-Phật ngự đi khát thực đến đứng trước biệt thự của *công-tử Subha*. Khi ấy, *công-tử Subha* đi vắng, con chó nhìn thấy Đức-Phật, nó chạy ra sủa. Đức-Phật gọi tên con chó rằng:

- *Này Todeyya! Người không biết thân phận làm kiếp chó của người mà còn sủa Như-Lai. Kiếp sau người còn phải tái-sinh trong đại-địa-ngục Avīci nữa.*

Nghe Đức-Phật truyền bảo như vậy, con chó cảm thấy buồn khổ, cúi đầu chạy vào nhà, đến nằm chỗ đồng tro gần bếp. Những người trong

nhà không một ai có thể bồng nó lên nằm trên chiếc giường sang trọng của nó.

Công-tử Subha trở về nhà nhìn thấy con chó yêu quý của mình nằm chỗ đồng tro gần bếp, nên hỏi rằng:

- *Ai đem con chó xuống nằm chỗ này vậy?*

Những gia nhân thưa rằng:

- *Thưa cậu chủ, không có ai bồng nó xuống nằm chỗ ấy. Nó tự đến nằm, chúng tôi đã cố gắng bồng nó lên nằm trên giường, nhưng nó không chịu.*

- *Thưa cậu chủ, nguyên do sự việc xảy ra như vậy!*

Sáng nay, Sa-môn Gotama đi khát thực đến đứng trước cổng nhà, con chó nhìn thấy Sa-môn Gotama, nó chạy ra sủa thì Sa-môn Gotama truyền bảo rằng:

- *“Này Todeyya, người không biết thân phận làm kiếp chó của người mà còn sủa Như-Lai. Kiếp sau người còn phải tái-sinh trong đại-địa-ngục Avīci nữa.”*

Nghe như vậy, con chó cảm thấy buồn khổ, cúi đầu chạy vào nhà, đến nằm trên đồng tro gần bếp.

Nghe gia nhân thuật lại như vậy, công-tử Subha bực tức nói rằng:

“Phụ-thân của ta tái-sinh làm Phạm-thiên, làm gì có con chó tên Todeyya. Nhưng tại sao Sa-môn Gotama gọi con chó bằng tên phụ-thân của ta.”

Công-tử Subha liền đi thẳng đến ngôi chùa Jetavana gặp Đức-Phật, để hỏi rõ những sự việc xảy ra có đúng sự thật như những gia nhân thuật lại hay không.

Đức-Phật xác nhận đúng sự thật như vậy, rồi Đức-Phật hỏi công-tử Subha rằng:

- Nay Subha! Những thứ của báu mà cha của con đã chôn giấu nơi nào, ông có nói cho con biết hay không?

Nghe Đức-Phật hỏi như vậy, công-tử Subha liền phát sinh tham-tâm những thứ của báu ấy nên tâm không còn bực tức nữa mà từ tốn bạch với Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức Sa-môn Gotama, cha của con chôn giấu những thứ của báu như là những thỏi vàng đáng giá 100 ngàn kahāpaṇa, đôi dép bằng vàng đáng giá 100 ngàn kahāpaṇa, và nhiều báu vật vô giá khác, ... ở chỗ nào, cha của con không nói cho con biết.

Nay cha của con đã qua đời rồi thì làm sao con có thể biết được? Bạch Ngài.

- *Này Subha! Con trở về nhà, cho con chó ăn món cơm nấu bằng sữa tươi với nước mía, ... rồi bồng ẵm nó lên nằm trên giường. Khi nó vừa bắt đầu ngủ, con vỗ về hỏi nó về những thứ của báu chôn giấu chỗ nào. Nó sẽ chạy đến chỉ chỗ ấy cho con biết.*

Nghe Đức-Phật truyền bảo như vậy, công-tử Subha phát sinh tham-tâm hoan-hỷ nghĩ rằng:

“Nếu có thật thì ta được những thứ của báu ấy. Nếu không có thật thì ta sẽ trở lại để trách Sa-môn Gotama về lời nói của Ngài.”

Công-tử Subha trở về nhà làm theo lời chỉ dạy của Đức-Phật, con chó thức dậy, nhảy xuống giường vừa chạy vừa kêu đến chỗ chôn giấu những thứ của báu, nó lấy chân cào chỗ ấy. Công-tử Subha đào xuống đất và gặp được những thứ của báu của người cha đã chôn giấu mà cậu không biết.

Được những thứ của báu ấy, công-tử Subha vô cùng hoan-hỷ phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, Ngài là Bậc thấy rõ, biết rõ những gì mà những người khác không thấy, không biết.

Công-tử Subha trở lại hầu đánh lễ Đức-Phật, kính bạch hỏi Đức-Phật 14 câu hỏi, kính xin Ngài giải đáp.

Đó là nguyên nhân mà Đức-Thế-Tôn thuyết bài *kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta*. ⁽¹⁾

Kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta

Con là Ānanda, được nghe bài *kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta* từ nơi kim ngôn của Đức-Thế-Tôn như vậy:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, công-tử Subha là con của ông phú hộ Todeyya đến hầu đánh lễ, vắn an Đức-Thế-Tôn xong, rồi ngồi một nơi hợp lễ, công-tử Subha bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đức Gotama, pháp nào là nhân, là duyên phân loại con người thấp hèn hoặc con người cao quý trong đời này như sau:

- * Số người chết yếu, số người sống lâu.
- * Số người có nhiều bệnh, số người có ít bệnh.
- * Số người có thân hình xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ; số người xinh đẹp, da dẻ hồng hào duyên dáng đáng chiêm ngưỡng.
- * Số người có ít quyền lực, số người có nhiều quyền lực.
- * Số người có ít của cải tài sản, số người có nhiều của cải tài sản.

¹ Majjhimanikāya Uparipañāsa, Kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta.

** Số người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn, số người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý.*

** Số người không có trí-tuệ, số người có nhiều trí-tuệ.*

- Kính bạch Đức Sa-môn Gotama, pháp nào là nhân, là duyên phân loại con người thấp hèn hoặc cao quý như vậy? Bạch Ngài.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

*- Nay Subha! Tất cả chúng-sinh có nghiệp là của-riêng mình, họ là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra họ, nghiệp là bà con thân quyến của họ, nghiệp là nơi nương nhờ của họ. **Chính nghiệp phân loại chúng-sinh thấp hèn hoặc cao quý.***

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con chưa hiểu rõ ý nghĩa sâu sắc của lời giáo huấn tóm tắt ấy.

- Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn phân tích giảng giải rộng cho con hiểu rõ ý nghĩa sâu sắc của lời giáo huấn tóm tắt ấy. Bạch Ngài.

- Nay Subha! Như vậy, con hãy nên chú tâm lắng nghe, Như-Lai sẽ phân tích giảng giải rộng.

Công-tử Subha con của phú hộ Todeyya cung-kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin vâng lời. Bạch Ngài.

Khi ấy Đức-Phật truyền dạy rằng:

1- Người chết yếu

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hoặc đàn bà nào là người sát hại sinh-mạng của chúng-sinh, là người tàn nhẫn có bàn tay đầm máu, hằng say trong sự sát hại chúng-sinh, không có lòng thương xót đến tất cả chúng-sinh, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp sát-sinh ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp sát-sinh ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người chết yếu** (do quả của ác-nghiệp sát-sinh trong kiếp quá-khứ của họ).

- Nay Subha! Sát hại sinh-mạng của chúng-sinh với tâm tàn nhẫn, có bàn tay đầm máu, hằng say trong sự sát hại chúng-sinh, không có lòng thương xót đến tất cả mọi chúng-sinh, là tạo ác-nghiệp sát-sinh, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người chết yếu**.

2- Người sống lâu

- *Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hoặc đàn bà nào là người không sát hại sinh-mạng của chúng-sinh, là người tránh xa sự sát-sinh, từ bỏ khí giới sát-sinh, có tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, có lòng thương xót đến tất cả mọi chúng-sinh, có tâm từ, tâm bi tế độ đến tất cả mọi chúng-sinh.*

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp không sát-sinh ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp không sát-sinh ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người sống lâu** (do quả của dục-giới thiện-nghiệp không sát-sinh trong kiếp quá-khứ của người ấy).*

- *Này Subha! Không sát hại sinh-mạng của chúng-sinh, tránh xa sự sát-sinh, từ bỏ khí giới sát-sinh, tâm biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, thương xót tất cả mọi chúng-sinh, có tâm từ, tâm bi tế độ đến tất cả mọi chúng-sinh, là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người sống lâu**.*

3- Người có nhiều bệnh hoạn

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hoặc đàn bà nào là người thường hay hành hạ, làm khổ chúng-sinh bằng tay chân, hoặc bằng cách ném đá, hoặc đánh bằng gậy gộc, hoặc bằng khí giới, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp hành hạ làm khổ chúng-sinh ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp hành hạ, làm khổ chúng-sinh ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người có nhiều bệnh hoạn** (do quả của ác-nghiệp hành hạ, làm khổ chúng-sinh trong kiếp quá-khứ của người ấy).

- Này Subha! Hành hạ, làm khổ chúng-sinh bằng tay chân, hoặc bằng cách ném đá, hoặc đánh bằng gậy gộc, hoặc bằng khí giới, ... là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người có nhiều bệnh hoạn**.

4- Người có ít bệnh hoạn

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người không hành

hạ, không làm khổ chúng-sinh bằng tay chân, hoặc bằng cách ném đá, hoặc đánh bằng gậy gộc, hoặc bằng khí giới, ...

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới (do quả của dục-giới thiện-nghiệp mà người ấy đã tạo trong kiếp trước).

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này thì người ấy là **người có ít bệnh hoạn** (do quả của đại-thiện-nghiệp không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh trong kiếp quá-khứ của người ấy).*

*- Nay Subha! Không hành hạ, không làm khổ chúng-sinh bằng tay chân, hoặc bằng cách ném đá, hoặc đánh bằng gậy gộc, hoặc bằng khí giới, ... là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người có ít bệnh hoạn**.*

5- Người xấu xí, da dễ sần sùi đáng ghê sợ

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người có tính hay nóng giận, thường căm tức nhiều, khi bị người

khác xúc phạm dù chút đỉnh cũng phát sinh tâm sân-hận, căm thù, giận dữ, gây tai hại, hành động tàn ác, biểu lộ tính hung ác.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp sân-hận ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp sân-hận ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ** (do quả của ác-nghiệp sân-hận trong kiếp quá-khứ của người ấy).*

*- Nay Subha! Hay nóng giận, thường căm tức nhiều, khi bị người khác xúc phạm dù chút đỉnh cũng phát sinh tâm sân-hận, căm thù, giận dữ, gây tai hại, hành động tàn ác, biểu lộ tính hung ác, là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ**.*

6- Người xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng ngưỡng mộ

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người không hay nóng giận, tâm mát mẻ, không tức giận dù khi bị

người khác xúc phạm, có tính nhẫn-nại, có tâm từ, không phát sinh tâm sân-hận, không oán thù, không giận dữ, không gây tai hại, không hành động tàn ác, không biểu lộ tính hung ác.

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp không sân-hận ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp không sân-hận ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh lên cõi trời, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng ngưỡng mộ** (do quả của dục-giới thiện-nghiệp nhẫn-nại không sân-hận trong kiếp quá-khứ của người ấy).

- Nay Subha! Không hay nóng giận, không tức giận dù khi bị người khác xúc phạm, có tâm nhẫn-nại, có tâm từ, nên không phát sinh tâm sân-hận, không oán thù, không giận dữ, không gây tai hại, không hành động tàn ác, không biểu lộ tính hung ác, là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người có thân hình xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng ngưỡng mộ**.

7- Người có ít quyền lực

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người có tính hay

ganh tỵ, tỏ ra ganh tỵ, sinh tâm ganh tỵ trong lợi lộc, lễ vật, tôn kính, yêu mến, lễ bái, cúng dường của người khác.

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ganh tỵ ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

*Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ganh tỵ ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người có ít quyền lực** (do quả của ác-nghiệp ganh tỵ trong kiếp quá-khứ của người ấy).*

*- Nay Subha! Hay ganh tỵ, tỏ ra ganh tỵ, sinh tâm ganh tỵ trong lợi lộc, lễ vật, tôn kính, yêu mến, lễ bái, cúng dường của người khác, là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người có ít quyền lực**.*

8- Người có nhiều quyền lực

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người không có tính ganh tỵ, không tỏ ra ganh tỵ, không sinh tâm ganh tỵ (có tâm hoan-hỷ) trong lợi lộc, lễ vật, tôn kính, yêu mến, lễ bái, cúng dường của người khác.

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp không ganh tỵ ấy cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp không ganh tỵ ấy (có tâm hoan-hỷ) không có cơ hội cho quả tái-sinh lên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người có nhiều quyền lực** (do quả của dục-giới thiện-nghiệp không ganh tỵ ‘có tâm hoan-hỷ’ trong kiếp quá-khứ của người ấy).

- Nay Subha! Không ganh tỵ, không tỏ ra ganh tỵ, không sinh tâm ganh tỵ (có tâm hoan-hỷ) trong lợi lộc, lễ vật, tôn kính, yêu mến, lễ bái, cúng dường của người khác (là người có tâm hoan-hỷ) là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người có nhiều quyền lực**.

9- Người có ít của cải

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người keo kiệt bủn xỉn trong của cải của mình, không bố-thí cơm, nước, vải, xe cộ phương tiện, hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở đến Sa-môn, Bà-la-môn, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp không bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới

(địa-ngục, a-su-ra, ngã-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người có ít của cải** (do quả của ác-nghiệp không bố-thí trong kiếp quá-khứ của người ấy).

- Nay Subha! Không bố-thí cơm, nước, vật thực, vải, xe cộ phương tiện, hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở đến Sa-môn, Bà-la-môn, ... là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp có cơ hội cho quả là **người có ít của cải** (người nghèo khổ thiếu thốn).

10- Người có nhiều của cải

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người hay tạo phước-thiện bố-thí cơm, nước, vải, xe cộ phương tiện, hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở đến Sa-môn, Bà-la-môn, ...

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp bố-thí ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp bố-thí ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội

cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người có nhiều của cải** (do quả của dục-giới thiện-nghiệp bố-thí trong kiếp quá-khứ của người ấy).

- Nay Subha! Hay làm phước bố-thí cơm, nước, vải, xe cộ phương tiện, hoa, vật thơm, vật thoa, chỗ nằm, chỗ ở đến Sa-môn, Bà-la-môn, ... là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả là **người có nhiều của cải** (người giàu có).

11- Người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người có tính ngã-mạn, khó dạy, không biết đánh lễ bậc đáng đánh lễ (như Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật Độc-Giác, bậc có giới đức cao thượng, ...); không biết cung-kính đón rước bậc đáng đón rước, không biết nhường chỗ cao quý cho bậc trưởng-lão, không biết tránh đường cho bậc đáng tránh đường, không biết cung-kính cúng dường bậc đáng cung-kính cúng dường, không biết tôn kính bậc đáng tôn kính, không biết lễ bái cúng dường bậc đáng lễ bái cúng dường, ...

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp không biết tôn kính ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh),

chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp không biết tôn kính ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy sinh trưởng trong gia đình thuộc dòng họ thấp hèn (do quả của ác-nghiệp không biết tôn kính trong kiếp quá-khứ của người ấy).

- Nay Subha! Ngã mạn, khó dạy, không biết đánh lễ bậc đáng đánh lễ (như Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật Độc-Giác, bậc có giới đức cao thượng, ...); không biết cung-kính đón rước bậc đáng đón rước, không biết nhường chỗ cao quý cho bậc trưởng-lão, không biết tránh đường cho bậc đáng tránh đường, không biết cung-kính cúng dường bậc đáng cung-kính cúng dường, không biết tôn kính bậc đáng tôn kính, không biết lễ bái cúng dường bậc đáng lễ bái cúng dường, ... là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là người sinh trưởng trong gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn.

12- Người sinh trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người có tính khiêm tốn, không ngã-mạn, dễ dạy, biết đánh lễ bậc

đáng đánh lễ (như Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật Độc-Giác, bậc có giới đức cao thượng, ...), biết cung-kính đón rước bậc đáng đón rước, biết nhường chỗ cao quý cho bậc đáng nhường chỗ, biết tránh đường cho bậc đáng tránh đường, biết cung-kính cúng dường bậc đáng cung-kính cúng dường, biết tôn kính bậc đáng tôn kính, biết lễ bái cúng dường bậc đáng lễ bái cúng dường, ...

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp biết tôn kính ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp biết tôn kính ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người sinh trưởng trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý** (do quả của dục-giới thiện-nghiệp biết tôn kính trong kiếp quá-khứ của người ấy).

- Nay Subha! Khiêm tốn, không ngã-mạn, dễ dạy, biết đánh lễ bậc đáng đánh lễ (như Đức-Phật, Đức-Pháp, Đức-Tăng, Đức-Phật Độc-Giác, bậc có giới đức cao thượng, ...), biết cung-kính đón rước bậc đáng đón rước, biết nhường chỗ cao quý cho bậc trưởng-lão, biết tránh đường cho bậc đáng tránh đường, biết

cung-kính cúng dường bậc đáng cung-kính cúng dường, biết tôn kính bậc đáng tôn kính, biết lễ bái cúng dường bậc đáng lễ bái cúng dường, ... là tạo đại-thiện-nghiệp, đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là người sinh trưởng trong gia đình thuộc dòng dõi cao quý.

13- Người không có trí-tuệ

- Này Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người khi gần gũi thân cận với vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn là bậc thiện-trí mà không bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài, pháp nào là pháp thiện?*
- Pháp nào là pháp bất-thiện?*
- Pháp nào là pháp có tội?*
- Pháp nào là pháp vô tội?*
- Pháp nào là pháp nên thực hành?*
- Pháp nào là pháp không nên thực hành?*
- Pháp nào mà con đã thực hành rồi sẽ đem lại sự bất lợi, sự khổ não lâu dài?*
- Pháp nào mà con đã thực hành rồi sẽ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc lâu dài? v.v...*

Sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu ác-nghiệp

*không có cơ hội cho quả tái-sinh trong cõi ác-giới, mà do nhờ dục-giới thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người không có trí-tuệ** (do quả của ác-nghiệp trong kiếp quá-khứ của người ấy).*

- Nay Subha! Gần gũi, thân cận Sa-môn hoặc Bà-la-môn là bậc thiện-trí mà không bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài, pháp nào là pháp thiện?*
- Pháp nào là pháp bất-thiện?*
- Pháp nào là pháp có tội?*
- Pháp nào là pháp vô tội?*
- Pháp nào là pháp nên thực hành?*
- Pháp nào là pháp không nên thực hành?*
- Pháp nào mà con đã thực hành rồi sẽ đem lại sự bất lợi, sự khổ não lâu dài?*

*- Pháp nào mà con đã thực hành rồi sẽ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc lâu dài? v.v... là tạo ác-nghiệp, ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người không có trí-tuệ** (người ngu dốt).*

14- Người có nhiều trí-tuệ

- Nay Subha! Trong đời này, một số người đàn ông hay đàn bà nào là người khi gần gũi thân cận với vị Sa-môn hay vị Bà-la-môn là bậc thiện-trí thường hay bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Ngài, pháp nào là pháp thiện?*

- Pháp nào là pháp bất-thiện (pháp ác)?
- Pháp nào là pháp có tội?
- Pháp nào là pháp vô tội?
- Pháp nào là pháp nên thực hành?
- Pháp nào là pháp không nên thực hành?
- Pháp nào mà con đã thực hành rồi sẽ đem lại sự bất lợi, sự khổ não lâu dài?
- Pháp nào mà con đã thực-hành rồi sẽ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc lâu dài? v.v...

Sau khi người ấy chết, dục-giới thiện-nghiệp ấy cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới.

Hoặc sau khi người ấy chết, nếu dục-giới thiện-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả tái-sinh trên cõi trời dục-giới, mà lại có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người trong cõi người này, thì người ấy là **người có nhiều trí-tuệ** (do quả của dục-giới thiện-nghiệp ấy trong kiếp quá-khứ của người ấy).

- Nay Subha! Đại-thiện-nghiệp gần gũi, thân cận vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn là bậc thiện-trí thường hay bạch hỏi rằng:

- Pháp nào là pháp có tội?
- Pháp nào là pháp vô tội?
- Pháp nào là pháp nên thực hành?
- Pháp nào là pháp không nên thực hành?
- Pháp nào mà con đã thực hành rồi sẽ đem lại sự bất lợi, sự khổ não lâu dài?

- *Pháp nào mà con đã thực hành rồi sẽ đem lại sự lợi ích, sự an-lạc lâu dài? v.v... là tạo dục-giới thiện-nghiệp, dục-giới thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho quả là **người có nhiều trí-tuệ**.*

- *Này Subha! Tóm lại **ngiệp và quả của nghiệp** là như sau:*

** Người tạo ác-ngiệp sát-sinh và quả của ác-ngiệp sát-sinh là người chết yếu.*

** Người tạo đại-thiện-nghiệp không sát-sinh và quả của đại-thiện-nghiệp không sát-sinh là người sống lâu.*

** Người tạo ác-ngiệp hành hạ chúng-sinh và quả của ác-ngiệp hành hạ chúng-sinh là người có nhiều bệnh hoạn.*

** Người tạo đại-thiện-nghiệp không hành hạ chúng-sinh và quả của đại-thiện-nghiệp không hành hạ chúng-sinh là người có ít bệnh hoạn.*

** Người tạo ác-ngiệp hay sân-hận và quả của ác-ngiệp hay sân-hận là người xấu xí, da dẻ sần sùi đáng ghê sợ.*

** Người tạo đại-thiện-nghiệp không hay sân-hận, có nhẫn-nại, có tâm-từ; và quả của đại-thiện-nghiệp không hay sân-hận, có nhẫn-nại, có tâm-từ là người xinh đẹp, da dẻ hồng hào đáng chiêm ngưỡng.*

** Người tạo ác-nghiệp ganh tỵ và quả của ác-nghiệp ganh tỵ là người có ít quyền lực.*

** Người tạo đại-thiện-nghiệp không ganh tỵ, có tâm hoan-hỷ và quả của đại-thiện-nghiệp không ganh tỵ, có tâm hoan-hỷ là người có nhiều quyền lực.*

** Người tạo ác-nghiệp không bố-thí và quả của ác-nghiệp không bố-thí là người có ít của cải, nghèo khổ.*

** Người tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí và quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí là người có nhiều của cải, giàu sang phú quý.*

** Người tạo ác-nghiệp không biết tôn kính bậc đáng tôn kính và quả của ác-nghiệp không biết tôn kính bậc đáng tôn kính là người sinh trong dòng dõi thấp hèn.*

** Người tạo đại-thiện-nghiệp biết tôn kính bậc đáng tôn kính và quả của đại-thiện-nghiệp biết tôn kính bậc đáng tôn kính là người sinh trong dòng dõi cao quý.*

** Người tạo ác-nghiệp không học hỏi hiểu biết về ác-pháp, thiện-pháp, ... từ các bậc thiện-trí và quả của ác-nghiệp không học hỏi hiểu biết về ác-pháp, về thiện-pháp, ..., là người không có trí-tuệ (ngu dốt).*

* *Người tạo đại-thiện-nghiệp thường hay học hỏi hiểu biết về ác-pháp, thiện-pháp, ... từ các bậc thiện-trí và quả của đại-thiện-nghiệp thường hay học hỏi hiểu biết về ác-pháp, thiện-pháp, ..., là người có trí-tuệ sáng suốt.*

- *Này Subha! Tất cả mọi chúng-sinh đều có nghiệp là của-riêng họ, họ là người thừa hưởng quả của nghiệp của họ, nghiệp là nhân sinh ra họ, nghiệp là bà con thân quyến của họ, nghiệp là nơi nương nhờ của họ. **Chính nghiệp phân loại chúng-sinh thấp hèn hoặc cao quý.***

Khi nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, công-tử Subha con của ông phú hộ Todeyya bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Ngài rõ ràng quá!*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Ngài rõ ràng quá!*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ví như lật ngửa ra vật bị úp, hoặc mở ra vật bị đóng, hoặc chỉ đường cho người lạc đường, hoặc rọi đèn vào chỗ tối tăm để cho người có đôi mắt sáng được nhìn thấy mọi vật như thế nào, Đức-Thế-Tôn thuyết giảng bằng nhiều cách rõ ràng như thế ấy.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đem hết lòng thành kính xin quy y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, kính xin quy y nương nhờ nơi Đức-Pháp-*

bảo, kính xin quy y nương nhờ nơi chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là người cận-sự-nam đã quy y nương nhờ nơi Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn đời.

(Xong bài kinh Cūḷakammavibhaṅgasutta)

Đức-Phật dạy rằng:

*“Kammassakom’hi, ...” Nghiệp là của-riêng ta, có nghĩa là ngoài **ngiệp** ra chẳng còn có thứ của cải tài-sản nào trong đời thuộc về của-riêng ta thật sự cả.*

Vậy nghiệp là gì?

Trong bài kinh Nibbedhikasutta, Đức-Phật truyền dạy rằng:

“Cetanā’haṃ bhikkhave kammaṃ vadāmi, cetayitvā kammaṃ karoti kāyena vācāya manasā. ⁽¹⁾

- Đây chư tỳ-khuru! Sau khi đã có tác-ý, rồi mới tạo nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

*Vì vậy, Như-Lai dạy “**tác-ý gọi là nghiệp**”.*

* **Tác-ý** (cetanā) đó là tác-ý tâm-sở (cetanā-cetasika) là 1 trong 52 tâm-sở đồng sinh với 89 hoặc 121 tâm.

¹ Aṅguttaranikāya, Chakkanipāta, Nibbedhikasutta.

Như vậy, *tác-y tâm-sở* đồng sinh với các tâm nào gọi là **nghiệp** và *tác-y tâm-sở* đồng sinh với các tâm nào không gọi là **nghiệp**?

Tác-y gọi là nghiệp

Nếu khi *tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) và *tác-y tâm-sở* đồng sinh với 21 hoặc 37 thiện-tâm, thì *tác-y tâm-sở* ấy gọi là **nghiệp** như sau:

- *Tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) tạo **bất-thiện-nghiệp** (ác-nghiệp) bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

- *Tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 8 dục-giới đại-thiện-tâm tạo **dục-giới đại-thiện-nghiệp** bằng thân, bằng khẩu, bằng ý.

- *Tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm tạo **5 sắc-giới thiện-nghiệp** bằng ý.

- *Tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm tạo **4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp** bằng ý.

- *Tác-y tâm-sở* (*cetanācetasika*) khi đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm tạo 4 hoặc 20 **siêu-tam-giới thiện-nghiệp** bằng ý.

Tác-ý không gọi là nghiệp

Nếu khi *tác-ý tâm-sở* (*cetanācetasika*) đồng sinh với 36 hoặc 52 *quả-tâm* ⁽¹⁾ và đồng sinh với 20 *duy-tác-tâm* ⁽²⁾ thì *tác-ý tâm-sở* ấy không gọi là **nghiệp**.

* Bất-thiện-nghiệp (Ác-nghiệp)

Bất-thiện-nghiệp (*ác-nghiệp*) đó là *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với 12 *bất-thiện-tâm* tạo 10 *bất-thiện-nghiệp* (*ác-nghiệp*) bằng thân, bằng khẩu, bằng ý như sau:

- *Tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *bất-thiện-tâm* nương nhờ nơi **thân** tạo *bất-thiện-nghiệp* (*ác-nghiệp*) gọi là **thân ác-nghiệp**, có 3 loại:

- *Ác-nghiệp sát-sinh.*
- *Ác-nghiệp trộm-cắp.*
- *Ác-nghiệp tà-dâm.*

3 ác-nghiệp này phần nhiều nương nhờ nơi thân.

- *Tác-ý tâm-sở* đồng sinh với *bất-thiện-tâm* nương nhờ nơi **khẩu** tạo *bất-thiện-nghiệp* (*ác-nghiệp*) gọi là **khẩu ác-nghiệp**, có 4 loại:

¹ 36 hoặc 52 **quả-tâm** đó là 7 bất-thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 thiện-quả vô-nhân-tâm + 8 đại-quả-tâm + 5 sắc-giới quả-tâm + 4 vô-sắc-giới quả-tâm + 4 hoặc 20 Thánh-quả-tâm.

² 20 **duy-tác-tâm** đó là 3 duy-tác vô-nhân-tâm + 8 đại duy-tác-tâm + 5 sắc-giới duy-tác-tâm + 4 vô-sắc-giới duy-tác-tâm.

- *Ác-nghiệp nói-dối.*
- *Ác-nghiệp nói lời chia rẽ.*
- *Ác-nghiệp nói lời thô tục.*
- *Ác-nghiệp nói lời vô ích.*

4 ác-nghiệp này phần nhiều nương nhờ nơi khẩu.

- *Tác-y tâm-sở đồng sinh với bất-thiện-tâm nương nhờ nơi ý tạo bất-thiện-nghiệp gọi là ý ác-nghiệp*, có 3 loại:

- *Ác-nghiệp tham lam của người khác.*
- *Ác-nghiệp thù hận người khác.*
- *Ác-nghiệp tà-kiến thấy sai chấp lầm.*

3 ác-nghiệp này nương nhờ nơi ý.

* **Thiện-nghiệp (Kusalakamma)**

Tác-y tâm-sở đồng sinh với 21 hoặc 37 thiện-tâm chia ra làm 4 loại thiện-nghiệp:

1- Dục-giới đại-thiện-nghiệp đó là tác-y tâm-sở đồng sinh với 8 dục-giới đại-thiện-tâm tạo 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý và tạo 10 phước-thiện puññakriyāvatthu.

Đại-thiện-nghiệp có 10 loại bằng thân, bằng khẩu, bằng ý như sau:

- **Thân đại-thiện-nghiệp** có 3 loại:
 - *Đại-thiện-nghiệp không sát-sinh.*
 - *Đại-thiện-nghiệp không trộm-cắp.*
 - *Đại-thiện-nghiệp không tà-dâm.*

- **Khẩu đại-thiện-nghiệp** có 4 loại:

- *Đại-thiện-nghiệp không nói-dối.*
- *Đại-thiện-nghiệp không nói lời chia rẽ.*
- *Đại-thiện-nghiệp không nói lời thô tục.*
- *Đại-thiện-nghiệp không nói lời vô ích.*

- **Ý đại-thiện-nghiệp** có 3 loại:

- *Đại-thiện-nghiệp không tham lam của cải người khác.*
- *Đại-thiện-nghiệp không thù hận người khác.*
- *Đại-thiện-nghiệp chánh-kiến thấy đúng, biết đúng theo thật-tánh của các pháp.*

- **Phước-thiện: Puññakriyāvatthu**, có 10 loại:

- *Phước-thiện bố-thí.*
- *Phước-thiện giữ-giới.*
- *Phước-thiện hành-thiền.*
- *Phước-thiện cung-kính.*
- *Phước-thiện hỗ-trợ.*
- *Phước-thiện hồi-hướng phần phước-thiện của mình đến các người khác, chúng-sinh khác.*
- *Phước-thiện hoan-hỷ phần phước-thiện của người khác đã tạo.*
- *Phước-thiện nghe chánh-pháp.*
- *Phước-thiện thuyết chánh-pháp.*
- *Phước-thiện chánh-kiến.*

2- **Sắc-giới thiện-nghiệp** đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 bậc thiện sắc-giới thiện-tâm:

* **Thiền sắc-giới thiện-tâm** có 5 bậc:

- **Đệ-nhất-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 5 chi-thiền là *vitakka* (hướng-tâm), *vicāra* (quan-sát), *pīti* (hỷ), *sukha* (lạc), *ekaggatā* (nhất-tâm), do chế ngự được 5 pháp-chướng-ngại là *kāmacchanda* (tham-dục), *byāpāda* (sân-hận), *thina - middha* (buồn-chán - buồn ngủ), *uddhacca - kukkucca* (phóng-tâm - hối-hận), *vicikicchā* (hoài-nghi).

- **Đệ-nhị-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 4 chi-thiền là *vicāra* (quan-sát), *pīti* (hỷ), *sukha* (lạc), *ekaggatā* (nhất-tâm), do chế ngự được chi-thiền *vitakka* (hướng-tâm).

- **Đệ-tam-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 3 chi-thiền là *pīti* (hỷ), *sukha* (lạc), *ekaggatā* (nhất-tâm), do chế ngự được chi-thiền *vicāra* (quan-sát).

- **Đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 2 chi-thiền là *sukha* (lạc), *ekaggatā* (nhất-tâm), do chế ngự được chi-thiền *pīti* (hỷ).

- **Đệ-ngũ-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 2 chi-thiền là *upekkhā* (xả), *ekaggatā* (nhất-tâm), do thay thế được chi-thiền *sukha* (lạc) bằng chi-thiền *upekkhā* (xả).

* Đối với hành-giả là hạng người **mandapuggala** (có trí-tuệ chậm), thiền sắc-giới thiện-tâm có 5 bậc.

* Đối với hành-giả là hạng người *tikkha-puggala* (có trí-tuệ sắc bén), thiền sắc-giới thiện-tâm có 4 bậc, bởi vì **đệ-nhị-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 3 chi-thiền là *pīti*, *sukha*, *ekaggatā*, do có khả năng chế ngự được 2 chi-thiền *vitakka* và *vicāra* cùng một lúc. Cho nên, hành-giả là hạng người *tikkhapuggala* có 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm như sau:

* **Thiền sắc-giới thiện-tâm** có 4 bậc:

- **Đệ-nhất-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 5 chi-thiền là *vitakka*, *vicāra*, *pīti*, *sukha*, *ekaggatā*, do chế ngự được 5 pháp-chướng-ngại (*nīvaraṇa*) là *kāmacchanda*, *byāpāda*, *thīna-middha*, *uddhacca-kukkucca*, *vicikicchā*.

- **Đệ-nhị-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 3 chi-thiền là *pīti*, *sukha*, *ekaggatā*, do chế ngự được 2 chi-thiền *vitakka* và *vicāra* cùng một lúc.

- **Đệ-tam-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 2 chi-thiền là *sukha*, *ekaggatā*, do chế ngự được chi-thiền *pīti*.

- **Đệ-tứ-thiền sắc-giới thiện-tâm** có 2 chi-thiền là *upekkhā*, *ekaggatā*, do thay thế được chi-thiền *sukha* bằng chi-thiền *upekkhā*.

3- **Vô-sắc-giới thiện-nghiệp** đó là tác-y tâm-sở đồng sinh với 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Sau khi đã chứng đắc 5 *bậc thiền sắc-giới thiện-tâm*, hành-giả tiếp tục thực hành pháp-hành thiền-định để chứng đắc 4 *bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm*. Mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có mỗi đề-mục thiền-định riêng biệt, và mỗi bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm đều có 2 chi-thiền là *upekkhā* (xả) và *ekaggatā* (nhất-tâm) giống nhau.

* **Thiền vô-sắc-giới thiện-tâm** có 4 bậc:

- *Đệ-nhất-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là **không-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm**, có 2 chi-thiền là *upekkhā* (xả) và *ekaggatā* (nhất-tâm).

- *Đệ-nhị-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là **thức-vô-biên-xứ-thiền thiện-tâm**, có 2 chi-thiền là *upekkhā* (xả) và *ekaggatā* (nhất-tâm).

- *Đệ-tam-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là **vô-sở-hữu-xứ-thiền thiện-tâm**, có 2 chi-thiền là *upekkhā* (xả) và *ekaggatā* (nhất-tâm).

- *Đệ-tứ-thiền vô-sắc-giới thiện-tâm* gọi là **phi-tưởng-phi-phi-tưởng-xứ-thiền thiện-tâm**, có 2 chi-thiền là *upekkhā* (xả) và *ekaggatā* (nhất-tâm).

4- **Siêu-tam-giới thiền-nghiệp** đó là tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 *Thánh-đạo-tâm*.

Thánh-đạo-tâm có 4 bậc:

- *Nhập-lưu Thánh-đạo-tâm*.

- *Nhất-lai Thánh-đạo-tâm.*
- *Bất-lai Thánh-đạo-tâm.*
- *A-ra-hán Thánh-đạo-tâm.*

Thánh-đạo-tâm có 20 bậc:

Mỗi *bậc Thánh-đạo-tâm* có 5 *bậc thiện siêu-tam-giới* có đối-tượng Niết-bàn, 4 *bậc Thánh-đạo-tâm* nhân với 5 *bậc thiện siêu-tam-giới* nên gồm có 20 *Thánh-đạo-tâm*.

*** Nghiệp và quả của nghiệp**

Đức-Phật dạy các hàng thanh-văn đệ-tử hằng ngày thường suy xét rằng:

“Kammassako ’mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappatisarāṇo, yaṃ kammam karissāmi kalyāṇam vā pāpakam vā, tassa dāyādo bhavissāmi.” ⁽¹⁾

Ta có nghiệp là của-riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp,’ ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.

¹ Àṅg.Pañcakanipātapāli, Abhiṇhapaccavekkhitatabbatthānasutta.

Tính chất của nghiệp (Kamma)

Tính chất của những ác-nghiệp nào hoặc những thiện-nghiệp nào mà người nào đã tạo rồi, thì những nghiệp ấy thuộc về ***của-riêng*** của người ấy. Những nghiệp ấy dù nặng dù nhẹ vẫn được lưu trữ trong ***tâm*** của người ấy hoàn toàn đầy đủ trọn vẹn không hề mất mát một mảy may nào, từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô-thủy cho đến kiếp hiện-tại.

Những *ác-nghiệp* hoặc những *thiện-nghiệp* là nghiệp mà mỗi người hoàn toàn ***chủ-động***, có quyền tự lựa chọn tạo nghiệp nào tùy theo khả năng của mình.

Thật vậy, khi người nào gặp ác-nghiệp nào, hoặc đại-thiện-nghiệp nào, người ấy hoàn toàn ***chủ-động***, có quyền tự mình lựa chọn nên tạo ác-nghiệp ấy hoặc không nên tạo ác-nghiệp ấy; hoặc nên tạo đại-thiện-nghiệp ấy hoặc không nên tạo đại-thiện-nghiệp ấy.

Ví dụ: *Đối với ***người ác*** nào không có giới, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, khi gặp con gà thì muốn giết gà để ăn thịt, hoặc khi gặp kẻ thù cũ thì muốn giết để trả thù, người ác ấy tự mình giết hoặc sai bảo người khác giết chết, tạo ***ác-nghiệp sát-sinh***.

* Đối với **người thiện** nào có giới-hạnh trong sạch, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, khi gặp con gà, hoặc kẻ thù cũ, người thiện ấy không giết, cũng không sai bảo người khác giết, phát sinh đại-thiện-tâm tránh xa sự sát-sinh, tạo **đại-thiện-nghiệp không sát-sinh**.

* Đối với **người ác** nào không có giới, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, khi người ác ấy gặp của cải quý báu của người khác, liền phát sinh tham-tâm chiếm đoạt của cải quý báu của người khác làm **của-riêng** mình, tạo **ác-nghiệp trộm cắp**.

* Đối với **người thiện** nào có giới-hạnh trong sạch, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, khi người thiện ấy gặp của cải quý báu của người khác, không phát sinh tham-tâm, không chiếm đoạt của cải quý báu của người khác làm **của-riêng** mình, mà phát sinh đại-thiện-tâm tránh xa sự trộm-cắp, tạo **đại-thiện-nghiệp không trộm cắp**.

* Đối với **người ác** nào không có giới, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, khi người ác ấy thấy người vợ trẻ xinh đẹp của người khác liền phát sinh tham-tâm chiếm đoạt vợ người khác làm vợ **của-riêng** mình, tạo **ác-nghiệp tà-dâm**.

* Đối với **người thiện** nào có giới-hạnh trong sạch, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, khi người thiện ấy dù thấy người vợ trẻ xinh đẹp của người khác cũng không phát sinh tham-tâm chiếm đoạt vợ người khác làm vợ **của-riêng** mình, mà phát sinh đại-thiện-tâm tránh xa sự tà-dâm, tạo **đại-thiện-nghiệp không tà-dâm**.

* Đối với **người ác** nào không có giới, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, người ác ấy nói không đúng sự-thật, để lừa dối người khác. Ví như:

- *Thấy nói rằng không thấy; không thấy nói rằng thấy.*

- *Nghe nói rằng không nghe; không nghe nói rằng nghe.*

- *Biết nói rằng không biết; không biết nói rằng biết.*

- *Có nói rằng không có; không có nói rằng có.*

Người ác có tác-ý nói dối, để lừa dối người nghe tin là thật, đem lại sự bất lợi, sự thoái hóa, sự khổ đau lâu dài, tạo **ác-nghiệp nói dối**.

* Đối với **người thiện** nào có giới-hạnh trong sạch, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, người thiện ấy nói đúng sự-thật. Ví như:

- *Thấy nói rằng thấy; không thấy nói rằng không thấy.*

- *Nghe nói rằng nghe; không nghe nói rằng không nghe.*

- *Biết nói rằng biết; không biết nói rằng không biết.*

- *Có nói rằng có; không có nói rằng không có.*

Người thiện có tác-ý nói sự thật, để đem lại sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài cho người nghe, tạo ***đại-thiện-nghiệp không nói dối.***

* Đối với ***người ác*** nào không có giới, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không biết tự trọng, khi người ác ấy uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện-pháp, tạo ***ác-nghiệp uống rượu và các chất say.***

* Đối với ***người thiện*** nào có giới-hạnh trong sạch, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, biết tự trọng, khi người thiện ấy tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện-pháp, tạo ***đại-thiện-nghiệp không uống rượu và các chất say.***

Như vậy, người uống rượu và các chất say là ***người ác***, và người không uống rượu và các chất say là ***người thiện.***

* ***Người ác*** nào không chỉ tự mình uống rượu và các chất say mà còn mời người khác cùng

uống rượu và các chất say, thì người ác ấy là **người ác hơn cả người ác** nữa.

* **Người thiện** nào không chỉ tự mình tránh xa sự uống rượu và các chất say mà còn khuyên bảo người khác cùng tránh xa sự uống rượu và các chất say, thì người thiện ấy là **người thiện hơn cả người thiện** nữa.

Tại sao gọi người ác, người thiện?

Trong đời này, **người ác, người thiện** không có thật sự. Sở dĩ gọi **người ác** là vì căn cứ vào **ác-nghiệp** của người ấy; sở dĩ gọi **người thiện** là vì căn cứ vào **thiện-nghiệp** của người ấy.

Như vậy, không có **người ác** thật sự mà cũng không có **người thiện** thật sự, mà chỉ có ác-nghiệp và thiện-nghiệp mà thôi.

Ví dụ: * Trước kia **ông A** là người không thọ trì ngũ-giới, thường hay sát-sinh, trộm-cắp, tà-dâm, nói-dối, uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện-pháp, tạo **ác-nghiệp**. Vì vậy, **ông A** bị gọi là **người ác**.

Về sau, **ông A** có duyên may gặp bậc thiện-trí, lắng nghe chánh-pháp, hiểu biết giáo-pháp của Đức-Phật, phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, nên ông A kính xin bậc thiện-trí hướng dẫn thọ phép quy-y Tam-bảo và thọ trì

ngũ-giới, trở thành cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo.

Từ đó về sau, ông A tránh xa sự sát-sinh, sự trộm-cắp, sự tà-dâm, sự nói-dối, sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện-pháp, giữ gìn ngũ-giới trong sạch, tạo mọi **đại-thiện-nghiệp giữ-giới**. Vì vậy, **ông A** được gọi là **người thiện**.

* Trước kia, **cậu B** là cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo và thọ trì ngũ-giới, cậu B giữ gìn ngũ-giới trong sạch, tạo mọi đại-thiện-nghiệp giữ-giới. Vì vậy, **cậu B** được gọi là **người thiện**.

Về sau, **cậu B** gần gũi thân cận với bạn ác, bạn đầu cậu B uống rượu, bia và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện-pháp, phạm điều-giới uống rượu, bia và các chất say, tạo ác-nghiệp uống rượu, bia và các chất say; những ngày kế tiếp phạm điều-giới sát-sinh giết gà, vịt, ... để ăn nhậu; phạm điều-giới nói-dối; phạm điều-giới tà-dâm; phạm điều-giới trộm-cắp; tạo mọi ác-nghiệp. Vì vậy, **cậu B** bị gọi là **người ác**.

* Tích Ngài Trưởng-lão Aṅgulimāla

Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvatthī, thuyết giảng bài kinh **Aṅgulimālasutta** ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

¹ Maj. Majjhimanapaṇṣapāli Rājavagga, Aṅgulimālasutta.

Kẻ cướp sát nhân giết chết hơn ngàn người, rồi cắt một đầu ngón tay trở xâu làm vòng đeo cổ nên có biệt danh gọi là ***Àṅgulimāla***, sống trong rừng sâu.

Một hôm, Đức-Phật Gotama ngự vào khu rừng để tế độ ***kẻ cướp sát nhân Àṅgulimāla***. Khi nhìn thấy Đức-Phật đang bước đi khoan thai, ***kẻ cướp sát nhân Àṅgulimāla*** cầm gươm chạy đuổi theo để giết Đức-Phật, dù y đã chạy nhanh hết sức lực suốt 3 do-tuần mà vẫn không đuổi kịp Đức-Phật, y đuổi sức đành dừng lại, rồi gọi rằng: “*Sa-môn hãy dừng lại!*”

Đức-Phật vẫn bước đi khoan thai, rồi truyền dạy rằng:

- *Này Àṅgulimāla! Như-Lai đã dừng lâu rồi. Chỉ còn chính con mới là người chưa chịu dừng lại mà thôi.*

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, ***kẻ cướp sát nhân Àṅgulimāla*** vô cùng ngạc nhiên, suy nghĩ rằng:

“*Những Sa-môn dòng Sakya thường nói lời chân thật, làm như thế nào nói như thế ấy, nói như thế nào làm như thế ấy. Nhưng trong trường-hợp này, vị Sa-môn đang bước đi, mà lại nói:*

“*Như-Lai đã dừng lâu rồi*”, còn ta đã dừng lại rồi, vị Sa-môn lại nói: “*Chỉ còn chính con*

mới là người chưa chịu dừng lại mà thôi”. Như vậy, nghĩa là gì?”

Ângulimāla bèn hỏi Đức-Phật rằng:

- Nay vị Sa-môn! Sự thật ông đang bước đi mà lại nói “Như-Lai đã dừng lâu rồi”. Còn tôi đã dừng lại rồi, ông lại nói là: “Chỉ còn chính con mới là người chưa chịu dừng lại mà thôi.”

Ông nói vậy nghĩa là gì?

Đức-Phật giảng giải rằng:

- Nay Ângulimāla! Sự thật “Như-Lai đã dừng lâu rồi” nghĩa là Như-Lai đã từ bỏ giết hại tất cả mọi chúng-sinh từ lâu rồi. Còn con chưa từ bỏ giết hại chúng-sinh. Vì vậy, Như-Lai nói rằng: “Chỉ còn chính con mới là người chưa chịu dừng lại mà thôi.”

Lắng nghe Đức-Phật giảng giải như vậy, kẻ cướp sát nhân Ângulimāla liền thức tỉnh ngay, rồi ném các loại vũ khí xuống hố sâu, đồng thời biết rõ vị Sa-môn này chính là Đức-Phật nên đến hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài là Bạc Tôn-Sư của chư-thiên, phạm-thiên, nhân-loại. Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi ngự đến khu rừng này để tế độ con thoát khỏi sự si mê lầm lạc, được thức tỉnh trở lại.

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kể từ nay về sau, con xin nguyện từ bỏ mọi ác-nghiệp sát-sinh. Kính xin Ngài chứng minh lòng chân thành sám hối tội-lỗi của con.*

Sau đó, Āṅgulimāla đến quỳ đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, cầu xin Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu.

Đức-Phật có Phật-nhãn thấy rõ, biết rõ phước duyên của Āṅgulimāla, trong tiền-kiếp đã từng phát nguyện trong thời vị-lai xuất gia tỳ-khưu bằng cách gọi “*Ehi bhikkhu! ...*”. Vì vậy, Đức-Phật đưa bàn tay phải ra, chỉ bằng ngón tay trỏ mà truyền dạy rằng:

“*Ehi bhikkhu! ...*”

- *Này Āṅgulimāla! Con hãy lại đây, con trở thành tỳ-khưu theo ý nguyện. Chánh-pháp mà Như-Lai đã thuyết giảng hoàn hảo phần đầu, hoàn hảo phần giữa, hoàn hảo phần cuối. Con hãy nên cố gắng tinh-tấn thực hành phạm-hạnh cao thượng, để chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

Ngay sau khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt câu, Āṅgulimāla trở thành vị tỳ-khưu có đầy đủ 8 thứ vật dụng của tỳ-khưu được thành tựu do quả-báu của phước-thiện như thần-thông. Tỳ-

khuru Aṅgulimāla có tăng tướng trang nghiêm như một vị Trưởng-lão có 60 tuổi hạ.

Khi Đức-Phật ngự trở về ngôi chùa Jetavana tại kinh-thành Sāvattihī, có vị *tỳ-khuru Aṅgulimāla* theo sau.

Về sau không lâu, *tỳ-khuru Aṅgulimāla* một mình ở nơi thanh vắng tinh-tấn thực hành pháp-hành thiền-tuệ dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế* y theo Đức-Phật, *chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành ***bậc Thánh A-ra-hán*** cao thượng. Khi ấy, tại nơi thanh vắng, Ngài Trưởng-lão *Aṅgulimāla* vô cùng hoan-hỷ thốt lên câu kệ rằng:

“*Yo ca pubbe pamajjitvā,
pacchā so nappamajjati.
So ’mam lokam pabhāseti,
abbhā muttova candimā.*”

*Người nào trước dễ đuổi thất niệm,
Sau, người ấy không dễ đuổi có chánh-niệm,
Thực hành pháp-hành tứ-niệm-xứ.
Hành-giả ấy làm xán lạn cuộc đời mình,
Như vầng trăng thoát ra khỏi đám mây.*

Khi Ngài Trưởng-lão *Aṅgulimāla* hết tuổi thọ, tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời tất cả mọi ác-

ngiệp và mọi đại-thiện-ngiệp đã được tích lũy, được lưu trữ ở trong *tâm* từ vô-thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến kiếp hiện-tại trước khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, tất cả mọi ác-ngiệp, mọi đại-thiện-ngiệp ấy đều trở thành *vô-hiệu-quả-ngiệp* (*ahosikamma*), không còn có cơ hội cho quả được nữa, bởi vì bậc Thánh A-ra-hán không còn tái-sinh kiếp sau nữa.

Nghiệp và quả của nghiệp của *Āṅgulimāla*

Như vậy, khi *kẻ cướp sát nhân Āṅgulimāla* đã từng giết hơn 1.000 người, tạo *ác-ngiệp sát-sinh*. Vì vậy, *kẻ cướp sát nhân Āṅgulimāla* bị gọi là *người ác*.

Khi Đức-Phật ngự đến khu rừng tế độ *kẻ cướp sát nhân Āṅgulimāla* thức tỉnh, ném bỏ khí giới, tránh xa sự sát-sinh, tạo *đại-thiện-ngiệp không sát-sinh*, được Đức-Phật cho phép xuất gia trở thành tỳ-khưu. Vì vậy, *tỳ-khưu Āṅgulimāla* được gọi là *người thiện*.

Tỳ-khưu Āṅgulimāla không dễ duôi, cố gắng tinh-tấn thực hành pháp-hành thiện-tuệ dẫn đến chứng ngộ *chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng.

*** Tích tỳ-khuru Devadatta ⁽¹⁾**

Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana gần kinh-thành Sāvattthī. Khi ấy, Đức-Phật đề cập đến tỳ-khuru Devadatta được tóm lược như sau:

Tỳ-khuru Devadatta vốn dĩ là hoàng-tử trong nhóm 6 hoàng-tử dòng dõi Sakya là *Đức-vua Bhaddiya, hoàng-tử Anuruddha, hoàng-tử Ānanda, hoàng-tử Bhagu, hoàng-tử Kimbila* đi xuất gia, dẫn theo *thuộc hạ Upāli* là thợ cắt tóc sửa râu, phục vụ cho các hoàng-tử. Đến một nơi, 6 vị hoàng-tử cởi các đồ trang sức quý báu của mình bỏ chung vào trong một gói, rồi truyền bảo *Upāli* rằng:

- *Này Upāli! Chúng tôi ban cho người những đồ trang sức quý báu này đem về nuôi mạng, còn 6 hoàng-tử chúng tôi sẽ đi xuất gia.*

Người thợ *Upāli* cung-kính lễ bái nhận gói đồ trang sức quý báu ấy rồi đi trở về.

Trên đường đi, người thợ *Upāli* suy xét rằng:

“Sáu hoàng-tử dòng dõi Sakya cởi bỏ các đồ trang sức quý báu, như nhỏ bỏ bãi nước bọt, rồi đi xuất gia trở thành tỳ-khuru. Còn ta chỉ là kẻ tôi tớ lại nhận gói đồ trang sức quý báu của 6 vị hoàng-tử ấy đem về nhà nuôi mạng. Như vậy có xứng đáng hay không?”

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Yamakavagga, Devadattavatthu.

Sau khi suy xét như vậy, người thợ Upālī đem treo gói trang sức quý báu ấy trên nhánh cây, rồi viết bên ngoài gói đồ rằng:

“Nếu người nào cần gói đồ trang sức quý báu này, thì tự tiện lấy dùng.”

Từ chỗ ấy, người thợ Upālī chạy đuổi kịp 6 vị hoàng-tử. Nhìn thấy người thợ Upālī, các vị hoàng-tử hỏi rằng:

- *Này Upālī! Tại sao ngươi không trở về nhà mà chạy đến đây?*

- *Kính thưa quý vị hoàng-tử, kẻ tôi tớ này kính xin quý vị hoàng-tử cho phép đi theo xuất gia với quý vị.*

Nghe Upālī kính xin như vậy, 6 vị hoàng-tử hoan-hỷ cho phép người thợ Upālī cùng đi theo đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tất cả chúng con thuộc dòng dõi Sakya vốn có tính tự cao ngã mạn, cho nên, kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép Upālī vốn dĩ là kẻ tôi tớ hầu hạ chúng con từ lâu được phép xuất gia trở thành tỳ-khưu trước chúng con, để chúng con cung-kính đánh lễ, hầu hạ Upālī. Bạch Ngài.*

Nghe các hoàng-tử dòng dõi Sakya bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn cho phép Upālī làm lễ xuất

gia tỳ-khuru trước, còn các vị hoàng-tử dòng dõi Sakya làm lễ xuất gia tỳ-khuru sau.

Nhóm 6 vị tỳ-khuru dòng dõi Sakya chứng đắc

Nhóm 6 vị tỳ-khuru dòng dõi Sakya chứng đắc:

- Ngài Trưởng-lão *Bhaddiya* chứng đắc bậc Thánh A-ra-hán cùng với tam-minh.

- Ngài Trưởng-lão *Anuruddha* chứng đắc bậc Thánh Bất-lai cùng với thiên-nhân-thông, về sau chứng đắc bậc Thánh A-ra-hán.

- Ngài Trưởng-lão *Ānanda* chứng đắc bậc Thánh Nhập-lưu.

- Ngài Trưởng-lão *Bhagu* chứng đắc bậc Thánh A-ra-hán.

- Ngài Trưởng-lão *Kimbila* chứng đắc bậc Thánh A-ra-hán.

- **Tỳ-khuru *Devadatta*** chứng đắc các bậc thiên sắc-giới và các phép-thần-thông (*abhiññā*), vẫn còn là hạng phàm-nhân.

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự cùng với chư tỳ-khuru-Tăng tại kinh-thành Kosambī, những phẩm vật cúng dường phát sinh đến Đức-Phật và chư tỳ-khuru-Tăng rất nhiều. Những dân chúng tay cầm phẩm vật quý vào trong ngôi chùa, hỏi rằng: Đức-Phật ngự ở nơi nào? Ngài Đại-Trưởng-lão *Sāriputta* ở nơi nào? Ngài Đại-Trưởng-lão *Mahāmoggallāna* ở nơi nào? Ngài Đại-trưởng-

lão Mahākassapa ở nơi nào? Ngài Trưởng-lão Bhaddiya ở nơi nào? Ngài Trưởng-lão Anuruddha ở nơi nào? Ngài Trưởng-lão Ānanda ở nơi nào? Ngài Trưởng-lão Bhagu ở nơi nào? Ngài Trưởng-lão Kimbila ở nơi nào? ... Trong số dân chúng ấy không có một ai hỏi rằng: Tỳ-khuru Devadatta ở nơi nào?

Tỳ-khuru Devadatta nghĩ rằng: “Ta cũng là hoàng-tử cùng làm lễ xuất gia với nhóm hoàng-tử dòng dõi Sakya ấy. Thế mà trong nhóm dân chúng tay cầm phẩm vật quý ấy đi tìm hỏi những vị Trưởng-lão khác, không có người nào hỏi đến ta. Nay, ta nên gần gũi thân cận với người nào, làm cho người nào có đức-tin nơi ta, để cho phát sinh lợi lộc, những phẩm vật quý giá cúng dường đến với ta.”

Tỳ-khuru Devadatta nghe rằng Đức-vua Bimbisāra cùng với nhóm phú hộ thuộc hạ đều là bậc Thánh Nhập-lưu, có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, ta không dễ gì gần gũi thân cận với họ được, ta cũng không thể gần gũi thân cận được với Đức-vua Pasenadi Kosala. Còn hoàng-tử Ajātasattu của Đức-vua Bimbisāra còn nhỏ chưa biết phân biệt được người thiện với người ác, điều chánh với điều tà. Vậy, ta nên gần gũi thân cận với hoàng-tử Ajātasattu ấy.”

Sau khi nghĩ như vậy, *tỳ-khuru Devadatta* rời khỏi kinh-thành Kosambī, đi đến kinh-thành Rājagaha, biến hóa thành cậu bé có 4 con rắn độc: một con quấn ở cổ, một con khoanh trên đầu, 2 con quấn chéo 2 bên vai, từ hư không đáp xuống đứng trước mặt *hoàng-tử Ajātasattu*, làm cho *hoàng-tử Ajātasattu* hoảng sợ truyền bảo rằng:

- *Này người là ai?*

Cậu bé trả lời rằng:

- *Kính thưa hoàng-tử, xin đừng có sợ, bản tạng là tỳ-khuru Devadatta*. Rồi liền hóa trở lại là vị *tỳ-khuru* mặc y, mang bát đứng trước mặt *hoàng-tử Ajātasattu*. Khi ấy, *hoàng-tử Ajātasattu* tin tưởng *tỳ-khuru Devadatta* có phép-thần-thông thật là phi thường.

Sau đó, sáng, chiều *hoàng-tử Ajātasattu* truyền lệnh quân lính đem 500 chiếc xe chở các thứ vật dụng đem cúng dường *tỳ-khuru Devadatta* và nhóm *tỳ-khuru* thuộc hạ tham muốn lợi lộc.

Tỳ-khuru Devadatta say mê trong lợi lộc và lời tán dương ca tụng, nên phát sinh tâm tham muốn rằng:

“Ta sẽ xin lãnh đạo chư tỳ-khuru-Tăng”, do phát sinh ác-tâm tham vọng ngạo mạn ấy, nên các bậc thiện sắc-giới thiện-tâm cùng với các phép-thần-thông đều bị huỷ diệt.

Tỳ-khuru Devadatta xin lãnh đạo chư tỳ-khuru-Tăng

Một thuở nọ, Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Veluvana, gần kinh-thành Rājagaha. Khi ấy, Đức-Phật đang thuyết pháp giảng dạy các hàng thanh-văn đệ-tử trong đó có Đức-vua Bimbisāra. Khi ấy, tỳ-khuru Devadatta ngồi chấp 2 tay bạch với Đức-Phật rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hiện giờ Đức-Thế-Tôn đã già, sức khỏe đã yếu. Kính xin Đức-Thế-Tôn ít bận tâm công việc, nên hưởng pháp an-lạc thời hiện-tại. Xin Đức-Thế-Tôn trao chư tỳ-khuru-Tăng cho đệ-tử. Đệ-tử sẽ lãnh đạo chư tỳ-khuru-Tăng. Bạch Ngài.”

Nghe tỳ-khuru Devadatta bạch như vậy, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Devadatta! Ngươi không được bạch như vậy!

Dù Đức-Phật đã ngăn cấm, nhưng tỳ-khuru Devadatta vẫn bạch lần thứ nhì, lần thứ ba.

Cho nên, Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Này Devadatta! Ngay cả hai vị Thánh Tội thượng thanh-văn đệ-tử là Sāriputta và Moggallāna mà Như-Lai còn không trao chư tỳ-

khuru-Tăng cho, hưởng hồ hạng người như người dùng 4 thứ vật dụng như dùng bãi nước bọt. ⁽¹⁾

Nghe Đức-Phật truyền dạy đề cao Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmoggallāna, còn khinh thường mình giữa các hàng thanh-văn đệ-tử, trong đó có cả Đức-vua Bimbisāra như vậy, tỳ-khuru Devadatta đánh lễ Đức-Phật, rồi trở về, gây oan trái với Đức-Phật.

Tích hoàng-tử Ajātasattu

Sau khi trở về, tỳ-khuru Devadatta đi đến tìm hoàng-tử Ajātasattu thưa rằng:

- *Thưa hoàng-tử Ajātasattu! Thời xưa con người có tuổi thọ sống lâu, thời nay con người có tuổi thọ ngắn ngủi. Hoàng-tử sẽ chết lúc còn trẻ, đó là điều có thể xảy ra được.*

- *Thưa hoàng-tử Ajātasattu! Như vậy thì “Pitaraṃ hantvā rājā hoti; ahaṃ Bhagavantam hantvā Buddhō bhavissāmi: hoàng-tử giết Đức Phụ-hoàng Bimbisāra rồi lên ngôi làm vua; còn ta sẽ giết Đức-Thế-Tôn rồi lên làm Đức-Phật.”*

Khi ấy, hoàng-tử Ajātasattu nghĩ rằng:

“Ngài Đại-đức Devadatta có phép-thần-thông, có nhiều oai lực. Ngài Đại-đức Devadatta thấy xa hiểu biết rộng, ta phải nên tin tưởng nơi Ngài.”

¹ Vinayapīṭaka, Cūlavagga, Saṃghabhesakakkhadaka, Ajātasattu.

Hoàng-tử Ajātasattu giấu con dao nhỏ trong người đi vào cung điện của Đức Phụ-hoàng vào lúc ban ngày với dáng điệu lén lút sợ sệt, gương mặt không giấu được sự sợ hãi. Hoàng-tử Ajātasattu nhìn thấy các quan bảo vệ cung điện của Đức-vua Bimbisāra thì chân tay run rẩy, rồi hoảng sợ bỏ chạy. Các quan hoài nghi nên chặn hoàng-tử lại, nhưng đôi môi của hoàng-tử run rẩy không nói thành lời. Các quan khám xét trong người hoàng-tử, bắt gặp con dao nhỏ giấu bên trong thân mình. Các quan thưa hỏi rằng:

- *Kính thưa hoàng-tử, hoàng-tử sử dụng con dao nhỏ này để làm gì vậy?*

Hoàng-tử trả lời thật rằng:

- *Ta sử dụng con dao ấy để giết Đức Phụ-hoàng của ta.*

- *Ai bảo hoàng-tử giết Đức-vua vậy?*

- *Ngài Đại-đức Devadatta bảo ta đi giết Đức Phụ-hoàng của ta.*

Các quan mời hoàng-tử Ajātasattu lên trình tâu với Đức-vua Bimbisāra.

Đức-vua Bimbisāra xét hỏi hoàng-tử Ajātasattu rằng:

- *Này hoàng-nhi! Hoàng-nhi muốn giết Phụ-hoàng, để được gì?*

Hoàng-tử Ajātasattu tâu thật rằng:

- *Muôn tâu Đức Phụ-hoàng, nhi-thần muốn giết Đức Phụ-hoàng để chiếm ngôi vua. Tâu Phụ-hoàng.*

Đức-vua Bimbisāra vốn là bậc Thánh Nhập-lưu, truyền bảo hoàng-tử Ajātasattu rằng:

- *Này hoàng-nhi! Nếu hoàng-nhi muốn ngôi vua thì Phụ-hoàng truyền ngôi vua lại cho hoàng-nhi.*

Đức-vua Bimbisāra làm lễ đăng quang cho hoàng-tử Ajātasattu lên ngôi vua ngự tại kinh-thành Rājagaha, trị vì đất nước Magadha.

Tỳ-khuru Devadatta sai người đi giết Đức-Phật

Khi ấy, *tỳ-khuru Devadatta* đi đến tham kiến Đức-vua Ajātasattu tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức-vua Ajātasattu, kính xin Đức-vua truyền lệnh tuyển chọn các quân lính bắn cung tài giỏi, đi bắn chết Đức-Phật Gotama.*

Nghe theo lời tỳ-khuru Devadatta, Đức-vua Ajātasattu truyền lệnh gọi các quân lính bắn cung tài giỏi đến, rồi truyền bảo các quân lính ấy rằng:

- *Này các ngươi! Các ngươi hãy nghe theo lệnh của Ngài Devadatta, Ngài bảo thế nào, các ngươi hãy làm thế ấy.*

Tỳ-khuru Devadatta truyền bảo một người lính bắn cung tài giỏi nhất rằng:

- *Người hãy đến chỗ ở của Sa-môn Gotama, bắn mũi tên giết chết Sa-môn Gotama, rồi theo con đường này trở về.*

Tiếp theo Devadatta truyền bảo 2 người lính bắn cung tài giỏi khác rằng:

- *Hai người hãy ngồi chờ ở con đường này, khi thấy người lính ấy trở về, 2 người bắn mũi tên giết chết người ấy, rồi theo con đường này trở về.*

Tỳ-khưu Devadatta truyền bảo theo cách ấy, 4 người lính sau bắn mũi tên giết chết 2 người lính trước; 8 người lính sau bắn mũi tên giết chết 4 người lính trước; 16 người lính sau bắn mũi tên giết chết 8 người lính trước như vậy.

* Khi người lính bắn cung tài giỏi nhất mang cung tên đến chỗ ở của Đức-Phật Gotama, đứng không xa Đức-Phật, phát sinh tâm vô cùng sợ hãi, toàn thân cứng ngắc không cử động được.

Nhìn thấy người lính ấy như vậy, Đức-Phật có tâm đại bi truyền dạy rằng:

- *Này con! Con chớ nên sợ hãi, con hãy lại đây với Như-Lai.*

Người lính ấy ném bỏ cung tên một nơi, cung kính đi đến cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tội-lỗi đã phát sinh đối với con, con si-mê, làm-lạc, bất-thiện,*

bởi vì con có ác-tâm muốn làm hại Ngài, có ác-tâm muốn giết Ngài, nên đến nơi này. Kính xin Đức-Thế-Tôn tha tội cho con là người có tội, để từ nay về sau con tránh xa mọi ác-nghiệp tội-lỗi. Bạch Ngài.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- Nay con! Tội-lỗi đã phát sinh đối với con, con si-mê, lầm-lạc, bất-thiện, bởi vì con có ác-tâm muốn làm hại Như-Lai, có ác-tâm muốn giết Như-Lai, nên đến nơi này. Khi nào con thấy tội-lỗi đúng là tội-lỗi, rồi sửa sai đúng theo thiện-pháp; khi ấy, Như-Lai tha tội cho con, bởi vì người nào thấy tội-lỗi đúng là tội-lỗi, rồi sửa sai đúng theo thiện-pháp, từ đó về sau tránh xa mọi ác-nghiệp tội-lỗi. Điều đó là sự tiến hóa của bậc Thánh-nhân.

Tiếp theo, Đức-Phật thuyết pháp tế độ người lính ấy, dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 2 loại phiền-não là tà-kiến và hoài-nghi không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu** có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Người lính ấy đánh lễ Đức-Phật, xin thọ phép quy-y Tam-bảo rằng:

“Con đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nương nhờ nơi chư tỳ-khuru-Tăng-bảo. Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn kiếp.”

Đức-Phật truyền dạy người cận-sự-nam ấy chớ nên trở về theo con đường mà tỳ-khuru Devadatta hướng dẫn, phải đi con đường khác, để tránh sự tai hại đến sinh-mạng.

* Hai người lính ngồi tại con đường mà tỳ-khuru Devadatta truyền bảo, chờ đợi người ấy trở về sẽ giết chết, nhưng chờ đợi quá lâu mà không thấy người ấy trở về, nên 2 người lính đi dọc theo con đường, gặp Đức-Phật đang ngồi dưới gốc cây bên đường, 2 người lính vào cung-kính đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Đức-Phật thuyết pháp tế độ 2 người lính ấy, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*, diệt tận được 2 loại phiền-não là *tà-kiến* và *hoài-nghi* không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**, có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo.

Hai người ấy đánh lễ Đức-Phật, xin thọ phép quy-y Tam-bảo rằng:

“Chúng con đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nương nhờ nơi chư tỳ-khưu-Tăng-bảo. Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận chúng con là cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn kiếp.”

Đức-Phật truyền dạy 2 người cận-sự-nam ấy chớ nên trở về theo con đường mà tỳ-khưu Devadatta hướng dẫn, phải đi con đường khác, để tránh sự tai hại đến sinh-mạng.

* Tương tự như trường hợp 2 người lính, tỳ-khưu Devadatta truyền bảo theo cách ấy, 4 người lính sau bắn mũi tên giết chết 2 người lính trước; 8 người lính sau bắn mũi tên giết chết 4 người lính trước; 16 người lính sau bắn mũi tên giết chết 8 người lính trước như vậy.

* 4 người lính, ... 8 người lính, ... 16 người lính đều gặp Đức-Phật, rồi được Đức-Phật thuyết pháp tế độ đều trở thành bậc Thánh Nhập-lưu, rồi kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, trở thành cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn kiếp.

* Người lính bắn cung tài giỏi nhất trở về đến gặp tỳ-khưu Devadatta, bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Devadatta, Đức-Phật có oai*

lực phi thường, tôi đừng không xa Đức-Phật nhưng toàn thân cứng ngắc không thể cử động được, nên tôi không có khả năng bắn được.

Nghे người lính bắn cung tài giỏi ấy bạch như vậy, tỳ-khuru Devadatta bảo rằng: “*Ngươi không thể giết chết Sa-môn Gotama, thì ta sẽ tự tay giết chết Sa-môn Gotama.*”

Tỳ-khuru Devadatta làm bầm máu ngón chân cái của Đức-Phật

Một thuở nọ, Đức-Phật đi kinh hành trên núi Gijjhakūṭa, khi ấy, tỳ-khuru Devadatta leo lên trên đỉnh núi xô tảng đá lăn xuống, với tác-ý ác-tâm đề chết Đức-Phật. Khi tảng đá lăn mạnh xuống thì có 2 đầu đỉnh núi ngăn lại, một mảnh đá nhỏ vỡ ra văng xuống đập đầu ngón chân cái bên bàn chân phải của Đức-Phật, làm cho ngón chân của Đức-Phật bị **bầm máu**.

Đức-Phật ngẩng nhìn lên truyền bảo tỳ-khuru Devadatta rằng:

- *Này Devadatta! Ngươi đã tạo ác-nghiệp nặng rồi, bởi vì ngươi có tác-ý ác-tâm giết Như-Lai, nhưng chỉ làm cho đầu ngón cái bên bàn chân bên phải của Như-Lai bị **bầm máu** mà thôi.*

Sau đó, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru Tăng rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Tỳ-khuru Devadatta đã tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội, bởi vì Devadatta có tác-ý ác-tâm giết hại Như-Lai, nhưng chỉ làm cho đầu ngón cái bên bàn chân phải của Như-Lai bị **bầm máu** mà thôi.*

Chư tỳ-khuru nghe tin tỳ-khuru Devadatta có tác-ý ác-tâm giết Đức-Phật, nên chư tỳ-khuru đến đi kinh hành tụng kinh xung quanh chỗ ở của Đức-Phật, để giữ gìn sự an toàn của Đức-Phật.

Đức-Phật nghe tiếng tụng kinh của chư tỳ-khuru, nên truyền hỏi Ngài Ānanda rằng:

- *Này Ānanda! Chư tỳ-khuru tụng kinh như vậy để làm gì?*

Ngài Trưởng-lão Ānanda bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chư tỳ-khuru nghe tin tỳ-khuru Devadatta có tác-ý ác-tâm giết Đức-Thế-Tôn, nên chư tỳ-khuru dẫn nhau đến đi kinh hành tụng kinh xung quanh chỗ ở của Ngài, để giữ gìn bảo vệ sự an toàn. Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy Ngài Ānanda rằng:

- *Này Ānanda! Nếu như vậy thì con nên gọi chư tỳ-khuru ấy đến đây với Như-Lai.*

Ngài Trưởng-lão Ānanda gọi chư tỳ-khuru đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- *Aṭṭhānametaṃ bhikkhave anavakāso, yaṃ parūpakkamena tathāgataṃ jīvitā voropeyya, anupakkamena bhikkhave tathāgataṃ parinibbāyanti.* ⁽¹⁾

- *Này chư tỳ-khuru! Không do nhân nào, không do duyên nào, hay do sự cố gắng của người khác có thể giết được Như-Lai.*

- *Này chư tỳ-khuru! Bởi vì chư Phật không tịch diệt Niết-bàn do sự cố gắng của một ai cả.*

- *Này chư tỳ-khuru! Các con hãy trở về chỗ ở của mình, không một ai có thể giết Như-Lai được, vậy các con không nên bận tâm giữ gìn bảo vệ sinh-mạng của Như-Lai.*

Tỳ-khuru Devadatta cho thả voi Nālāgiri chà xát Đức-Phật

Voi Nālāgiri ⁽²⁾ hung dữ sát nhân được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Phật đang ngự tại ngôi chùa Veluvana, gần kinh-thành Rājagaha. Hằng ngày, Đức-Phật ngự đi cùng với chư tỳ-khuru vào kinh-thành để khất thực. Trong kinh-thành Rājagaha có voi Nālāgiri hung dữ sát nhân của Đức-vua Ajātasattu.

Tỳ-khuru Devadatta âm mưu nhờ *voi Nālāgiri*

¹⁻² Vinayapīṭaka, Cūlavagga, Saṃghabhesakakkhandhaka.

hung dữ sát nhân của Đức-vua Ajātasattu để giết Đức-Phật Gotama, nên tỳ-khuru Devadatta đi vào châu Đức-vua Ajātasattu, xin Đức-vua cho phép thả voi Nālāgiri hung dữ chà xát Đức-Phật, và được Đức-vua Ajātasattu chấp thuận. Tỳ-khuru Devadatta vào kinh-thành gặp người quản tượng trông nom nuôi nấng voi Nālāgiri hung dữ sát nhân ấy, tự giới thiệu rằng:

“Ta là tỳ-khuru Devadatta, được Đức-vua Ajātasattu cho phép, nên ta truyền lệnh cho ngươi rằng:

- Nay người quản tượng! Ngày mai ngươi cho voi Nālāgiri hung dữ sát nhân uống nhiều vò rượu cho say như điên, rồi thả voi Nālāgiri hung dữ sát nhân chạy ra con đường mà Sa-môn Gotama đi vào kinh-thành khát thực.

Người quản tượng chỉ còn biết tuân theo lệnh của tỳ-khuru Devadatta mà thôi.

Sáng hôm ấy, toàn thể dân chúng trong kinh-thành Rājagaha có hai nhóm:

* Nhóm cận-sự-nam, cận-sự-nữ có đức-tin trong sạch nơi Đức-Phật, có trí-tuệ hiểu biết bảo nhau rằng:

“Sáng hôm nay chúng ta sẽ tận mắt nhìn thấy Đức-Phật cảm hóa được voi Nālāgiri hung dữ sát nhân một cách phi thường.”

Họ leo lên tầng nhà cao hoặc trên mái nhà để quan sát cho rõ.

* Nhóm đệ-tử của các môn phái ngoại đạo bảo nhau rằng:

“Voi Nālāgiri hung dữ sát nhân không biết ân-Đức-Phật, sáng hôm nay chúng ta sẽ nhìn thấy Sa-môn Gotama bị chà nát dưới bàn chân của voi Nālāgiri ấy.”

Họ leo lên tầng nhà cao hoặc trên mái nhà để quan sát cho rõ.

Sáng hôm ấy, người quản tượng cho voi Nālāgiri hung dữ sát nhân uống nhiều vò rượu theo lệnh của tỳ-khưu Devadatta, nên voi Nālāgiri say như điên cuồng, được thả ra trên con đường mà Đức-Phật cùng với chư tỳ-khưu đi vào kinh-thành Rājagaha, để khát thực.

Nhìn thấy Đức-Phật từ xa ngự đi tới, voi Nālāgiri liền cong vòi, quạt hai lỗ tai, dựng đuôi chạy nhào đến Đức-Phật.

Chư tỳ-khưu thấy như vậy, bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, voi Nālāgiri hung dữ sát nhân say như điên cuồng rất đáng sợ. Chúng con kính thỉnh Đức-Thế-Tôn đi trở lại. Bạch Ngài.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Các con chó nên sợ hãi.*

- *Này chư tỳ-khuru! Không do nhân nào, không do duyên nào, hay do sự cố gắng của người khác có thể giết được Như-Lai.*

- *Này chư tỳ-khuru! Bởi vì chư Phật không tịch diệt Niết-bàn do sự cố gắng của người khác.*

Vì vậy, voi Nālāgiri không thể giết Như-Lai được đâu! Như-Lai sẽ cảm hóa tế độ voi Nālāgiri hung dữ này.

Khi ấy, Đức-Phật niệm rải tâm-từ mát mẻ đến voi Nālāgiri, rồi gọi nó bằng giọng phạm-âm ngọt ngào trìu mến yêu thương rằng:

- *Này voi Nālāgiri yêu quý! Con hãy đến với Như-Lai.*

Voi Nālāgiri cảm nhận được tâm-từ mát mẻ của Đức-Phật và lắng nghe giọng phạm-âm ngọt ngào trìu mến yêu thương của Đức-Phật, làm cho voi Nālāgiri liền thức tỉnh cơn say, hạ vòi xuống, ngoan ngoãn đi lần đến cung-kính quỳ xuống dưới đôi bàn chân của Đức-Phật. Khi ấy, Đức-Phật đưa bàn tay phải vuốt trên đầu voi Nālāgiri, khuyên dạy rằng:

- *Này Nālāgiri, con yêu quý!*

Con là voi tôi, con của voi Chúa.

Con chó nên hại voi Chúa là Như-Lai.

Làm hại voi Chúa là nhân khổ cho con.

*- Này Nālāgiri, con yêu quý!
Con hại voi Chúa là Như-Lai,
Sau khi chết không tái-sinh cõi thiện-giới.
Con chó nên say, chó nên để đuôi!
Vì người để đuôi không tái-sinh cõi thiện-giới.
Con nên tạo mọi thiện-pháp, sẽ tái-sinh cõi
thiện-giới.*

Sau khi nghe lời khuyên dạy của Đức-Phật, voi Nālāgiri dùng vòi hút bụi nơi đôi bàn chân của Đức-Phật, rồi phun lên đỉnh đầu, để tỏ lòng tôn kính Đức-Phật. Từ nơi đó, voi Nālāgiri đi lui một quãng đường dài cho đến chỗ không còn nhìn thấy Đức-Phật nữa, mới quay đầu trở về chuồng của mình.

Từ đó về sau, voi Nālāgiri trở nên hiền lương, không gây tai hại đến chúng-sinh suốt trọn kiếp.

Thời ấy, mọi người tán dương ca tụng Đức-Phật bằng câu kệ rằng:

*“Người ta thuần phục voi, ngựa bắt kham.
Bằng cái móc câu, bằng sợi roi mây.
Thật phi thường Đức-Phật có tâm-từ.
Cảm hóa voi Nālāgiri hung dữ.
Không sử dụng cái móc, roi mây nào.*

Khi ấy, mọi người chê trách tỳ-khưu Deva-datta là đệ-tử độc ác bất hiếu, bất trung, phản bội Đức Tôn-Sư là Đức-Phật Gotama.

Tỳ-khuru Devadatta chia rẽ tỳ-khuru-Tăng

Tỳ-khuru Devadatta đã tìm mọi cách để giết Đức-Phật, nhưng không có cách nào đem lại kết quả như ý, bởi vì không ai có năng lực giết được Đức-Phật, đó là sự-thật.

Về sau, *tỳ-khuru Devadatta* cố gắng *chia rẽ tỳ-khuru-Tăng*, bằng cách dụ dỗ những vị tỳ-khuru mới chưa hiểu biết về giới-luật của tỳ-khuru, chưa hiểu biết về giáo-pháp của Đức-Phật, tỳ-khuru Devadatta đã tạo *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* đó là 1 trong **5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** (*pañcānantariyakamma*).

Như vậy, *tỳ-khuru Devadatta* đã tạo 2 **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** là *làm bầm máu ngón chân cái bên bàn chân phải của Đức-Phật* và *chia rẽ chư tỳ-khuru-Tăng*.

Sau cùng, khi bị lâm bệnh trầm trọng, *tỳ-khuru Devadatta* biết ăn năn sám hối tội ác của mình trước lúc chết. *Tỳ-khuru Devadatta* nằm trên giường, bảo nhóm đệ-tử khiêng đến ngôi chùa Jetavana để hầu đánh lễ sám hối Đức-Phật, và kính xin nương nhờ nơi Đức-Phật.

Đến ngôi chùa Jetavana, nhóm đệ-tử đặt cái giường xuống nghỉ cạnh cái hồ để tắm rửa *tỳ-khuru Devadatta* cho sạch sẽ trước khi đến hầu đánh lễ Đức-Phật.

Tỳ-khuru Devadatta vừa bước xuống giường, đôi bàn chân vừa chạm mặt đất, ngay khi ấy mặt đất nứt ra làm đôi, rồi từ từ hút tỳ-khuru Devadatta vào trong lòng đất. Khi ấy, tỳ-khuru Devadatta còn kịp thốt lên bài kệ rằng:

*“Imehi aṭṭhīhi tamaggapuggalaṃ,
Devātidevaṃ naradammasārathim.
Samantacakkhuṃ satapuññalakkhaṇaṃ,
Pāṇehi Buddhaṃ saraṇaṃ upemi.”* ⁽¹⁾

*Phút cuối cùng con hết lòng thành kính,
Xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật,
Là Bạc Vô-Thượng nhất trong nhân-loại,
Bạc Phạm-thiên cao nhất trong Phạm-thiên,
Bạc Vô-Thượng giáo hóa mọi chúng-sinh,
Bạc có tuệ nhãn toàn tri tuyệt vời,
Bạc có đầy đủ trọn vẹn phước tướng.
Con thành kính cúng dường bằng sinh-mạng,
Bằng bộ xương gầy còn lại của con.*

Thốt xong bài kệ tán dương ân-Đức-Phật với tấm lòng tôn kính sâu sắc và xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật xong, cùng trong lúc ấy, tỳ-khuru Devadatta bị hút sâu vào lòng đất.

Sau khi tỳ-khuru Devadatta chết, ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội đó là chia rẽ tỳ-khuru-Tăng ấy có quyền ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh

¹ Bộ Dhammapadattṭhakathā, Yamakavagga, tích Devadattavattu.

kiếp kế-tiếp (paṭisandhikāla) có suy-xét-tâm đồng sinh với thọ xả là quả của ác-nghiệp gọi là tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm chúng-sinh trong cõi đại-địa-ngục Avīci, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Đức-Phật thọ ký tỳ-khuru Devadatta, xác định thời gian rằng:

*“Từ kiếp trái đất này rồi trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất nữa, hậu-kiếp của tỳ-khuru Devadatta sẽ trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu **Đức-Phật Độc-Giác Aṭṭhissara.**”⁽¹⁾*

Hậu-kiếp của tỳ-khuru Devadatta

Hậu-kiếp của tỳ-khuru Devadatta chịu quả khổ của ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội trong cõi đại-địa-ngục Avīci suốt 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Sau khi mãn hạn chịu quả khổ của ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy, mới thoát ra khỏi cõi đại-địa-ngục. Thời vị-lai, trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của tỳ-khuru Devadatta nhờ đại-thiện-nghiệp 20 pháp-hạnh ba-la-mật đã tích lũy từ vô số kiếp trong quá-khứ, có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp chót trở lại làm người.

¹ Bộ Dhammapadattṭhakathā, Yamakavagga, tích Devadattavatthu.

Khi trưởng thành, *hậu-kiếp của tỳ-khuru Devadatta* sẽ xuất gia, rồi sẽ trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* có danh hiệu là “**Đức-Phật Độc-Giác Atthissara**” như Đức-Phật Gotama đã thọ ký, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Nghiệp và quả của nghiệp của tỳ-khuru Devadatta

Như vậy, khi *tỳ-khuru Devadatta* chứng đắc các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, chứng đắc các phép-thần-thông (*abhiññā*) đã tạo **sắc-giới thiện-nghiệp**. Vì vậy, *tỳ-khuru Devadatta* được gọi là **người thiện**.

Khi *tỳ-khuru Devadatta* say mê trong danh lợi, nên phát sinh tâm tham muốn rằng:

“*Ta sẽ xin lãnh đạo chư tỳ-khuru-Tăng*”, do phát sinh ác-tâm tham vọng ngạo mạn ấy, nên các bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cùng với các phép-thần-thông đều bị hủy diệt.

Tỳ-khuru Devadatta tìm mọi cách giết chết Đức-Phật để lên làm Phật, nên đã tạo 2 loại ác-nghiệp nặng là **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** làm bầm máu ngón chân cái bên bàn chân phải của Đức-Phật và **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội** chia rẽ chư tỳ-khuru-Tăng. Vì vậy, *tỳ-khuru Devadatta* bị gọi là **người ác**.

Đức-vua Ajātasattu

Trong bài kinh và Chú-giải Sāmaññaphalasutta-vaṇṇanā về *Đức-vua Ajātasattu* ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Đức-vua Ajātasattu nghe lời khuyên bảo của tỳ-khuru Devadatta, bắt giam *Đức Phụ-hoàng Bimbisāra* là *bậc Thánh Nhập-lưu* trong ngục tù, cấm không cho phép người đem vật thực, để cho *Đức Phụ-hoàng* chết đói. *Đức-vua Ajātasattu* thăm dò tin tức về *Đức-Phụ-hoàng* như thế nào, các quan trình tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, Đức Thái-Thượng-hoàng hằng ngày vẫn đi kinh hành.*

Nghe tâu như vậy, *Đức-vua Ajātasattu* truyền lệnh các người thợ cắt tóc đi vào ngục tù gặp *Đức Phụ-hoàng Bimbisāra*, dùng dao rạch dưới đôi bàn chân của *Đức Phụ-hoàng Bimbisāra* ⁽²⁾ cho đến khi đổ máu, rồi lấy dầu trộn với muối xát các đường rạch, hơ trên lửa than hồng cho đến khi chín thịt, để *Đức-Phụ-hoàng* không thể đi lại được.

Thời gian không lâu sau, *Đức Thái-Thượng-hoàng Bimbisāra* băng hà.

¹ Di. Sīlakkhandhavagga, Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

² Đó là *quả khổ của ác-nghiệp* mà tiền-kiếp của *Đức-vua Bimbisāra* đã từng mang giày dép đi trên nền cội cây Bồ-đề, và đập đôi bàn chân dơ trên tâm thảm để ngồi làm lễ bái, ...

Sau khi Đức Thái-Thượng-hoàng Bimbisāra băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị Dạ-xoa tên *Janavasabha* hầu hạ Đức-vua-trời *Vessavaṇṇa* trên cõi trời tứ Đại-Thiên-vương.

Cũng trong ngày **Đức Thái-Thượng-hoàng Bimbisāra băng hà** ấy, **hoàng-tử của Đức-vua Ajātasattu chào đời**, nên có 2 tấu-sớ tin vui và tin buồn trình tâu lên Đức-vua Ajātasattu:

- *Một tấu-sớ trình tâu: hoàng-tử của Đức-vua Ajātasattu chào đời.*

- *Một tấu-sớ trình tâu: Đức Phụ-hoàng Bimbisāra của Đức-vua Ajātasattu băng hà.*

Các quan bàn bạc với nhau nên trình tâu tấu-sớ nào trước, tấu-sớ nào sau. Sau đó, các quan quyết định trình tâu tin vui trước rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, hạ thần trình tâu tin vui lên Hoàng-thượng rằng: “Hoàng-tử của Hoàng-thượng đã chào đời ngày hôm nay”. Tâu Hoàng-thượng.*

Nghe tấu-sớ xong, tình thương yêu hoàng-tử tỏa khắp toàn thân của Đức-vua Ajātasattu. Ngay khi ấy, Đức-vua cảm nhận sâu sắc được tình phụ tử nên nghĩ rằng:

“Khi ta chào đời, Đức Phụ-hoàng của ta cũng phát sinh tình thương yêu ta như thế này.”

Ngay khi ấy, Đức-vua Ajātasattu truyền lệnh:

- Các người hãy mau mau thả Đức Phụ-hoàng của Trẫm ra ngay, rồi cung thỉnh Đức Phụ-hoàng hồi cung!

Các quan trình tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, hạ thân trình tâu tin buồn lên Hoàng-thượng rằng: “Đức-Phụ-hoàng Bimbisāra của Hoàng-thượng đã băng hà ngày hôm nay.” Tâu Hoàng-thượng.

Khi nghe tin như vậy, Đức-vua Ajātasattu vô cùng ăn năn hối hận về tội-lỗi của mình, khóc than thảm thiết, ngự bước đi thất thủ đến hầu Mẫu-hậu Vedehī, tâu rằng:

- Muôn tâu Mẫu-hậu, khi nhi-thân sinh ra đời, Phụ-hoàng có thương yêu nhi-thân hay không? Tâu Mẫu-hậu.

Hoàng-Thái-hậu Vedehī truyền dạy rằng:

- Nay hoàng-nhi! Khi hoàng-nhi còn nhỏ dại bị sưng đầu ngón tay, hoàng-nhi đau nhói nên khóc, không có nhũ-mẫu nào bồng và dỗ hoàng-nhi nín khóc được. Khi ấy, Phụ-hoàng bồng hoàng-nhi, miệng ngậm đầu ngón tay sưng ấy, hoàng-nhi không còn khóc nữa. Ngón tay sưng của hoàng-nhi bị vỡ ra trong miệng, máu mủ chảy ra, Phụ-hoàng của hoàng-nhi nuốt vào bụng với tình thương yêu hoàng-nhi.

Đức-Phụ-hoàng thương yêu hoàng-nhi như thế ấy!

Lắng nghe Mẫu-hậu thuật lại câu chuyện Đức Phụ-hoàng thương yêu mình như vậy, Đức-vua Ajātasattu vô cùng ăn năn hối hận về tội-lỗi của mình, vì quá ghen ngào xúc động khóc không ra tiếng.

Đức-vua Ajātasattu đứng ra tổ chức lễ hỏa táng thi thể của Đức Phụ-hoàng rất trọng thể theo truyền thống của hoàng tộc.

Đức-vua Ajātasattu không ngủ được

Từ khi Đức-vua Ajātasattu nghe lời khuyên bảo của tỳ-khuru Devadatta, đã giết Đức Phụ-hoàng Bimbisāra là bậc Thánh Nhập-lưu, đã tạo **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết cha**, làm cho tâm bất an bởi vì quá ăn năn hối hận về tội-lỗi của mình, nên mỗi đêm không ngủ yên giấc.

Đức-vua Ajātasattu truyền bảo rằng:

- Nay các khanh, Trẫm nên tìm đến gặp vị Sa-môn nào hoặc vị Bà-la-môn nào đàm đạo để cho tâm được an-lạc.

Nghe Đức-vua truyền bảo như vậy, * một vị quan tâu trình lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, vị đạo-sư **Puraṇakassapa** là trưởng phái nổi tiếng, là bậc trưởng-lão được nhiều người tôn kính.

Kính thỉnh Hoàng-thượng đến gặp đàm đạo với Đạo-sư Puraṇakassapa để giúp cho tâm của Hoàng-thượng được an-lạc.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua làm thỉnh.

* Vị quan khác tâu trình lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, vị đạo-sư **Makkhaligosāla** là trưởng phái nổi tiếng, là bậc trưởng-lão được nhiều người tôn kính.

Kính thỉnh Hoàng-thượng đến gặp đàm đạo với Đạo-sư Makkhaligosāla để giúp cho tâm của Hoàng-thượng được an-lạc.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua làm thỉnh.

* Vị quan khác tâu trình lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, vị đạo-sư **Ajitakesakambala** là trưởng phái nổi tiếng, là bậc trưởng-lão được nhiều người tôn kính.

Kính thỉnh Hoàng-thượng đến gặp đàm đạo với Đạo-sư Ajitakesakambala, để giúp cho tâm của Hoàng-thượng được an-lạc.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua làm thỉnh.

* Vị quan khác tâu trình lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, vị đạo-sư **Pakudha-kaccāyana** là trưởng phái nổi tiếng, là bậc trưởng-lão được nhiều người tôn kính.

Kính thỉnh Hoàng-thượng đến gặp đàm đạo với Đạo-sư Pakudhakaccāyana để giúp cho tâm của Hoàng-thượng được an-lạc.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua làm thỉnh.

* Vị quan khác tâu trình lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, vị đạo-sư **Saṅcaya-belaṭṭhaputta** là trưởng phái nổi tiếng, là bậc trưởng-lão được nhiều người tôn kính.

Kính thỉnh Hoàng-thượng đến gặp đàm đạo với Đạo-sư Saṅcayabelaṭṭhaputta để giúp cho tâm của Hoàng-thượng được an-lạc.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua làm thỉnh.

* Vị quan khác tâu trình lên Đức-vua rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, vị đạo-sư **Nigaṇḍha-nāṭaputta** là trưởng phái nổi tiếng, là bậc trưởng-lão được nhiều người tôn kính.

Kính thỉnh Hoàng-thượng đến gặp đàm đạo với Đạo-sư Nigaṇḍhanāṭaputta để giúp cho tâm của Hoàng-thượng được an-lạc.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua làm thỉnh.

Khi ấy, **ngự-y Jīvaka komārabhacca** vốn là bậc Thánh Nhập-lưu nghe nhiều hiểu rộng, là

cận-sự-nam thân tín của Đức-Phật, ngồi làm thỉnh cách không xa Đức-vua Ajātasattu.

Đức-vua Ajātasattu truyền bảo ngự-y Jīvaka rằng:

- *Này ngự-y Jīvaka! Tại sao Khanh ngồi làm thỉnh không nói lời nào vậy?*

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, sở dĩ hạ-thân nín thỉnh không nói là vì trong triều có nhiều vị quan lớn vốn dĩ là đệ-tử của 1 trong 6 vị đạo-sư trưởng-phái ngoại-đạo lớn trong kinh-thành Rājagaha, vị quan lớn nào cũng muốn Hoàng-thượng có đức-tin nơi vị đạo-sư trưởng phái của mình. Vì vậy, hạ-thân vẫn nín thỉnh không nói. Nay, Hoàng-thượng truyền bảo thì hạ thân xin trình tâu Hoàng-thượng rõ.*

Khi ấy, ngự-y Jīvaka tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, giảng giải 9 ân-đức của Đức-Phật. Đức-vua Ajātasattu lắng nghe 9 ân-Đức-Phật liền phát sinh hỷ lạc toàn thân tâm chưa từng có bao giờ, nên phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Thế-Tôn, rồi truyền hỏi ngự-y Jīvaka rằng:

- *Này ngự-y Jīvaka! Hiện nay Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa nào?*

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, hiện nay Đức-Thế-Tôn đang ngự tại ngôi chùa trong khu vườn xoài của hạ-thân. Tâu Hoàng-thượng.*

Nghe tâu như vậy, Đức-vua Ajātasattu truyền lệnh rằng:

- Nay ngự-y Jīvaka! Khanh hãy chuẩn bị sẵn sàng xa giá, rồi đưa Trẫm ngự đi đến đánh lễ Đức-Thế-Tôn, bạch hỏi điều mà Trẫm chưa hiểu.

Đức-vua Ajātasattu ngự đến hầu đánh lễ Đức-Phật Gotama

Tuân theo lệnh của Đức-vua Ajātasattu, ngự-y Jīvaka trang hoàng con bạch-tượng để Đức-vua dẫn đầu ngự đi trước, theo sau là đoàn 500 tượng binh và cung nữ giả nam quân-nhân theo hộ giá Đức-vua.

Sau khi mời các quan trong triều và các đoàn-binh theo hộ giá sẵn sàng, ngự-y Jīvaka thông báo đến dân chúng trong kinh-thành rằng:

“Hôm nay Đức-vua Ajātasattu ngự đi đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn tại ngôi chùa trong khu vườn xoài ⁽¹⁾ của ngự-y Jīvaka, những người nào có cơ hội thì hãy đi theo hộ giá.”

Khi ấy, ngự-y Jīvaka vào tâu thỉnh Đức-vua Ajātasattu ngự lên con bạch tượng dẫn đầu, theo sau là đoàn 500 tượng binh và cung nữ giả nam quân-nhân theo hộ giá Đức-vua, còn ngự-y Jīvaka đi theo gần bên để phục vụ Đức-vua.

¹ Ambavana: Khu vườn xoài ở khoảng giữa kinh-thành Rājagaha và núi Gijjhakūṭa.

Ngoài ra còn có các quan trong triều, các binh đoàn và số đông dân chúng rất hùng hậu đi theo hộ giá Đức-vua.

Khi đến gần khu vườn xoài thì trời tối, ngự-y Jīvaka ra lệnh cho đốt đuốc lên sáng tỏa khắp khoảng không gian.

Ngự-y Jīvaka tâu với Đức-vua Ajātasattu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, Đức-Thế-Tôn ở nơi yên tĩnh không có tiếng ồn. Vì vậy, kính xin Hoàng-thượng truyền lệnh ngưng các tiếng nhạc, giữ gìn sự yên tĩnh.*

Tuân theo lệnh của Đức-vua, mọi tiếng nhạc được ngưng để giữ gìn sự yên tĩnh.

Đức-vua Ajātasattu cảm nhận nơi yên tĩnh này, cảm thấy e ngại rằng:

- *Ngự-y Jīvaka tâu với Trẫm ngôi chùa trong khu vườn xoài này có 1.250 chư tỳ-khưu-Tăng, nhưng mà Trẫm không nghe tiếng động nhẹ nào cả. Lời của ngự-y Jīvaka có thật hay không?*

Ngự-y Jīvaka tâu với Đức-vua rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, tuy chư tỳ-khưu-Tăng đông, nhưng quý Ngài giữ gìn sự yên tĩnh tự nhiên, xin Hoàng-thượng không nên e ngại điều gì cả.*

Khi đến cổng vườn xoài, ngự-y Jīvaka tâu thỉnh Đức-vua xuống voi, ngự đi chân không vào

bên trong, Đức-Thế-Tôn đang ngự trên pháp tòa giữa giảng đường có chư tỳ-khưu-Tăng ngồi nghiêm chỉnh phía dưới.

Đức-vua Ajātasattu ngự đến gần đánh lễ Đức-Thế-Tôn rồi đứng một nơi hợp lễ, đứng nhìn thấy chư tỳ-khưu ngồi nghiêm chỉnh hướng về Đức-Thế-Tôn, thật đáng tôn kính biết dường nào!

Một lần nữa, Đức-vua Ajātasattu thành kính đánh lễ Đức-Thế-Tôn, đứng cúi đầu cung-kính lễ bái chư tỳ-khưu-Tăng, ngồi xuống một nơi hợp lễ, rồi cung-kính bạch Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, nếu Đức-Thế-Tôn ban cho cơ hội thì quả-nhân xin phép bạch hỏi câu hỏi nhỏ. Bạch Ngài.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền bảo Đức-vua Ajātasattu rằng:

- Này Đại-vương! Mời hỏi câu hỏi nào mà Đại-vương muốn hỏi. Như-Lai sẽ giải đáp đầy đủ câu hỏi ấy.

Đức-vua Ajātasattu kính xin bạch hỏi câu hỏi

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tất cả mọi nghề nghiệp trong đời, người nào làm nghề nông, nghề xây dựng, nghề buôn bán; thợ mộc, thợ nề, thợ sắt, thợ rèn, thợ săn, ...; quả-báu của nghề nghiệp ấy, người ấy nuôi mạng an-lạc trong kiếp hiện-tại, phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ

con, bạn bè, ... Người nào tạo phước-thiện bố thí đến những bậc Sa-môn có giới-đức trong sạch, để hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai. Còn quả-báu của Sa-môn như thế nào?

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, xin Ngài giảng giải cho quả-nhân thấy rõ, hiểu rõ **quả-báu của Sa-môn** (sāmañña-phala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như thế nào? Bạch Ngài.*

Nghe Đức-vua Ajātasattu bạch hỏi câu hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền hỏi lại rằng:

ĐP. - Này Đại-vương! Đại-vương còn nhớ câu hỏi này đã từng hỏi vị Sa-môn hoặc vị Bà-la-môn nào khác chưa?

Đv. - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả-nhân nhớ rõ câu hỏi này đã từng hỏi vị Bà-la-môn khác rồi. Bạch Ngài.

ĐP. - Này Đại-vương! Vị Bà-la-môn ấy giải đáp như thế nào? Nếu Đại-vương không thấy vât và thì thuật lại cho Như-Lai nghe được hay không?

Đv. - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả-nhân cảm thấy không vât và, quả-nhân xin được thuật lại. Bạch Ngài.

1- Đạo-sư Puraṇakassapa trưởng-phái ngoại-đạo

Đv. - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một thuở nọ tại kinh-thành Rājagaha, quả-nhân ngụ đến gặp vị đạo-sư Puraṇakassapa, vấn an lẫn nhau, rồi

ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, quả-nhân thừa với đạo-sư Puraṇakassapa rằng:

- Thừa Ngài Kassapa, tất cả mọi nghề nghiệp trong đời, người nào làm nghề nông, nghề xây dựng, nghề buôn bán; thợ mộc, thợ nề, thợ sắt, thợ rèn, thợ săn, ...; quả-báu của nghề nghiệp ấy, người ấy nuôi mạng an-lạc trong kiếp hiện-tại, phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, bạn bè, ... Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc Sa-môn có giới-đức trong sạch, để hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai. Còn quả-báu của Sa-môn như thế nào?

*- Thừa Ngài Kassapa, xin Ngài giảng giải cho Trẫm thấy rõ, hiểu rõ **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như thế nào?*

Khi nghe quả-nhân hỏi như vậy, đạo-sư Puraṇakassapa không giải đáp câu hỏi của quả-nhân, mà đạo-sư Puraṇakassapa thuyết giảng tà đạo của mình rằng:

- Nay Đại-vương! Khi người nào tự mình làm, sai khiến người khác làm, như tự mình sát-sinh, sai khiến người khác sát-sinh; tự mình trộm-cắp, sai khiến người khác trộm-cắp; tự mình tà-dâm với vợ, chồng người khác, sai khiến người khác tà-dâm với vợ, chồng người khác; tự mình nói-dối, sai khiến người khác nói-dối; tự mình hành

hạ, sai khiến người khác hành hạ; ... ác-nghiệp ấy không có đối với người ấy, quả khổ của ác-nghiệp ấy không có đối với người ấy.

Hoặc người nào tự mình bố-thí, sai khiến người khác bố-thí; tự mình giữ-giới, sai khiến người khác giữ-giới; tự mình lễ bái cúng dường, sai khiến người khác lễ bái cúng dường; ... phước-thiện ấy không có đối với người ấy, quả an-lạc không có đối với người ấy, ...

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi quả-nhân hỏi **quả-báu của Sa-môn** (*sāmaññaphala*) hiện hữu trong thời hiện-tại, thì đạo-sư Puraṇakassapa thuyết giảng tà đạo của mình không hợp thời, không đúng pháp. Ví như người hỏi về quả xoài thì trả lời quả mít hoặc hỏi về quả mít thì trả lời quả xoài như vậy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả-nhân nghĩ rằng: “Quả-nhân là vua không nên làm khó Sa-môn, Bà-la-môn ở trong nước”. Vì vậy, quả-nhân không đồng tình cũng không phản đối lời lẽ của đạo-sư Puraṇakassapa, quả-nhân xin từ giả rồi hồi cung.

2- Đạo-sư Makkhaligosāla trưởng-phái ngoại-đạo

Đv. - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một thuở nọ tại kinh-thành Rājagaha, quả-nhân ngự đến gặp vị đạo-sư Makkhaligosāla, vấn an lẫn nhau, rồi

ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, quả-nhân thừa với đạo-sư Makkhaligosāla rằng:

- Thừa Ngài Makkhaligosāla, tất cả mọi nghề nghiệp trong đời, người nào làm nghề nông, nghề xây dựng,; quả-báu của nghề nghiệp ấy, người ấy nuôi mạng an-lạc trong kiếp hiện-tại, phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, bạn bè, ... Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc Sa-môn có giới-đức trong sạch, để hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai. Còn quả-báu của Sa-môn như thế nào?

*- Thừa Ngài Makkhaligosāla, xin Ngài giảng giải cho Trẫm thấy rõ, hiểu rõ **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như thế nào?*

Khi nghe quả-nhân hỏi như vậy, đạo-sư Makkhaligosāla không giải đáp câu hỏi của quả-nhân, mà đạo-sư Makkhaligosāla thuyết giảng tà đạo của mình rằng:

- Nay Đại-vương! Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh bị ô-nhiễm; tất cả chúng-sinh bị ô-nhiễm tự nhiên, không do nhân nào, do duyên nào cả.

Không có nhân nào, không có duyên nào làm cho tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh; tất cả chúng-sinh được trong sạch thanh-tịnh tự nhiên, không do nhân nào, do duyên nào cả.

Không có nghiệp do mình tạo; không có nghiệp do những người khác tạo; tất cả chúng-sinh sống tùy thuộc vào vào sự may, sự rủi, thọ khổ tự nhiên, thọ lạc tự nhiên, ...

Người trí, kẻ ngu trong vòng tử sinh luân-hồi đến thời sẽ đạt đến tận cùng giải thoát khổ...

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi quả-nhân hỏi **quả-báu của Sa-môn** (*sāmaññaphala*) hiện hữu trong thời hiện-tại, thì đạo-sư Makkhaligosāla thuyết giảng tà đạo của mình không hợp thời, không đúng pháp. Ví như người hỏi về quả xoài thì trả lời quả mít hoặc hỏi về quả mít thì trả lời quả xoài như vậy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả-nhân nghĩ rằng: “Quả-nhân là vua không nên làm khó Sa-môn, Bà-la-môn ở trong nước”. Vì vậy, quả-nhân không đồng tình cũng không phản đối lời lẽ của đạo-sư Makkhaligosāla, quả-nhân xin từ giã rồi hồi cung.

3- Đạo-sư Ajitakesakambala trưởng-phái ngoai-đạo

Đv. - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một thuở nọ tại kinh-thành Rājagaha, quả-nhân ngự đến gặp vị đạo-sư Ajitakesakambala, vấn an lẫn nhau, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, quả-nhân thưa với đạo-sư Ajitakesakambala rằng:

- *Thưa Ngài Ajitakesakambala, tất cả mọi nghề nghiệp trong đời, người nào làm nghề nông, nghề xây dựng, ...; quả-báu của nghề nghiệp ấy, người ấy nuôi mạng an-lạc trong kiếp hiện-tại, phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, bạn bè, ... Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc Sa-môn có giới-đức trong sạch, để hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai. Còn quả-báu của Sa-môn như thế nào?*

- *Thưa Ngài Ajitakesakambala, xin Ngài giảng giải cho Trẫm thấy rõ, hiểu rõ **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như thế nào?*

Khi nghe quả-nhân hỏi như vậy, đạo-sư Ajitakesakambala không giải đáp câu hỏi của quả-nhân, mà đạo-sư Ajitakesakambala thuyết giảng tà đạo của mình rằng:

- *Này Đại-vương! Phước-thiện bố-thí không có quả tốt, an-lạc; phước-thiện cúng dường không có quả tốt, an-lạc; phước-thiện đón tiếp không có quả tốt, an-lạc; không có quả khổ của ác-nghiệp, quả an-lạc của thiện-nghiệp; không có cõi-giới này, không có cõi-giới khác; làm phước, làm tội đối với mẹ không có quả an-lạc, không có quả khổ; làm phước, làm tội đối với cha không có quả an-lạc, không có quả khổ; không có các loài chúng-sinh hóa-sinh; không*

có Sa-môn, Bà-la-môn thực hành pháp-hành thiền-định chứng đắc các bậc thiền làm cho thấy rõ cõi-giới này, cõi-giới khác bằng trí-tuệ của mình. Người trí kẻ ngu đều tiêu mất cả thấy, chết rồi là hết.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi quả-nhân hỏi **quả-báu của Sa-môn** (*sāmaññaphala*) hiện hữu trong thời hiện-tại, thì đạo-sư Ajitakesakambala thuyết giảng tà đạo của mình không hợp thời, không đúng pháp. Ví như người hỏi về quả xoài thì trả lời quả mít hoặc hỏi về quả mít thì trả lời quả xoài như vậy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả-nhân nghĩ rằng: “Quả-nhân là vua không nên làm khó Sa-môn, Bà-la-môn ở trong nước”. Vì vậy, quả-nhân không đồng tình cũng không phản đối lời lẽ của đạo-sư Ajitakesakambala, quả-nhân xin từ giã rồi hồi cung.

4- Đạo-sư Pakudhakaccāyana trưởng-phái ngoại-đạo

Đv. - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một thuở nọ tại kinh-thành Rājagaha, quả-nhân ngự đến gặp vị đạo-sư Pakudhakaccāyana, vấn an lẫn nhau, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, quả-nhân thưa với đạo-sư Pakudhakaccāyana rằng:

- Thưa Ngài Kaccāyana, tất cả mọi nghề nghiệp trong đời, người nào làm nghề nông, nghề

xây dựng, ...; quả-báu của nghề nghiệp ấy, người ấy nuôi mạng an-lạc trong kiếp hiện-tại, phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, bạn bè, ... Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc Sa-môn có giới-đức trong sạch, để hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai. Còn quả-báu của Sa-môn như thế nào?

*- Thưa Ngài Kaccāyana! Xin Ngài giảng giải cho Trẫm thấy rõ, hiểu rõ **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như thế nào?*

Khi nghe quả-nhân hỏi như vậy, đạo-sư Pakudhakaccāyana không giải đáp câu hỏi của quả-nhân, mà đạo-sư Pakudhakaccāyana thuyết giảng tà đạo của mình rằng:

- Này Đại-vương! Sabhāva: thật-tánh-pháp có 7 loại đó là chất đất, chất nước, chất lửa, chất gió, sự khổ, sự an-lạc và sinh-mạng là thứ 7.

Sabhāva: thật-tánh-pháp gồm có 7 pháp này không có ai tạo ra, không có ai hóa ra, là thật-tánh bền vững, vững chắc như hòn núi lớn, như trụ cột được chôn sâu. Sabhāva: thật-tánh-pháp này không lay chuyển, không tan rã, không làm khổ lẫn nhau, không thể phát sinh sự khổ hoặc sự an-lạc.

Người tự mình sát-sinh, người sai khiến người khác sát-sinh, người nghe, người nói cho người

khác nghe, người hiểu biết, người giúp cho người khác hiểu biết, ... đều không có 7 loại thật-tánh-pháp này. Người sử dụng đao bén chặt cổ người khác không gọi là người ấy chặt cổ ai, chỉ là cây đao chặt vào khe của 7 thật-tánh-pháp mà thôi.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi quả-nhân hỏi **quả-báu của Sa-môn** (*sāmaññaphala*) hiện hữu trong thời hiện-tại, thì đạo-sư Pakudha-kaccāyana thuyết giảng tà đạo của mình không hợp thời, không đúng pháp. Ví như người hỏi về quả xoài thì trả lời quả mít, hoặc người hỏi về quả mít thì trả lời quả xoài như vậy

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả-nhân nghĩ rằng: “Quả-nhân là vua không nên làm khó Sa-môn, Bà-la-môn ở trong nước. Vì vậy, quả-nhân không đồng tình cũng không phản đối lời lẽ của đạo-sư Pakudhakaccāyana, quả-nhân xin từ giã rồi hồi cung.

5- Đạo-sư Nigaṇṭhanāṭaputta trưởng-phái ngoại-đạo

Đv. - Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một thuở nọ tại kinh-thành Rājagaha, quả-nhân ngự đến gặp vị đạo-sư Nigaṇṭhanāṭaputta, vấn an lẫn nhau, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, quả-nhân thưa với đạo-sư Nigaṇṭhanāṭaputta rằng:

- *Thưa Ngài Niganthanātaputta, tất cả mọi nghề nghiệp trong đời, người nào làm nghề nông, nghề xây dựng,; quả-báu của nghề nghiệp ấy, người ấy nuôi mạng an-lạc trong kiếp hiện-tại, phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, bạn bè, ... Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc Sa-môn có giới-đức trong sạch, để hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai. Còn quả-báu của Sa-môn như thế nào?*

- *Thưa Ngài Aggivessana ⁽¹⁾, xin Ngài giảng giải cho Trẫm thấy rõ, hiểu rõ **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như thế nào?*

Khi nghe quả-nhân hỏi như vậy, *đạo-sư Niganthanātaputta* không giải đáp câu hỏi của quả-nhân, mà *đạo-sư Niganthanātaputta* thuyết giảng tà đạo của mình rằng:

- *Này Đại-vương! Niganthanātaputta trong đời này là người nghiêm chỉnh giữ gìn 4 điều:*

* *Nigantha trong đời không được sử dụng tất cả loại nước lạnh.*

* *Nigantha trong đời tránh xa mọi ác-nghiệp.*

* *Nigantha trong đời từ bỏ mọi ác-nghiệp.*

* *Nigantha trong đời tránh xa tiếp xúc mọi ác-nghiệp.*

¹ Niganthanātaputta xuất thân từ dòng dõi Aggivessana.

- *Này Đại-vương! Nigaṇṭhanāṭaputta nghiêm chỉnh giữ gìn 4 điều như vậy, nên mọi người tán dương ca tụng rằng: Nigaṇṭhanāṭaputta giữ gìn nghiêm chỉnh 4 điều ấy, bậc trí gọi họ là người có tâm đạt đến bậc cao, có định tâm vững vàng.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi quả-nhân hỏi **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu trong thời hiện-tại, thì đạo-sư Nigaṇṭhanāṭaputta thuyết giảng tà đạo của mình không hợp thời, không đúng pháp như vậy. Ví như người hỏi về quả xoài thì trả lời quả mít hoặc người hỏi về quả mít thì trả lời quả xoài như vậy.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả-nhân nghĩ rằng: “Quả-nhân là vua không nên làm khó Sa-môn, Bà-la-môn ở trong nước”. Vì vậy, quả-nhân không đồng tình cũng không phản đối lời lẽ của đạo-sư Nigaṇṭhanāṭaputta, quả-nhân xin từ giã rồi hồi cung.*

6- Đạo-sư Sañcayabelatṭhaputta trưởng-phái ngoại-đạo

Đv. - *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, một thuở nọ tại kinh-thành Rājagaha, quả-nhân ngự đến gặp vị đạo-sư Sañcayabelatṭhaputta, vấn an lẫn nhau, rồi ngồi một nơi hợp lẽ. Khi ấy, quả-nhân thưa với đạo-sư Sañcayabelatṭhaputta rằng:*

- Thưa Ngài Sañcayabelatthaputta, tất cả mọi nghề nghiệp trong đời, người nào làm nghề nông, nghề xây dựng, ...; quả-báu của nghề nghiệp ấy, người ấy nuôi mạng an-lạc trong kiếp hiện-tại, phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, bạn bè, ... Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc Sa-môn có giới-đức trong sạch, để hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai. Còn quả-báu của Sa-môn như thế nào?

- Thưa Ngài Sañcayabelatthaputta, xin Ngài giảng giải cho Trẫm thấy rõ, hiểu rõ **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như thế nào?

Khi nghe quả-nhân hỏi như vậy, đạo-sư Sañcayabelatthaputta không giải đáp câu hỏi của quả-nhân, mà đạo-sư Sañcayabelatthaputta thuyết giảng tà đạo của mình rằng:

- Này Đại-vương! Đại-vương hỏi bản-đạo rằng: cõi-giới khác có hay không?

Nếu bản-đạo hiểu biết cõi-giới khác có thì bản-đạo tâu là cõi-giới khác có. Sự hiểu biết của bản-đạo rằng: cõi-giới này cũng không có; cõi-giới kia cũng không có; cõi-giới khác cũng không có; không có cũng không có; không có không có cũng không có.

Đại-vương hỏi bản-đạo rằng: cõi-giới khác không có hay không?

Nếu bản-đạo hiểu biết cõi-giới khác không có, thì bản-đạo tâm là cõi-giới khác không có. Sự hiểu biết của bản-đạo rằng: cõi-giới này cũng không có; cõi-giới kia cũng không có; cõi-giới khác cũng không có; không có cũng không có; không có không có cũng không có, v.v...

- Nay Đại-vương! Đại-vương hỏi bản-đạo rằng: quả của ác-nghiệp, quả của đại-thiện-nghiệp có hay không?

Nếu bản-đạo hiểu biết quả của ác-nghiệp, quả của đại-thiện-nghiệp có, thì bản-đạo tâm là quả của ác-nghiệp, quả của đại-thiện-nghiệp có. Sự hiểu biết của bản-đạo rằng: quả này cũng không có; quả kia cũng không có; quả khác cũng không có; không có cũng không có; không có không có cũng không có.

- Nay Đại-vương! Đại-vương hỏi bản-đạo rằng: quả của ác-nghiệp, quả của đại-thiện-nghiệp không có phải không?

Nếu bản-đạo hiểu biết quả của ác-nghiệp, quả của đại-thiện-nghiệp không có, thì bản-đạo tâm là quả của ác-nghiệp, quả của đại-thiện-nghiệp không có. Sự hiểu biết của bản-đạo rằng: quả này cũng không có; quả kia cũng không có; quả khác cũng không có; không có cũng không có; không có không có cũng không có như vậy, v.v...

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, khi quả-nhân hỏi **quả-báu của Sa-môn** (*sāmaññaphala*) hiện hữu trong thời hiện-tại, thì đạo-sư Sañcayabelatthaputta thuyết giảng tà đạo của mình không hợp thời, không đúng pháp. Ví như người hỏi về quả xoài thì trả lời quả mít hoặc người hỏi về quả mít thì trả lời quả xoài như vậy.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, quả-nhân nghĩ rằng: “Quả-nhân là vua không nên làm khó Sa-môn, Bà-la-môn ở trong nước”. Vì vậy, quả-nhân không đồng tình cũng không phản đối lời lẽ của đạo-sư Sañcayabelatthaputta, quả-nhân xin từ giã rồi hồi cung.

* Đức-Thế-Tôn giải đáp câu hỏi

Sau khi Đức-vua Ajātasattu thuật lại câu chuyện gặp 6 vị đạo-sư trưởng phái ngoại-đạo xong, Đức-vua Ajātasattu bạch hỏi Đức-Phật Gotama rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, tất cả mọi nghề nghiệp trong đời, người nào làm nghề nông, nghề xây dựng, nghề buôn bán; thợ mộc, thợ nề, thợ sắt, thợ rèn, thợ săn, ...; quả-báu của nghề nghiệp ấy, người ấy nuôi mạng an-lạc trong kiếp hiện-tại, phụng dưỡng mẹ cha, nuôi nấng vợ con, bạn bè, ... Người nào tạo phước-thiện bố-thí đến những bậc Sa-môn có giới-đức trong

sạch, để hưởng quả an-lạc trong kiếp vị-lai. Còn quả-báu của Sa-môn như thế nào?

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, xin Ngài giảng giải cho quả-nhân thấy rõ, hiểu rõ về **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như thế nào? Bạch Ngài.*

Giải đáp Sāmaññaphala thứ nhất

Nghe Đức-vua Ajātasattu bạch hỏi câu hỏi như vậy, Đức-Thế-Tôn khẳng định rằng:

*- Nay Đại-vương! Như-Lai sẽ giải đáp rõ ràng về **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại, nhưng mà Như-Lai hỏi lại Đại-vương trước, Đại-vương hãy tự nhiên trả lời.*

- Nay Đại-vương! Ví dụ Đại-vương có người lính thị-vệ trung tín chờ đợi nghe lệnh truyền của Đại-vương, nói năng lễ phép đúng theo hoàng gia, khi được giao phó công việc thì hoàn thành tốt làm cho Đại-vương hài lòng.

Về sau, lính thị-vệ ấy tâu xin Đức-vua cho nghỉ việc, rồi từ bỏ gia đình đi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Như-Lai. Vị tỳ-khưu ấy có giới-hạnh trong sạch, cẩn trọng thân khẩu ý thanh-tịnh, biết tri túc trong 4 thứ vật dụng cần thiết, hoan-hỷ ở nơi thanh vắng

trong rừng, tinh-tấn thực hành pháp-hành thiên-định, pháp-hành thiên-tuệ.

Một hôm, vị quan đi săn bắn trong rừng gặp vị tỳ-khuru ấy, nhận biết vị tỳ-khuru ấy trước kia vốn là lính thị-vệ thân tín của Đức-vua.

Sau khi trở về, vị quan ấy vào châu Đức-vua tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, hạ thần đi săn bắn trong rừng gặp vị tỳ-khuru ấy trước kia vốn là lính thị-vệ thân tín của Hoàng-thượng.

- Nay Đại-vương! Khi nghe vị quan tâu như vậy, Đại-vương có nên truyền lệnh vị tỳ-khuru ấy như sau hay không?

“- Nay vị tỳ-khuru! Người hãy trở về làm lính thị-vệ của Trẫm như trước, chờ đợi nghe lệnh truyền của Trẫm, nói năng lễ phép đúng theo hoàng gia, khi được giao phó công việc thì hoàn thành tốt làm cho Trẫm hài lòng.”

Đức-vua Ajātasattu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, bây giờ quả-nhân không thể truyền lệnh như vậy. Bạch Ngài.

Thật ra, bây giờ quả-nhân cần phải đánh lễ vị tỳ-khuru ấy, đứng dậy đón tiếp, thỉnh mời vị tỳ-khuru ấy ngồi chỗ cao, nên hộ độ cúng dường 4 thứ vật dụng cần thiết là y-phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh cho vị tỳ-khuru ấy.

- *Này Đại-vương! Đại-vương nghĩ thế nào về điều này?*

*Nếu đúng như vậy thì có thể gọi là **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại được hay không?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đúng là **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại. Bạch Ngài.*

- *Này Đại-vương! Đó là **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) đầu tiên hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại mà Như-Lai giải đáp.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn giải đáp cho quả-nhân biết những điều khác về **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại. Bạch Ngài.*

Giải đáp Sāmaññaphala thứ nhì

Nghe Đức-vua Ajātasattu bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn dẫn chứng ví dụ khác như sau:

- *Này Đại-vương! Như-Lai sẽ giải đáp rõ ràng về **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại, nhưng mà Như-Lai hỏi lại Đại-vương trước, Đại-vương hãy tự nhiên trả lời.*

- *Này Đại-vương! Ví dụ Đại-vương có một chủ nông dân lớn thường nộp thuế nông nghiệp*

vào kho lương của Đại-vương. Về sau chủ nông dân ấy bỏ của cải tài-sản, ruộng đất nhà cửa đi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Như-Lai. Vị tỳ-khưu ấy có giới-hạnh trong sạch, cẩn trọng thân khẩu ý thanh-tịnh, biết tri túc trong 4 thứ vật dụng cần thiết, hoan-hỷ ở nơi thanh vắng trong rừng, tinh-tấn thực hành pháp-hành thiền-định, pháp-hành thiền-tuệ.

Một hôm, vị quan thu thuế đi đến nhà chủ nông dân lớn ấy nhưng người ấy không có ở nhà, được người nhà cho biết ông chủ nhà đã đi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong Phật-giáo, hiện nay trú trong khu rừng ấy.

Để biết sự-thật thế nào, vị quan thu thuế đi đến khu rừng gặp vị tỳ-khưu ấy trước kia vốn dĩ là chủ nông dân lớn của Đức-vua.

Sau khi trở về, vị quan thu thuế ấy vào châu Đại-vương tâu rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, hạ thần đi đến nhà chủ nông dân lớn ấy, được biết ông đã đi xuất gia trở thành tỳ-khưu trong giáo-pháp của Đức-Phật Gotama rồi, hiện nay vị tỳ-khưu ấy trú trong khu rừng.

- Này Đại-vương! Khi nghe vị quan tâu như vậy, Đại-vương có nên truyền lệnh vị tỳ-khưu ấy như sau hay không?

“- Này vị tỳ-khuru! Ngươi hãy trở về làm nông dân lớn như trước, thường nộp thuế nông nghiệp vào kho lương của Trẫm.”

Đức-vua Ajātasattu bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, bây giờ quả-nhân không thể truyền lệnh như vậy. Bạch Ngài.

Thật ra, bây giờ quả-nhân cần phải đánh lễ vị tỳ-khuru ấy, đứng dậy đón tiếp, thỉnh mời vị tỳ-khuru ấy ngồi chỗ cao, nên hộ độ cúng dường 4 thứ vật dụng cần thiết là y-phục, vật thực, chỗ ở, thuốc trị bệnh cho vị tỳ-khuru ấy.

- Này Đại-vương! Đại-vương nghĩ thế nào về điều này?

Nếu đúng như vậy thì **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại được hay không?

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đúng là **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại như vậy. Bạch Ngài.

- Này Đại-vương! Đó là **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) thứ nhì hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại mà Như-Lai giải đáp.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn giải đáp cho quả-nhân biết các điều khác cao quý hơn về quả-báu của Sa-môn

(sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại. Bạch Ngài.

Nghe Đức-vua Ajātasattu bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay Đại-vương! Như-Lai sẽ giải đáp rõ ràng về **quả-báu của Sa-môn** (*sāmaññaphala*) hiện hữu trong thời hiện-tại cao quý hơn như sau:

- Nay Đại-vương! Sau khi số người tại gia nghe pháp phát sinh đức-tin trong sạch nơi Như-Lai, nên suy xét rằng:

“Đời sống của người tại gia bị nhiều điều ràng buộc khó mà thực hành phạm-hạnh cao thượng được dễ dàng; còn đời sống của các bậc xuất-gia ít vướng bận, nên thực hành phạm-hạnh trong sạch cao thượng được dễ dàng hơn.

“Vậy ta nên từ bỏ gia đình đi xuất gia trở thành tỳ-khưu thì tốt biết dường nào!”

Sau khi suy xét như vậy, số người ấy từ bỏ gia đình đi xuất gia trở thành tỳ-khưu có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo, giữ gìn nghiêm ngặt các điều-giới trong bhikkhupātimokkha, cẩn trọng thân, khẩu, ý thanh-tịnh, biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, thường thấy điều tai hại trong lỗi nhỏ, giữ gìn giới-hạnh được trong sạch làm nền tảng, làm nơi nương nhờ cho pháp-hành thiền-định.

Bậc thiền sắc-giới thiện-tâm

Số vị tỳ-khưu ấy là hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân (tīhetukapuggala) thực hành pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm.

Trong kiếp hiện-tại, số hành-giả ấy đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện tâm có khả năng nhập bậc thiền, để hưởng sự an-lạc đặc biệt trong bậc thiền sắc-giới thiện-tâm ấy.

Sau khi số hành-giả ấy chết, chắc chắn sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-ngũ-thiền sắc-giới thiện-tâm cao nhất ưu tiên cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp có đệ-ngũ-thiền sắc-giới quả-tâm gọi là sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta) làm phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là Vehapphalābhūmi: Quảng-quả-thiên. Vị phạm-thiên hưởng an-lạc trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên ấy cho đến hết tuổi thọ (chết), rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Sắc-giới thiện-nghiệp trong 4 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma), không còn có cơ hội cho quả được nữa.

*- Nay Đại-vương! 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm là **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala)*

hiện hữu trong kiếp hiện-tại này, quả-báu này cao quý hơn **quả-báu của Sa-môn** (sāmañña-phala) giữ gìn giới-hạnh trong sạch.

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn giải đáp cho quả-nhân biết các điều khác cao quý hơn nữa về **quả-báu của Sa-môn** (sāmañña-phala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại. Bạch Ngài.

Nghe Đức-vua Ajātasattu bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay Đại-vương! Như-Lai sẽ giải đáp rõ ràng về **quả-báu của Sa-môn** (sāmañña-phala) hiện hữu trong thời hiện-tại cao quý hơn như sau:

Bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm

- Nay Đại-vương! Có số vị tỳ-khưu là hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân (tihetukapuggala) thực hành pháp-hành thiền-định có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Trong kiếp hiện-tại, số hành-giả ấy đã chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm có khả năng nhập bậc thiền, để hưởng sự an-lạc đặc biệt trong bậc thiền thiện-tâm ấy.

Sau khi số hành-giả ấy chết, chắc chắn vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong đệ-tứ-thiền vô-sắc-giới

thiện-tâm cao nhất gọi là phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên thiện-tâm ưu tiên cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp có đệ-tứ-thiên vô-sắc-giới quả-tâm là phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên quả-tâm gọi là vô-sắc-giới tái-sinh-tâm (paṭisandhicitta), làm phận sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên tột đỉnh gọi là phi-tướng-phi-phi-tướng-xứ-thiên ấy.

Vị phạm-thiên hưởng an-lạc trên tầng trời vô-sắc-giới ấy cho đến hết tuổi thọ (chết), rồi tái-sinh kiếp sau trong cõi-giới khác tùy theo nghiệp và quả của nghiệp của vị phạm-thiên ấy.

Sắc-giới thiện-nghiệp trong 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm và vô-sắc-giới thiện-nghiệp trong 3 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm bậc thấp còn lại trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma), không còn có cơ hội cho quả được nữa.

*- Nay Đại-vương! 4 bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm là **quả-báu của Sa-môn** (sāmañña-phala) hiện hữu trong kiếp hiện-tại này, quả-báu này cao quý hơn **quả-báu của Sa-môn** (sāmañña-phala) chứng đắc 5 bậc thiên sắc-giới thiện-tâm.*

*- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn giải đáp cho quả-nhân biết các điều khác cao quý hơn nữa về **quả-báu của Sa-môn***

(*sāmaññaphala*) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại. Bạch Ngài.

Nghe Đức-vua Ajātasattu bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay Đại-vương! Như-Lai sẽ giải đáp rõ ràng về **quả-báu của Sa-môn** (*sāmaññaphala*) hiện hữu trong thời hiện-tại cao quý hơn như sau:

- Nay Đại-vương! Số tỳ-khuru chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm, có khả năng luyện tập 5 phép tam-giới thần-thông (*lokiya abhiññā*).

Phép tam-giới thần-thông có 5 loại:

- 1- *Iddhividha abhiññā*: Đa-dạng-thông.
- 2- *Dibbacakkhu abhiññā*: Thiên-nhãn-thông.
- 3- *Dibbasota abhiññā*: Thiên-nhĩ-thông.
- 4- *Cetopariya abhiññā*: Tha-tâm-thông.
- 5- *Pubbenivāsānussati abhiññā*: Tiền-kiếp-thông.

Phần giảng giải

1- *Iddhividha abhiññā*: Đa-dạng-thông

- Nay Đại-vương! Hành-giả chứng đắc phép **đa-dạng-thông** (*iddhividha abhiññā*) này do năng lực phát nguyện được thành-tựu nhiều loại thần-thông khác nhau như sau:

- Một người trở thành nhiều người.

- Nhiều người trở thành một người.
- Hiện hình đến một nơi theo ý muốn.
- Tàng hình không cho ai thấy.
- Đi xuyên qua tường như đi qua chỗ trống.
- Đi xuyên qua núi như đi qua chỗ trống.
- Đi trên mặt nước như đi trên mặt đất.
- Chui xuống mặt đất như lặn xuống nước, ...

Phép-thần-thông này do năng lực phát nguyện trở thành nhiều loại thần-thông khác nhau.

2- Dibbacakkhu abhiññā: Thiên-nhân-thông

- *Này Đại-vương! Hành-giả chứng đắc phép **thiên-nhân-thông** (dibbacakkhu abhiññā) hơn cả mắt thường của loài người, có khả năng thấy rõ sự tử, sự tái-sinh của mọi chúng-sinh thấp hèn hoặc cao quý, thọ khổ hoặc thọ lạc. Hành-giả thấy rõ biết rõ nhóm chúng-sinh tái-sinh kiếp sau tùy theo nghiệp của mỗi chúng-sinh.*

Nếu chúng-sinh nào tạo ác-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý. Sau khi chúng-sinh ấy chết, ác-nghiệp có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngã-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy, cho đến khi mãn quả khổ của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

Nếu chúng-sinh nào tạo đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý. Sau khi chúng-sinh ấy chết, đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả

tái-sinh kiếp sau trong cõi thiện-dục-giới (cõi người hoặc 6 cõi trời dục-giới) hưởng quả an-lạc trong cõi thiện dục-giới ấy, cho đến khi mãn quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy, mới rời khỏi cõi thiện-dục-giới ấy.

Thiên-nhân-thông thấy rõ, biết rõ sự tử, sự tái-sinh kiếp sau của mỗi chúng-sinh dù lớn dù nhỏ đều do nghiệp và quả của nghiệp của chúng-sinh ấy.

3- Dibbasota abhiññā: Thiên-nhĩ-thông

- Nay Đại-vương! Hành-giả chứng đắc phép **thiên-nhĩ-thông** (*dibbasota abhiññā*) hơn cả tai của loài người, có khả năng nghe rõ được 2 thứ tiếng là tiếng các hạng chư-thiên và các thứ tiếng của loài người dù xa, dù gần, dù nhỏ, dù lớn.

4- Cetopariya abhiññā: Tha-tâm-thông

- Nay Đại-vương! Hành-giả chứng đắc phép **tha-tâm-thông** (*cetopariya abhiññā*) này, có khả năng biết tâm của người khác, của chúng-sinh khác bằng tâm của mình rằng:

- Tâm có tham thì biết tâm có tham.
- Tâm không có tham thì biết tâm không có tham.
- Tâm có sân thì biết tâm có sân.
- Tâm không có sân thì biết tâm không có sân.
- Tâm có si thì biết tâm có si.

- Tâm không có si thì biết tâm không có si.
- Tâm buồn-chán, buồn-ngủ thì biết tâm buồn-chán, buồn-ngủ.
- Tâm phóng-tâm thì biết tâm phóng-tâm.
- Tâm bậc cao thì biết tâm bậc cao.
- Tâm không phải bậc cao thì biết tâm không phải bậc cao.
- Tâm có tâm cao hơn thì biết tâm có tâm cao hơn.
- Tâm không có tâm cao hơn thì biết tâm không có tâm cao hơn.
- Tâm có định thì biết tâm có định.
- Tâm không có định thì biết tâm không có định.
- Tâm thoát khỏi phiền-não thì biết tâm thoát khỏi phiền-não.
- Tâm không thoát khỏi phiền-não thì biết tâm không thoát khỏi phiền-não.

5- Pubbenivāsānussati abhiññā: Tiền-kiếp-thông

- Nay Đại-vương! Hành-giả chứng đắc phép **tiền-kiếp-thông** (*pubbenivāsānussati abhiññā*) này, có khả năng nhớ lại tiền-kiếp của mình 1 kiếp, 2 kiếp, ... 10 kiếp, 20 kiếp, ... 100 kiếp, 1.000 kiếp, 100 ngàn kiếp, ... Trong mỗi kiếp ấy có tên gì, thuộc dòng dõi nào, có tuổi thọ bao nhiêu. Sau khi chết nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau thuộc loài chúng-sinh nào, ...

- *Này Đại-vương! 5 phép-thần-thông đó là **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu trong kiếp hiện-tại này, cao quý hơn **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) chứng đắc các bậc thiên vô-sắc-giới thiện-tâm.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, kính thỉnh Đức-Thế-Tôn giải đáp cho quả-nhân biết các điều khác cao quý hơn nữa về **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu rõ ràng trong thời hiện-tại. Bạch Ngài.*

Nghe Đức-vua Ajātasattu bạch như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- *Này Đại-vương! Như-Lai sẽ giải đáp rõ ràng về **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu trong thời hiện-tại cao quý hơn như sau:*

- *Này Đại-vương! Số tỳ-khưu ấy là hành-giả thuộc về hạng người tam-nhân (tihetukapuggala) đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ, thực hành pháp-hành thiên-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh A-ra-hán có trí-tuệ tự biết rõ mọi tham-ái, mọi phiền-não đã được diệt tận không còn dư sót, phận-sự nên thực hành thì đã thực hành xong, phạm-hạnh đã hoàn thành, kiếp này là kiếp chót, sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- *Này Đại-vương! Đó là **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu trong kiếp hiện-tại cao quý tột đỉnh, không còn có **quả-báu của Sa-môn** (sāmaññaphala) hiện hữu trong kiếp hiện-tại nào cao hơn nữa.*

Đức-vua Ajātasattu thọ phép quy-y Tam-bảo

Khi lắng nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Đức-vua Ajātasattu kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, lời giáo huấn của Đức-Thế-Tôn thật là huyền diệu quá! Ví như lật ngửa đồ vật đã bị sắp; mở ra đồ vật đã bị đóng; chỉ đường cho người lạc đường; rọi đèn vào nơi tối tăm với suy nghĩ rằng: người có đôi mắt sáng sẽ nhìn thấy rõ mọi đồ vật như thế nào. Đức-Thế-Tôn thuyết giảng chánh-pháp bằng nhiều cách cũng như thế ấy.*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin thọ phép quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin thọ phép quy-y nơi Đức Pháp-bảo, xin thọ phép quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khuru Tăng-bảo.*

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhân con là cận-sư-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn kiếp.

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, những tội-lỗi do con si mê lầm lạc, ngu xuẩn, mê muội, không minh mẫn, khiến con đã phạm tội ác giết Đức-*

Phụ-hoàng của con là đáng minh-quân thọ-trì thiện-pháp, bởi vì con muốn lên ngôi làm vua.

- Kính xin Đức-Thế-Tôn chứng minh lời sám hối tội-lỗi của con, từ nay về sau con không tái phạm nữa.

Nghe Đức-vua Ajātasattu sám hối tội-lỗi của mình như vậy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

- Nay Đại-vương! Thật vậy, những tội-lỗi do si mê lầm lạc, ngu xuẩn, mê muội, không minh mẫn, khiến Đại-vương đã phạm tội giết Đức-Phụ-hoàng của mình, là đáng minh-quân thọ-trì thiện-pháp, bởi vì muốn lên ngôi làm vua nên Đại-vương đã tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết cha. Nhưng mà Đại-vương đã thấy sự sai lầm thật sự. Đại-vương đã sám hối đúng theo sự-thật, kính xin Như-Lai chứng minh lời sám hối tội-lỗi của Đại-vương.

Người nào biết nhận tội-lỗi của mình đúng là tội-lỗi thật sự, rồi người ấy biết sám hối tội-lỗi ấy, có tác-ý tránh xa không tái phạm nữa, đó là pháp tiến hóa của bậc Thánh-nhân vậy.

Khi nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy như vậy, Đức-vua Ajātasattu phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ tán dương ca tụng Đức-Thế-Tôn, rồi đảnh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép hồi cung.

Chú-giải bài kinh *Sāmaññaphalasutta*

Tóm lược Chú-giải *bài kinh Sāmaññaphalasutta* như sau:

Sau khi Đức-vua *Ajātasattu* đã tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết Đức Phụ-hoàng *Bimbisāra* là bậc Thánh Nhập-lưu, Đức-vua *Ajātasattu* phát sinh nổi khổ tâm, biết ăn năn hối lỗi, nên nhờ vị quan ngự-y *Jīvaka* dẫn đến hầu đánh lễ Đức-Phật đang ngự tại khu vườn xoài của quan ngự-y *Jīvaka*. Khi ấy, Đức-Phật thuyết giảng bài kinh *Sāmaññaphalasutta* tế độ Đức-vua *Ajātasattu*. Sau khi lắng nghe bài kinh ấy, Đức-vua *Ajātasattu* phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có, nếu Đức-vua không phạm ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết cha thì trở thành bậc Thánh Nhập-lưu ngay tại nơi ấy, nhưng vì Đức-vua đã phạm ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết cha, nên không thể trở thành bậc Thánh Nhập-lưu được.

Đức-vua *Ajātasattu* phát sinh đại-thiện-tâm có đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính xin thọ phép quy-y Tam-bảo, kính xin Đức-Phật công nhận Đức-vua là người cận-sự-nam đã quy-y Tam-bảo kể từ đó cho đến trọn kiếp. Rồi Đức-vua *Ajātasattu* thành tâm xin sám hối tội-lỗi

giết Đức Phụ-hoàng của mình, kính xin Đức-Phật chứng minh lời sám hối tội-lỗi của mình.

Từ đó về sau, Đức-vua Ajātasattu là cận-sư-nam có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, hết lòng phụng sự Tam-bảo cho đến trọn kiếp.

Đức-vua Ajātasattu hộ độ kỳ kết tập Tam-tạng lần thứ nhất

Sau khi *Đức-Phật Gotama* tịch diệt Niết-bàn được 3 tháng 4 ngày, Ngài *Đại-trưởng-lão Mahākassapa* chủ trì kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và *Chú-giải Pāli lần thứ nhất* gồm có 500 bậc Thánh A-ra-hán có đầy đủ tứ tuệ-phân-tích, lục-thông, đặc biệt thông thuộc Tam-tạng Pāli và *Chú-giải Pāli*, vào mùa an cư nhập hạ tại động Sattapaṇṇi, gần kinh-thành Rājagaha, nước Māgadha, suốt 7 tháng mới hoàn thành trọn bộ Tam-tạng Pāli và *Chú-giải Pāli*.

Kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và *Chú-giải Pāli lần thứ nhất* này bằng cách **truyền khẩu** (*mukha-pāṭha*), chưa ghi chép bằng chữ viết.

Đức-vua Ajātasattu đất nước Māgadha là cận-sư-nam thí-chủ hộ độ 500 bậc Thánh A-ra-hán suốt 7 tháng trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và *Chú-giải Pāli lần thứ nhất* này.

Cho nên, sau khi Đức-vua *Ajātasattu* băng hà, đáng lẽ **ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy** cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi *đại-địa-ngục Avīci*, nhưng nhờ *các đại-thiện-nghiệp đặc biệt ấy nhất là đại-thiện-nghiệp thọ phép quy-y Tam-bảo và hộ độ 500 vị Thánh A-ra-hán suốt 7 tháng trong kỳ kết tập Tam-tạng Pāli và Chú-giải Pāli lần thứ nhất*, làm giảm bớt tiềm năng cho quả của ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy, nên chỉ cho quả tái-sinh trong *cõi tiểu-địa-ngục nổi đồng sôi (lohakumbhī)*, từ miệng nổi đồng chìm nhào lộn xuống đến đáy nổi đồng suốt 30.000 năm, rồi từ đáy nổi đồng nổi nhào lộn lên đến miệng nổi đồng suốt 30.000 năm, gồm tất cả suốt 60.000 năm mới mãn quả của ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy.

Nhờ có *đại-thiện-nghiệp các pháp-hạnh ba-la-mật* đã được tích lũy đầy đủ từ vô số kiếp trong quá-khứ cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người là hậu-kiếp của Đức-vua *Ajātasattu* trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian.

Hậu-kiếp của Đức-vua *Ajātasattu* sẽ xuất gia, rồi trở thành Đức-Phật Độc-Giác có danh hiệu là **Đức-Phật Độc-Giác *Vijitāvī*** ⁽¹⁾, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

¹ Dī, Aṭṭhakathā, Sīlakkhandhavagga, Sāmaññaphalasuttavaṇṇanā.

Nghiệp và quả của nghiệp của Đức-vua Ajātasattu

Như vậy, *hoàng-tử Ajātasattu* vốn dĩ đã từng tích lũy các pháp-hạnh ba-la-mật từ vô số kiếp quá-khứ, nếu kiếp hiện-tại *hoàng-tử Ajātasattu* gần gũi thân cận với bậc thiện-trí trong Phật-giáo, thì chắc chắn sẽ trở thành *bậc Thánh Nhập-lưu* trong Phật-giáo.

Khi Đức-vua Ajātasattu gần gũi thân cận với *người ác (tỳ-khuru Devadatta)*, nghe lời khuyên bảo của tỳ-khuru Devadatta, tạo các ác-nghiệp nhất là *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội giết Đức-Phụ-hoàng Bimbisāra*. Nhưng khi nghe tin Đức-Phụ-hoàng băng hà, Đức-vua Ajātasattu phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực, đồng thời Đức-vua Ajātasattu biết ăn năn hối hận tội-lỗi của mình, ban đêm khổ tâm không ngủ được.

Vì vậy, **Đức-vua Ajātasattu** là *người ác*.

Về sau, nhờ *quan ngự-y Jīvaka* là *bậc Thánh Nhập-lưu* thỉnh Đức-vua Ajātasattu ngự đến hầu đánh lễ Đức-Phật Gotama đang ngự tại khu vườn xoài của ngự-y Jīvaka. Đức-Phật thuyết giảng *bài kinh Sāmaññaphalasutta* tể độ Đức-vua Ajātasattu.

Sau khi nghe *bài kinh Sāmaññaphalasutta* xong, Đức-vua Ajātasattu phát sinh đại-thiện-tâm hỷ lạc chưa từng có bao giờ, Đức-vua

Ajātasattu phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, kính bạch Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con thành kính xin thọ phép quy-y nơi Đức-Thế-Tôn, xin thọ phép quy-y nơi Đức Pháp-bảo, xin thọ phép quy-y nơi chư Đại-đức tỳ-khuru Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn kiếp.

Rồi Đức-vua Ajātasattu thành tâm xin sám hối tội-lỗi giết Đức Phụ-hoàng của mình. Kính xin Đức-Phật chứng minh lời sám hối tội-lỗi của mình.

Từ đó về sau, Đức-vua Ajātasattu là cận-sự-nam có đức-tin trong sạch đặc biệt nơi Tam-bảo: Đức-Phật-bảo, Đức-Pháp-bảo, Đức-Tăng-bảo, hết lòng phụng sự Tam-bảo cho đến trọn kiếp.

Vì vậy, **Đức-vua Ajātasattu** là *người thiện*.

Xét về tỳ-khuru Devadatta và Đức-vua Ajātasattu

Tỳ-khuru Devadatta và Đức-vua Ajātasattu đều đã tạo ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội, nhưng mỗi người sau khi chết, do nhân nào mà ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi địa-ngục khác nhau và thời gian lâu khác nhau như vậy?

* Tỳ-khuru Devadatta

Tỳ-khuru Devadatta đã tạo 2 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội là **chia rẽ chư tỳ-khuru-Tăng** và **làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật**. Đó là 2 loại ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội nặng bậc nhất và bậc nhì.

Đến khi bị lâm bệnh nặng gần chết, *tỳ-khuru Devadatta* mới biết ăn năn hối lỗi, muốn đến hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi xin sám hối tội-lỗi của mình trước khi chết.

Tỳ-khuru Devadatta được khiêng đến bờ hồ trong khuôn viên chùa Jetavana, để tắm rửa sạch sẽ trước khi đến hầu đánh lễ Đức-Phật để sám hối tội-lỗi của mình, khi vừa đưa chân xuống khỏi giường thì mặt đất nứt ra làm đôi hút tỳ-khuru Devadatta xuống lòng đất. Khi đang bị hút xuống lòng đất, *tỳ-khuru Devadatta* chấp hai tay đưa lên đầu thốt lên lời kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Phật vừa dứt, thì bị hút sâu vào lòng đất.

Sau khi *tỳ-khuru Devadatta* chết, ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy cho quả tái-sinh kiếp kế tiếp trong cõi đại-địa-ngục *Avīci*, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt thời gian lâu 100 ngàn đại-kiếp trái đất.

Sau khi mãn hạn quả của ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy, mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục ấy.

Nhờ có *đại-thiện-nghiệp 20 pháp-hạnh ba-la-mật* đã được tích lũy từ vô số kiếp quá-khứ sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trở lại làm người, trong thời-kỳ không có Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác xuất hiện trên thế gian.

Hậu-kiếp của tỳ-khuru Devadatta sẽ xuất gia, rồi sẽ trở thành *Đức-Phật Độc-Giác* có danh hiệu là “**Đức-Phật Độc-Giác Aṭṭhissara**”, rồi sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Như vậy, *tỳ-khuru Devadatta* và *Đức-vua Ajātasattu* tuy cả 2 đều đã tạo *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội*, nhưng tính chất của mỗi *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội (anantariyakamma)* khác nhau, thời gian tạo ác-nghiệp khác nhau, thời gian biết ăn năn sám hối tội-lỗi khác nhau, thời gian tạo *đại-thiện-nghiệp* khác nhau, ... Cho nên, *ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi địa-ngục khác nhau, thời gian chịu quả khổ của ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy khác nhau.

Giải giải kamma và kammaphala

* **Kamma** nghĩa là **nghiệp** đó là *tác-ý tâm-sở (cetanācetasika)* là 1 trong 52 loại tâm-sở.

Nghiệp có 2 loại:

- Nếu khi *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với 12 ác-tâm thì tạo **ác-nghiệp**.

- Nếu khi *tác-ý tâm-sở* đồng sinh với 21 *thiện-tâm* thì tạo **4 loại thiện-nghiệp**.

Thiện-nghiệp có 4 loại:

1- *Dục-giới thiện-nghiệp* hoặc *đại-thiện-nghiệp* trong 8 *đại-thiện-tâm*.

2- *Sắc-giới thiện-nghiệp* trong 5 *sắc-giới thiện-tâm*.

3- *Vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong 4 *vô-sắc-giới thiện-tâm*.

4- *Siêu-tam-giới thiện-nghiệp* trong 4 *Thánh-đạo-tâm*.

Tính chất của ác-nghiệp, đại-thiện-nghiệp

Mọi người đều có quyền hoàn toàn **chủ động** tự lựa chọn tạo *ác-nghiệp* nào hoặc tạo *đại-thiện-nghiệp* nào tùy theo khả năng của mình.

Tuy nhiên, số người đã tạo ác-nghiệp nào, rồi tự biện hộ cho mình vì lý do này hoặc lý do khác, nhưng mà sự-thật trước khi tạo ác-nghiệp ấy chính họ tự chủ động có quyền lựa chọn.

Ví dụ: Nếu họ không chịu tạo ác-nghiệp nói dối thì có ai có thể bắt buộc khẩu của họ nói dối được hay không?

Thật vậy, tạo mỗi ác-nghiệp nào ta có quyền hoàn toàn **chủ động** tự lựa chọn có nên tạo ác-nghiệp ấy hoặc không nên tạo ác-nghiệp ấy.

- Nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không tin nghiệp và quả của nghiệp, không giữ gìn ngũ-giới; khi thấy có nhiều tiền bạc thuộc về cửa-chung, người ấy nghĩ rằng: *“Ta lấy một phần tiền bạc chắc không ai biết”*. Cho nên, người ấy tạo *ác-nghiệp trộm-cấp tiền bạc*. Vì vậy, người ấy bị gọi là **người ác**, bởi vì *tâm tham tiền bạc* sai khiến người ấy tạo ác-nghiệp.

- Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, giữ gìn ngũ-giới trong sạch; khi thấy có nhiều tiền bạc thuộc về cửa-chung, người ấy tránh xa sự trộm-cấp tiền bạc. Cho nên, người ấy tạo *đại-thiện-nghiệp không trộm-cấp tiền bạc*. Vì vậy, người ấy được gọi là **người thiện**, bởi vì *tâm vô-tham tiền bạc* của người ấy.

- Nếu người nào không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi, không tin nghiệp và quả của nghiệp, không giữ gìn ngũ-giới; thêm muốn uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ dãi trong mọi thiện-pháp. Cho nên, người ấy tạo ác-nghiệp uống rượu và các chất say, ... Vì vậy, người ấy bị gọi là **người ác**. Nếu người ác ấy mời các người bạn khác cùng chung uống rượu và các chất say thì người ác ấy là **người ác hơn người ác** trong đời.

- Nếu người nào biết hổ-thẹn tội-lỗi, biết ghê-sợ tội-lỗi, tin nghiệp và quả của nghiệp, giữ gìn ngũ-giới trong sạch, tránh xa sự uống rượu và các chất say là nhân sinh sự dễ duôi trong mọi thiện-pháp. Cho nên, người ấy tạo *đại-thiện-nghiệp* không uống rượu và các chất say. Vì vậy, người ấy được gọi là **người thiện**. Nếu người thiện ấy khuyên dạy các người bạn khác cũng tránh xa sự uống rượu và các chất say thì người thiện ấy là **người thiện hơn người thiện** trong đời, ...

Mỗi khi chúng-sinh nào đã tạo ác-nghiệp hoặc đại-thiện-nghiệp nào rồi, dù nhẹ dù nặng, tất cả mọi nghiệp ấy đều được lưu trữ, tích lũy đầy đủ trọn vẹn ở trong **tâm** của chúng-sinh ấy, từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô-thủy cho đến kiếp hiện-tại, không hề bị mất mát một mảy may nào cả, đó là tính chất của nghiệp.

Tính chất quả của nghiệp (Kammaphala)

Kammaphala nghĩa là *quả của nghiệp*.

Quả của nghiệp có 2 loại:

- **Ác-nghiệp** cho quả khổ, quả xấu.
- **Đại-thiện-nghiệp** cho quả an-lạc, quả tốt.

Mỗi ác-nghiệp, mỗi đại-thiện-nghiệp có **ơ hội cho quả** trong *kiếp hiện-tại (kiếp thứ nhất)*;

cho quả tái-sinh *kiếp kế-tiếp* (*kiếp thứ nhì*); và tiếp tục cho quả từ *kiếp thứ ba* cho đến *kiếp chót* của *bậc Thánh A-ra-hán*, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân hồi trong tam-giới. Khi ấy, *tất cả mọi ác-nghiệp và mọi đại-thiện-nghiệp* đều trở thành ***vô-hiệu-quả-nghiệp*** (*ahosikamma*) không còn có cơ hội cho quả của nghiệp được nữa.

Cơ hội đại-thiện-nghiệp, ác-nghiệp cho quả

Tất cả mọi chúng-sinh trong tam-giới nói chung, mọi người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu nói riêng, đã từng tạo mọi đại-thiện-nghiệp và mọi ác-nghiệp dù nhẹ dù nặng cũng đều được lưu trữ ở trong ***tâm*** của mỗi chúng-sinh, từ kiếp này sang kiếp kia, từ vô thủy trải qua vô số kiếp, trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài cho đến kiếp hiện-tại.

* Nếu ***đại-thiện-nghiệp*** nào gặp ***thuận-duyên*** (*sampatti*) thì đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội cho *quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp* ấy; nhưng nếu gặp ***nghịch-duyên*** (*vipatti*) thì đại-thiện-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả của đại-thiện-nghiệp ấy, chờ cơ hội thuận-duyên khác.

* Nếu ***ác-nghiệp*** nào gặp ***nghịch-duyên*** (*vipatti*) thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho *quả xấu, quả khổ*

*của ác-nghiệp ấy; nhưng nếu gặp **thuận-duyên** (sampatti) thì ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả của ác-nghiệp ấy, chờ cơ hội nghịch-duyên.*

Nghiệp cho quả theo 4 sampatti, 4 vipatti

** Mỗi **đại-thiện-nghiệp** cho quả tốt, quả an-lạc theo 4 sampatti.*

Sampatti: Thuận-duyên, có 4 pháp ⁽¹⁾

1- *Gatisampatti:* Cõi-giới thuận-duyên là các cõi thiện-giới (cõi người, 6 cõi trời dục-giới, ...).

2- *Upadhisampatti:* Thân-thể thuận-duyên là thân-thể khỏe mạnh, có đầy đủ các bộ phận, không bị tật nguyên.

3- *Kālasampatti:* Thời-gian thuận-duyên là thời gian có đầy đủ sung túc mọi nhu cầu cần thiết trong cuộc sống.

4- *Payogasampatti:* Tinh-tần thuận-duyên là sự tinh-tần tạo mọi thiện-pháp.

Nếu **đại-thiện-nghiệp** nào gặp **thuận-duyên** (sampatti) thì **đại-thiện-nghiệp** ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc; nếu **đại-thiện-nghiệp** ấy gặp **nghịch-duyên** (vipatti) thì **đại-thiện-nghiệp** ấy không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc.

¹ *Ang. Tikanipāta, Aṭṭhakathā, Nidānasuttavaṇṇanā.*

* Mỗi **ác-nghiệp** cho quả xấu, quả khổ theo 4 *vipatti*.

Vipatti: Nghịch-duyên, có 4 pháp:

1- *Gativipatti:* Cõi-giới nghịch-duyên là 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh).

2- *Upadhivipatti:* Thân-thể nghịch-duyên là thân thể bị tật nguyên.

3- *Kālavipatti:* Thời-gian nghịch-duyên là thời gian gặp nạn đói, nạn dịch bệnh, v.v...

4- *Payogavipatti:* Tinh-tấn nghịch-duyên là tinh-tấn tạo mọi ác-pháp.

Nếu ác-nghiệp nào gặp trường hợp **ngịch-duyên** (*vipatti*) thì ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ; nếu ác-nghiệp ấy gặp trường hợp **thuận-duyên** (*sampatti*) thì ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ.

Trong bộ *Vi-Diệu-Pháp Yếu-Nghĩa* phân chia:

- Ác-nghiệp có cơ hội cho quả xấu, quả khổ theo 4 ***vipatti*** (*ngịch-duyên*).

- Ác-nghiệp không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ theo 4 ***sampatti*** (*thuận-duyên*).

- Đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc theo 4 ***sampatti*** (*thuận-duyên*).

- Đại-thiện-nghiệp không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc theo 4 ***vipatti*** (*ngịch-duyên*).

Những cơ hội cho quả như sau:

1- Ác-nghiệp nào gặp gativipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

2- Ác-nghiệp nào gặp upadhipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

3- Ác-nghiệp nào gặp kālavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

4- Ác-nghiệp nào gặp payogavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

5- Ác-nghiệp nào gặp gatisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

6- Ác-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

7- Ác-nghiệp nào gặp kālasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

8- Ác-nghiệp nào gặp payogasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

9- Đại-thiện-nghiệp nào gặp gatisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

10- Đại-thiện-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy,

11- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *kālasampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

12- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *payogasampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

13- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *gativipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

14- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *upadhivipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

15- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *kālavipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

16- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *payogavipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

Giải đáp 16 trường-hợp

1- Ác-nghiệp nào gặp *gativipatti* thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?

Chúng-sinh nào đã tạo ác-nghiệp nào, sau khi chúng-sinh ấy chết, nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (*paṭi-sandhikāla*) trong cõi ác-giới (*gativipatti*) thì ác-

nghiệp ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

2- *Ác-nghiệp nào gặp upadhivipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Đại-thiện-nghiệp cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (*paṭisandhikāla*) đầu thai làm người trong gia đình thấp hèn nghèo khổ, tiếp theo trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện-tại, ác-nghiệp cho quả xấu nên thai nhi bị tật nguyên từ trong bụng mẹ.

Khi thai nhi sinh ra đời có thân hình tật nguyên xấu xí, đến lúc trưởng thành, đứa bé có thân hình tật nguyên xấu xí (*upadhivipatti*), nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp, đứa bé chịu bao nhiêu nỗi khổ bệnh hoạn ốm đau, thiếu thốn đói khổ trong cuộc sống.

3- *Ác-nghiệp nào gặp kālavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào sinh ra trong thời-kỳ gặp nạn đói (*kālavipatti*), nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả xấu, quả khổ, người ấy chịu cảnh thiếu ăn đói khổ.

4- *Ác-nghiệp nào gặp payogavipatti thì có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào tinh-tấn tạo ác-nghiệp (*payoga-vipatti*), nên ác-nghiệp có cơ hội cho quả khổ, người ấy phải chịu quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

5- *Ác-nghiệp gặp gatisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã từng tạo ác-nghiệp nào, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả mà đại-thiện-nghiệp khác có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới (*gatisampatti*), nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

6- *Ác-nghiệp nào gặp upadhisampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã từng tạo ác-nghiệp nào, sau khi người ấy chết, ác-nghiệp ấy không có cơ hội cho quả mà đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp (*paṭisandhikāla*) đầu thai làm người, thai nhi là con gái trong gia đình nghèo tại làng quê.

Khi sinh ra đời, lúc lớn lên trở thành cô gái xinh đẹp tuyệt trần (*upadhisampatti*).

Một hôm, Đức-vua ngự đi du lãm, nhìn thấy cô gái ấy, Đức-vua đem lòng yêu thương nên rước về cung, tấn phong cô gái xinh đẹp tuyệt trần ấy lên ngôi Chánh-cung Hoàng-hậu của Đức-vua.

Như vậy, cô gái có thân hình xinh đẹp tuyệt trần (*upadhisampatti*), nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ.

7- *Ác-nghiệp nào gặp kālasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào sinh ra trong thời-kỳ sung túc, có đầy đủ mọi thứ nhu cầu cần thiết trong cuộc sống (*kālasampatti*), nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả khổ của ác-nghiệp ấy.

8- *Ác-nghiệp nào gặp payogasampatti thì không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã từng tạo ác-nghiệp nào, về sau, người ấy tránh xa mọi ác-nghiệp ấy, cố gắng tinh-tấn tạo mọi đại-thiện-nghiệp (*payogasampatti*), nên ác-nghiệp ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả xấu, quả khổ của ác-nghiệp ấy.

9- *Đại-thiện-nghiệp nào gặp gatisampatti thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như thế nào?*

Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp* nào, sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp* (*paṭi-sandhikāla*) *hóa-sinh* làm vị *thiên-nam* trên cõi *trời dục-giới* (*gatisampatti*), nên *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy.

10- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *upadhisampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Người nào đã tạo *đại-thiện-nghiệp* nào, sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp* (*paṭi-sandhikāla*) *đầu thai* vào lòng *Chánh-cung Hoàng-hậu* của *Đức-vua*.

Khi sinh ra đời, lúc trưởng thành là *Thái-tử khôi-ngô tuần-tú* (*upadhisampatti*) của *Đức-vua*, nên *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả *Thái-tử* lên ngôi làm vua, hưởng mọi an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy.

11- Đại-thiện-nghiệp nào gặp *kālasampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Đại-thiện-nghiệp nào cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp* (*paṭisandhikāla*) làm người trong *thời-kỳ đầu kiếp trái đất* (*kālasampatti*),

nên *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy, có vật thực đồ ăn thức uống đầy đủ tự nhiên.

12- *Đại-thiện-nghiệp* nào gặp *payogasampatti* thì có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Người nào có sự tinh-tấn tạo mọi thiện-pháp (*payogasampatti*), nên *đại-thiện-nghiệp* ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc đối với người ấy.

13- *Đại-thiện-nghiệp* nào gặp *gativipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Người nào đã từng tạo *đại-thiện-nghiệp* nào, sau khi người ấy chết, *đại-thiện-nghiệp* ấy không có cơ hội cho quả, mà ác-nghiệp khác có cơ hội cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp* (*paṭi-sandhikāla*) trong *cõi ác-giới* (*gativipatti*), nên *đại-thiện-nghiệp* ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc đối với chúng-sinh ấy.

14- *Đại-thiện-nghiệp* nào gặp *upadhivipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Người nào sinh làm *vị hoàng-tử tât-nguyên* của *Đức-vua* (*upadhivipatti*), nên *đại-thiện-nghiệp* ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả

tốt, quả an-lạc đối với vị hoàng-tử, nên không được chức vị cao cả nào trong triều đình.

15- *Đại-thiện-nghiệp* nào gặp *kālavipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Nếu người nào sinh ra trong thời-kỳ gặp nạn đói (*kālavipatti*) thì *đại-thiện-nghiệp* ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc đối với người ấy.

16- *Đại-thiện-nghiệp* nào gặp *payogavipatti* thì không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc của *đại-thiện-nghiệp* ấy như thế nào?

Nếu người nào có sự tinh-tấn tạo ác-nghiệp (*payogavipatti*) thì *đại-thiện-nghiệp* ấy bị ngăn cản, không có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc đối với người ấy.

Nghiệp và quả của nghiệp đối với chúng-sinh các cõi-giới

* *Chúng-sinh* đang sống trong cõi *địa-ngục* (*gativipatti*) thì chỉ có **ác-nghiệp** có cơ hội cho quả khổ mà thôi, còn **đại-thiện-nghiệp** không có cơ hội cho quả an-lạc trong cõi *địa-ngục* ấy.

Khi mãn quả của ác-nghiệp nặng trong cõi *đại-địa-ngục* ấy, ác-nghiệp ấy còn có năng lực thì tiếp tục cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong các

cõi *tiểu-địa-ngục* từ cõi *tiểu-địa-ngục* này đến cõi *tiểu-địa-ngục* khác, cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy mới thoát ra khỏi cõi địa-ngục.

Nếu có đại-thiện-nghiệp đã được tích lũy từ những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp kế-tiếp làm người trong cõi người, ác-nghiệp trong tiền-kiếp ấy vẫn có cơ hội cho quả khổ trong kiếp hiện-tại ấy.

* Chúng-sinh là loài súc-sinh, có một số như voi báu, ngựa báu, con chim biết nói tiếng người, con chó, con mèo tinh khôn, v.v... tuy chúng nó sinh ra do quả của ác-nghiệp trong thời-kỳ tái-sinh (*paṭisandhikāla*); nhưng trong thời-kỳ sau khi đã tái-sinh (*pavattikāla*) kiếp hiện-tại, do nhờ đại-thiện-nghiệp trong tiền-kiếp quá-khứ cho quả tốt, quả an-lạc trong kiếp hiện-tại.

* Chư vị thiên-nam hoặc vị thiên-nữ trong 6 cõi trời dục-giới (*gatisampatti*), thì chỉ có đại-thiện-nghiệp có cơ hội cho quả an-lạc mà thôi, còn ác-nghiệp không có cơ hội cho quả khổ trong 6 cõi trời dục-giới ấy.

Đến khi mãn quả của đại-thiện-nghiệp, vị chư-thiên hết tuổi thọ trong cõi trời ấy, sau khi vị chư-thiên ấy chết, nếu đại-thiện-nghiệp còn có năng lực thì tiếp tục có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp sau trở lại cõi trời cũ, hoặc cõi trời

dục-giới cao hơn hoặc thấp hơn cõi trời cũ, hoặc tái-sinh kiếp kế-tiếp làm người trong cõi người.

Chư-thiên ở cõi trời dục-giới bậc thấp hết tuổi thọ, sau khi chết, nếu ác-nghiệp có cơ hội cho quả thì tái-sinh kiếp kế-tiếp trong *cõi ác-giới*, được sinh trong cõi nào tùy theo năng lực của ác-nghiệp ấy, chịu quả khổ trong cõi ác-giới ấy.

* Chư phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới, 4 tầng trời vô-sắc-giới, chỉ có thiện-nghiệp cho quả an-lạc mà thôi, còn ác-nghiệp hoàn toàn không có cơ hội cho quả.

* ***Loài người đặc biệt*** đang sống trong *cõi Nam-thiện-bộ-châu* này (*cõi người mà chúng ta đang sinh sống*), khi thì *đại-thiện-nghiệp* có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc, khi thì *ác-nghiệp* có cơ hội cho quả xấu, quả khổ, cứ như vậy cho đến khi hết tuổi thọ, hoặc mãn quả của *đại-thiện-nghiệp* hỗ trợ (chết).

Con người trong cõi người Nam-thiện-bộ-châu này có khả năng đặc biệt hơn tất cả mọi chúng-sinh trong các cõi-giới khác như sau:

- *Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu* này có khả năng thuận lợi tạo mọi *thiện-nghiệp* từ *dục-giới đại-thiện-nghiệp* trong 8 *dục-giới đại-thiện-tâm*, *sắc-giới thiện-nghiệp* trong 5 *sắc-giới thiện-tâm*, *vô-sắc-giới thiện-nghiệp* trong 4 *vô-*

sắc-giới thiện-tâm, cho đến siêu-tam-giới thiện-nghiệp trong 4 Thánh-đạo-tâm.

- Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có khả năng thuận lợi nhất tạo đầy đủ 30 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc thượng, để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác.

- Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có khả năng thuận lợi nhất tạo đầy đủ 20 pháp-hạnh ba-la-mật: 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc trung, để trở thành Đức-Phật Độc-Giác.

- Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có khả năng thuận lợi nhất tạo đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật bậc hạ, để trở thành 2 bậc Thánh Tối-thượng thanh-văn-giác, các bậc Thánh Đại-thanh-văn-giác, ...

- Con người trong cõi Nam-thiện-bộ-châu này có thể tạo ác-nghiệp đến cực-ác như giết cha, giết mẹ, giết bậc Thánh A-ra-hán, làm bầm máu bàn chân của Đức-Phật, chia rẽ chư tỳ-khuru-Tăng gọi là pañcānantariyakamma: 5 ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội.

Sau khi người ấy chết, chắc chắn ác-nghiệp vô-gián-trọng-tội ấy cho quả tái-sinh kiếp kế tiếp trong cõi đại-địa-ngục Avīci, mà không có

ngiệp nào ngăn cản được, phải chịu quả khổ thiêu đốt trong cõi đại-địa-ngục Avīci ấy, suốt thời gian nhiều đại-kiếp trái đất.

Tất cả mọi chúng-sinh dù nhỏ dù lớn cũng đều bị chi phối do nghiệp và quả của nghiệp, tùy thuộc vào nghiệp và quả của nghiệp của mình.

Đức-Phật dạy các hàng thanh-văn đệ-tử hằng ngày thường suy xét về nghiệp và quả của nghiệp rằng:

“Kammassako ’mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kam-maṃ karissāmi kalyāṇaṃ vā pāpakaṃ vā, tassa dāyādo bhavissāmi.” ⁽¹⁾

Ta có nghiệp là cửa-riêng, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp’, ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

- Cho nên, mọi người muốn tạo đại-thiện-nghiệp nào đều có quyền hoàn toàn **chủ động** tự lựa chọn nên tạo đại-thiện-nghiệp ấy tùy theo khả năng của mình.

¹ Añ. Pañcakanipāta, Abhiṇhapaccavekkhitatabbatthānasutta.

Nếu **đại-thiện-nghiệp** nào gặp **thuận-duyên** (*sampatti*) thì **đại-thiện-nghiệp** ấy có cơ hội cho quả tốt, quả an-lạc, chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp ấy hoàn toàn **bị động** không có quyền lựa chọn được, chỉ có hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy như người thừa hưởng mà thôi.

- Cũng như vậy, mọi người muốn tránh tạo **ác-nghiệp** nào đều hoàn toàn **chủ động** có quyền tự lựa chọn nên hoặc không nên tạo **ác-nghiệp** ấy.

Nếu **ác-nghiệp** nào gặp **nghịch-duyên** (*vipatti*) thì **ác-nghiệp** ấy có cơ hội cho quả xấu, quả khổ, chủ-nhân của ác-nghiệp ấy hoàn toàn **bị động** không có quyền lựa chọn được, chỉ phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy như người thừa hưởng mà thôi.

Tính chất ác-nghiệp và quả khổ của ác-nghiệp

Người nào đã chủ động tạo **ác-nghiệp** nào rồi, **ác-nghiệp** ấy chỉ thuộc về của-riêng người ấy mà thôi, hoàn toàn không liên quan đến người nào khác cả; nhưng mà **quả khổ của ác-nghiệp** ấy thì không chỉ chủ-nhân của ác-nghiệp phải chịu quả khổ, mà còn liên lụy đến những người gần gũi thân cận với chủ-nhân của ác-nghiệp ấy, cũng phải chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy nữa, đó là tính chất ác-nghiệp và quả khổ của ác-nghiệp ấy. Ví dụ:

Quả khô của bất-thiện-nghiệp

Tích Ngài Trưởng-lão Losakatissa

Đức-Phật Gotama ngự tại ngôi chùa Jetavana, gần kinh-thành Sāvattthī, đề cập đến Ngài Trưởng-lão Losakatissa trong tích Losakajātaka⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ *Đức-Phật Kassapa*, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Losakatissa là vị tỳ-khuru còn là phàm-nhân có giới, thường thực hành pháp-hành thiện-tuệ, bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ.

Có thí-chủ xây dựng ngôi chùa làng, rồi thỉnh vị tỳ-khuru về làm trụ trì, xin hộ độ các thứ vật dụng cần thiết đến chư tỳ-khuru trong chùa. Hằng ngày, vị tỳ-khuru trụ trì đi khát thực, rồi độ vật thực tại nhà thí-chủ.

Một hôm, một vị Tăng khách là bậc Thánh Ara-hán từ phương xa đến đứng khát thực trước nhà thí-chủ. Khi nhìn thấy Ngài Tăng khách, thí-chủ liền phát sinh đức-tin trong sạch nơi Ngài Tăng khách, ông ra tận nơi kính thỉnh Ngài Trưởng-lão vào nhà, thỉnh Ngài Trưởng-lão ngồi chỗ cao quý, rồi kính dâng cúng dường vật thực đến Ngài Tăng khách.

¹ Bộ Jātakatṭhakathā, Atthakāmaṇḍavaṇṇa, tích Losakajātaka.

Ngài Trưởng-lão độ vật thực xong, người thí-chủ kính thỉnh Ngài thuyết-pháp, sau khi lắng nghe chánh-pháp thí-chủ phát sinh đức-tin vô cùng hoan-hỷ, kính thỉnh Ngài Tăng khách đến nghỉ lại tại ngôi chùa.

Vị tỳ-khuru trụ trì theo dõi thấy người thí-chủ tuy lần đầu tiên gặp vị Tăng khách này nhưng lại cung-kính đón tiếp niềm nở, khiến cho vị tỳ-khuru trụ trì nghĩ rằng:

“Ta là vị trụ trì ở tại ngôi chùa nhiều năm mà ông thí-chủ không đối xử với ta một cách niềm nở như đối với vị Tăng khách này.”

Vì vậy, vị tỳ-khuru trụ trì dẫn Ngài Tăng khách về chùa, tiếp đón một cách lạnh nhạt, vị tỳ-khuru trụ trì chỉ phòng nghỉ cho Ngài Trưởng-lão.

Ngài Tăng khách làm vệ sinh căn phòng xong, rồi Ngài ngồi *nhập quả-định (phalasamāpatti)* làm cho thân tâm được an-lạc.

Vào buổi chiều, người thí-chủ đi với những người nhà đem hoa, các thứ thuốc trị bệnh đến chùa, người thí-chủ vào đánh lễ vị tỳ-khuru trụ trì, cúng dường đến vị tỳ-khuru trụ trì một phần, rồi bạch hỏi rằng:

- Kính bạch Đại-đức trụ trì, Ngài Tăng khách nghỉ ở phòng nào? Bạch Đại-đức.

Vị tỳ-khuru trụ trì chỉ cho ông thí-chủ biết căn phòng nghỉ của Ngài Tăng khách.

Ông thí-chủ đến hầu đánh lễ Ngài Tăng khách, rồi kính dâng hoa và các thứ thuốc trị bệnh như bơ lỏng, mật ong, dầu, v.v... rồi kính thỉnh Ngài Tăng khách thuyết-pháp. Ông thí-chủ và những người nhà ngồi lắng nghe chánh-pháp đến tối.

Nghe pháp xong, ông thí-chủ vào đánh lễ vị trụ trì và bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài trụ trì, con kính thỉnh Ngài và Ngài Tăng khách ngày mai đến thọ thực tại tư gia của con. Bạch Ngài.*

Kính bạch như vậy xong, ông thí chủ đánh lễ Ngài trụ trì rồi xin phép trở về nhà.

Vị tỳ-khưu trụ trì nghĩ rằng: “*Ông thí-chủ này mới gặp Ngài Tăng khách hôm nay mà đối xử cung-kính đặc biệt với Ngài Tăng khách hơn cả ta ở tại ngôi chùa này. Nếu Ngài Tăng khách ở tại ngôi chùa này thì ông thí-chủ đâu còn cung-kính ta như trước nữa.*”

Do tính ganh tỵ nghĩ sai lầm như vậy, nên vị tỳ-khưu trụ trì không hài lòng để cho Ngài Tăng khách ở lại ngôi chùa này, nhưng chưa biết làm cách nào để Ngài Tăng khách đi ra khỏi chùa mà không làm mất lòng ông thí-chủ.

Ngài Tăng khách biết rằng: “*Vị tỳ-khưu trụ trì có thái độ không muốn ta ở lại ngôi chùa này. Sáng ngày mai, ta sẽ rời khỏi ngôi chùa này, trở về chỗ ở của ta.*”

Buổi sáng ngày hôm sau, đến giờ đi khát thực, vị tỳ-khưu trụ trì đánh chuông bằng cách búng ngón tay, gõ cửa bằng móng tay, rồi âm thầm mang bát đi đến tư gia của ông thí-chủ.

Biết vị trụ trì đã đi khát thực rồi, nên Ngài *Tăng khách* mặc y, mang bát bay lên hư không đến nơi khác, đi khát thực.

Người thí-chủ ra đón rước vị trụ trì, hai tay nhận cái bát, thỉnh mời vào nhà, thỉnh ngồi trên tọa cụ đã trải sẵn, người thí-chủ đánh lễ vị tỳ-khưu trụ trì, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài, Ngài Tăng khách sao chưa đến? Bạch Ngài.*

Vị tỳ-khưu trụ trì bảo với ông thí-chủ rằng:

- *Này ông thí-chủ! Ông kính trọng vị Tăng khách như thế nào không biết, còn sư đã đánh chuông, gõ cửa, mà vị Tăng khách vẫn chưa thức dậy được!*

Hôm qua, vị Tăng khách độ vật thực ngon miệng của ông, vẫn còn no cho đến hôm nay, sáng nay vị Tăng khách vẫn đang còn nằm ngủ say.

Thế mà ông lại kính trọng vị Tăng khách như thế!

Mặc dù nghe vị tỳ-khưu trụ trì nói về Ngài *Tăng khách* như vậy, nhưng ông thí-chủ vẫn hoàn toàn không tin đó là sự thật, mà có đức-tin trong sạch nơi Ngài *Tăng khách* là *Bậc đáng tôn kính*.

Sau khi vị tỳ-khưu trụ trì độ vật thực với món ăn đặc biệt gọi là *pāyāsa* (nấu bằng sữa, bơ, mật ong, đường thốt nốt rất công phu) xong, người thí-chủ đem cái bát rửa sạch rồi đặt món ăn *pāyāsa* vào bát, rồi đem đến bạch với vị tỳ-khưu trụ trì rằng:

- Kính bạch Ngài, Ngài Tăng khách ấy có lẽ đi đường xa vất vả nên còn mệt. Kính xin Ngài đem phần vật thực này về chùa, rồi kính dâng đến Ngài Tăng khách. Bạch Ngài.

Kính bạch xong, ông thí-chủ kính dâng bát vật thực ấy đến vị tỳ-khưu trụ trì. Vị tỳ-khưu trụ trì nhận cái bát mà không nói lời nào.

Trên đường đi trở về chùa, vị tỳ-khưu trụ trì nghĩ rằng: “Nếu vị Tăng khách ấy được ăn món *pāyāsa* ngon miệng này, dù ta nắm cổ lôi ra khỏi chùa, không dễ gì mà chịu đi ra khỏi chùa.

Nếu ta đem món ăn *pāyāsa* đến cho người khác thì chắc chắn sẽ bị lộ ra nhiều người biết, hoặc nếu ta đổ món ăn *pāyāsa* xuống nước thì dầu bơ nổi trên mặt nước, hoặc nếu ta đổ bỏ trên mặt đất, các bầy chim bay lại ăn thì sẽ bị lộ ra nhiều người biết.

Vậy, ta nên đổ bỏ món *pāyāsa* này ở đâu đây!

Vừa đi vừa nghĩ, chợt nhìn thấy đám cháy, vị tỳ-khưu trụ trì đi thẳng đến gần đám cháy, ngồi

xuống đào đất, đổ bỏ *món ăn pāyāsa* xuống lỗ, lấp đất, cào đồng than hồng phủ lên, chất thêm củi đốt cháy rồi đứng dậy, như trút bỏ được gánh nặng, chắc chắn không có ai hay biết được việc làm của mình. Vị tỳ-khuru trụ trì nhẹ nhõm đi trở về chùa.

Khi về đến chùa, vị tỳ-khuru trụ trì không thấy *Ngài Tăng khách* nên nghĩ rằng: “*Ngài Tăng khách ấy có lẽ là bậc Thánh A-ra-hán biết được ác-tâm xấu xa đê tiện của ta, nên Ngài đã bỏ đi đến nơi khác rồi!*”

Ôi! Ta đã tạo ác-nghiệp nặng nề tội tệ quá rồi!

Từ đó về sau, vị tỳ-khuru trụ trì vô cùng ăn năn hối hận, nên lâm bệnh nặng, không lâu vị tỳ-khuru trụ trì ấy chết. Sau khi chết, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi địa-ngục, bị thiêu đốt trong cõi địa-ngục suốt thời gian 100 ngàn năm mới mãn quả của ác-nghiệp ấy.

Khi thoát ra khỏi cõi địa-ngục, năng lực của ác-nghiệp còn dư sót, tiếp tục cho quả tái-sinh kiếp sau làm dạ-xoa suốt 500 kiếp, mỗi kiếp đều chịu cảnh đói khổ, đến gần chết mới được ăn no một lần, rồi chết.

Trong vòng tử sinh luân-hồi, *sinh kiếp* nào thuộc về loại *chúng-sinh* nào không chỉ một mình chịu cảnh đói khát, mà còn làm cho những chúng-sinh gần gũi khác cũng bị liên lụy quả

khổ của ác-nghiệp làm cho đói khổ, nên kiếp nào cũng bị xua đuổi đi nơi khác.

Mỗi hậu-kiếp của vị trụ trì, đều bị đói khổ cho đến gần chết mới được ăn no một lần, rồi chết.

Kiếp chót của vị tỳ-khưu trụ trì

Đến thời-kỳ **Đức-Phật Gotama** xuất hiện trên thế gian, hậu-kiếp của vị tỳ-khưu trụ trì *kiếp chót, đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ cho quả trong thời-kỳ tái-sinh kiếp kế-tiếp có đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ* gọi là **tái-sinh-tâm** (*paṭisandhicitta*) làm phận sự tái-sinh *kiếp chót* thuộc hạng *người tam-nhân* ⁽¹⁾, trong xóm dân chài gồm có một ngàn gia đình trong vùng Kosala.

Trong ngày *đầu thai vào lòng mẹ*, xóm dân chài trong 1.000 gia đình đem lưới đi bắt cá trong sông, hồ, mọi nơi, đều không bắt được con cá nhỏ nào cả, những ngày tiếp theo cũng như vậy.

Trong khi người đàn bà mang thai, xóm 1.000 gia đình dân chài bị cháy nhà liên tiếp 7 lần, bị phạt vạ 7 lần. Xóm dân chài 1.000 gia đình phải chịu bao nhiêu nỗi khổ đói khát, thiếu thốn, không có nơi nương tựa.

¹ Hạng *người tam-nhân* là người có tái-sinh-tâm đủ 3 nhân là vô-tham, vô-sân, vô-si, kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành bậc Thánh A-ra-hán.

Khi ấy, vị trưởng xóm thông báo các gia đình trong xóm họp lại, rồi nói rằng:

- *Thưa quý bà con! Trong xóm 1.000 gia đình chúng ta từ trước đến nay, chưa có xảy ra những tai nạn liên tiếp như thế này, chưa chịu cảnh đói khổ như thế này!*

Trong 1.000 gia đình chúng ta chắc có “kālakaṇṇī: người xúi quẩy.”

Vậy, chúng ta nên chia ra làm 2 nhóm riêng biệt, mỗi nhóm có 500 gia đình.

* Nhóm 500 gia đình không có người mẹ mang thai thì làm ăn bình thường như trước.

* Nhóm 500 gia đình có người mẹ mang thai thì vẫn làm ăn vất vả đói khổ, cho nên, được chia ra làm 2 nhóm. Mỗi nhóm có 250 gia đình.

* Nhóm 250 gia đình có người mẹ mang thai thì vẫn làm ăn vất vả đói khổ, cho nên, nhóm này được chia ra làm 2 nhóm. Mỗi nhóm có 125 gia đình.

* Và cứ chia 2 nhóm như vậy, cuối cùng chỉ còn 2 gia đình. Mọi người biết gia đình có người mẹ mang thai là gia đình có người “kālakaṇṇī: người xúi quẩy”, nên họ đuổi gia đình này ra khỏi nhóm dân chài.

* Gia đình có người mẹ mang thai, hằng ngày phải chịu cảnh đói khổ, nhưng thai nhi

*trong bụng mẹ là kiếp chót chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** nên dù đói khổ thế nào cũng không thể ảnh hưởng đến sinh-mạng của thai nhi được.*

Thai nhi đủ tháng, người mẹ sinh ra đứa bé trai, mẹ cha nuôi dưỡng đứa con rất vất vả khổ cực, cho đến khi đứa con khôn lớn đi lại được.

Một hôm, người mẹ dẫn đứa con vào kinh-thành đi xin ăn, người mẹ trao cho đứa con cái bát đất nung, dạy bảo đứa con trai rằng:

*- **Này con đáng thương! Mẹ đã khổ vì con suốt mấy năm qua, thân mẹ gầy yếu không thể lo nuôi dưỡng con được nữa. Con nên cầm bát đi xin ăn nhà đằng kia.***

Dạy bảo đứa con trai như vậy xong, người mẹ lần trốn đi nơi khác. Từ đó, đứa bé trai một mình đi xin ăn bữa có bữa không, chưa có bữa nào được no bụng cả, sống lay lắt qua ngày.

Đứa bé trai sống lang thang vất vưởng, nằm ngủ nơi này nơi khác, không tắm giặt, thân thể dơ dáy đáng ghê tởm, miễn sao kiếm sống qua ngày là được.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta tế độ đứa bé trai

Năm lên 7 tuổi, một hôm, đứa bé trai đang ngồi bên cạnh nhà, lượm từng hạt com mà người ta rửa nồi đồ bỏ, như loài quạ.

Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đi khát thực trong kinh-thành Sāvattthī, nhìn thấy đứa bé trai đáng thương, Ngài Đại-Trưởng-lão phát sinh tâm bi muốn cứu khổ, nên gọi rằng:

- *Này đứa bé đáng thương! Hãy đến đây!*

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão gọi, đứa bé ngoan ngoãn đến đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão, rồi chấp hai tay lại.

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi đứa bé rằng:

- *Này đứa bé đáng thương! Mẹ cha con ở đâu?*

Đứa bé cung-kính bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, mẹ cha của con nói với con rằng: “Bởi vì con làm cho mẹ cha phải chịu cảnh đói khổ” nên mẹ bỏ con trốn đi rồi. Bạch Ngài.*

Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi đứa bé rằng:

- *Này đứa bé đáng thương! Con có muốn xuất gia hay không?*

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con rất tha thiết muốn xuất gia, nhưng đứa bé mồ côi như con, ai mà cho phép con xuất gia được.*

- *Này đứa bé đáng thương! Sư sẽ cho phép con xuất gia.*

Đứa bé vô cùng hoan-hỷ bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, Sādhū! Sādhū! Lành thay! Lành thay! Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi tế độ cho phép con xuất gia.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta lấy vật thực cho đứa bé ăn, rồi dẫn đứa bé trở về đến chùa, cho tắm sạch sẽ, cạo tóc, mặc y, rồi làm lễ xuất gia trở thành *sāmaṇera* (sa-di) tên là **Losakatissa**.

Vị sa-di Losakatissa có ít tài lộc nhất, hằng ngày, vị sa-di Losakatissa đi khát thực, thí-chủ để vào bát một vài vá cơm, nhìn thấy giống như đã đầy bát rồi, nên không để thêm vào bát nữa.

Vì vậy, hằng ngày vị sa-di Losakatissa đồ vật thực không đủ no, chỉ đủ sống qua ngày thực hành phạm-hạnh cao thượng mà thôi.

Khi vị sa-di Losakatissa tròn đủ 20 tuổi, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta cho phép làm lễ hành tăng-sự (*saṃghakamma*) **upasampadā** nâng lên trở thành *bhikkhu* (tỳ-khuru) trong Phật-giáo.

Mặc dù hằng ngày tỳ-khuru Losakatissa đồ vật thực không đủ no, nhưng vẫn tinh-tấn không ngừng thực hành *pháp-hành thiền-tuệ* dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc 4 Thánh-đạo, 4 Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc **Thánh A-ra-hán** cao thượng.

Tỳ-khuru Losakatissa đã là *bậc Thánh A-ra-hán*; hằng ngày, Ngài vẫn có vật thực độ không đủ no, làm cho thân thể của Ngài ngày một gầy yếu cho đến ngày Ngài *Trưởng-lão Losakatissa* sắp tịch diệt Niết-bàn.

Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* biết rõ Ngài *Trưởng-lão Losakatissa* sắp tịch diệt Niết-bàn, nên nghĩ rằng:

“*Hôm nay, để cho Losakatissa độ vật thực no đủ trước khi tịch diệt Niết-bàn.*”

Hôm ấy, Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* dẫn Ngài *Trưởng-lão Losakatissa* theo sau đi vào khát thực trong kinh-thành *Sāvatthī*, có dân chúng đông đảo mà không có một ai cúng dường để bát một vá cơm nào cho Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* cả.

Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* biết rõ nguyên nhân, nên dẫn *Trưởng-lão Losakatissa* trở về chùa, dạy bảo *Trưởng-lão Losakatissa* ngồi đợi tại nhà ăn của chư *tỳ-khuru*, Ngài *Đại-Trưởng-lão* sẽ cho người đem vật thực đến cúng dường.

Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* trở lại đi khát thực trong kinh-thành *Sāvatthī*, các thí-chủ vô cùng hoan-hỷ đón tiếp Ngài *Đại-Trưởng-lão*, cúng dường những thứ vật thực đầy đủ.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền bảo một cận-sự-nam đem một phần vật thực đến chùa, gặp Ngài Trưởng-lão Losakatissa tại nhà ăn của chư tỷ-khưu-Tăng, rồi dâng cúng dường những thứ vật thực ấy đến Ngài Trưởng-lão Losakatissa.

Cận-sự-nam nhận đem những thứ vật thực ấy, trên đường đi quên hẳn, không còn nhớ đến ai cả, cho nên Ngài Trưởng lão Losakatissa ngồi đợi mà không nhận được những vật thực ấy.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta độ vật thực xong, trở về chùa. Trưởng-lão Losakatissa đến đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền hỏi:

- Này Losakatissa! Con đã nhận được những vật thực rồi phải không?

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con không nhận được những vật thực nào cả. Bạch Ngài.

Nghe Trưởng-lão Losakatissa bạch như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta phát sinh động tâm, biết thời gian vẫn còn nên Ngài Đại-Trưởng-lão dạy bảo rằng:

- Này Losakatissa! Con nên trở lại ngồi chỗ cũ, đợi sự phụ trở về nhé con!

Vâng lời dạy, Ngài Trưởng-lão Losakatissa trở lại ngồi đợi tại nhà ăn của chư tỷ-khưu-Tăng.

Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi thẳng vào cung điện của *Đức-vua Pasenadi Kosala*. *Đức-vua* ngự ra nhận bát của Ngài *Đại-Trưởng-lão*, suy xét không phải là thời gian để những món vật thực, nên *Đức-vua* để bát 4 thứ đồ ngọt là bơ lỏng, mật ong, dầu mè, đường thốt nốt đầy bát, rồi đem đến kính dâng bát lên Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta*.

Sau khi nhận cái bát đầy 4 thứ đồ ngọt xong, Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đi trở về chùa, Ngài vẫn ôm cái bát, gọi *Trưởng-lão Losakatissa* đến dạy bảo rằng:

- *Này Losakatissa! Con hãy lấy 4 thứ đồ ngọt mà dùng cho no đủ hôm nay.*

Tỳ-khuru Losakatissa không dám lấy 4 thứ đồ ngọt từ trong bát mà Ngài *Đại-Trưởng-lão* đang ôm trên tay để dùng, nên Ngài *Đại-Trưởng-lão* dạy bảo rằng:

- *Này Losakatissa! Con cứ việc lấy 4 thứ đồ ngọt từ trong bát mà dùng. Nếu Sư phụ để cái bát rời khỏi tay thì chẳng còn thứ gì cho con dùng cả.*

Vâng lời dạy bảo, Ngài *Trưởng-lão Losakatissa* đành lễ Ngài *Đại-Trưởng-lão Sāriputta*, rồi xin lấy 4 thứ đồ ngọt từ trong bát dùng ***no đủ ngày hôm ấy***.

* Ngay ngày hôm ấy, Ngài *Trưởng-lão Losakatissa* ***tịch diệt Niết-bàn***, giải thoát khỏi tử

sinh luân-hồi trong tam-giới, đồng thời *tất cả mọi ác-nghiệp và mọi thiện-nghiệp* đã lưu trữ ở trong *tâm* từ vô thủy trải qua vô số kiếp trong quá-khứ cho đến trước khi trở thành bậc Thánh A-ra-hán, *tất cả mọi nghiệp ấy đều trở thành vô-hiệu-quả-nghiệp (ahosikamma)*, không còn có cơ hội cho quả được nữa.

Khi ấy, Đức-Thế-Tôn truyền dạy chư tỳ-khưu làm lễ hỏa táng thi thể của Ngài Trưởng-lão Losakatissa, rồi xây ngôi tháp tôn thờ phần Xá-lợi của Ngài Trưởng-lão.

*** Nghiệp và quả của nghiệp của Ngài Trưởng-lão Losakatissa**

Vô số tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Losakatissa đã tích lũy đầy đủ đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật, nên kiếp hiện-tại đại-thiện-nghiệp 10 pháp-hạnh ba-la-mật ấy cho quả trở thành bậc Thánh A-ra-hán, rồi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Losakatissa đã tạo ác-nghiệp đổ bỏ vật thực của bậc Thánh A-ra-hán, nên ác-nghiệp ấy có cơ hội cho quả khổ trong mỗi kiếp bị đói khổ, cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn. Nghiệp và quả của nghiệp thật là công bằng, không hề thiên vị một ai cả.

*** Tính chất đại-thiện-nghiệp và quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp**

Người nào đã chủ động tạo đại-thiện-nghiệp nào rồi, đại-thiện-nghiệp ấy chỉ thuộc về của riêng người ấy mà thôi, hoàn toàn không liên quan đến người nào khác cả; nhưng mà quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy không chỉ chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp hưởng được quả an-lạc, mà còn ảnh hưởng đến những người gần gũi thân cận với chủ-nhân của đại-thiện-nghiệp ấy cũng hưởng được quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy nữa, đó là tính chất đại-thiện-nghiệp và quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy. Ví dụ:

Quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp

Tích Ngài Trưởng-lão Sīvali

Tích Ngài Trưởng-lão Sīvali ⁽¹⁾ trong bộ Chú-giải Chi-bộ-kinh được tóm lược như sau:

Trong thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali là một cận-sự-nam trong gia đình giàu có trong kinh-thành Hamsavatī. Một hôm, cận-sự-nam đến chùa nghe Đức-Phật Padumuttara thuyết pháp. Khi ấy, Đức-Phật tuyên dương một vị Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật.

¹ Àṅg, Aṭṭhakathā, Etadaggapadavaṇṇanā, Sīvalittheravatthu.

Cận-sự-nam, tiền-kiếp của Ngài *Trưởng-lão Sīvali* thấy Ngài *Đại-Trưởng-lão* ấy, liền phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch, có ý nguyện muốn trở thành *bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất* trong hàng *Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* trong thời vị-lai, như Ngài *Đại-Trưởng-lão* ấy.

Cận-sự-nam ấy đến hầu đánh lễ *Đức-Phật Padumuttara*, rồi kính thỉnh *Đức-Phật* ngự đến tư gia cùng với chư *Đại-đức tỳ-khưu-Tăng*, để tạo phước-thiện bố-thí suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, cận-sự-nam cúng dường bộ y quý giá đến *Đức-Phật Padumuttara* cùng chư *Đại-đức tỳ-khưu-Tăng* mỗi vị 1 bộ.

Sau khi dâng các bộ y xong, cận-sự-nam ấy đến đánh lễ *Đức-Phật*, rồi ngồi một nơi hợp lễ, kính bạch rằng:

- Kính bạch *Đức-Thế-Tôn*, phước-thiện bố-thí mà con đã tạo suốt 7 ngày qua, con không mong gì khác hơn là có ý nguyện muốn trở thành *bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất* trong hàng *Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* trong thời vị-lai, như Ngài *Đại-thanh-văn đệ-tử hiện-tại của Đức-Thế-Tôn*.

Đức-Phật Padumuttara dùng trí-tuệ vị-lai kiến-minh thấy rõ, biết rõ nguyện vọng của cận-

sự-nam này sẽ được thành tựu trong kiếp vị-lai, nên Đức-Phật thọ ký xác định thời gian rằng:

- “*Này chư tỳ-khuru! Kể từ kiếp trái đất này, sẽ trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất. Đến kiếp trái đất gọi Bhaddakappa có Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, cận-sự-nam này sẽ sinh trong hoàng tộc, từ bỏ nhà đi xuất gia, rồi sẽ trở thành **bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử có tài lộc bậc nhất** trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, như là bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử hiện-tại của Như-Lai.*” ⁽¹⁾

Lắng nghe lời thọ ký của Đức-Phật Padumuttara, cận-sự-nam tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali vô cùng hoan-hỷ tạo mọi phước-thiện bố-thí 4 thứ vật dụng đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đến trọn đời.

Trong vòng tứ sinh luân-hồi, do đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau khi thì sinh làm vị thiên-nam cao quý trong cõi trời dục-giới, khi thì sinh làm người cao quý trong cõi người. Khi sinh làm người có đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ tinh-tấn bồi bổ 10 pháp-hạnh ba-la-mật cho đầy đủ, nhất là *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*.

¹ Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến Đức-Phật Gotama trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất, có 15 Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian.

* Trong thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* ⁽¹⁾ xuất hiện trên thế gian, tiền-kiếp của Ngài *Trưởng-lão Sīvali* sinh trong ngôi làng không xa kinh-thành *Bandhumatī*. Khi ấy, nhóm dân chúng kinh-thành *Bandhumatī* cùng nhau sửa soạn chuẩn bị tạo phước-thiện đại-thí cúng dường vật thực lên *Đức-Phật Vipassī* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, với quyết tâm có đầy đủ các món ăn, không để thiếu món ăn nào cả.

Họ xem xét kỹ thấy còn thiếu **2 món** là **mật ong** và **bơ đặc** (*madhuñca guladadhiñca*), nên họ cho người đi chờ đón ở 4 cửa thành, hễ thấy người nào mang 2 món này vào kinh-thành, thì bất cứ giá cao bao nhiêu cũng phải mua cho được.

Khi ấy, người dân làng (tiền-kiếp Ngài *Trưởng-lão Sīvali*) đi đến kinh-thành, có đem theo **tổ mật ong** và **bơ đặc**. Nhìn thấy người dân làng có đem theo **tổ mật ong** và **bơ đặc**, người dân kinh-thành muốn mua 2 món ấy với giá cao là *1 kahāpaṇa*.

Người dân làng suy nghĩ rằng: “*Hai món này của ta không đáng giá bao nhiêu, sao người ấy dám mua với giá cao 1 kahāpaṇa như vậy. Ta nên tìm hiểu để biết rõ sự thật.*”

¹ Từ thời-kỳ *Đức-Phật Vipassī* đến *Đức-Phật Gotama* trải qua 91 đại-kiếp trái đất, có 7 *Đức-Phật* theo tuần tự xuất hiện trên thế gian.

Người dân làng giả làm bộ không chịu bán với giá 1 *kahāpaṇa*, thì người ấy liền tăng lên 2 *kahāpaṇa*, 5 *kahāpaṇa*, 10 *kahāpaṇa*, 100 *kahāpaṇa*, cuối cùng lên đến giá 1.000 *kahāpaṇa*.

Khi ấy, người dân làng muốn biết sự thật nên hỏi người ấy rằng:

- *Này bạn thân mến! Hai món là tổ mật ong và bơ đặc này của tôi không đáng bao nhiêu, tại sao bạn trả giá cao đến 1.000 kahāpaṇa như vậy. Bạn cần 2 món này để làm việc gì? Bạn có thể nói cho tôi biết được hay không?*

Người dân kinh-thành đáp rằng:

- *Này bạn thân mến! Nhóm dân chúng kinh-thành chúng tôi đồng tâm cùng nhau tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Nhóm dân chúng trong kinh-thành chúng tôi với quyết tâm có đầy đủ các món ăn, không để thiếu món nào cả.*

Khi xem xét kỹ thấy còn thiếu 2 món là mật ong và bơ đặc, nên cho người đứng chờ đón tại 4 cửa thành, hề thấy người nào mang 2 món này vào kinh-thành thì bắt cứ giá cao bao nhiêu cũng phải mua cho được.

Người dân làng thưa rằng:

- *Thưa bạn thân mến! Việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng*

với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, dành cho dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, còn người khác cùng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường được hay không?

Người kinh-thành thưa rằng:

- Thưa bạn thân mến! Việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, không chỉ dành cho dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, mà những người khác cũng tạo phước-thiện bố-thí cúng dường được vậy.

Người dân làng thưa khẳng định rằng:

- Thưa bạn thân mến! Bạn nên thông báo cho mọi người biết rằng: Hôm nay, việc tạo phước-thiện bố-thí cúng dường các món vật thực có đầy đủ cả 2 món mật ong và bơ đặc lên Đức-Phật Vipassī.

Xin bạn làm chứng, hôm nay tôi sẽ đem 2 món là **mật ong** và **bơ đặc** cúng dường lên Đức-Phật Vipassī.

Người dân làng (tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali) phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ có được cơ hội tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật Vipassī, nên đi tìm thêm gia vị trộn chung mật ong và bơ đặc làm thành món ăn đặc biệt, rồi gói bằng lá sen, đến ngồi chờ một chỗ không xa Đức-Phật.

Chờ những người dân chúng trong kinh-thành đến cúng dường các món vật thực lên Đức-Phật xong. Người dân làng có cơ hội đến hầu cung-kính đánh lễ Đức-Phật bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đây là món ăn đạm bạc của con kính dâng đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Thế-Tôn chủ trì. Kính xin Đức-Thế-Tôn có tâm đại-bi tế độ nhận món ăn này của con.*

Đức-Phật Vipassī có tâm đại-bi tế độ nhận món ăn đạm bạc ấy bằng cái bát ngọc do Tứ Đại-thiên-vương kính dâng, rồi Đức-Phật phát nguyện, đem chia món ăn đạm bạc ấy đầy đủ cho 68.000 chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng.

Thấy Đức-Phật Vipassī cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng thọ thực xong, người dân làng (*tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali*) cung-kính đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lễ, kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, hôm nay, dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī đem các món vật thực đến cúng dường lên Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng; và con cũng cúng dường món ăn đạm bạc ấy lên Đức-Thế-Tôn cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Do năng lực của đại-thiện-nghiệp bố-thí cúng dường này, xin cho kiếp sau của con có được tài lộc bậc nhất.*

Nghe lời nguyện cầu như vậy, *Đức-Phật Vipassī* truyền dạy rằng:

- *Này cận-sự-nam! Lời nguyện cầu của con sẽ được thành tựu như ý.*

Sau đó, *Đức-Phật Vipassī* thuyết-pháp tế độ dân chúng trong kinh-thành Bandhumatī, rồi ngự trở về ngôi chùa cùng với chư Đại-đức tỳ-khru-Tăng.

Người dân làng cố gắng tinh-tấn bồi bổ 10 pháp-hạnh ba-la-mật cho đến trọn kiếp.

Sau khi cận-sự-nam tiền-kiếp của *Ngài Trưởng-lão Sīvali* chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm người trong cõi người hoặc sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới. Kiếp làm người cố gắng tinh-tấn bồi bổ 10 pháp-hạnh ba-la-mật cho được đầy đủ, đặc biệt pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Công-tử Sīvali kiếp chót

* Trong thời-kỳ ***Đức-Phật Gotama*** xuất hiện trên thế gian, *hậu-kiếp của người cận-sự-nam trong thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara*, đã bồi bổ đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ). Nên sau khi chết, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp chót vào lòng ***công-chúa Suppavāsā của Đức-vua Koliya***,

tại kinh-thành Koliya. *Công-chúa Suppavāsā* vốn là *bậc Thánh Nhập-lưu* có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo, thường hộ độ Đức-Phật Gotama.

Quả-báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí

Từ khi *công-chúa Suppavāsā* mang *thai (công-tử Sīvali)*, do năng lực quả đại-thiện-nghiệp của thai-nhi, từ sáng đến chiều, công chúa Suppavāsā nhận nhiều lễ vật quý giá từ mọi nơi đem đến kính biểu lên công-chúa.

Hoàng-tộc muốn biết công-chúa Suppavāsā có nhiều tài-lộc như thế nào, nên mời công-chúa đến kho lương thực, công-chúa lấy tay chạm vào kho nào, thì kho ấy đầy của cải, nên các kho đều đầy của cải.

Vị quan đem các hạt giống đến nhờ công-chúa lấy tay chạm vào các hạt giống, rồi đem phân phát cho dân chúng gieo trồng các hạt giống ấy. Đến mùa, dân chúng thu hoạch kết quả gấp bội phần, gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn phần, ... thật là kỳ-diệu chưa từng có.

Một hôm, thị nữ trong cung đem nồi cơm đến xin công-chúa Suppavāsā chạm tay vào nồi, rồi đem cho mọi người dùng. Dù có bao nhiêu người dùng cơm, cũng không làm cho nồi cơm vơi bớt chút nào cả.

Cho nên, mọi người trong hoàng tộc đều tán dương ca tụng công-chúa Suppavāsā rằng:

“Tài-lộc của công-chúa Suppavāsā thật là kỳ-diệu!”

Sở dĩ, công-chúa Suppavāsā hưởng được tài-lộc kỳ-diệu như vậy, là nhờ quả-báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí của thai-nhi (công-tử Sīvali) nằm trong bụng của công-chúa Suppavāsā.

Công-tử Sīvali nằm trong bụng thân-mẫu

Thai-nhi (công-tử Sīvali) nằm trong bụng công-chúa Suppavāsā suốt 7 năm, công-chúa và thai-nhi vẫn được an-lạc như thường. Trong 7 ngày sắp sinh ra đời, công-chúa Suppavāsā phải chịu bao nỗi khổ đau đớn cùng cực, bởi vì thai-nhi nằm ngang không thể sinh ra được. Công-chúa vốn là bậc Thánh Nhập-lưu niệ 9 ân-đức Phật-bảo, 6 ân-đức Pháp-bảo, 9 ân-đức Tăng-bảo làm cho tâm được ổn định. Đến ngày thứ 7, tưởng chừng không thể sống nổi, nên công-chúa Suppavāsā của Đức-vua Koliya tâu với phu-quân là hoàng-tử của Đức-vua Koliya rằng:

- Kính thưa phu-quân, trước khi chết, thiếp muốn tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì.

Kính xin phu-quân đi đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch về chuyện thiếp đang phải

chịu đau đớn đến cùng cực, vì thai-nhi trong bụng không thể sinh ra được rằng:

- “*Kính bạch Đức-Thế-Tôn, công-chúa Suppavāsā mang thai suốt 7 năm rồi, trong 7 ngày này phải chịu đau đớn đến cùng cực, bởi vì thai-nhi trong bụng không thể sinh ra được.*

Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, để cho công-chúa Suppavāsā tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Thế-Tôn chủ trì.”

Nghe Đức-Thế-Tôn truyền dạy thế nào, kính xin phu-quân ghi nhớ thế ấy, khi hồi cung truyền lại cho thiếp biết.

Nghe lời tâu của công-chúa Suppavāsā, vị phu-quân đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật tại ngôi chùa Nigrodhārāma gần kinh-thành Kapilavattu, rồi kính bạch theo lời của công-chúa.

Đức-Thế-Tôn truyền dạy rằng:

“Sukhinī hotu Suppavāsā Koliyadhītā arogā, arogaṃ puttam vijāyatu.”

- *Mong cho công-chúa Suppavāsā của Đức-vua Koliya thân tâm được an-lạc không bệnh, sinh ra công-tử được an toàn.*

Sau khi nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, vị phu-quân là hoàng-tử của Đức-vua Koliya kính

đánh lễ Đức-Phật, rồi xin phép hồi cung.

Sau khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt lời, tại cung điện, thai-nhi là công-tử sinh ra khỏi lòng công-chúa Suppavāsā được an lành, và dễ dàng như nước chảy ra khỏi bình vậy.

Mọi người trong hoàng-tộc vô cùng hoan-hỷ thấy *công-tử đã sinh ra đời được an toàn*, cùng nhau đến chào hoàng-tử phu-quân của công-chúa Suppavāsā để tâu tin lành này.

Hoàng-tử phu-quân của công-chúa Suppavāsā ngự về đến cung điện, thấy mọi người trong hoàng-tộc hân hoan vui mừng, báo với hoàng-tử tin lành là *công-tử đã sinh ra đời được an toàn*.

Khi ấy, hoàng-tử suy nghĩ rằng:

“Lời truyền dạy của Đức-Thế-Tôn thật là huyền diệu!”

Vị phu-quân ngự đến gặp công-chúa Suppavāsā, thuật lại y theo lời của Đức-Phật cho công-chúa nghe.

Công-tử sinh ra đời đã dập tắt được sự nóng lòng của mọi người trong hoàng-tộc, nên làm lễ đặt tên là **Sīvalidāraka**: *Công-tử Sīvali*.

Khi ấy, công-chúa Suppavāsā thưa với phu-quân:

- Kính thưa phu-quân, thiếp muốn tạo phước thiện bố-thí cúng dường đến chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 7 ngày.

Vị phu-quân thuận ý, rồi đi đến kính thỉnh Đức-Phật ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để công-chúa Suppavāsā tạo phước-thiện bố-thí cúng dường vật thực đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 7 ngày.

Sáng hôm sau, Đức-Phật ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng; công-chúa Suppavāsā cung-kính đánh lễ Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, rồi cung-kính dâng cúng dường vật thực lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, như vậy suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta hỏi chuyện công-tử Sīvali rằng:

- *Này Sīvali! Con đã chịu đựng nỗi khổ ở trong lòng mẫu-thân lâu như vậy, nay con muốn xuất gia để giải thoát khổ hay không?*

Công-tử Sīvali bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con muốn xuất gia để giải thoát khổ, nếu con được mẫu-thân hoặc phụ-thân cho phép.*

Thấy công-tử Sīvali bạch chuyện với Ngài Đại-Trưởng-lão, công-chúa Suppavāsā muốn biết nói về chuyện gì, nên đến bạch hỏi Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, hài-nhi của con bạch điều gì với Ngài Đại-Trưởng-lão vậy? Bạch Ngài.

- Nay công-chúa! Công-tử của Bà bạch về nỗi khổ nằm trong lòng mẫu-thân suốt thời gian lâu dài như vậy, nên bạch rằng:

“Con muốn xuất gia để giải thoát khổ, nếu con được mẫu-thân hoặc phụ-thân cho phép.”

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão cho biết như vậy, công-chúa Suppavāsā vô cùng hoan-hỷ đồng ý cho phép công-tử Sīvali đi xuất gia, để giải thoát khổ, công-chúa bạch rằng:

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con vô cùng hoan-hỷ đồng ý cho phép hài-nhi của con xuất gia để giải thoát khổ. Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ hài-nhi của con. Bạch Ngài.

Công-tử Sīvali xuất gia

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta dẫn công-tử Sīvali trở về chùa. Khi làm **lễ cạo tóc xuất gia**, Ngài Đại-Trưởng-lão là Vị Thầy Tế-độ truyền dạy công-tử Sīvali thực hành niệm **tacapañcaka-kammaṭṭhāna**: đề-mục thiền-định nhóm **tacapañcaka** đó là **kesā, lomā, nakkhā, dantā, taco; taco, dantā, nakkhā, lomā, kesā; ...** (tóc, lông, móng, răng, da; da, răng, móng, lông, tóc; ...)

theo chiều thuận, theo chiều nghịch, có *trí-tuệ thấy rõ, biết rõ khổ-đế, khi nằm trong bụng mẫu-thân*.

Lễ cạo tóc

* Ngài Đại-Trưởng-lão Mahāmogallāna là Vị Thầy cạo tóc, khi những sợi tóc đầu tiên rơi xuống, công-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

* Tiếp theo những sợi tóc thứ nhì rơi xuống, công-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

* Tiếp theo những sợi tóc thứ ba rơi xuống, công-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**.

* Tiếp theo những sợi tóc cuối cùng rơi xuống, công-tử Sīvali chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng cùng với tứ tuệ-phân-tích (*paṭisambhidā*), sáu phép-thần-thông (*chaḷabhiññā*) đồng thời với lễ cạo tóc không trước không sau.

Như vậy, Công-tử Sīvali trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** lúc 7 năm và 14 ngày ⁽¹⁾ (Kể từ khi công tử Sīvali tái-sinh đầu thai kiếp chót vào lòng mẫu-thân Suppavāsā suốt 7 năm và chịu khổ suốt 7 ngày mới sinh ra đời, cho đến ngày thứ 7).

Sau đó, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là *Thầy Tế-độ* làm lễ xuất gia sa-di cho giới-tử Sīvali.

Kể từ ngày **vị sa-di Sīvali** trở thành **bậc Thánh A-ra-hán**, hằng ngày chư-thiên khắp mọi nơi, các thí-chủ dâng cúng dường 4 thứ vật dụng đến cho Ngài Đại-đức Sīvali ⁽²⁾ cùng chư Đại-đức tỳ-khưu càng ngày càng đầy đủ, sung túc mà trước đây chưa từng có.

Một hôm, Đức-Phật sẽ ngự đi đến kinh-thành Sāvattihī. Khi ấy, Ngài Trưởng-lão Sīvali đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con muốn thử nghiệm quả phước-thiện bố-thí của con, kính xin Đức-Thế-Tôn cho phép con xin lãnh 500 Ngài Đại-đức tỳ-khưu.*

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này Sīvali! Như-Lai cho phép con lãnh 500 Ngài Đại-đức tỳ-khưu.*

¹ Theo tích khác công-tử Sīvali trở thành bậc Thánh A-ra-hán lúc 7 năm 7 tháng và 14 ngày.

² Ngài Sīvali còn là vị sa-di 7 tuổi đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, nên gọi là Ngài Đại-đức Sīvali.

Chư-thiên cúng dường Ngài Trưởng-lão Sīvali 8 nơi

1- *Lần thứ nhất*, chư-thiên ngự tại cội cây Nigrodha biến hóa ra 4 thứ vật-dụng là *y-phục*, *vật-thực*, *chỗ-ở*, *thuốc trị bệnh* cúng dường đầy đủ đến Ngài Trưởng-lão Sīvali cùng với 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, suốt 7 ngày.

2- *Lần thứ nhì*, chư-thiên ngự tại núi Paṇḍava biến hóa ra 4 thứ vật-dụng là *y-phục*, *vật-thực*, *chỗ-ở*, *thuốc trị bệnh* cúng dường đầy đủ đến Ngài Trưởng-lão Sīvali cùng với 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, suốt 7 ngày.

3- *Lần thứ ba*, chư-thiên ngự tại con sông Aciravatī biến hóa ra 4 thứ vật-dụng là *y-phục*, *vật-thực*, *chỗ-ở*, *thuốc trị bệnh* cúng dường đầy đủ đến Ngài Trưởng-lão Sīvali cùng với 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, suốt 7 ngày.

4- *Lần thứ tư*, chư-thiên ngự tại đại dương biến hóa ra 4 thứ vật-dụng là *y-phục*, *vật-thực*, *chỗ-ở*, *thuốc trị bệnh* cúng dường đầy đủ đến Ngài Trưởng-lão Sīvali cùng với 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, suốt 7 ngày.

5- *Lần thứ năm*, chư-thiên ngự tại rừng núi Himavanta biến hóa ra 4 thứ vật-dụng là *y-phục*, *vật-thực*, *chỗ-ở*, *thuốc trị bệnh* cúng dường đầy đủ đến Ngài Trưởng-lão Sīvali cùng với 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, suốt 7 ngày.

6- *Lần thứ sáu*, chư-thiên ngự tại hồ nước Chaddanta biến hóa ra 4 thứ vật-dụng là *y-phục*, *vật-thực*, *chỗ-ở*, *thuốc trị bệnh* cúng dường đầy đủ đến Ngài Trưởng-lão Sīvali cùng với 500 Ngài Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, suốt 7 ngày.

7- *Lần thứ bảy*, chư-thiên ngự tại rừng núi Gandhamādana có Đức-vua-trời tên là *Nāga-datta* biến hóa ra 4 thứ vật-dụng là *y-phục*, *vật-thực*, *chỗ-ở*, *thuốc trị bệnh* cúng dường đầy đủ đến Ngài Trưởng-lão Sīvali cùng với 500 Ngài Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, suốt 7 ngày.

Đặc biệt có ngày cơm nấu bằng sữa tươi, có ngày cơm trộn với bơ lỏng.

Một hôm, vị tỳ-khưu hỏi Đức-vua-trời rằng:

- *Thưa Đức-vua-trời! Những con bò sữa của Đức-vua-trời không thấy xuất hiện, lò quấy làm bơ lỏng cũng không có.*

Vậy, cơm nấu bằng sữa tươi, cơm trộn với bơ lỏng Đức-vua-trời có được từ đâu?

Nghe vị tỳ-khưu hỏi như vậy, Đức-vua-trời giải đáp rằng:

- *Kính bạch Ngài Trưởng-lão, đó là quả-báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí cơm nấu bằng sữa tươi, cơm trộn với bơ lỏng mà tiền-kiếp của bốn vương đã cúng dường lên Đức-Phật Kassapa trong thời quá-khứ.*

8- *Lần thứ tám*, các chư-thiên trú trên đường dài khoảng 30 do-tuần đi đến khu rừng cây có gai là nơi trú ngụ của *Ngài Đại-đức Revata*. ⁽¹⁾

Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng đến thăm Ngài Đại-đức Revata ⁽²⁾

Sau khi ra hạ, *Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta* đến hầu đánh lễ Đức-Thế-Tôn, xin phép đi thăm *sur-đệ Revata*. Đức-Phật truyền bảo rằng:

- *Này Sāriputta! Như-Lai cũng sẽ đi nữa.*

Đức-Phật ngự đi cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, khi đi đến một nơi, dừng lại ngay ngã ba, *Ngài Trưởng-lão Ānanda* bạch với Đức-Thế-Tôn rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, đường dẫn đi đến chỗ ở của Trưởng-lão Revata có 2 con đường:*

* *Con đường bên này là đường đi vòng dài khoảng 60 do-tuần (1.200 cây số) có xóm làng và dân chúng-sinh sống.*

* *Con đường bên kia là đường đi thẳng dài khoảng 30 do-tuần (600 cây số) có các phi-nhân (chư-thiên) cai quản.*

¹ Dha. atthakathā, Arahantavagga, Khadiravaniyarevatattheravattthu.

² Ngài Revata là người em út của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, còn là vị sa-di 7 tuổi đã trở thành bậc Thánh A-ra-hán cao thượng, nên gọi là Ngài Đại-đức Revata.

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, Ngài cho phép đi theo con đường nào? Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền hỏi Ngài Trưởng-lão Ānanda rằng:

- *Này Ānanda! Sīvali cùng đi trong đoàn 500 tỳ-khuru có phải không?*

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, dạ phải, Trưởng-lão Sīvali có đi trong đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng. Bạch Ngài.*

- *Này Ānanda! Nếu như vậy, thì con chọn con đường thẳng ấy mà đi.*

Đức-Phật truyền bảo Ngài Trưởng-lão Ānanda chọn đi con đường thẳng dài khoảng 30 do-tuần (600 cây số) này, vì Đức-Phật muốn cho chư tỳ-khuru-tăng thấy quả-báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí của Ngài Trưởng-lão Sīvali. Bởi vì thấy rõ, biết rõ trên quãng đường thẳng này có tất cả chư-thiên đều có đại-thiện-tâm kính yêu Ngài Trưởng-lão Sīvali, nên tất cả chư-thiên đều phát sinh đại-thiện-tâm hết lòng lo phục vụ tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Trưởng-lão Sīvali, vị tôn-sư của tất cả chư-thiên ấy.

Chư-thiên cúng dường Ngài Trưởng-lão Sīvali

Khi Đức-Phật truyền bảo Trưởng-lão Ānanda chọn con đường thẳng này, tất cả chư-thiên đều nghĩ rằng: “*Tất cả chư-thiên chúng ta sẽ hết*

lòng thành kính cúng dường Ngài Trưởng-lão Sīvali, vị tôn-sư của tất cả chư-thiên chúng ta.”

Cho nên, trên quãng đường dài suốt 30 do-tuần (600 cây số), cứ mỗi do-tuần (20 cây số), tất cả chư-thiên hóa ra thành-phố có dân chúng sinh sống đông đúc, hóa ra ngôi chùa lớn có đầy đủ mọi tiện nghi cúng dường lên Đức-Phật là Đức Từ-Phụ của Ngài Trưởng-lão Sīvali, và 500 cốc nhỏ có đầy đủ mọi tiện nghi cần thiết sẵn sàng để cúng dường 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng.

Khi Đức-Phật ngự đi cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khưu-Tăng qua mỗi do-tuần dừng lại nghỉ chân, thì có các chỗ ở thích hợp có đầy đủ mọi tiện nghi cần thiết.

Chư-thiên dâng cúng dường mật ong, nước trái cây lên Đức-Phật cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, nước ấm nước dùng đầy đủ. Đức-Phật cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khưu-Tăng nghỉ lại qua đêm tại nơi ấy.

Buổi sáng sớm, tất cả chư-thiên phát sinh đại-thiện-tâm hóa ra món cháo và các món ăn với tác-ý hướng tâm cung-kính cúng dường đến Ngài Trưởng-lão Sīvali, hỏi các vị tỳ-khưu rằng:

“Ngài Trưởng-lão Sīvali, vị tôn-sư của chúng tôi ngồi ở nơi nào?” ⁽¹⁾

¹ “Ayyo no Sīvalitthero kamaṃ nisinno?”

Ngài Trưởng-lão Sīvali thọ nhận các món vật thực của tất cả chư-thiên, rồi đem đến cung-kính cúng dường lên Đức-Phật cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đầy đủ.

Khi Đức-Phật ngự rời khỏi chỗ ở cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng lên đường đi đến phía trước, thì ngay khi ấy chỗ ở phía sau biến mất, trở lại cảnh đường rừng như trước.

Tương tự như vậy, Đức-Phật ngự đi cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng qua mỗi do-tuần thì dừng lại nghỉ qua đêm tại ngôi chùa lớn có 500 cốc nhỏ đầy đủ tiện nghi cần thiết mà tất cả chư-thiên đã chuẩn bị cung-kính đón tiếp chu đáo, như các chỗ ở vừa qua.

Buổi sáng sớm, tất cả chư-thiên phát sinh đại-thiện-tâm hóa ra món cháo và các món ăn với tác-ý hướng tâm cung-kính cúng dường đến Ngài Trưởng-lão Sīvali. Sau khi thọ nhận các món vật thực xong, Ngài Trưởng-lão Sīvali đem đến cung-kính cúng dường lên Đức-Phật cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đầy đủ.

Như vậy, Đức-Phật cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng hưởng quả-báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí của Ngài Trưởng-lão Sīvali, trong suốt 30 do-tuần.

Ngài Trưởng-lão Revata tiếp đón Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng

Ngài Trưởng-lão Revata biết Đức-Phật ngự đến cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, nên Ngài Trưởng-lão Revata dùng phép-thần-thông hóa ra cốc lớn *gandhakuti* có đầy đủ mọi tiện nghi cần thiết dành cúng dường lên Đức-Phật và hóa ra 500 cái cốc nhỏ có đầy đủ mọi tiện nghi dành cúng dường đến mỗi Ngài Đại-đức, 500 đường đi kinh hành, 500 chỗ nghỉ ban ngày, ...

Đức-Phật ngự tại khu rừng này cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng giống như ngự tại một cõi-giới chư-thiên nào đó suốt một tháng.

Mỗi ngày tất cả chư-thiên trong khu rừng này đem các món vật thực của chư-thiên cúng dường đến Ngài Trưởng-lão *Sīvali*. Sau khi thọ nhận các món vật thực của chư-thiên xong, Ngài Trưởng-lão *Sīvali* đem các món vật thực đến cúng-kính cúng dường lên Đức-Phật cùng với 500 chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng đầy đủ suốt một tháng. ⁽¹⁾

Đức-Phật cùng với đoàn 500 Ngài Đại-đức tỳ-khuru-Tăng hưởng quả-báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí của Ngài Trưởng-lão Sīvali suốt một tháng

¹ *Evam Satthā saparivāro tiṃsayojanikaṃ santāraṃ Sīvalittherassa puññaṃ anubhavamānova agamasi.*

tại khu rừng chỗ ở của Ngài Trưởng-lão Revata.⁽¹⁾

Đức-Phật ngự đi cùng với đoàn 500 chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng rời khỏi chỗ ở của Ngài Trưởng-lão Revata, đi đến ngôi chùa Pubbārāma, gần kinh-thành Sāvattthī. Ngay khi ấy, Ngài Trưởng-lão Revata xả phép-thần-thông, thì tất cả quang cảnh nào là cốc lớn *gandhakuti* có đầy đủ mọi tiện nghi cần thiết dành cúng dường lên Đức-Phật và 500 cốc nhỏ có đầy đủ mọi tiện nghi dành cúng dường đến mỗi Ngài Đại-đức đều biến mất, trở lại khu rừng cây có gai như trước.

Ngài Trưởng-lão Revata vẫn thọ trì pháp-hạnh đầu-đà (dhutaṅga) ở trong rừng cây có gai ấy.

Đức-Phật tuyên dương Ngài Trưởng-lão Sīvali và Ngài Trưởng-lão Revata

Tại ngôi chùa Jetavana, nhóm tỳ-khưu đàm đạo tại hội trường về quả-báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí đặc biệt của Ngài Trưởng-lão Sīvali, dù đi đến nơi nào cũng có chư-thiên mọi nơi tìm đến cung-kính cúng dường đến Ngài.

Còn Ngài Trưởng-lão Revata dù còn nhỏ tuổi mà vẫn sống trong rừng một mình, thật là phi thường chưa từng có.

¹ *Satthāpi bhikkhusaṃghaṃ ādāya puna māsamatteneva Sīvalittherassa puññaṃ anubhavamāno, paṭigantvā Pubbarāmaṃ pāvīsi.*

Khi ấy, nghe chư tỳ-khuru đang đàm đạo, Đức-Phật đi đến hội trường ngự trên pháp-tòa, truyền hỏi chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khuru! Các con đang đàm đạo về chuyện gì vậy?*

Chư tỳ-khuru kính bạch với Đức-Thế-Tôn về chuyện đang đàm đạo rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, chúng con đang đàm đạo về quả-báu của đại-thiện-nghiệp bố-thí đặc biệt của Ngài Trưởng-lão Sīvali được chư-thiên ở mọi nơi tìm đến cung-kính cúng dường, và Ngài Trưởng-lão Revata tuy còn nhỏ nhưng một mình trú trong rừng sâu. Bạch Ngài.*

*** Ngài Trưởng-lão Sīvali có tài lộc bậc nhất**

Đức-Phật thuyết giảng về tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali là cận-sự-nam nhìn thấy Đức-Phật Padumuttara tuyên dương Ngài Đại Trưởng-lão có tài lộc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, cận-sự-nam ấy liền phát sinh đại-thiện-tâm có nguyện vọng muốn trở thành Ngài Đại-Trưởng-lão có tài lộc bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị lai như Ngài Đại Trưởng-lão ấy.

Cận-sự-nam tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali kính thỉnh Đức-Phật Padumuttara ngự đến tư gia cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, để

tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng suốt 7 ngày.

Đến ngày thứ 7, cận-sự-nam tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali tạo phước-thiện đại-thí cúng dường lên Đức-Phật Padumuttara cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng xong, cận-sự-nam ấy đến đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lễ kính bạch với Đức-Phật Padumuttara rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phước-thiện bố-thí mà con đã tạo suốt 7 ngày qua, con không cầu mong gì khác hơn là có ý nguyện muốn trở thành bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như Ngài Đại-thanh-văn đệ-tử hiện-tại của Đức-Thế-Tôn.*

Đức-Phật Padumuttara dùng trí-tuệ vị-lai kiến-minh thấy rõ, biết rõ nguyện vọng của cận-sự-nam này sẽ thành tựu trong kiếp vị-lai, nên Đức-Phật thọ ký xác định thời gian rằng:

- *“Này chư tỳ-khuru! Kể từ kiếp trái đất này, trong thời vị-lai sẽ trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất. Đến kiếp trái đất gọi Bhaddakappa có Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, cận-sự-nam này sẽ sinh trong hoàng tộc, từ bỏ nhà đi xuất gia, rồi sẽ trở thành bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama,*

nư là bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử hiện-tại của Như-Lai.” ⁽¹⁾

Nhân cơ hội này, Đức-Phật tuyên dương Ngài Trưởng-lão Sīvali rằng:

“Etadaggaṃ bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ bhikkhūnaṃ lābhīnaṃ yadidaṃ Sīvali!”

- *Này chư tỳ-khuru! Sīvali là bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.*

Như vậy, Ngài Trưởng-lão Sīvali là bậc Thánh Đại-thanh-văn có tài lộc bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, đúng theo ý nguyện mà tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali đã từng phát nguyện trong thời quá-khứ, được Đức-Phật Padumuttara quá-khứ thọ ký.

*** Ngài Revata một mình trú trong rừng**

Đức-Phật thuyết giảng về tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Revata là cận-sự-nam nhìn thấy Đức-Phật Padumuttara tuyên dương Ngài Trưởng-lão thọ trì pháp-hạnh đầu-đà (*dhutaṅga*) trú trong rừng bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật, cận-sự-nam ấy liền phát sinh đại-thiện-

¹ Từ thời-kỳ Đức-Phật Padumuttara đến Đức-Phật Gotama trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất, có 15 Đức-Phật theo tuần tự xuất hiện trên thế gian.

tâm có ý nguyện muốn trở thành Ngài *Trưởng-lão thọ trì pháp-hạnh đầu-đà trú trong rừng bậc nhất trong hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật* trong thời vị-lai như Ngài Trưởng-lão ấy.

Cận-sự-nam tiền-kiếp của Ngài *Trưởng-lão Revata* kính thỉnh *Đức-Phật Padumuttara* ngự đến tư gia cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, để tạo phước thiện bố-thí cúng dường lên Đức-Phật cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng suốt 7 ngày. Đến ngày thứ 7, cận-sự-nam tiền-kiếp của Ngài *Trưởng-lão Revata* tạo phước-thiện đại-thí cúng dường lên *Đức-Phật Padumuttara* cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng xong, cận-sự-nam ấy đến đánh lễ Đức-Phật, rồi ngồi một nơi hợp lễ kính bạch với Đức-Phật *Padumuttara* rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phước-thiện bố-thí mà con đã tạo suốt 7 ngày qua, con không cầu mong gì khác hơn là có ý nguyện muốn trở thành bậc Thánh Đại-thanh-văn thọ trì pháp-hạnh đầu-đà (dhutaṅga) trú trong rừng bậc nhất trong hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật trong thời vị-lai, như Ngài Đại-thanh-văn đệ-tử hiện-tại của Đức-Thế-Tôn.*

Đức-Phật Padumuttara dùng trí-tuệ vị-lai kiến-minh thấy rõ, biết rõ ý nguyện của cận-sự-nam này sẽ thành tựu trong kiếp vị-lai, nên Đức-Phật thọ ký xác định thời gian rằng:

- “*Này chư tỳ-khuru! Kể từ kiếp trái đất này, trong thời vị-lai sẽ trải qua 100 ngàn đại-kiếp trái đất. Đến kiếp trái đất gọi là Bhaddakappa có Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian. Khi ấy, cận-sự-nam này sẽ sinh trong gia đình khá giả, trốn đi xuất gia, rồi sẽ trở thành bậc Thánh Đại-thanh-văn thọ trì pháp-hạnh đầu-đà (dhutaṅga) trú trong rừng bậc nhất trong các hàng Thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, như bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử hiện-tại của Như-Lai.*”

Nhân cơ hội này, Đức-Phật tuyên dương Ngài Trưởng-lão Revata rằng:

“*Etadaggaṃ bhikkhave, mama sāvakānaṃ bhikkhūnaṃ āraññakānaṃ yadidaṃ Revato Khadiravaniyo.*”

- *Này chư tỳ-khuru! Revata là bậc Thánh Đại-thanh-văn thọ trì pháp-hạnh đầu-đà (dhutaṅga) trú trong rừng bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Như-Lai.*

Như vậy, Ngài Trưởng-lão Revata là bậc Thánh Đại-thanh-văn đệ-tử thọ trì pháp-hạnh đầu-đà (dhutaṅga) trú trong rừng bậc nhất trong các hàng thanh-văn đệ-tử của Đức-Phật Gotama, đúng với tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Revata đã từng phát nguyện trong thời quá-khứ, được Đức-Phật Padumuttara quá-khứ thọ ký.

Nghiệp với kiếp của mỗi chúng-sinh

Kiếp hiện-tại của mỗi chúng-sinh là quả của nghiệp đã được tạo trong vô số **kiếp quá-khứ**, còn **kiếp vị-lai** của mỗi chúng-sinh là quả của nghiệp đã được tạo trong **kiếp hiện-tại** và trong vô số **kiếp quá-khứ**. Cho nên **kiếp hiện-tại** và **kiếp vị-lai** của mỗi chúng-sinh chỉ có liên quan với nhau do nghiệp của chúng-sinh ấy mà thôi hoàn toàn không có liên quan với quả của nghiệp. Như vậy, **quả của nghiệp kiếp quá-khứ** không liên quan với **kiếp hiện-tại**, và **quả của nghiệp kiếp hiện-tại** cũng không liên quan với **kiếp vị-lai**. Ví dụ:

* Tích phú hộ Ānanda

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại kinh-thành Sāvattthī, đề cập đến phú hộ Ānanda trong *tích Ānandasettthi* ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Trong kinh-thành Sāvattthī, trước kia *phú hộ Ānanda* có của cải tài sản 400 triệu kahāpaṇa, là người keo kiệt bủn xỉn nhất trong của cải tài-sản của mình, không hề làm phước-thiện bố-thí đến cho những người nghèo khổ nào, phú hộ có người con trai duy nhất tên *Mūlasiri*.

Phú hộ Ānanda hằng ngày dạy con trai rằng:

- *Này Mūlasiri con yêu quý! Con chó nên trông của cải tài sản 400 triệu kahāpaṇa là*

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Bālavagga, Ānandasettthivatthu.

nhiều, con không nên để cho hao hụt 1 kahāpaṇa nào, mà phải biết làm cho của cải tài sản càng tăng trưởng nhiều thêm lên.

Phú hộ Ānanda giấu không cho đứa con trai biết 5 hăm của báu lớn được chôn dưới đất cho đến lúc lâm chung.

Sau khi *phú hộ Ānanda* chết, *đại-thiện-nghiệp bậc thấp* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp đầu thai vào lòng người đàn bà thấp hèn trong nhóm một ngàn gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn sống nương nhờ gần cửa kinh-thành Sāvattthī.

Phú hộ Ānanda đã chết, nên *Đức-vua Pasenadi Kosala* truyền lệnh cho gọi người con trai của *phú hộ Ānanda* tên *Mūlasiri* đến châu. *Đức-vua* phong *công tử Mūlasiri* ngôi vị *phú hộ*, gọi là ***phú hộ Mūlasiri***.

Nhóm một ngàn gia đình dòng dõi thấp hèn chỉ sống bằng nghề làm mướn mà thôi. Kể từ khi người đàn bà mang *thai nhi (tiền-kiếp là phú hộ Ānanda)* ấy, nhóm một ngàn gia đình đi làm mướn, người chủ không trả tiền công, lại cho phần vật thực không đủ ăn no để sống qua ngày.

Nhóm một ngàn gia đình ấy hội họp lại bàn bạc rằng:

Hiện nay, chúng ta đi làm mướn không có đủ vật thực, đời sống đói khổ thế này chưa từng có

trước đây. Chắc có “*kāḷakaṇṇī*” (người xúi-quẩy) trong nhóm chúng ta. Vậy chúng ta nên chia ra làm 2 nhóm, mỗi nhóm 500 gia đình.

- Nhóm 500 gia đình không có người đàn bà mang thai nhi vẫn làm ăn như thường ngày.

- Nhóm 500 gia đình có người đàn bà mang thai nhi làm ăn đói khổ, nên chia ra làm 2 nhóm, mỗi nhóm 250 gia đình.

- Nhóm 250 gia đình có người đàn bà mang thai nhi làm ăn đói khổ, nên chia ra làm 2 nhóm, mỗi nhóm 125 gia đình.

Cứ chia ra làm 2 như vậy, cuối cùng chỉ còn 2 gia đình. Mọi người biết gia đình người đàn bà mang thai nhi là gia đình “*kāḷakaṇṇī*” (người xúi-quẩy). Họ đuổi gia đình ấy đi nơi khác.

Người đàn bà mang thai nhi ấy phải chịu cảnh đói khổ không có nơi nương tựa cho đến khi sinh đứa trẻ ra đời.

Đứa trẻ ấy bị tật nguyên nhiều bộ phận của cơ thể như 2 tay, 2 chân, đôi mắt, mũi, miệng, v.v... là đứa bé kỳ dị khác thường đáng ghê sợ. Mặc dù như vậy, người mẹ vẫn không bỏ con, vất vả nuôi nấng đứa con kỳ dị đáng thương ấy. Hằng ngày người mẹ đi làm mướn hoặc đi xin ăn đem về nuôi con, đời sống chịu bao nỗi vất vả. Khi đứa con ấy biết đi, người mẹ dẫn đứa

con đi xin ăn nhưng hôm ấy không được gì cả, nên dẫn con trở về, người mẹ đi xin ăn một mình thì có người cho.

Người mẹ bỏ đứa con trai đi xin ăn một mình

Khi đứa con trai lớn có thể đi lại xin ăn được, người mẹ dẫn đứa con trai vào trong thành, trao bát sành trên tay con, rồi dạy dỗ con trai rằng:

- Nay con đáng thương! Mẹ đi xin ăn vất vả cực khổ nuôi con khôn lớn đến nay, bây giờ mẹ không thể nuôi con được nữa. Trong thành này, có cơm cháo mà người ta dành cho người tàn tật, người mồ côi, người ăn xin, ... Con nên đi đến chỗ ấy mà xin ăn nuôi mạng.

Sau khi người mẹ dạy dỗ đứa con trai như vậy, rồi chỉ đường cho đứa con đi, còn người mẹ đi lui đường khác.

Đứa bé trai đi theo con đường ấy qua các ngôi nhà, đến một ngôi nhà lớn của **phú hộ Mūlasiri**, đứa bé nhớ lại tiền-kiếp đó là ngôi nhà của mình, nên bước qua cổng đi thẳng vào nhà, những người trong nhà không ai để ý.

Khi ấy, những người con của **phú hộ Mūlasiri** nhìn thấy đứa bé kỳ dị ghê sợ, nên hoảng hốt la hét khóc lên, những gia nhân trong nhà phú hộ đến nói với đứa bé kỳ dị ấy rằng:

- *Này đưa bé kālakaṇṇī kỳ dị đáng ghê sợ! Người hãy mau ra khỏi nơi này.*

Những gia nhân trong nhà phú hộ xưa đuổi bắt **đưa bé trai** đem bỏ nơi đồng rác.

Đức-Phật thuyết pháp tế độ phú hộ Mūlasiri

Khi ấy, Đức-Phật ngự đi vào kinh-thành Sāvattthī khát thực có Ngài Trưởng-lão Ānanda theo sau. Khi đến ngôi nhà của phú hộ Mūlasiri, Đức-Phật nhìn Ngài Trưởng-lão Ānanda, Ngài Trưởng-lão bạch hỏi Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, có điều gì? Bạch Ngài.*

Đức-Phật truyền dạy Ngài Trưởng-lão Ānanda biết rõ về tiền-kiếp của *đưa bé trai* này là *phú hộ Ānanda* trong kinh-thành Sāvattthī, chính là phụ thân của *phú hộ Mūlasiri* trong ngôi nhà lớn này.

Ngài Trưởng-lão Ānanda nhờ người mời *phú hộ Mūlasiri* và những người trong kinh-thành đến tụ hội.

Khi ấy, Đức-Phật truyền hỏi *phú hộ Mūlasiri* rằng:

- *Này phú hộ! Con có biết đưa bé trai này là ai hay không?*

Phú hộ Mūlasiri kính bạch rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con không biết. Bạch Ngài.

- Nay phú hộ! Tiền-kiếp của đứa bé trai này chính là **phú hộ Ānanda**, là thân phụ của con đó.

Đề cho phú hộ Mūlasiri tin là sự-thật, Đức-Phật truyền bảo đứa bé ấy rằng:

- Nay phú hộ Ānanda! Con nên chỉ 5 hăm của báu lớn cho phú hộ Mūlasiri là con của con ngay bây giờ.

Vâng theo lời Đức-Phật, đứa bé trai ngoan ngoan dẫn phú hộ Mūlasiri đến chỗ chôn giấu 5 hăm của báu lớn ấy.

Cho nên, phú hộ Mūlasiri phát sinh đức-tin trong sạch nơi Đức-Thế-Tôn. Khi ấy, phú hộ Mūlasiri kính bạch Đức-Thế-Tôn rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, kính xin quy-y nương nhờ nơi chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng-bảo.

Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là cận-sự-nam đã quy-y nương nhờ nơi Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn kiếp.

Đức-Phật thuyết pháp tế độ phú hộ Mūlasiri và dân chúng trong kinh-thành Sāvattthī bằng câu kệ rằng:

“Puttā matthi dhanamatthi, iti bālo vihaññati. Attā hi attno natthi, kuto puttā kuto dhanam.”⁽¹⁾

- *Này phú hộ Mūlasiri!*

Người si-mê khổ tâm do chấp thủ rằng:

Các con là của ta, tài sản là của ta.

Thật ra, chính ta không phải là nơi nương nhờ của ta.

Thì các con là nơi nương nhờ từ đâu được?

Tài sản là nơi nương nhờ từ đâu được?

Sau khi Đức-Phật thuyết dạy xong bài kệ, có 84.000 chúng-sinh được sự lợi ích *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả, Niết-bàn* tùy theo năng lực của 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (indriya) của mỗi chúng-sinh.

Từ đó về sau đứa bé trai kỳ dị được *phú hộ Mūlasiri* nuôi nấng tử tế coi trọng như phụ thân.

*** Cūḷasetṭhipetavatthu: Tích ngạ-quỷ Cūḷasetṭhi**

Tìm hiểu tích ngạ-quỷ Cūḷasetṭhipeta ⁽²⁾ (tiểu phú hộ) được tóm lược như sau:

Trong kinh-thành Bārāṇasī có một tiểu phú hộ tên Cūḷasetṭhi là người không có đức-tin nơi Tam-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp,

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Bālavagga, Ānandasettṭhivatthu.

² Khuddakanikāya, Petavatthu, Cūḷasetṭhivatthu.

có tâm bỏn xén keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bố-thí của cải đến một ai, có tham-tâm say mê trong của cải, còn là người không có giới.

Sau khi phú hộ Cūḷasetṭhi ấy chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh làm *loài nga-quỷ* cũng có tên là *Cūḷasetṭhipeta* (*nga-quỷ Cūḷasetṭhi*) có thân hình gầy ốm da bọc xương, xanh xao, đầu trọc, trần truồng đói khát trông thật đáng thương.

Nga-quỷ Cūḷasetṭhi nghe tin người con gái tên Anulā ở nhà chồng trong thành phố Andhakavinda, ngày mai sẽ tạo phước-thiện bố-thí để hồi hướng đến những người bà con thân quyến là ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì ... đã quá vãng.

Ban đêm nga-quỷ Cūḷasetṭhi bay ngang qua kinh-thành Rājagaha, khi ấy, Đức-vua Ajātasattu đang đi dạo ở hành lang lâu đài, nhìn thấy nga quỷ bay ngang qua, bèn hỏi rằng:

- *Này người! Người có phải là tu sĩ lừa thế, người gầy ốm do ác-nghiệp nào vậy? Giữa đêm khuya người đi đâu? Người hãy nói cho Trẫm biết, Trẫm có thể giúp đỡ gì cho người được hay không?*

Khi nghe Đức-vua Ajātasattu truyền hỏi, nga-quỷ tâu rằng:

- *Tâu Đại-vương, tiền-kiếp của kẻ hèn này sống trong kinh-thành Bārāṇasī, là Cūḷasetṭhi*

(tiểu phú hộ) giàu có nổi tiếng nhưng là người bỏn xẻn keo kiệt trong cửa cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bố-thí phân phát của cải đến một ai, kẻ hèn này có tánh tham lam say mê trong cửa cải tài sản, không có đức-tin nơi Tam-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, không có giới hạnh.

Sau khi kẻ hèn này chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong loài ngạ quỷ có tên là *Cūlaseṭṭhipeta* chịu cảnh khổ đói khát, lạnh lẽo triền miên vô cùng đau khổ.

Ngoài kẻ hèn này ra, còn có nhiều người khác có tâm bỏn xẻn keo kiệt trong cửa cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bố-thí, không có giới. Sau khi những người ấy chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp sau trong loài ngạ-quỷ chịu cảnh khổ đói khát lạnh lẽo như kẻ hèn này.

Kẻ hèn này được tin biết có một cô gái ở tại thành phố *Andhakavinda*, ngày mai sẽ tạo phước-thiện bố-thí đến nhóm Bà-la-môn ngoại-đạo, rồi hồi-hướng phân phước-thiện bố-thí ấy đến những người bà con thân quyến là ông bà, cha mẹ, chú bác, cô dì, ... đã quá vãng.

Vì vậy, kẻ hèn này bay đến thành phố *Andhakavinda* để chờ hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy, với hy vọng thoát khỏi cảnh khổ kiếp ngạ-quỷ đói khát lạnh lẽo.

Nghe nga-quỷ Cūḷasetṭhi tâu như vậy, Đức-vua Ajātasattu truyền bảo rằng:

- Này người! Nếu như người nhận được phần phước-thiện bố-thí mà thân quyến hồi hướng thật sự, thì xin người hãy trở lại tâu cho Trẫm biết đúng theo sự thật, để Trẫm cũng tạo phước-thiện bố-thí, rồi hồi hướng đến thân quyến của Trẫm đã quá vắng.

Nga-quỷ Cūḷasetṭhi xin vâng theo lệnh của Đức-vua, rồi bay thẳng đến chờ tại thành phố Andhakavinda. Nhưng nga-quỷ Cūḷasetṭhi nhận được phần phước-thiện bố-thí ấy quá ít ỏi không đáng kể, bởi vì nhóm Bà-la-môn ngoại-đạo ấy là những người không có giới-đức. Cho nên, nga-quỷ Cūḷasetṭhi không thoát khỏi kiếp nga-quỷ, bay trở lại kinh-thành Rājagaha, hiện ra trước mặt Đức-vua Ajātasattu tâu rằng:

*- Tâu Đại-vương, kẻ hèn này nhận được phần phước-thiện bố-thí ít ỏi không đáng kể, bởi vì nhóm Bà-la-môn ngoại-đạo ấy **không có giới-đức trong sạch.***

Đức-vua truyền dạy rằng:

- Này người! Trẫm muốn cứu giúp người thoát khỏi cảnh khổ kiếp nga-quỷ, được sống an-lạc đầy đủ. Vậy, Trẫm nên làm phước-thiện bố-thí như thế nào? Người hãy nói cho Trẫm biết?

Nga-quỷ Cūḷasetṭhi tâu với Đức-vua rằng:

- *Tâu Đại-vương, nếu Đại-vương có tâm bi cứu giúp loài nga-quỷ như kẻ hèn này, thì xin Đại-vương làm phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực, nước, y phục đến Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, rồi xin Đại-vương hồi hướng phần phước-thiện bố-thí cúng-dường ấy đến cho loài nga-quỷ như kẻ hèn này. Khi kẻ hèn này phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí cúng-dường ấy rồi, do nhờ năng lực phước-thiện bố-thí ấy, kẻ hèn này sẽ được giải thoát khỏi kiếp nga-quỷ đói khát, được tái-sinh kiếp sau hóa-sinh làm vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới, hưởng được mọi sự an-lạc.*

Ngày hôm sau, Đức-vua Ajātasattu tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường vật thực, nước, y phục lên Đức-Phật cùng chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng xong, Đức-vua bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con xin hồi hướng phần phước-thiện bố-thí này đến nga-quỷ Cūḷasetṭhi. Xin nga-quỷ Cūḷasetṭhi phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí này.*

Nga-quỷ Cūḷasetṭhi phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy, ngay tức khắc thoát khỏi kiếp nga-quỷ, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa sinh làm

vị thiên-nam có hào quang sáng ngời, có nhiều oai lực, hiện ra trước mặt Đức-vua tâu rằng:

- *Tâu Đại-vương, nay tôi đã trở thành vị thiên-nam, xin Đại-vương xem tôi có đầy đủ vật thực, y phục, lầu đài, sự an-lạc, ... của vị thiên-nam trên cõi trời dục-giới. Những quả báu này phát sinh do phước-thiện bố-thí mà Đại-vương đã hồi hướng cho kẻ hèn.*

Tôi hết lòng thành kính tri ân Đại-vương, kẻ hèn xin phép trở về cõi trời dục-giới.

Vị thiên-nam hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy.

Loài nga-quỷ có nhiều loại, có loài nga-quỷ ác-nghiệp nặng thường sống xa loài người, nên không có cơ hội nhận phần phước-thiện bố-thí của thí-chủ hồi-hướng, chỉ có các loài nga-quỷ có ác-nghiệp nhẹ, đó là loài nga-quỷ ***paradat-tupajīvikapeta***: nga-quỷ nuôi mạng do nương nhờ người khác hồi-hướng phần phước-thiện, thường sống gần gũi với loài người, khi biết tin thí-chủ là bà con tạo phước-thiện bố-thí đến bậc có giới-đức, rồi hồi-hướng phần phước-thiện bố-thí ấy đến cho những thân quyến đã quá vãng, nên các loài nga-quỷ này đến chờ sẵn.

Khi thí-chủ tạo phước-thiện bố-thí đến bậc có giới-đức xong, rồi đọc câu hồi-hướng rằng:

“Idaṃ no ñātinam hotu, sukhitā hontu ñātayo.”

Phước-thiện bố-thí thanh cao này, xin hồi-hướng đến tất cả bà con thân quyến của chúng con đã quá vãng, từ kiếp hiện-tại cho đến vô số kiếp trong quá-khứ, mong quý vị hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí thanh cao này, để thoát khỏi cảnh khổ, được an-lạc lâu dài.

Khi tất cả bà con thân quyến đã quá vãng phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ nhận phần phước-thiện bố-thí ấy, ngay tức thì thoát khỏi kiếp nga-quỷ khổ sở, do đại-thiện-nghiệp hoan-hỷ phần phước-thiện bố-thí ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị *thiên-nam* hoặc vị *thiên-nữ* trên cõi trời dục-giới, hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ trên cõi trời dục-giới ấy.

Nếu nga-quỷ nào nhận được *phần phước-thiện bố-thí ít ỏi* thì nga-quỷ ấy không thoát khỏi kiếp nga-quỷ, nên phải trông chờ cơ hội khác.

* Kinh Kāmabhogīsutta

Người tại gia sinh sống bằng nghề bắt lương hoặc nghề lương thiện, để tạo ra của cải rồi hưởng thụ của cải ấy trong cuộc sống hằng ngày, có những điều đáng chê trách và đáng khen.

Tìm hiểu bài kinh *Kāmabhogīsutta* ⁽¹⁾, Đức-Phật dạy ông *phú hộ Anāthapiṇḍika* có đoạn:

¹ Aṅguttaranikāya, Dasakanipāta, kinh Kāmabhogīsutta.

- *Này phú hộ! Có 10 hạng người sống tại gia:*

1- *Hạng người tại gia nào làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, không biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; và cũng không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.*

Hạng người tại gia ấy có 3 điều đáng chê:

- *Đáng chê: làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.*

- *Đáng chê: không biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.*

- *Đáng chê: không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.*

2- *Hạng người tại gia nào làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; nhưng mà không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.*

Hạng người tại gia ấy có 2 điều đáng chê, 1 điều đáng khen:

- *Đáng chê: làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.*

- *Đáng chê: không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.*

- Đáng khen: biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

3- Hạng người tại gia nào làm ra của cải bằng nghề bắt lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; và biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 1 điều đáng chê, 2 điều đáng khen:

- Đáng chê: làm ra của cải bằng nghề bắt lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng khen: biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

4- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; và bằng nghề bắt lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, không biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; và không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 1 điều đáng khen, 3 điều đáng chê:

- Đáng khen: biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: không biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng chê: không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

5- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; và bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; nhưng mà không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 2 điều đáng khen, 2 điều đáng chê:

- Đáng khen: làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng chê: làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

6- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; và bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; và biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 3 điều đáng khen, 1 điều đáng chê:

- Đáng khen: biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng khen: biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

- Đáng chê: làm ra của cải bằng nghề bất lương, không hợp pháp, làm khổ chúng-sinh.

7- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, không biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; và không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 1 điều đáng khen, 2 điều đáng chê:

- Đáng khen: biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng chê: không biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng chê: không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

8- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; nhưng lại không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh.

Hạng người tại gia ấy có 2 điều đáng khen, 1 điều đáng chê:

- Đáng khen: biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng chê: không biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

9- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh; nhưng lại có tham-tâm say mê trong ngũ-dục, bị ràng buộc trong ngũ-dục, không có trí-tuệ biết rõ tội-lỗi của ngũ-dục, không biết giải thoát khỏi ràng buộc của ngũ-dục.

Hạng người tại gia ấy có 3 điều đáng khen, 1 điều đáng chê:

- Đáng khen: làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- Đáng khen: biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.

- Đáng chê: người ấy có tham-tâm say mê trong ngũ-dục, bị ràng buộc trong ngũ-dục, không có trí-tuệ biết rõ tội-lỗi của ngũ-dục, không biết giải thoát khỏi ràng buộc của ngũ-dục.

10- Hạng người tại gia nào biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh; khi có được của cải rồi, biết sử dụng của cải để nuôi mạng cho được an-lạc; biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí giúp đỡ mọi người, mọi chúng-sinh; đặc biệt người ấy không có tham-tâm say mê trong ngũ-dục, không bị ràng buộc trong ngũ-dục, có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp, thấy rõ, biết rõ tội-lỗi của ngũ-dục nên giải thoát khỏi ràng buộc của ngũ-dục.

Hạng người tại gia ấy có đủ 4 điều đáng khen:

- Đáng khen: biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh.

- Đáng khen: biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc.

- *Đáng khen: biết đem của cải tạo phước-thiện bố-thí.*

- *Đáng khen: người ấy không có tham-tâm say mê trong ngũ-dục, không bị ràng buộc trong ngũ-dục, có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp, thấy rõ, biết rõ tội-lỗi của ngũ-dục nên giải thoát khỏi ràng buộc của ngũ-dục.*

Như vậy, người tại gia nào được bậc thiện-trí tán dương ca tụng, người tại gia ấy cần phải biết làm ra của cải bằng nghề lương thiện, hợp pháp, không làm khổ chúng-sinh khác, biết sử dụng của cải nuôi mạng được an-lạc, biết đem của cải ra tạo phước-thiện bố-thí đến mọi người, không say mê trong ngũ-dục, có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ thật-tánh của các pháp, nên giải thoát khỏi của ngũ-dục.

Kiếp hiện-tại với kiếp kế-tiếp

*Kiếp hiện-tại của người nào đều là quả của những **nghiệp quá-khứ** của người ấy. Trong kiếp hiện-tại dù người ấy là Đức-vua, hoặc là quan lớn, hoặc là phú hộ, hoặc là dân thường, hoặc là người nghèo khổ, hoặc thậm chí là người ăn mày, ... đều là **quả của nghiệp quá-khứ** mà mỗi người ấy đang thừa hưởng, đó có thể là **quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp** hoặc **quả khổ của ác-nghiệp**.*

Sau khi người ấy **chết**, *tất cả mọi quả của nghiệp quá-khứ* của người ấy hoàn toàn không liên quan đến **kiếp kế-tiếp**, mà chỉ có **ác-nghiệp** hoặc **đại-thiện-nghiệp** mà người ấy đã tạo trong kiếp hiện-tại hoặc trong những kiếp quá-khứ có cơ hội cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp mà thôi. Ví dụ:

* **Đức-vua** là tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali ⁽¹⁾ lên ngôi làm vua ngự tại kinh-thành Bārāṇasī.

Sau khi lên ngôi làm vua, Đức-vua muốn đánh chiếm *kinh-thành nước khác*, được mẫu-hậu đồng ý, nên Đức-vua dẫn đầu kéo các đoàn quân lính đến vây hãm 4 cửa thành lớn của kinh-thành ấy. Đức-vua truyền cho sứ giả đem tồi-hậu-thư trình lên Đức-vua trong kinh-thành rằng:

“Hãy trao lại ngôi vua cho bốn-vương hoặc chiến tranh.”

Đức-vua trong kinh-thành trả lời rằng:

“Bốn-vương không trao ngôi vua, cũng không muốn chiến tranh.”

Dân chúng trong kinh-thành vẫn đi ra vào bằng 4 cửa thành nhỏ, để tìm kiếm những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống hằng ngày, nên đời sống không gặp nhiều khó khăn.

¹ Dha. Arahantavagga, trong Khadiravaniyarevatattheravatthu.

Đức-vua cùng với các đoàn quân lính bên ngoài đã vây hãm 4 cửa thành lớn suốt 7 năm, 7 tháng.

Một hôm, mẫu-hậu của Đức-vua truyền hỏi rằng:

- *Này các khanh! Hoàng-nhi của ta đang làm gì vậy?*

Các quan tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thái-hậu, Đức-vua truyền lệnh các đoàn quân lính vây hãm 4 cửa thành lớn suốt 7 năm, 7 tháng rồi. Tâu Lệnh Bà.*

Nghe các quan tâu như vậy, Hoàng-thái-hậu quả trách rằng:

“Hoàng-nhi của ta còn khờ quá!”

Hoàng-thái-hậu truyền lệnh rằng:

- *Này các khanh! Các khanh hãy tâu với hoàng-nhi của ta rằng:*

“Hãy đóng chặt 4 cửa thành nhỏ, cấm không cho dân chúng ra vào kinh-thành nữa!”

Tuân theo lệnh của mẫu-hậu, Đức-vua truyền lệnh các đoàn quân đóng chặt 4 cửa thành nhỏ, cấm không cho dân chúng ra vào trong kinh-thành nữa.

Dân chúng trong kinh-thành không đi ra bên ngoài được, cảm thấy bức dọc, thiếu thốn mọi thứ cần thiết trong cuộc sống, nên không thể

chịu đựng được nữa. Đến ngày thứ 7, dân chúng đành phải giết chết *Đức-vua trong kinh-thành*, rồi dâng ngôi vua cho *Đức-vua ngoài thành*.

Đức-vua ngoài thành chiếm đoạt kinh-thành một cách bất hợp pháp, tạo mọi ác-nghiệp.

Sau khi *Đức-vua* băng hà, ác-nghiệp ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong ***cõi đại-địa-ngục Avīci***, chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy, bị thiêu đốt suốt thời gian lâu dài không kể xiết. Cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy trong *cõi đại-địa-ngục Avīci*, liền tiếp theo *ác-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh kiếp sau trong các ***cõi tiểu địa-ngục***, từ *cõi tiểu địa-ngục nặng* sang *cõi tiểu địa-ngục nhẹ* theo tuần tự, cuối cùng mới thoát ra khỏi *cõi tiểu địa-ngục nhẹ* ấy, *đại-thiện-nghiệp* của tiền-kiếp của Đức-vua cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi người và các cõi trời dục-giới.

Kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Sīvali

Tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali đã được *Đức-Phật Padumuttara* thọ ký, đã thực hành đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ (tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ) được tích lũy trong ***tâm*** từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trải qua vô số kiếp quá-khứ.

Đến thời-kỳ Đức-Phật Gotama xuất hiện trên thế gian, kiếp chót của Ngài Trưởng-lão Sīvali, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh đầu thai kiếp chót vào lòng công-chúa Suppavāsā của Đức-vua Koliya (mà tiền-kiếp là mẫu-hậu của Đức-vua đi xâm chiếm kinh-thành nước khác, thai-nhi là công-tử Sīvali mà tiền-kiếp là Đức-vua được mẫu-hậu chấp thuận cho phép dẫn các đoàn quân lính vây hãm 4 cửa thành của nước khác), nên thai-nhi (công-tử Sīvali) nằm trong bụng công-chúa Suppavāsā suốt 7 năm, 7 tháng và chịu thêm quả khổ của ác-nghiệp ấy suốt 7 ngày ⁽¹⁾, bị khổ đau đến cùng cực cả mẫu-thân lẫn thai-nhi, bởi vì thai-nhi nằm ngang không sinh ra được.

Đến ngày thứ 7, công-chúa Suppavāsā của Đức-vua Koliya là bậc Thánh Nhập-lưu tâu với phu-quân là hoàng-tử của Đức-vua Koliya rằng:

- Kính thưa phu-quân, kính xin phu-quân đi đến đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi bạch về nỗi khổ cùng cực của thiếp không sinh con ra được.

Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, để thiếp tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Thế-Tôn chủ trì, trước khi thiếp chết.

¹ Sattadivasasattamāsādhikāni sattavassāni mātū kucchiyaṃ vasi.

Theo sự thỉnh cầu của *phu-nhân Suppavāsā*, vị phu-quân đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật, rồi bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, công-chúa Suppavāsā không thể chịu đựng được nỗi khổ đau cùng cực, bởi vì thai-nhi không sinh ra được.*

Kính thỉnh Đức-Thế-Tôn ngự đến cung điện cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng, để công-chúa Suppavāsā tạo phước-thiện bố-thí cúng dường lên chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng có Đức-Thế-Tôn chủ trì, trước khi chết.

Nghe hoàng-tử phu-quân của công-chúa Suppavāsā kính bạch như vậy, Đức-Phật Gotama truyền dạy rằng:

“Sukhinī hotu Suppavāsā Koliyadhītā arogā, arogam puttam vijāyatu.”

- *Mong cho công-chúa Suppavāsā của Đức-vua Koliya thân tâm được an-lạc không có bệnh, sinh công-tử được an toàn khoẻ mạnh.*

Sau khi Đức-Phật truyền dạy vừa dứt câu, tại cung điện, *thai-nhi* sinh ra khỏi lòng công-chúa Suppavāsā của Đức-vua Koliya một cách dễ dàng như nước chảy ra khỏi bình vậy.

Thai-nhi (công-tử Sīvali) nằm trong bụng của công-chúa Suppavāsā suốt 7 năm 7 tháng, đó là quả của ác-nghiệp mà tiền-kiếp của công-tử

Sĩvali là Đức-vua được mẫu-hậu chấp thuận cho phép dẫn các đoàn quân lính vây hãm 4 cửa thành lớn của đất nước khác *suốt 7 năm 7 tháng*.

Thai-nhi (công-tử Sĩvali) nằm ngang trong bụng *công-chúa Suppavāsā* suốt 7 ngày không sinh ra được, đó là *quả của ác-nghiệp* tuân theo lệnh của mẫu-hậu đóng chặt 4 cửa thành nhỏ, cấm không cho dân chúng ra vào kinh-thành, nên *mẫu-thân* và *thai-nhi* cùng nhau chịu *quả khổ cùng cực của ác-nghiệp ấy suốt 7 ngày đêm*.

Nhờ tâm đại-bi của Đức-Phật, *thai-nhi* sinh ra khỏi lòng *công-chúa Suppavāsā* được an toàn và dễ dàng như nước đổ ra khỏi bình vậy.

Công-chúa Suppavāsā tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật chủ trì suốt 7 ngày. Đến ngày thứ 7, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta đến hỏi chuyện công-tử Sĩvali rằng:

- *Này Sĩvali! Con đã chịu đựng nỗi khổ ở trong lòng mẫu-thân lâu như vậy, nay con muốn xuất gia để giải thoát khổ hay không?*

Công-tử Sĩvali bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con muốn xuất gia để giải thoát khổ, nếu con được mẫu-thân hoặc phụ-thân cho phép.*

Nhìn thấy *hài-nhi Sĩvali* bạch chuyện với Ngài

Đại-Trưởng-lão, công-chúa Suppavāsā muốn biết nói về chuyện gì, nên đến bạch hỏi Ngài Đại-Trưởng-lão rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, hài-nhi của con bạch chuyện gì với Ngài Đại-Trưởng-lão vậy? Bạch Ngài.*

- *Này công-chúa! Công-tử của Bà bạch về nỗi khổ nằm trong lòng mẫu-thân suốt thời gian lâu dài như vậy, nên bạch rằng:*

“Con muốn xuất gia để giải thoát khổ, nếu con được mẫu-thân hoặc phụ-thân cho phép.”

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão nói như vậy, công-chúa Suppavāsā vô cùng hoan-hỷ đồng ý cho phép công-tử Sīvali đi xuất gia để giải thoát khổ, công-chúa bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con vô cùng hoan-hỷ đồng ý cho phép hài-nhi của con xuất gia để giải thoát khổ. Kính xin Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm từ tế độ hài-nhi của con. Bạch Ngài.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta dẫn công-tử Sīvali trở về chùa, làm **lễ cạo tóc xuất gia**. Ngài Đại-Trưởng-lão truyền dạy công-tử Sīvali niệm đề-mục thiền-định “*tacapañcakakammaṭṭhāna*” tóc, lông, móng, răng, da; da, răng, móng, lông, tóc; ... theo chiều thuận, theo chiều nghịch, có

trí-tuệ thấy rõ biết rõ *khổ-đế*, khi nằm trong bụng mẫu-thân.

Trong khi đang làm lễ cạo tóc, *giới-tử Sīvali* niệm đề-mục thiền-định “*tóc, lông, móng, răng, da; da, răng, móng, lông, tóc; ...*” theo chiều thuận, theo chiều nghịch, có trí-tuệ thấy rõ, biết rõ *khổ-đế*, dẫn đến *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế*, chứng đắc theo tuần tự từ *Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn*; tiếp theo *chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn*; tiếp theo *chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn*; tiếp theo *chứng đắc A-ra-hán Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót, trở thành bậc Thánh A-ra-hán* cao thượng cùng với *tứ tuệ-phân-tích* (*paṭisambhidāñāṇa*), *lục-thông* (*chaḷa-bhiññā*), đồng thời với lễ cạo tóc xong, không trước không sau.

Như vậy, vị *sa-di Sīvali* trở thành *bậc Thánh A-ra-hán* lúc 7 năm, 7 tháng và 14 ngày, nên gọi là *Ngài Đại-đức Sīvali*.

* *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* ⁽¹⁾ là Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác có trí-tuệ siêu-việt, là tiền-

¹ Jātakatṭhakathā, Mahānipāta, trong tích Vessantarajātaka.

kiếp của *Đức-Phật Gotama* thực hành *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật bậc hạ* được tóm lược như sau:

Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự tại kinh-thành Jetuttara trị vì đất nước Sivi, thực hành *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* cho đầy đủ **5 pháp-hạnh đại-thí** là:

- 1- *Pháp-hạnh đại-thí của cải tài-sản, ngai vàng.*
- 2- *Pháp-hạnh đại-thí bộ phận trong thân mình.*
- 3- *Pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng của mình.*
- 4- *Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý.*
- 5- *Pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý.*

Mỗi ngày *Đức-vua Bồ-tát* chỉ 600 ngàn kahāṇa đề thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật tại 6 trại bố-thí. *Đức-vua Bồ-tát* ngự ngồi trên con Bạch tượng báu được trang sức bằng các dây vàng bạc châu báu quý giá đi đến 6 trại bố-thí mỗi tháng 6 lần.

Vào thời-kỳ ấy, đất nước Kāliṅga bị nạn hạn hán kéo dài, mùa màng cây cỏ không được, dân chúng bị cảnh đói khổ nên từ khắp mọi nơi gửi đại diện kéo về đứng trước cung điện của *Đức-vua*, cầu xin *Đức-vua* cứu giúp làm cho trong nước mưa thuận gió hòa, để dân chúng cây cỏ mùa màng.

Thương cảm với nỗi khổ của dân chúng, *Đức-vua* hứa sẽ cố gắng hết mình để làm cho mưa

thuận gió hòa. Đức-vua đã thọ trì bát-giới uposathasīla suốt bảy ngày mà vẫn không có mưa. Đức-vua bèn truyền lệnh hội các quan văn võ trong triều và dân chúng trong kinh-thành, để tìm cách cứu giúp dân chúng.

Dân chúng tâu lên Đức-vua rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, Đức-vua Vessantara ngự tại kinh-thành Jetuttara trị vì đất nước Sivi, Đức-vua có con Bạch-tượng báu là con Voi Maṅgalaḥatthi (Bạch-tượng hạnh phúc an lành). Con Bạch-tượng báu ấy ở nước nào thì nước ấy được mưa thuận gió hòa, mùa màng cây cối thuận lợi, dân chúng có được cuộc sống an cư lạc nghiệp.*

Đức-vua Vessantara luôn hoan-hỷ làm phước-thiện bố-thí. Vậy, xin Hoàng-thượng truyền lệnh gọi các vị Bà-la-môn đến kinh-thành Jetuttara, châu Đức-vua Vessantara, xin Đức-vua ban cho con Bạch-tượng báu ấy đem về nước ta.

Chuẩn y lời tâu của dân chúng, Đức-vua truyền tuyển chọn 8 vị Bà-la-môn gửi đi đến kinh-thành Jetuttara, châu Đức-vua Vessantara, xin Đức-vua ban cho con Bạch-tượng báu ấy đem về nước.

Theo lệnh của Đức-vua, 8 vị Bà-la-môn lên đường đến kinh-thành Jetuttara, hỏi thăm dân chúng trong kinh-thành để biết Đức-vua

Vessantara ngày nào ngự đến trại bố-thí. Được dân chúng cho biết vào sáng ngày hôm sau Đức-vua Vessantara sẽ ngự đến trại bố-thí tại cửa thành phía đông, sau đó, Đức-vua Vessantara ngự đến trại bố-thí tại cửa thành phía nam, v.v...

Đức-vua Bồ-tát bố-thí Bạch-tượng báu

Vào sáng hôm ấy, con Bạch-tượng báu được trang sức bằng những dây vàng bạc, châu báu quý giá, Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự ngồi trên con Bạch-tượng báu ấy cùng với đoàn quân theo hộ giá, ngự đến trại bố-thí tại cửa thành phía đông, Đức-vua Bồ-tát tự tay thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật đôi ba người, rồi sau đó giao cho các quan làm phận sự bố-thí tiếp tục. Đức-vua Bồ-tát có đoàn quân hộ giá đông đảo, nên 8 vị Bà-la-môn không thể tiếp cận Đức-vua Bồ-tát Vessantara được.

Do đó, 8 vị Bà-la-môn đến trại bố-thí tại cửa thành phía nam đứng chờ sẵn. Khi Đức-vua Bồ-tát Vessantara vừa mới đến, thì 8 vị Bà-la-môn quỳ gối chấp tay nói lời tán dương ca tụng ân đức của Đức-vua Vessantara, rồi tự giới thiệu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, bậc có tâm đại-bi vô lượng cứu khổ chúng-sinh. Chúng tịen dân từ đất nước Kāliṅga, đất nước đang gặp nạn hạn hán kéo dài, dân chúng trong nước không thể cày cấy mùa màng được, nên lâm vào cảnh đói*

khổ lắm than bởi thiên tai. Cho nên Đức-vua Kāliṅga phải chúng thần đến cầu xin Đại-vương có tâm đại-bi cứu khổ, ban cho con Bạch-tượng báu đem về nước, để cho mưa thuận gió hòa, dân chúng trong nước được sinh sống an cư lạc nghiệp.

Nghe thấu như vậy, Đức-vua Vessantara tư duy rằng:

“Ta đã phát-nguyện thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật những bộ phận bên trong thân thể, mà những vị Bà-la-môn này xin ta bố-thí những của cải bên ngoài thân thể. Dù như vậy, ta vẫn hoan-hỷ thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, ban con Bạch-tượng báu này cho nhóm Bà-la-môn từ đất nước Kāliṅga, giúp cho họ được toại nguyện như ý.”

Đức-vua Bồ-tát Vessantara đang ngự trên con Bạch-tượng báu mà truyền bảo rằng:

- Nay các vị Bà-la-môn! Trẫm sẽ ban con Bạch-tượng báu này cho các người. Các người sẽ được toại nguyện.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự xuống con Bạch-tượng báu, đi xung quanh ba vòng xem xét các đồ trang sức của con Bạch-tượng báu, không thiếu một món đồ trang sức nào, rồi Đức-vua Bồ-tát Vessantara cầm bình vàng đựng nước hoa thơm truyền gọi các vị Bà-la-môn rằng:

- *Này các vị Bà-la-môn! Các người hãy lại đây!*

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cầm cái vôi con Bạch-tượng bấu đặt lên hai bàn tay của vị Bà-la-môn rồi rót nước hoa thơm từ cái vôi con Bạch-tượng bấu chảy rơi xuống hai bàn tay của vị Bà-la-môn.

Con Bạch-tượng bấu và đồ trang sức

Đó gọi là *lễ Đức-vua Bồ-tát Vessantara ban con Bạch-tượng bấu* được trang sức bằng những đồ trang sức quý giá, trên thân thể con Bạch-tượng bấu có giá trị trên 2.200.000 kahāpaṇa, và những đồ dụng cụ bên ngoài dùng cho Bạch-tượng bấu có giá 200.000 kahāpaṇa, gồm cả thảy trên 2.400.000 kahāpaṇa.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara không những ban con Bạch-tượng bấu ấy cho 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāśī, mà còn ban vị quan nài con Bạch-tượng bấu và 500 gia đình chăm nom săn sóc nuôi dưỡng con Bạch-tượng bấu ấy nữa.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara vô cùng hoan-hỷ bố-thí con Bạch-tượng bấu ấy gọi là thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, làm cho trái đất rung chuyển.

Sau khi nhận con Bạch-tượng bấu, 8 vị Bà-la-môn vô cùng hoan-hỷ được thỏa nguyện như ý, rồi cùng với đoàn người tùy tùng rước con

Bạch-tượng báu ra khỏi kinh-thành theo cửa hướng bắc, bị dân chúng trong kinh-thành chặn lại hỏi rằng:

- *Này quý vị Bà-la-môn! Quý vị rước con Bạch-tượng báu của chúng tôi đi đâu?*

Quý vị có được con Bạch-tượng báu này như thế nào?

Tám vị Bà-la-môn thưa rằng:

- *Thưa quý vị, chúng tôi được Đức-vua Vessantara ban cho con Bạch-tượng báu này.*

Nghe các vị Bà-la-môn nói như vậy, dân chúng trong thành Jetuttara bức tức Đức-vua Vessantara, bởi vì Đức-vua đã đem con Bạch-tượng báu của đất nước Sivi ban cho các vị Bà-la-môn đất nước Kālīṅga.

Dân chúng tỏ thái độ bất bình

Tin Đức-vua Bồ-tát Vessantara ban con Bạch-tượng báu cho các vị Bà-la-môn đất nước Kālīṅga được lan rộng trong kinh-thành Jetuttara. Một số người không hài lòng việc bố thí của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, cho nên các người trong hoàng tộc, các hàng Bà-la-môn, các quan, quân lính, các thương gia, dân chúng trong kinh-thành, các tỉnh thành, v.v... tụ hội vào châu Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, rồi tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, Đức-vua Vessantara đã đem con Bạch-tượng báu của đất nước Sivi ban cho 8 vị Bà-la-môn của đất nước Kālīṅga, việc làm này đã gây thiệt hại lớn cho đất nước Sivi này. Con Bạch-tượng báu ấy là quốc bảo của đất nước Sivi, mà triều đình cùng thần dân thiên hạ nương nhờ vào con Bạch-tượng báu ấy, nên đất nước được phồn vinh, toàn thể dân chúng được sinh sống an cư lạc nghiệp.*

Vậy, tại sao Đức-vua Vessantara đem con Bạch-tượng báu ấy ban cho 8 vị Bà-la-môn của đất nước Kālīṅga?

- *Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, Đức-vua Vessantara là hoàng Thái-tử của Đức Thái-thượng-hoàng, nên dân chúng trong đất nước Sivi xin Đức Thái-thượng-hoàng không nên xử tội Đức-vua Vessantara, cũng không nên giam Đức-vua Vessantara trong tù, mà chỉ xin Đức Thái-thượng-hoàng nên truyền lệnh mời Đức-vua Vessantara ra khỏi đất nước Sivi, đến rừng núi Himavanta, ở tại núi Vaṇka vậy.*

Nghe lời yêu cầu của dân chúng đất nước Sivi như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo rằng:

- *Này thần dân thiên hạ đất nước Sivi! Dù cho đất nước Sivi sẽ thiệt hại như thế nào đi nữa, Trẫm cũng không thể mời Đức-vua Vessantara là Hoàng Thái-tử của Trẫm ra khỏi đất nước*

Sivi này, bởi vì Hoàng Thái-tử là đứa con mà Trẫm yêu quý nhất. Vả lại Hoàng Thái-tử có giới hạnh trong sạch, có các pháp-hành cao thượng, cho nên Trẫm không thể nào làm khổ Hoàng Thái-tử của Trẫm được.

Nghe Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo như vậy, dân chúng Sivi hăm dọa rằng:

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, nếu Đức Thái-thượng-hoàng không chiều theo lời yêu cầu của dân chúng Sivi, thì không chỉ Đức-vua Vessantara ở trong tay của chúng tôi mà Đức Thái-thượng-hoàng cũng ở trong tay của chúng tôi nữa.

Nghe dân chúng Sivi hăm dọa như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng suy nghĩ rằng:

“Dân chúng Sivi này sẽ làm hại Hoàng Thái-tử của quả-nhân hay sao mà dám nói lời hăm dọa như vậy, quả nhân nên truyền lời hòa nhã.

Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo rằng:

- Nay thần dân thiên hạ đất nước Sivi! Nếu dân chúng muốn mời Hoàng Thái-tử của Trẫm ra khỏi nước Sivi này, thì Trẫm cũng chiều theo ý muốn của dân chúng, nhưng Trẫm xin Hoàng Thái-tử của Trẫm lưu lại đêm nay tại cung điện, sáng ngày mai khi mặt trời mọc, thì Hoàng Thái-tử sẽ rời khỏi đất nước Sivi này.

Nghe Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo như vậy, dân chúng Sivi đồng ý để cho Đức-vua Vessantara lưu lại một đêm. Đức Thái-thượng-hoàng liền truyền lệnh vị quan thân tín khẩn cấp đến tâu lại Đức-vua Vessantara tường trình mọi sự việc đã xảy ra như vậy.

Sau khi đã thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ban con Bạch-tượng báu cùng đoàn tùy tùng đến 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga, Đức-vua Vessantara phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ấy tại cung điện của Đức-vua.

Khi ấy, tuân theo lệnh truyền của Đức Thái-thượng-hoàng, một vị quan cận thân thân tín, khẩn cấp đến tâu lên Đức-vua Vessantara rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, kính xin Hoàng-thượng tha tội, hạ thần đã được Hoàng-thượng cứu mang nuôi dưỡng, ân đức của Hoàng-thượng lớn lao. Nay, hạ thần đành tâu tin không lành lên Hoàng-thượng rằng:*

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, thừa theo lệnh truyền của Đức Thái-thượng-hoàng, hạ thần xin tâu lên Hoàng-thượng rõ:*

Dân chúng Sivi gồm có người trong hoàng tộc; các Bà-la-môn; các nhà thương gia; các binh đội: đội tượng binh, đội mã binh, đội chiến binh; dân chúng trong kinh-thành Jetuttara; dân

chúng Sivi kéo đến tụ hội trước cung điện vào yết kiến Đức Thái-thượng-hoàng, thỉnh cầu Đức Thái-thượng-hoàng mời Hoàng-thượng ra khỏi nước Sivi.

- Muôn tâu Hoàng-thượng, chỉ còn có đêm nay nữa mà thôi, ngày mai khi mặt trời mọc, Hoàng-thượng sẽ phải rời khỏi đất nước Sivi này.

Nghe vị quan tâu như vậy, Đức-vua Bò-tát Vessantara truyền hỏi ý:

- Nay khanh! Trẫm đã làm điều gì sai mà dân chúng Sivi bức tức Trẫm? Khanh có thể tâu rõ cho Trẫm biết việc sai ấy được không? Do nguyên nhân nào mà dân chúng Sivi mời Trẫm rời khỏi nước Sivi?

Vị quan tâu lên Đức-vua Vessantara rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, dân chúng Sivi gồm có nhiều thành phần bức tức Hoàng-thượng đã đem con Bạch-tượng báu là quốc-bảo của đất nước Sivi, ban cho 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga. Đó là nguyên nhân mà dân chúng Sivi bức tức, nên họ mời Hoàng-thượng rời khỏi nước Sivi này.

Nghe vị quan cận thần tâu như vậy, Đức-vua Bò-tát Vessantara hoan-hỷ truyền dạy rằng:

- Nay khanh! Trái tim hoặc đôi mắt của Trẫm, nếu có người nào đến xin thì Trẫm hoan-

hỷ đem bố-thí ban cho người ấy được, hưởng hồ là của cải bên ngoài thân thể của Trẫm, như bạc vàng, châu báu, ngọc Muddā, ngọc Maṇi, con Bạch-tượng báu, v.v... Nếu có người nào đến tâu xin Trẫm, thì Trẫm sẽ hoan-hỷ ban cho người ấy. Trẫm không hề có ác-tâm keo kiệt bủn xỉn trong của cải, bởi vì đại-thiện-tâm của Trẫm luôn luôn hoan-hỷ bố-thí đến người xin.

Dù dân chúng Sivi mời Trẫm rời khỏi nước Sivi này hoặc giết Trẫm, hoặc chặt Trẫm ra làm 7 đoạn, Trẫm cũng không bao giờ từ bỏ thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của Trẫm.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo vị quan cận thần thông báo với dân chúng Sivi và tâu lên Đức Thái-thượng-hoàng rằng:

“Đức-vua Vessantara chấp thuận sẽ rời khỏi đất nước Sivi này, nhưng không phải sáng ngày mai lúc mặt trời mọc, mà Đức-vua Vessantara xin ở lại thêm một ngày và một đêm nữa.

Ngày mai, Đức-vua Vessantara sẽ làm lễ đại-thí, sau ngày đại thí mới rời khỏi nước Sivi này.”

Thi hành theo lệnh của Đức-vua Vessantara, vị quan cận thần thân tín đến hầu Đức Thái-thượng-hoàng Saṅjaya và thông báo cho dân chúng đến nhận những vật-thí của Đức-vua Bồ-tát Vessantara.

Lễ đại thí đầy đủ mọi vật-thí

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền gọi các vị quan trong triều đình truyền rằng:

- Này các khanh! Ngày mai Trẫm làm lễ đại thí, mỗi thứ 700. Vậy các khanh hãy sửa soạn 700 con voi, 700 con ngựa, 700 cỗ xe, 700 cô gái xinh đẹp, 700 con bò sữa, 700 tở gái, 700 tở trai. Còn các thứ khác như đồ ăn, đồ uống, đồ dùng đều chuẩn bị thật đầy đủ không thiếu một thứ gì, thậm chí có cả thứ rượu đối với những người nghiện rượu nữa.

Sau khi truyền bãi triều, các quan trở về lo thi hành phận sự, Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự một mình đến cung điện của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, ngự trên chỗ cao quý, rồi truyền bảo với bà rằng:

- Này ái-khanh Maddī! Những của cải nào, như vàng bạc châu báu, ngọc muttā, ngọc maṇi, v.v... Và những thứ của cải mà ái-khanh đã nhận từ Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu, thì ái-khanh nên cất giữ những thứ của cải ấy thật an toàn và chắc chắn.

Nghe lời ân cần truyền dạy của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Đức phu-quân, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vô cùng ngạc nhiên, bởi vì từ trước cho đến nay chưa từng nghe lời lẽ có ý

nghĩa như thế này bao giờ, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng truyền dạy thần-thiếp cất giữ những thứ của cải thật an toàn và chắc chắn như thế để làm gì?*

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền dạy rằng:

- *Này ái-khanh Maddī! Ái-khanh nên đem những thứ của cải ấy thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật tùy thời đến cho những người có giới đức trong sạch, thực hành pháp-hạnh cao thượng; tạo đại-thiện-nghiệp bố-thí được lưu trữ và tích lũy ở trong tâm trở thành của riêng mình ngay trong kiếp hiện-tại và vô lượng kiếp trong vị-lai. Đó là cách cất giữ những thứ của cải an toàn và chắc chắn. Pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật ấy làm nơi nương nhờ, hỗ trợ cho các pháp-hạnh ba-la-mật khác được thành tựu.*

Nghe lời truyền dạy của Đức Phu-quân, Chánh cung Hoàng-hậu Maddī cung kính vâng lời.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền dạy tiếp rằng:

- *Này ái-khanh Maddī! Ái-khanh nên nuôi dưỡng hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina cho nên người, và chăm nom, phụng dưỡng Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng Thái-hậu Phussatī thật chu đáo.*

- *Này ái-khanh Maddī! Khi Trẫm không còn ở trong cung điện này nữa. Nếu có hoàng-tử nào trong hoàng tộc xin được làm vị phu-quân của ái-khanh, thì ái-khanh nên phục vụ vị phu-quân ấy một cách cung kính, hoặc ái-khanh có thể tự chọn vị phu-quân khác đáng yêu mến, rồi sống chung với vị phu-quân ấy. Ái-khanh chớ nên nhớ đến Trẫm nữa.*

Lắng nghe lời ân cần truyền dạy của Đức-vua Bò-tát Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vô cùng sùng sốt nên tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, tại sao hôm nay Hoàng-Thượng lại truyền dạy những lời bất hạnh như vậy?*

Đức-vua Bò-tát Vessantara giải đáp rằng:

- *Này ái-khanh Maddī! Dân chúng Sivi bức tức Trẫm, bởi vì Trẫm đã đem con Bạch-tượng báu ban cho 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga. Vì vậy, dân chúng Sivi mời Trẫm phải rời khỏi đất nước Sivi này.*

Ngày mai, Trẫm sẽ làm phước-thiện đại bố-thí mỗi thứ 700 xong, rồi vào sáng ngày thứ ba (kể từ ngày hôm nay), Trẫm sẽ một mình rời khỏi kinh-thành Jetuttara, ngự đi vào trong rừng núi Himavanta, sẽ gặp rất nhiều thú dữ, cho nên sinh-mạng của Trẫm thật là vô cùng nguy hiểm, khó tránh khỏi sự chết.

Lắng nghe từng lời giải đáp của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Đức Phu-quân, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, như vậy, thần-thiếp xin cùng đi theo Hoàng-thượng. Chết theo Hoàng-thượng hoặc xa cách Hoàng-thượng, trong hai điều này, thần-thiếp xin chọn chết theo Hoàng-thượng, còn sống mà xa cách Hoàng-thượng thì chẳng cao quý gì!*

Như con voi cái và đàn voi con đi theo sau con voi đực cao thượng qua các khúc đường rừng núi lở lĩm như thế nào, thì thần-thiếp cũng dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina cùng đi theo Hoàng-thượng như thế ấy.

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, xin hứa chắc chắn với Hoàng-thượng, thần-thiếp sẽ là người dễ dạy, dễ nuôi, biết vâng lời, hoàn toàn chiều theo ý của Hoàng-thượng.*

Để thuyết phục Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Đức Phu-quân, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu những điều mà bà tưởng tượng về cảnh rừng núi Himavanta (Hi-mã-lạp-son) như tận mắt thấy rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, khi Hoàng-thượng nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina có giọng nói trong trẻo đáng yêu, ngồi đùa giỡn nhau dưới bóng cây trong rừng, Hoàng-thượng sẽ không còn nhớ tưởng đến ngai vàng nữa.*

Khi Hoàng-thượng nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina có giọng nói hay ngọt ngào đáng yêu đang chơi đùa quanh cốc lá nhỏ trong rừng, Hoàng-thượng sẽ không còn tưởng nhớ đến ngai vàng.

Khi Hoàng-thượng nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina có giọng nói hay, lãnh lót đáng yêu, đi tìm những cánh hoa rừng đem về trang điểm cho Hoàng-thượng, rồi Hoàng-thượng cùng với hai con đùa giỡn chạy đuổi bắt quanh cốc lá nhỏ, Hoàng-thượng sẽ không còn nhớ tưởng đến ngai vàng, ...

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tưởng tượng, rồi diễn tả mọi cảnh trí hấp dẫn để thuyết phục Đức-vua Bô-tát Vessantara cho phép bà cùng với hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina đi theo Đức-vua Bô-tát vào rừng núi Himavanta, bà và hai con chắc chắn sẽ không làm bận tâm, mà chỉ theo hỗ trợ Đức-vua Bô-tát Vessantara cho được an-lạc mà thôi.

Hoàng-thái-hậu Phussatī hay tin dân chúng Sivi yêu cầu Đức Thái-thượng-hoàng mời Đức-vua Vessantara, Thái-tử của bà ra khỏi nước Sivi này và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cùng hai cháu đích tôn yêu quý của bà cùng đi theo Đức-vua Vessantara, Hoàng-thái-hậu Phussatī ngự đến yết kiến Đức Thái-thượng-hoàng khóc

than, van xin Đức Thái-thượng-hoàng đừng chiều theo ý dân chúng Sivi mà mời Thái-tử vô tội của bà ra khỏi đất nước Sivi này.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền bảo rằng:

- Nay Ái-khanh Phussatī! Đức-vua Vessantara, Thái-tử yêu quý nhất của Trẫm, như ngọn cò của đất nước Sivi, nhưng Trẫm đành phải mời Đức-vua Vessantara rời khỏi kinh-thành Jetuttara, bởi vì Trẫm phải thi hành theo luật lệ của triều đình xưa, mặc dù Thái-tử là người con yêu quý nhất của Trẫm.

Đức-Bồ-tát làm lễ đại thí đầy đủ mọi vật-thí

Sau khi sửa soạn xong các vật-thí trong buổi lễ đại-thí, các quan đến tâu với Đức-vua Vessantara. Sáng hôm ấy Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng các quan ngự đến các trại bố-thí làm phước đại thí gồm có:

- 700 con voi quý cùng những đồ trang sức.
- 700 con ngựa quý cùng với đồ trang sức.
- 700 cỗ xe cùng đồ trang hoàng.
- 700 cô gái xinh đẹp cùng đồ trang sức quý giá.
- 700 con bò sữa giống tốt.
- 700 người tớ gái tài giỏi xinh đẹp.
- 700 người tớ trai đã được huấn luyện tốt...

Còn các thứ đồ ăn, đồ uống không thiếu một thứ nào, thậm chí có cả rượu (không có lợi), để cho nhóm người nghiện rượu không chê trách.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara làm phước-thiện đại-thí (mahādāna) đến cho tất cả mọi hạng người: Từ vua chúa cho đến người nghèo khổ không thiếu hạng người nào, mãi đến chiều tối Đức-vua Bồ-tát mới trở về cung điện của mình. (Chỉ còn một đêm ấy mà thôi).

Đêm hôm ấy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī với hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā ngự đến châu Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī, xin phép từ biệt đi vào rừng núi Himavanta, đến núi Vaṅka.

Đức Phụ-hoàng Sañjaya và Mẫu-hậu Phussatī vô cùng khổ tâm vì phải xa lìa Thái-tử Vessantara yêu quý nhất, lại còn biết Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā là người con dâu hiền và hai cháu đích tôn thật là đáng yêu quý nhất cũng xin đi theo Thái-tử Vessantara, cho nên nổi thống khổ càng thêm gấp bội.

Đức Phụ-hoàng Sañjaya và Mẫu-hậu Phussatī khuyên bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī rằng:

- Này Vương-phi Maddī! Trong rừng núi Himavanta có nhiều thú dữ rất nguy hiểm, và lại

đời sống trong rừng rất khổ cực, con không thể chịu nổi được đâu!

Vậy, con nên ở lại trong cung điện này, chỉ một mình Đức phu-quân Vessantara của con đi mà thôi.

Nghe Đức Phụ-hoàng Sañjaya và Mẫu-hậu Phussatī khuyên bảo như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tha thiết tâm rằng:

- Muốn tâm Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu, con cũng biết rõ như vậy, nhưng con không thể ở lại cung điện hưởng mọi sự an-lạc một mình, mà để Đức phu-quân của con chịu khổ một mình trong rừng núi Himavanta.

Vậy, con tha thiết kính xin Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu cho phép con được cùng đi theo Đức phu-quân của con, để trọn tình trọn nghĩa, cùng vui cùng khổ có nhau.

Nghe Vương-phi Maddī tâm như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và bà Hoàng-thái-hậu Phussatī biết không thể thuyết phục người con dâu ở lại cung điện được, nên tha thiết khuyên bảo Vương-phi Maddī nên để 2 đứa cháu ở lại cung điện rằng:

- Nay Vương-phi Maddī! Nếu con muốn đi theo Đức phu-quân của con để trọn tình trọn nghĩa thì Phụ-hoàng và Mẫu-hậu cho phép được,

nhưng hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā còn thơ ấu quá không thể sống thiếu thốn trong rừng núi được.

Vậy, con không nên đem 2 cháu yêu quý đi theo 2 con, mà nên để 2 đứa cháu ở lại với Phụ-hoàng và Mẫu-hậu nuôi dưỡng.

Nghe Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu khuyên bảo như vậy, Vương-phi Maddī tha thiết tâm rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā thơ ấu là trái tim, là một phần thân thể của 2 con. Khi 2 con còn sống thì không thể xa lìa hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā được. Tâu Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu.

Khi ấy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara tâm rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu, con đã khuyên bảo Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī nên ở lại cung điện với hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, nhưng Chánh-cung Hoàng-hậu không chịu, nhất quyết dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đi theo con.

Đức Thái-thượng-hoàng Saṅjaya và bà Hoàng-thái-hậu Phussatī vô cùng khổ tâm, bởi vì không chỉ mất Thái-tử Vessantara mà còn con dâu là Vương-phi Maddī và hai cháu đích tôn là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā nữa.

Thái-tử Vessantara hầu chuyện thân mật với *Đức Phụ-hoàng Sañjaya* và *Mẫu-hậu Phussatī* suốt đêm hôm ấy.

Đức-vua Bô-tát rời khỏi đất nước Sivi

Sáng sớm hôm ấy, trước khi mặt trời mọc, các quan sửa soạn chiếc long xa có 4 con ngựa báu. Biết ý của *Thái-tử Vessantara* hoan-hỷ làm phước-thiện bố-thí, nên *Hoàng-thái-hậu Phussatī* truyền bảo các quan đem nhiều của cải quý báu chất đầy trong chiếc xe, rồi đem đến rước *Đức-vua Bô-tát Vessantara*.

Đức-vua Bô-tát Vessantara cùng *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jāli* và *công-chúa Kanhājinā* đánh lễ *Đức Phụ-hoàng Sañjaya* và *Mẫu-hậu Phussatī*, xin phép xuất gia trở thành đạo-sĩ. *Đức Phụ-hoàng* và *Mẫu-hậu* đành chấp thuận, nhưng phát sinh nỗi thống khổ cùng cực vì phải xa lìa những người thân yêu nhất.

Khi mặt trời mọc, các quan dẫn tâu *Đức-vua Bô-tát Vessantara* đến giờ ngự đi ra khỏi kinh-thành Jetuttara. *Đức-vua Bô-tát Vessantara* cùng *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jāli* và *công-chúa Kanhājinā* đánh lễ *Đức Phụ-hoàng Sañjaya* và *Mẫu-hậu Phussatī* xin phép từ giã lần cuối và từ giã 60 ngàn quan đại thần đồng sinh với *Đức-vua Bô-tát Vessantara*, rồi

ngự đi đến chiếc long xa có bốn con ngựa báu đang chờ đón bên ngoài cửa.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jāli* và *công-chúa Kanhājinā* bước lên xe, ngoảnh nhìn lại thấy *Đức Phụ-hoàng* và *Mẫu-hậu* đứng nhìn theo với nỗi thống khổ cùng cực vì phải xa lìa những người thân yêu nhất của mình.

Chiếc long xa có 4 con ngựa báu chở bốn vị vương-gia lẫn bánh, hai bên đường có nhiều người trong hoàng tộc, dân chúng đứng chờ tiễn đưa *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* ngự đi ra khỏi đất nước Sivi, đến núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta. Họ chấp hai tay cung kính *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* cùng *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jāli* và *công-chúa Kanhājinā* với lòng kính yêu vô hạn.

Trên đường đi, nhiều người đứng chờ xin *Đức-vua Vessantara* bố-thí đến cho họ, *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* dừng chiếc long xa lại, lấy của cải quý báu làm phước-thiện bố-thí.

Đến khi tất cả mọi thứ của cải vàng ngọc quý báu trong xe đã hết sạch, *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* cỡi những thứ trang sức đang đeo đem làm phước-thiện bố-thí cho họ.

Nghe tin *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* làm phước-thiện đại-thí, bốn vị Bà-la-môn đến không

kip, nên chạy theo sau. Nhìn từ xa thấy họ, *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* tâu với *Đức-phu-quân, Đức-vua Bồ-tát Vessantara* ngừng chiếc long xa lại chờ họ đến. Bốn vị Bà-la-môn quỳ lạy tâu xin *Đức-vua* bố-thí ban của cải đến cho họ.

Khi biết không còn thứ của cải nào để cho họ nữa, nên họ tâu xin *Đức-vua* bố-thí cho họ mỗi người một con ngựa báu. *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* bước xuống chiếc long xa, cỡi bốn con ngựa báu ra, rồi ban cho 4 vị Bà-la-môn mỗi người một con ngựa báu, họ lên ngựa cỡi trở về, còn chiếc long xa đứng trơ trọi một chỗ.

Ngay khi ấy, 4 vị thiên nam hóa ra thành 4 con la thay vào bốn con ngựa báu tiếp tục kéo chiếc long xa đưa bốn vị vương-gia ngự đi đến núi *Vaṅka* trong rừng núi *Himavanta*.

Khi ấy, nhìn thấy chiếc long xa sang trọng lộng lẫy, nên một vị Bà-la-môn đến quỳ lạy tâu xin *Đức-vua* làm phước-thiện bố-thí ban chiếc long xa ấy cho ông.

Nghe vị Bà-la-môn tâu xin như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* cùng với *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* ẵm 2 đứa con bước xuống long xa, rồi *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* ban chiếc long xa cho vị Bà-la-môn ấy.

Ngay khi ấy, 4 con la vốn là 4 vị thiên nam cùng nhau biến mất.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo rằng:

- *Này Maddī em! Em ẵm công-chúa Kanhājīnā, còn anh ẵm hoàng-tử Jāli tiếp tục ngự đi bộ trên đường đến núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta.*

Rừng núi Vaṅka

Đức-vua Bồ-tát Vessantara ẵm hoàng-tử Jāli và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ẵm công-chúa Kanhājīnā đang đi trên đường, gặp một nhóm người đi ngược đường về phía họ, *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* bèn hỏi họ rằng:

- *Này quý vị! Núi Vaṅka ở nơi nào? Từ đây đi đến nơi đó còn khoảng cách bao nhiêu xa?*

Nhóm người này nhìn thấy *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đi bộ mỗi người ẵm một đứa con, hỏi đường đi đến núi Vaṅka, họ cảm thấy thương mà thưa rằng:

- *Kính thưa hai vị, núi Vaṅka ở xa tít mãi đằng kia, mà hai vị đi bộ như thế này biết bao giờ mới đi đến nơi ấy.*

Nghe nhóm người chỉ dẫn như vậy, *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī từ giã nhóm người ấy, rồi tiếp tục đi bộ đến kinh-thành Mātula đất nước Cetaratt̐ha vào buổi chiều ngày hôm ấy, ngồi tại nhà nghỉ trước cổng kinh-thành Mātula.

Thực ra, từ *kinh-thành Jetuttara* đất nước *Sivi* đến *kinh-thành Mātula* đất nước *Cetaraṭṭha* có khoảng cách xa 30 do tuần ⁽¹⁾, do nhờ oai lực chư-thiên đã thu con đường ngắn lại, nên *Đức-vua Bô-tát Vessantara* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* khởi hành từ *kinh-thành Jetuttara* đất nước *Sivi* vào buổi sáng, đến *kinh-thành Mātula* đất nước *Cetaraṭṭha* vào buổi chiều hôm ấy.

Nghe quân lính gác tại cổng thành tâu báo với *Đức-vua Ceta* rằng:

Đức-vua Vessantara và *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jāli* và *công-chúa Kanhājinā* đã ngự đi đến, và đang ngồi tại nhà nghỉ trước cổng *kinh-thành*.

Nghe tâu như vậy, *Đức-vua Ceta* cùng các quan văn võ ngự ra tận nhà nghỉ trước cổng *kinh-thành*, đón rước *Đức-vua Bô-tát Vessantara* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jāli* và *công-chúa Kanhājinā*.

Nhìn thấy hoàn cảnh khổ của 4 vị *vuông-gia* như vậy, *Đức-vua Ceta* cùng các quan cận thân vô cùng xúc động rơi nước mắt. Nghi lễ đón tiếp rất đơn giản nhưng tình cảm thật đậm đà thấm thiết.

Đức-vua Ceta cung thỉnh *Đức-vua Vessantara* và *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jāli*

¹ 1 do tuần dài khoảng 20 cây số.

và công-chúa *Kaṇhājinā* ngự lên chiếc long xa sang trọng, rồi cung nghinh rước vào cung điện, để cho bốn vị vương-gia tắm rửa sạch sẽ, rồi cung thỉnh ngự đi đến phòng khách của triều đình. Đức-vua *Ceta* tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương *Vessantara*, hôm nay bốn vương cùng bá quan văn võ vô cùng diễm phúc được đón tiếp Đại-vương và Chánh-cung Hoàng-hậu, hoàng-tử *Jāli* và công-chúa *Kaṇhājinā*, xin được mở yến tiệc thiết đãi 4 vị vương-gia là thượng khách của triều đình.

Khi ấy, Đức-vua *Bô-tát Vessantara* truyền bảo rằng:

- Thưa Đức-vua *Ceta*, Đức-vua cùng các quan đã đón tiếp bốn-vương và Chánh-cung Hoàng-hậu, hoàng-tử và công-chúa thật là trọng thể với tình cảm đậm đà thăm thiết như thế này, bốn vương xin cảm tạ toàn thể quý vị.

Đức-vua *Ceta* tâu hỏi rằng:

- Muôn tâu Đại-vương *Vessantara*, Đức Thái-thượng-hoàng *Saṅjaya*, Hoàng-thái-hậu *Phussatī* được khoẻ mạnh hay không?

Do nguyên nhân nào mà Đại-vương và Chánh-cung Hoàng-hậu phải vất vả như thế này?

Đức-vua *Bô-tát Vessantara* truyền bảo cho Đức-vua *Ceta* biết Đức Thái-thượng-hoàng

Sañjaya, Hoàng-thái-hậu Phussatī được khoẻ mạnh, và thuật cho biết nguyên nhân như sau:

- Thưa Đức-vua Ceta, sở dĩ bốn vương phải rời khỏi đất nước Sivi là vì bốn vương đem con Bạch-tượng báu của triều đình, làm phước-thiện bố-thí ban cho 8 vị Bà-la-môn của đất nước Kāliṅga. Vì vậy, dân chúng Sivi bức tức bốn vương, dẫn nhau đến châu Đức Thái-thượng-hoàng, yêu cầu Đức Thái-thượng-hoàng phải truyền lệnh mời bốn vương rời khỏi đất nước Sivi, đến ở núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta.

Tuy Đức Thái-thượng-hoàng rất thương yêu bốn vương, nhưng dân chúng Sivi hăm dọa, nếu Đức Thái-thượng-hoàng không truyền lệnh mời bốn-vương rời khỏi đất nước Sivi thì họ sẽ gây nguy hiểm không chỉ đến cho bốn-vương, mà còn đến Đức Thái-thượng-hoàng nữa. Vì vậy, Đức Thái-thượng-hoàng đành phải chiều theo ý của dân chúng Sivi.

Đó là nguyên nhân khiến bốn-vương phải rời khỏi đất nước Sivi, đến ở núi Vaṅka trong rừng núi Himavanta. Còn Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ẩm hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājīnā xin đi theo bốn vương.

Nghe xong câu chuyện của Đức-vua Bô-tát Vessantara, Đức-vua Ceta cùng các quan vô cùng thương cảm cho cảnh ngộ của Đức-vua Bô-

tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā còn thơ ấu.

Đức-vua Ceta cùng 60 ngàn quan cận thân chấp tay khấn khoản tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, kính thỉnh Đại-vương lên ngôi báu ngự tại kinh-thành Mātula, trị vì đất nước Ceta này, còn tất cả chúng thần nguyện hết lòng làm bề tôi trung thành của Đại-vương.

Dù Đức-vua Ceta khấn khoản tâu nhiều lần như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara vẫn một mực khước từ lời thỉnh cầu của Đức-vua Ceta cùng các quan trong triều đình, bởi vì, Đức-vua Bồ-tát Vessantara chỉ muốn ngự đến rừng núi Vaṅka mà thôi.

Nghỉ lại một đêm tại cung điện của Đức-vua Ceta, sáng sớm hôm sau Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā ngự lên chiếc long xa tiếp tục khởi hành ngự đi đến rừng núi Vaṅka.

Đức-vua Ceta cùng 60 ngàn quan theo sau đưa tiễn Đức-vua Bồ-tát Vessantara một đoạn đường dài 15 do tuần, rồi dừng lại nơi đầu bìa rừng và tâu chỉ rõ đường cho Đức-vua Bồ-tát Vessantara rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, chúng thần xin tiến Đại-vương nơi đây, còn Đại-vương cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā tiếp tục ngự đi về hướng bắc nhìn thấy sườn núi cao Vepulla, tiếp đến dòng sông Ketumatī nước trong trẻo, tiếp đến núi Nālīka. Từ đó, ngự đi về hướng đông bắc có hồ nước Mucalinda to lớn có nhiều thứ sen trắng, sen hồng..., từ đó, ngự vào rừng sâu có nhiều loại cây ăn quả, tiếp đến sườn núi Vaṅka gần đó có cái hồ vuông lớn nước ngon lành, Đại-vương có thể làm cốc lá trú ngụ nơi ấy.

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương ngự đi thêm khoảng 15 do tuần nữa, trải qua các dãy núi rừng này mới đến rừng núi Vaṅka.

Tại nơi ấy, cuộc chia ly đầy lưu luyến, vô cùng cảm động, Đức-vua Ceta cảm động trào nước mắt. Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā tiếp tục lên đường đầy khó khăn nguy hiểm, Đức-vua Ceta đứng nhìn theo cho đến khi khuất dạng.

Để bảo vệ an toàn cho Đức-vua Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, không cho kẻ thù nào đến quấy rầy, nên Đức-vua Ceta gọi người thợ săn tên là Cetaputta đến truyền bảo rằng:

- *Này người! Người có phận sự giữ gìn cửa rừng này, xem xét những người lạ khả nghi không cho phép vào khu rừng.*

Sau khi truyền bảo người thợ săn xong, Đức-vua Ceta hồi cung ngự trở về kinh-thành Mātulanagara cùng với 60 ngàn quan trọng triều.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự đến núi Vaṅka

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā ngự đi theo sự chỉ dẫn của Đức-vua Ceta, đến cái hồ vuông lớn gần núi Vaṅka. Khi ấy, chỗ ở của Đức-vua-trời Sakka phát nóng, Đức-vua-trời Sakka xem xét nguyên nhân biết rõ Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā ngự vào rừng núi Himavanta, trú tại rừng Vaṅka, xuất gia trở thành đạo-sĩ, nên Đức-vua-trời Sakka gọi thiên-nam Vissakamma truyền bảo rằng:

- *Này Vissakamma! Người nên hiện xuống rừng núi Himavanta, tại rừng Vaṅka, hóa ra hai cọc lá để làm chỗ ở cho Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī và những thứ vật dụng cần thiết cho các vị đạo-sĩ.*

Vâng lệnh Đức-vua-trời Sakka, vị thiên-nam Vissakamma hiện xuống rừng núi Himavanta, hóa ra hai cọc lá khoảng cách không xa, đường

đi kinh hành thuận lợi, hóa ra một bộ y phục đạo-sĩ, một bộ nữ đạo-sĩ, hai bộ trẻ con, và các thứ vật dụng cần thiết của các đạo-sĩ, rồi ghi mấy dòng chữ

“Những vị nào muốn xuất gia trở thành đạo-sĩ, xin hãy sử dụng những bộ y phục và những thứ vật dụng cần thiết này.”

Vị thiên-nam Vissakamma dùng oai lực của mình cấm các loài thú dữ, các loài rắn độc, các con vật có tiếng kêu đáng sợ không được đến gần nơi ấy, rồi trở về cõi trời Tam-thập-Tam-thiên.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara cùng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā ngự đi theo con đường ấy đến nơi, *Đức-vua Bồ-tát* quan sát nhìn thấy hai cốc lá khoảng cách không xa nhau, có đường đi kinh hành, v.v... *Đức-vua Bồ-tát* bước vào cốc lá thấy dòng chữ, hiểu biết đó là *Đức-vua-trời Sakka* ban cho.

Xuất gia trở thành đạo-sĩ

Đức-vua Bồ-tát mở cốc lá ra nhìn thấy bên trong những y phục và các thứ vật dụng của đạo-sĩ. *Đức-vua Bồ-tát Vessantara* thay bộ y phục cũ, mặc bộ y phục đạo-sĩ mới vào, sử dụng các vật dụng của đạo-sĩ, trở thành bậc xuất-gia đạo-sĩ. *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara* cảm gầy bước xuống cốc, cảm thấy hạnh phúc nên thốt lên rằng:

- Ô! *An-lạc quá, hạnh phúc quá! Ta đã là bậc xuất-gia đạo-sĩ rồi!*

Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara đi qua đi lại trên đường kinh hành. Sau đó, đi đến cốc lá của *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jālī* và *công-chúa Kanhājinā*.

Nhìn thấy *Đức-vua* trong tướng mạo *đạo-sĩ*, *Chánh-cung Hoàng-hậu* cúi xuống lạy dưới đôi bàn chân của *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ*, xin phép *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* cho phép xuất gia trở thành nữ *đạo-sĩ*. *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* vào cốc mặc bộ y phục nữ *đạo-sĩ*, *hoàng-tử Jālī* và *công-chúa Kanhājinā* cũng mặc y phục *đạo-sĩ*. Cả bốn vị *vuong-gia* đều trở thành *đạo-sĩ* sống trong rừng núi *Vaṅka*.

Nữ đạo-sĩ Maddī bạch với *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* rằng:

- *Kính bạch Đức đạo-sĩ, xin Ngài ngự tại cốc chăm sóc hai con nhỏ, còn tiện nữ xin làm phận sự vào rừng tìm các loại trái cây đem về dâng lên Ngài và hai con.*

Từ đó mỗi buổi sáng, *nữ đạo-sĩ Maddī* một mình vào rừng núi tìm các loại trái cây, rồi đem về dâng lên *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ* và hai con.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ truyền dạy *nữ đạo-sĩ Maddī* rằng:

- *Này nữ đạo-sĩ Maddī! Bây giờ chúng ta đều là bậc xuất-gia đạo-sĩ rồi.*

Vậy, từ nay nữ đạo-sĩ không nên đến tìm bản đạo trong những lúc không hợp thời, bởi vì nữ giới có thể làm ô nhiễm bậc hành phạm hạnh.

Nữ đạo-sĩ Maddī cung kính vâng lời truyền dạy của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nên bạch rằng: “Dạ, xin vâng.”

Từ ngày đó, *nữ đạo-sĩ Maddī* thức dậy từ sáng sớm đi lấy nước uống, nước dùng, cây đánh răng đem đến dâng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, quét dọn xung quanh cốc, dẫn hai con đến gửi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ. Sau đó, *nữ đạo-sĩ Maddī* đeo gùi trên đôi vai, tay cầm mai một mình đi vào rừng núi tìm các loại trái cây, loại củ, buổi chiều mới trở về đến cốc lá, tự tay sửa soạn các loại trái cây, loại củ dọn trên sàn trước cốc, rồi thỉnh Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, và gọi hai con vào dùng, bốn vị đạo-sĩ cùng nhau dùng trái cây và củ.

Hằng ngày, đời sống yên ổn của 4 vị vương gia đạo-sĩ thực-hành phạm-hạnh cao thượng trong núi Vaṅka suốt thời gian 7 tháng đã trôi qua.

Bà-la-môn Jūjaka

Vào thời ấy, *Bà-la-môn* hành khát tên là **Jūjaka** già khom lưng còng xấu xí ở trong làng Bà-la-môn Dunnivīṭṭha, đất nước Kāliṅga, mới có người vợ trẻ đẹp tên là **Amittatāpanā**.

Cô *Amittatāpanā* là người vợ tận tụy biết lo phục vụ chồng rất chu đáo. Một số ông chồng Bà-la-môn trẻ khác trong làng nhìn thấy cô *Amittatāpanā* như vậy, nên khen ngợi cô mà chê trách vợ mình rằng:

“Cô Amittatāpanā, vợ của ông Bà-la-môn Jūjaka già khom, tận tụy biết lo phục vụ chồng một cách chu đáo như vậy, còn bà sao không biết noi gương cô Amittatāpanā mà phục vụ tôi như vậy?”

Nghe chồng chê trách mình như vậy, khiến các bà vợ cảm thấy bức tức, nên họ gặp nhau bàn tính rằng:

“Từ ngày cô Amittatāpanā, vợ ông Bà-la-môn Jūjaka già khom về ở trong làng này, ông chồng của chúng ta khen ngợi cô ấy mà chê trách chúng ta.

Vậy, chúng ta nên tìm cách nào, để cô Amittatāpanā bỏ làng này trở về nhà cô?”

Một hôm, nhìn thấy cô *Amittatāpanā* đem nồi đến bên sông để lấy nước, các bà Bà-la-môn trẻ vợ của các ông Bà-la-môn trẻ trong làng, cùng nhau dẫn đến gặp cô *Amittatāpanā* nói xâu, chê cười rằng:

- Nay cô Amittatāpanā! Cô còn trẻ đẹp như thế này, sao cha mẹ cô không gả cô cho một người chồng trẻ đẹp xứng đôi vừa lứa mà lại

đem gả cô cho ông Bà-la-môn Jūjaka già khom lưng còng xấu xí như thế kia!

Cô có được hạnh phúc gì đâu! Thà chết còn hơn là sống chung với ông Bà-la-môn Jūjaka già khom như vậy!

- Nay cô Amittatāpanā! Cô em còn trẻ và xinh đẹp như thế này, chắc chắn có nhiều Bà-la-môn trai trẻ giàu có xứng đôi vừa lứa thương yêu say đắm cô em.

Vậy, cô em nên bỏ ông Bà-la-môn Jūjaka chồng già khom ấy, đi trở về lại nhà cha mẹ của mình. Đó là điều hạnh phúc đối với cô em. Nếu cô em còn bị ràng buộc với ông Bà-la-môn Jūjaka chồng già khom thì cô em có được hạnh phúc an-lạc gì đâu! Thật uổng phí cuộc đời con gái xinh đẹp như cô em!

Nghe các bà Bà-la-môn trẻ vừa chê trách vừa khuyên bảo, nên làm cho cô Amittatāpanā cảm thấy tủi thân. Trên đường đem nước về nhà, cô Amittatāpanā vừa đi vừa khóc thảm thương cho đến khi về đến nhà.

Nhìn thấy cô Amittatāpanā, người vợ trẻ yêu quý của mình khóc, ông Bà-la-môn Jūjaka liền hỏi rằng:

- Nay Amittatāpanā em yêu quý! Vì sao em khóc vậy?

- *Này ông Bà-la-môn! Tôi sẽ không đi đến bến sông lấy nước nữa đâu! Vì các bà vợ trẻ của các ông Bà-la-môn trẻ chê cười tôi làm vợ của một ông chồng già khom xấu xí như ông đấy! Họ chế nhạo tôi đủ điều, tôi cảm thấy xấu hổ quá. Vì vậy, từ nay tôi không đi đến bến sông lấy nước nữa đâu!*

Nghe người vợ trẻ yêu quý của mình than vãn như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka cảm thấy khổ tâm, nói lời an ủi rằng:

- *Này Amittatāpanā em yêu quý! Từ nay, em không cần đi đến bến sông lấy nước nữa! Anh sẽ tự đi lấy nước về cho em và anh dùng.*

- *Này ông Bà-la-môn! Tôi sinh ra trong một gia đình có truyền thống không để chồng đi lấy nước. Tôi nói cho ông biết, nếu ông không tìm được tó trai, tó gái đem về phục vụ thì tôi không thể sống chung với ông trong gia đình này nữa.*

Nghe người vợ trẻ yêu quý của mình nói như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka than thở rằng:

- *Này em yêu quý! Em biết anh nghèo khổ, sống bằng nghề hành khát như thế này, thì làm sao có tiền để thuê tó trai, tó gái đem về phục vụ cho em được. Xin em đừng giận dỗi nữa, em không phải vất vả làm gì cả, một mình anh làm mọi việc trong nhà để phục vụ cho em.*

Do oai lực của chư-thiên mách bảo khiến cô Amittatāpanā nói với ông Bà-la-môn Jūjaka rằng:

- *Này anh Bà-la-môn Jūjaka! Em nghe tin Đức-vua Vessantara đang ở tại núi Vaṅka, anh đến yết kiến Đức-vua, xin Đức-vua ban cho tớ trai, tớ gái. Đức-vua chắc chắn sẽ ban tớ trai, tớ gái cho anh được toại nguyện.*

Ông Bà-la-môn Jūjaka than vãn rằng:

- *Này Amittatāpanā em yêu quý! Anh già yếu không còn sức lực, con đường đi đến núi Vaṅka xa xôi khó khăn hiểm trở, có nhiều thú dữ gây tai hại đến sinh-mạng.*

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka già than vãn như vậy, cô Amittatāpanā chê trách rằng:

- *Này ông Bà-la-môn Jūjaka! Ông nên biết rằng: Nếu ông không chịu đi xin tớ trai, tớ gái từ Đức-vua Vessantara thì tôi không ở trong nhà ông nữa. Khi ấy, ông sẽ buồn khổ nhiều, lưng của ông sẽ khòm xuống, tóc ông sẽ bạc trắng, thân hình ông sẽ gầy ốm và ông sẽ chết vì thương nhớ tôi.*

Nghe người vợ trẻ đẹp yêu quý nói như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka già khom lo sợ người vợ trẻ đẹp bỏ đi thật, bởi vì ông đã bị ràng buộc bởi tham-ái với cô vợ trẻ đẹp Amittatāpanā, nên ông nói rằng:

- *Này Amittatāpanā em yêu quý! Em hãy chuẩn bị vật thực đi đường để cho anh đi đến yết kiến Đức-vua Vessantara, xin tớ trai, tớ gái đem về phục vụ em suốt ngày đêm.*

Trước lúc khởi hành, ông Bà-la-môn Jūjaka già sửa cửa ngõ lại cho chắc chắn, vào rừng tìm củi về để trong nhà, lấy nước đầy các bể chứa, để cho người vợ ở nhà dùng, rồi ông Bà-la-môn Jūjaka dạy bảo rằng:

- *Này Amittatāpanā em yêu quý! Em ở nhà chớ nên tiếp xúc người đàn ông nào, ban đêm chớ nên đi ra khỏi nhà. Em ở nhà chờ đợi anh đem tớ trai, tớ gái về cho em.*

Dạy bảo người vợ trẻ xong, ông Bà-la-môn Jūjaka già mang hình thức đạo-sĩ, trên gương mặt đầm đìa nước mắt vì lưu luyến nói lời từ giã người vợ trẻ đẹp yêu quý.

Ông lên đường đi thẳng đến kinh-thành Jetuttara, đất nước Sivi hỏi thăm đường đi đến chỗ ở của Đức-vua Vessantara tại núi Vaṅka. Dân chúng kinh-thành Jetuttara biết ông Bà-la-môn Jūjaka là người dân ăn xin của đất nước Kālīṅga, họ mắng nhiếc xua đuổi, ông Bà-la-môn Jūjaka sợ chạy đi ra khỏi kinh-thành Jetuttara.

Do nhờ oai lực của chư-thiên khiến ông chạy nhầm đúng con đường mà Đức-vua Bô-tát Vessantara đã ngự đi trước kia.

Ông Bà-la-môn Jūjaka già trải qua cuộc hành trình nhiều ngày gian nan vất vả, đi được khoảng đường dài đến ven rừng, gặp phải bầy chó săn của người thợ săn Cetaputta chạy đến cắn, ông Bà-la-môn Jūjaka hoảng sợ liền trèo lên cây, rồi kêu la cầu cứu rằng:

“Có người nào cứu tôi với! Tôi đến đây để tìm Đức-vua Vessantara.”

Người thợ săn Cetaputta được Đức-vua Ceta truyền bảo có bổn phận bảo vệ sự an toàn cho Đại-vương Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina ở trong núi rừng Vaṇka này.

Khi ấy, người thợ săn Cetaputta đi trong rừng, nghe tiếng ông Bà-la-môn Jūjaka muốn biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara, nên nghĩ rằng:

“Ông Bà-la-môn này đến nơi này chắc chắn có ý đồ xin gì đây, ta nên giết y chết là xong.”

Nghĩ xong, người thợ săn đưa cây cung nạp mũi tên vào nhắm về phía ông Bà-la-môn Jūjaka bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Ngươi có mưu đồ gì mà muốn yết kiến Đức-vua Vessantara. Ta không để ngươi thực hiện ý đồ xấu ấy. Ta sẽ bắn ngươi rơi xuống đất chết tại nơi đây.

Vậy, ngươi có gì để nói hay không?

Nghe người thợ săn Cetaputta khẳng khái nói như vậy, nên Bà-la-môn Jūjaka già kinh hồn bạt vía sợ chết, nên nói dối rằng:

- *Này anh thợ săn! Tôi được Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Bà Hoàng-thái-hậu Phussatī phái đến đây tìm Đức-vua Vessantara, để kính thỉnh Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara trị vì đất nước Sivi.*

- *Này anh thợ săn! Anh có biết chỗ ở của Đức-vua Vessantara, thì anh chỉ đường cho tôi đến yết kiến tâu thỉnh Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara.*

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka nói như vậy, người thợ săn Cetaputta vui mừng hoan-hỷ đuổi bầy chó đi nơi khác, Bà-la-môn Jūjaka từ trên cây leo xuống, người thợ săn mời ông Bà-la-môn đến chỗ ở của mình rồi nói rằng:

- *Này ông Bà-la-môn! Tôi rất hân hạnh được tiếp đón ông, người được Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī phái đến để tâu thỉnh Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara.*

Vậy, xin mời ông dùng vật thực bằng các món thịt rừng với tôi.

Sau khi tiếp đãi ông Bà-la-môn Jūjaka xong, người thợ săn Cetaputta còn biếu mật ong và nhiều món quà khác đi đường cho ông Bà-la-môn Jūjaka già.

Người thợ săn Cetaputta tiễn ông Bà-la-môn Jūjaka đến một nơi, rồi chỉ rõ đường đi đến rừng núi Himavanta, tại rừng Vaṅka, đó là chỗ ở của Đức-vua Vessantara.

Nghe người thợ săn Cetaputta chỉ rõ con đường đi đến chỗ ở của Đức-vua Vessantara, ông Bà-la-môn Jūjaka vô cùng hoan-hỷ cảm tạ, rồi xin từ giã tiếp tục lên đường. Theo sự chỉ dẫn của người thợ săn, ông Bà-la-môn Jūjaka đến gặp **Ngài đạo-sĩ Accuta**, vấn an sức khỏe lẫn nhau xong, ông Bà-la-môn Jūjaka nói dối Ngài đạo-sĩ Accuta lời lẽ giống như với người thợ săn Cetaputta, Ngài đạo-sĩ Accuta tin là thật, nên bảo rằng:

- Nay ông Bà-la-môn Jūjaka! Nếu sự-thật đúng như vậy thì bản đạo xin mời ông nghỉ lại đêm nay ở đây, sáng ngày mai, bản đạo sẽ chỉ đường cho ông đến châu Đức-vua Vessantara.

Nghe vị đạo-sĩ bảo như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka vô cùng hoan-hỷ nhận lời mời. Ngài đạo-sĩ tiếp đãi mời ông Bà-la-môn Jūjaka dùng các thứ trái cây no đủ.

Sáng ngày hôm sau, Ngài đạo-sĩ Accuta đưa ông Bà-la-môn Jūjaka đến ngọn đồi cao, đưa cánh tay phải chỉ về phía núi Gandhamādana mà bảo rằng:

- *Này ông Bà-la-môn Jūjaka! Ông hãy nhìn theo hướng đầu ngón tay của bàn đạo, phía xa kia là núi Gandhamādana, dưới chân núi có hồ nước Mucalinda rộng lớn và sâu, có nhiều hoa sen, hoa súng đủ loại rất xinh đẹp, quanh bờ hồ có nhiều thứ rau ngon, xung quanh nơi ấy có nhiều cây ăn quả quanh năm suốt tháng, không bao giờ hết quả. Chính gần nơi ấy là chỗ ở của Đức-vua Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā.*

Nghe vị đạo-sĩ Accuta chỉ rõ đường đến chỗ ở của Đức-vua Vessantara, ông Bà-la-môn Jūjaka vô cùng hoan-hỷ cảm tạ ân đức vị đạo-sĩ, rồi đánh lễ vị đạo-sĩ Accuta, xin phép tiếp tục lên đường. Vào một buổi chiều, ông Bà-la-môn Jūjaka đến gần chỗ ở của Đức-vua Bô-tát Vessantara, ông Bà-la-môn Jūjaka nghĩ rằng:

“Nếu ta đến tham kiến Đức-vua Vessantara để xin hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā mà có sự hiện diện của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī thì bất lợi cho ta, vậy ta nên tìm một chỗ nghỉ qua đêm, chờ sáng mai lúc Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đi vào rừng để tìm trái cây.

Khi ấy, ta sẽ đến tham kiến Đức-vua Vessantara, xin Đức-vua ban cho ta hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā. Ta sẽ dẫn về làm tôi tớ cho người vợ trẻ yêu quý của ta.

Chánh-cung hoàng-hậu Maddī thấy ác mộng

Trong đêm ấy, lúc canh chót, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī nằm thấy ác mộng rằng:

“Một ông Bà-la-môn già có thân hình xấu xí dị dạng đáng sợ, hai lỗ tai đeo hoa, tay cầm vũ khí hung ác xông vào cốc lá, nắm tay Chánh-cung Hoàng-hậu lôi đi làm té xuống nằm trên nền, rồi móc hai con mắt, chặt hai tay, Chánh-cung Hoàng-hậu khóc la thảm thiết, y liền mổ ngực của Chánh-cung Hoàng-hậu móc lấy trái tim, máu đang chảy lai láng, rồi y đem đi.”

Khi tỉnh giấc, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cảm thấy kinh hoàng, hoảng sợ nghĩ rằng:

“Ta đã nằm thấy ác mộng, ngoài Hoàng-thượng Vessantara ra, không một ai có thể đoán được ác mộng này, ta nên ngự đến châu Hoàng-thượng, kể lại ác mộng này.”

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự đến gõ cửa cốc của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara.

Nghे tiếng gõ cửa, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền hỏi: - Ai đó?

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức đạo-sĩ cao thượng, thần-thiếp là Maddī, kính xin Đức đạo-sĩ tha tội.*

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền hỏi rằng:

- *Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nữ đạo-sĩ đã phá lời cam kết của chúng ta rồi! Do nguyên nhân nào mà nữ đạo-sĩ đến tìm bản-đạo không đúng thời, đúng lúc vậy?*

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức-vua đạo-sĩ cao thượng, thần-thiếp không dám phá lời cam kết, nhưng thần-thiếp vừa nằm thấy con ác mộng hãi hùng.*

Đức đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- *Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nếu vậy thì nữ đạo-sĩ hãy thuật rõ lại cho bản đạo nghe con ác mộng ấy như thế nào?*

Nghe nữ đạo-sĩ Maddī tâu rõ lại ác mộng ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đoán biết rõ rằng:

“Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý là pháp-hạnh ba-la-mật mà vô số kiếp quá-khứ ta chưa từng thực hành, thì sáng mai này sẽ có Bà-la-môn hành khát đến xin hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājinā yêu quý của ta, để bồi bổ vào pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của ta được thành tựu đầy đủ.

Đoán biết rõ sự-thật như vậy, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara trấn an nữ đạo-sĩ Maddī rằng:

- *Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nữ đạo-sĩ ngủ không được yên giấc, nên nằm mộng thấy như vậy, nữ đạo-sĩ nên an tâm trở về cốc của mình.*

Đêm đã qua, lúc hùng đông, nữ đạo-sĩ Maddī thức dậy làm mọi công việc quét dọn sạch sẽ xung quanh, lấy nước uống nước dùng xong, rồi vào ôm hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā vào lòng, hôn trên đầu, dạy bảo rằng:

- *Này hai con yêu quý! Đêm nay, Mẫu-hậu nằm thấy con ác mộng hãi hùng, hai con ở nhà nên thận trọng.*

Dặn dò xong, tắm rửa sạch sẽ, thay y phục, dẫn hai đứa con yêu quý đến trao cho Đức đạo-sĩ Vessantara, kính xin Đức đạo-sĩ trông nom hai con, rồi nữ đạo-sĩ Maddī mang gùi, cầm mai vào rừng đi tìm các thứ trái cây, các thứ củ.

Đức-Bồ-tát Vessantara thực hành pháp-hạnh đại-thí con yêu quý

Theo dõi biết Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đã ngự vào rừng, ông Bà-la-môn Jūjaka già vội vã đi thẳng đến cốc lá để tham kiến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara ngay.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara* đang ngồi trước cửa cốc như một pho tượng vàng, còn *hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā* đang chơi đùa bên cạnh cốc lá của *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ*.

Nhìn từ xa thấy ông Bà-la-môn già hành khất đi đến, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara nghĩ rằng:

“Suốt bảy tháng qua, ta chưa thấy một Bà-la-môn nào.”

Khi thấy ông Bà-la-môn Jūjaka già đến đứng trước cửa cốc, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Xin mời vào!

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara gọi, ông Bà-la-môn Jūjaka già liền đến tham kiến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, Đại-vương không có bệnh, sống được an-lạc, tìm trái cây đủ sống hằng ngày, muỗi mòng răn rít không làm khổ Đại-vương có phải không?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Bản đạo ít bệnh, sống được an-lạc, tìm trái cây thuận lợi, đủ dùng hằng ngày, muỗi mòng răn rít không làm khổ bản đạo.

Chúng tôi sống trong rừng núi này suốt bảy tháng qua, thấy Bà-la-môn là người đầu tiên.

- Này Bà-la-môn! Ngươi đến đây hợp thời đúng lúc, xin mời dùng các thứ trái cây và uống nước suối.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền hỏi ông Bà-la-môn rằng:

- *Này Bà-la-môn! Người đã vất vả đi đến rừng núi Vaṅka này, chắc hẳn có mục đích gì, người hãy nói cho bản đạo biết rõ mục đích ấy?*

Ông bà-la-môn xin hoàng-tử và công-chúa

Ông Bà-la-môn Jūjaka tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương Vessantara, nước các dòng sông không bao giờ khô cạn như thế nào, Đại-vương luôn luôn có tâm đại-bi tế độ đến những người hành khát cũng như thế ấy. Kê tiện dân này đến xin **hoàng-tử và công-chúa**.*

*Kính xin Đại-vương có tâm đại-bi ban **hoàng-tử và công-chúa** cho kê tiện dân này, để làm tớ trai, tớ gái của người vợ trẻ yêu quý là Amittatāpanā của kê tiện dân.*

Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka tâu xin như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ vì có được cơ hội tốt bồi bổ cho đầy đủ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý là một trong năm pháp-hạnh đại-thí mà Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải thực hành, để cho pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ trọn vẹn, cho nên Đức-Bồ-tát Vessantara phát sinh đại-thiện-tâm vững chắc không hề nao núng, làm cho rừng núi Vaṅka rung chuyển, truyền dạy rằng:

- *Này Bà-la-môn! Bần đạo sẽ ban hoàng-tử Jāli và công-chúa Kahajinā cho ngươi. Ngươi sẽ là chủ của hai đứa con yêu quý của bần đạo.*

Nữ đạo-sĩ Maddī đã ngự đi vào rừng từ sáng sớm, tìm các loại trái cây, và các loại củ, và sẽ ngự trở về vào lúc buổi chiều.

- *Này Bà-la-môn! Ngươi nên nghỉ lại một đêm, sáng ngày mai đợi cho Mẫu-hậu của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina tắm rửa hai đứa con sạch sẽ, trang điểm các hoa thơm, ôm hôn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina, rồi sau đó ngươi hãy dắt hai đứa con yêu quý của bần đạo đi theo ngươi.*

Nghe Đức-Bồ-tát Vessantara truyền dạy như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka già râu rỗng:

- *Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân này không muốn nghỉ lại đêm, mà muốn ra khỏi nơi đây ngay bây giờ, bởi vì đàn bà không ai muốn cho đứa con yêu quý của mình đến với người khác.*

- *Muôn tâu Đại-vương, nếu Đại-vương muốn thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, **pháp-hạnh đại-thí con yêu quý** thì Đại-vương đừng để Chánh-cung Hoàng-hậu thấy hoàng-tử và công-chúa, Chánh-cung Hoàng-hậu sẽ cản trở pháp-hạnh đại-thí con yêu quý của Đại-vương.*

- *Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân xin dẫn hoàng-tử và công-chúa đi ngay bây giờ.*

Xin Đại-vương gọi hoàng-tử và công-chúa đến đây giao cho kẻ tiện dân, không nên chờ Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī trở về, cũng không nên để hoàng-tử và công-chúa gặp Mẫu-hậu của chúng.

Đức đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Này Bà-la-môn! Người không muốn gặp Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cũng được, nhưng người nên dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā đến kính dâng lên Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya đang ngự tại kinh-thành Jetuttara.

Khi nhìn thấy hai đứa cháu đích tôn của Người, thì Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya sẽ ban cho người nhiều của cải, nhiều tớ trai, tớ gái.

Nghe Đức-Bồ-tát Vessantara truyền bảo như vậy, ông Bà-la-môn Jūjaka tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương, nếu kẻ tiện dân này dẫn hoàng-tử và công-chúa đến kinh-thành Jetuttara châu Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya thì kẻ tiện dân này sợ Đức Thái-thượng-hoàng kết tội ăn cắp hoàng-tử và công-chúa, cháu đích tôn của Người, Đức Thái-thượng-hoàng sẽ truyền lệnh trị tội tử hình kẻ tiện dân này.

Như vậy, kẻ tiện dân này không được tớ trai, tớ gái để phục vụ người vợ trẻ yêu quý của kẻ tiện dân này.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- *Này Bà-la-môn! Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya là Đức-Minh-quân sẽ vui mừng khi nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, rồi chắc chắn sẽ ban cho người nhiều của cải, tó trai, tó gái.*

Ông Bà-la-môn Jūjaka lại tâu rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân này không thể tuân theo lệnh của Đại-vương được, mà kẻ tiện dân này chỉ muốn dẫn hoàng-tử và công-chúa về làm tôi tớ phục vụ cho người vợ trẻ yêu quý của kẻ tiện dân mà thôi.*

Nghe lời nói độc ác của ông Bà-la-môn già Jūjaka như vậy, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā hoảng sợ, nên dẫn nhau đi ra sau cốc lá, rồi chạy vào rừng, đến hồ nước, nhảy xuống trốn dưới hồ nước ấy, lấy lá sen che kín trên đầu.

Khi ấy, ông Bà-la-môn Jūjaka già không nhìn thấy hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, nên bực tức nói với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ rằng:

- *Này Đại-vương! Đại-vương hãy ban hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā cho tôi ngay bây giờ có được không? Tôi khăng định chắc chắn không dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đến kinh-thành Jetuttara, mà tôi chỉ dẫn về làm tôi tớ phục vụ cho người vợ trẻ yêu quý của tôi mà thôi.*

Đại-vương đã ra hiệu cho hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina chạy trốn mất cả rồi. Đại-vương ngồi làm như người không hay biết.

Đại-vương đã hứa mà không thực hiện đúng theo lời hứa như vậy được hay sao?

Nghe lời buộc tội của ông Bà-la-môn Jūjaka già, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ giật mình nhìn phía sau thì không thấy *hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina*, biết chắc hai đứa con nghe được câu chuyện, nên hoảng sợ chạy trốn mất cả rồi. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo ông Bà-la-môn Jūjaka rằng:

- Nay Bà-la-môn! Ngươi chó nên nghĩ sai như vậy, bản đạo sẽ đi tìm hai đứa con đem về giao cho ngươi ngay bây giờ.

Truyền bảo xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đứng dậy đi ra sau cột lá, nhìn thấy dấu chân hai con chạy vào rừng, theo dấu chân lần đến hồ nước, biết chắc chắn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina đang trốn dưới hồ nước.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ gọi hoàng-tử Jāli rằng:

- Nay Jāli con yêu quý! Con hãy lên với Phụ-hoàng, con hãy nên giúp cho Phụ-hoàng bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn. Con nên ngoan ngoãn dễ dạy, vâng lời Phụ-hoàng, giúp cho Phụ-hoàng thành tựu

pháp-hạnh đại-thí con yêu quý trong pháp-hạnh bồ-thí ba-la-mật này.

Như vậy, hai con yêu quý như là chiếc thuyền giúp đưa Phụ-hoàng sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, vượt qua biển khổ luân-hồi, rồi sẽ dắt dẫn các chúng-sinh khác, nhân loại, các chư-thiên, các phạm-thiên cũng vượt qua biển khổ luân-hồi.

Hoàng-tử Jāli lắng nghe lời khản khoản thiết tha của Đức Phụ-hoàng, nên nghĩ rằng:

“Dù ông Bà-la-môn già độc ác kia hành hạ thế nào ta cũng chịu đựng nổi, nhưng ta không nên để Đức Phụ-hoàng của ta thất hứa với ông Bà-la-môn già kia.

Nghĩ xong, hoàng-tử Jāli dờ lá sen, trôi đầu lên khỏi mặt nước, bước lên bờ hồ, đến cúi đầu lạy dưới bàn chân bên phải của Đức Phụ-hoàng, rồi hai tay ôm chân phải của Đức Phụ-hoàng, khóc nức nở, nước mắt rơi xuống bàn chân Đức Phụ-hoàng.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ truyền dạy rằng:

- Nay Hoàng-nhi Jāli yêu quý! Hoàng muội Kanhājinā của con ở đâu?

Hoàng-tử Jāli thưa rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-hoàng, thông thường tất cả chúng-sinh, khi biết tai họa xảy đến với mình, đều phải tìm nơi lẩn tránh tai họa.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara biết chắc công-chúa Kanhājinā cũng đang trốn dưới hồ nước này, nên truyền bảo rằng:

- *Này Kanhājinā con yêu quý của Phụ-hoàng! Con hãy lên đây với Phụ-hoàng. Con nên giúp Phụ-hoàng bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn. Con nên ngoan ngoãn dễ dạy, vâng lời Phụ-hoàng, giúp cho Phụ-hoàng thành tựu **pháp-hạnh đại-thí con yêu quý** trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.*

Như vậy, hai con yêu quý như là chiếc thuyền giúp đưa Phụ-hoàng sẽ trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, vượt qua biển khổ luân-hồi, rồi sẽ dắt dẫn các chúng-sinh khác, nhân loại, các chư-thiên, các phạm-thiên cũng vượt qua biển khổ luân-hồi.

Lắng nghe lời tha thiết khẩn khoản của Đức Phụ-hoàng, công-chúa Kanhājinā mới nghĩ rằng:

“Ta không nên để Đức Phụ-hoàng thất hứa với ông Bà-la-môn già kia.”

Công-chúa Kanhājinā trồi lên khỏi mặt nước, bước lên bờ, đến cúi đầu lạy dưới bàn chân trái của Đức Phụ-hoàng, hai tay ôm chân trái Đức Phụ-hoàng, khóc nức nở, nước mắt rơi xuống bàn chân Đức Phụ-hoàng.

Thấy hai con khóc như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ cũng rơi nước mắt xuống trán hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, cảnh tượng thật vô cùng cảm động.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ cảm thấy vô cùng xúc động, trong tình phụ tử sâu sắc, cúi xuống đưa hai bàn tay mềm mại xoa nhẹ trên đầu hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, rồi tha thiết nói lời an ủi hai đứa con yêu quý rằng:

- *Này hai con yêu quý! Hai con có biết Phụ-hoàng đang suy xét về pháp-hạnh đại-thí con yêu quý trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, thì chỉ có hai con yêu quý mới giúp Phụ-hoàng bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được thành tựu đầy đủ trọn vẹn mà thôi.*

Cúi xuống đỡ hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā đứng dậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đặt điều kiện giá biểu của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, như người chủ đàn bò cho giá mỗi con bò.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ truyền dạy hoàng-tử Jāli rằng:

- *Này Jāli con yêu quý! Phụ-hoàng đã bố-thí con đến ông Bà-la-môn rồi, nếu con muốn được giải phóng, trở thành người tự do thì con phải trao cho Bà-la-môn Jūjaka 1.000 lượng vàng. Khi ấy con sẽ được tự do.*

Còn hoàng-muội Kanhājinā của con thật đáng yêu, đáng quý, nếu muốn được giải phóng, trở thành người tự do thì trao cho ông Bà-la-môn Jūjaka mỗi thứ 100, đó là 100 tở trai, 100 tở gái, 100 con voi, 100 con ngựa, 100 con bò. Khi ấy hoàng-muội của con cũng sẽ được tự do.

Những điều kiện này, chỉ có Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya là Đức-vua nội của hai con mới có khả năng làm được mà thôi. Ngoài Đức-vua nội của hai con ra, không một ai có khả năng làm được.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đặt điều kiện giá cả cho mỗi đứa con yêu quý xong, an ủi hai con giúp cho Đức-Bồ-tát bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.

*** Đức-Bồ-tát thực hành pháp-hạnh đại-thí con yêu quý**

Dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā trở về cốc lá, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ gọi ông Bà-la-môn Jūjaka đến, tay phải cầm bình nước, tay trái cầm tay của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan-hỷ vừa phát-nguyện vừa rót nước từ tay hai con xuống lòng bàn tay của ông Bà-la-môn, với lời phát-nguyện rằng:

“Sabbaññutaññāṇassa paccayo hotu.”

- *Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của bản đạo này xin làm duyên lành để trở thành Đức-Phật Toàn-Giác.*

Sau khi tạo **hạnh đại thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý nhất** (*piyaputtamahādāna*) xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan-hỷ truyền bảo với ông bà-la-môn Jūjaka rằng:

“Ambho Brahmaṇa! Puttehi me sataguṇena saḥassaguṇena sataśaḥassaguṇena sabbaññutaññāṇameva piyātaraṃ.” ⁽¹⁾

- *Này Bà-la-môn Jūjaka! Bản đạo chỉ có nguyện vọng muốn trở thành Đức-Phật Toàn-Giác mà thôi, là nơi yêu quý bậc nhất hơn cả yêu quý hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần.*

Khi ấy, do oai lực của pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, **pháp-hạnh đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý** của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đến cho ông Bà-la-môn Jūjaka, làm cho trái đất rừng mình chuyển động, trên bầu trời sấm sét vang rền, núi Sineru (Tudi-son) cúi đỉnh núi xuống núi Vaṅka tỏ sự cung kính, toàn thể chư-thiên ngự trên mặt đất đều tán

¹ Khu. Jātakatṭhakathā, Mahānipāta, Vessantarajātakavaṇṇanā.

dương ca tụng bằng lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Chư Đức-vua các cõi trời dục-giới cùng toàn thể chư-thiên cõi dục-giới đều chấp tay thốt lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Chư Phạm-thiên các tầng trời sắc-giới phạm-thiên cũng đều thốt lời *Sādhu! Sādhu! Lành thay! Lành thay!*

Trong khu rừng núi Himavanta, các con thú bốn chân như sư tử, cọp, beo, v.v... đều rống lên vui mừng theo tiếng của mình.

Thực hành pháp-hạnh đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ thốt lên rằng:

“Pháp-hạnh đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā yêu quý của ta thật là cao thượng! Ta có cơ hội tốt thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ.”

Ông bà-la-môn Jūjaka già độc ác

Sau khi xin hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā được thỏa mãn như ý, ông Bà-la-môn Jūjaka rất vui mừng, mỗi tay nắm tay mỗi đứa trẻ dẫn đứng một nơi. Ông Bà-la-môn Jūjaka vào rừng, dùng răng cắn một sợi dây rừng đem ra cột vào cổ tay của hoàng-tử Jāli và cổ tay của công-chúa

Kaṇhājinā, ông nắm đầu dây, cầm cây đánh đập, chửi mắng hoàng-tử và công-chúa, rồi lôi đi.

Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā vừa bị đánh đau vừa bị sợi dây siết chặt làm cắt da, thấu thịt, máu chảy tươm ra theo đường, trước sự hiện diện của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara.

Dắt đi được một đoạn đường, ông Bà-la-môn Jūjaka bị trượt chân ngã lăn xuống đường, làm cho sợi dây đứt rời tuột ra khỏi tay của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā. Khi ấy, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā vừa khóc vừa chạy lại tìm Đức Phụ-hoàng, đánh lễ dưới bàn chân của Đức Phụ-hoàng râu rắng:

- *Tâu Đức Phụ-hoàng, Đức Phụ-hoàng ban hai con cho ông Bà-la-môn già độc ác, khi Mẫu-hậu của hai con ngự đi tìm các loại trái cây trong rừng chưa về. Kính xin Đức Phụ-hoàng chờ đợi Mẫu-hậu ngự trở về, để hai con gặp Mẫu-hậu, rồi sau đó Đức Phụ-hoàng mới ban hai con cho ông Bà-la-môn già độc ác ấy đem đi bán hoặc giết hai con cũng được.*

- *Tâu Đức Phụ-hoàng, thân hình ông Bà-la-môn già có 18 tật nguyên xấu xí quái dị đáng ghê tởm như là loài phi nhân độc ác, hoặc loài Dạ-xoa ăn thịt người. Chắc ông Bà-la-môn ấy đến khu rừng này xin Đức Phụ-hoàng ban hai con cho ông để ăn thịt.*

- *Tâu Đức Phụ-hoàng, xin Đức Phụ-hoàng nhìn thân hình của hai con bị đánh sưng, bị sợi dây rìng siết chặt làm trầy da, lủng thịt, máu tươm ra chảy dài theo đường, con đau đớn quá! Đức Phụ-hoàng ơi!*

- *Tâu Đức Phụ-hoàng, thông thường các bậc làm cha, làm mẹ thấy con của mình đang bị đau khổ thì không thể nào không cảm động được. Chắc trái tim của Đức Phụ-hoàng được bọc bằng sắt rắn chắc, nên không còn rung động trước nỗi đau đớn khổ sở của hai con.*

- *Tâu Đức Phụ-hoàng, Đức Phụ-hoàng có biết hay không, ông Bà-la-môn già ấy vô cùng độc ác, tàn nhẫn đánh đập, chửi mắng, vừa lôi hai con vừa đánh đập, như lôi đàn bò vậy. Hoàng-muội Kạnhājinā chưa từng biết đau khổ, nay gặp nỗi khổ như thế này chắc chắn không thể chịu đựng được nổi, chắc có lẽ chết giữa đường thôi!*

Vậy, xin Đức Phụ-hoàng chỉ ban một mình con cho ông Bà-la-môn độc ác ấy mà thôi. Còn hoàng-muội Kạnhājinā ở lại với Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu.

Hơn nữa, hoàng-muội Kạnhājinā không thấy Mẫu-hậu, chắc không thể sống nổi được.

Khi nghe hoàng-tử Jāli tâu như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara làm thỉnh không truyền bảo lời nào cả.

Khi ấy, hoàng-tử Jālī than vãn đến Mẫu-hậu rằng:

- Dù chịu muôn vàn đau khổ như thế nào, con cũng có thể chịu đựng được, nhưng con không gặp được Mẫu-hậu, đó mới thật là nỗi đau khổ gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần mà con không sao chịu đựng nổi được.

Ôi! Khi Mẫu-hậu từ rừng ngự trở về, không nhìn thấy con và hoàng-muội Kanhājīnā dễ thương, Mẫu-hậu sẽ khổ tâm nhiều, khóc than thảm thiết đi tìm 2 con mà không gặp, Mẫu-hậu càng khổ tâm, sầu não vì thương nhớ 2 con nhiều, rồi sẽ ngủ không được, thân của Mẫu-hậu ngày một gầy yếu dần.

Khi ông Bà-la-môn già độc ác dắt 2 con đi khỏi nơi này rồi, thì Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu sẽ buồn khổ nhớ thương 2 con, phát sinh khổ tâm sầu não khóc than suốt đêm dài làm cho cơ thể ngày một héo hon.

Hoàng-tử Jālī nói với công-chúa Kanhājīnā rằng:

- Từ hôm nay, hai huynh muội ta bị rời khỏi nơi này, bỏ lại những cây ăn quả, những cây hoa rừng xinh đẹp, bên nước trong trẻo, những con búp bê xinh đẹp mà Đức Phụ-hoàng khéo tay làm ra, rồi ban cho huynh muội ta chơi trước đây.

Khi hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina đang than vãn với nhau, thì ông Bà-la-môn có đôi mắt đỏ ngầu cầm sợi dây và cây chày lại đánh đập xối xả, chửi mắng thô lỗ, rồi lấy sợi dây cột tay hoàng-tử và công-chúa lôi đi.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara chứng kiến cảnh tượng ông Bà-la-môn Jūjaka già độc ác đánh đập, lôi hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina như vậy.

Hoàng-tử Jāli ngoảnh đầu lại sau lưng với Đức Phụ-hoàng rằng:

- *Tâu Đức Phụ-hoàng, xin Đức Phụ-hoàng truyền bảo với Mẫu-hậu hai con rằng:*

“Hai con được khỏe mạnh bình thường, cầu xin Mẫu-hậu thân tâm thường được an-lạc.”

Khi ấy, nỗi thống khổ cùng cực phát sinh lên đối với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, trái tim của Đức-Bồ-tát nóng lên, toàn thân Đức-Bồ-tát đạo-sĩ rung động vì nỗi thống khổ, không thể đứng vững được, đôi dòng lệ trào ra giàn giụa trên đôi mắt, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ vào trong cốc lá nằm khóc than thảm thiết thật đáng thương xót.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara nằm than vãn rằng:

- *Hôm nay, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina yêu quý của ta sẽ như thế nào? Hai con của ta sẽ khóc than, đói khát trên đường đi.*

Thường mỗi buổi chiều, đến giờ ăn, hai con đói bụng, đến xin đồ ăn rằng: “Tâu Mẫu-hậu, hai con đói lắm rồi! Xin Mẫu-hậu ban đồ ăn cho hai con.”

Chiều nay, ai sẽ ban đồ ăn cho hai con yêu quý của ta?

Trên con đường xa 60 do tuần, hai con ta ngự đi chân đất, không có mang dép, đôi bàn chân sưng lên làm cho đau đớn. Vậy ai dắt tay hai con ta đi?

Ông Bà-la-môn Jūjaka già đánh đập hành hạ, chửi mắng hai đứa con nhỏ trước mặt ta, mà không biết nể mặt ta chút nào, không biết ghê sợ tội-lỗi.

Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara nghĩ rằng:

“Ông Bà-la-môn Jūjaka già ấy thật là kẻ độc ác, đánh đập, chửi mắng hai đứa con nhỏ yêu quý của ta một cách tàn nhẫn như vậy, ta nên cầm thanh gươm đuổi theo giết chết y, rồi dẫn hai con yêu quý của ta trở lại.”

Sở dĩ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara suy nghĩ than vãn những điều như vậy, là vì quá thương yêu hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, hai đứa con yêu quý nhất. Khi thấy ông Bà-la-môn Jūjaka đối xử tàn nhẫn với hai đứa con, tâm sân

hận phát sinh khiến Đức-Bồ-tát đạo-sĩ chột nảy ra ý định giết chết ông Bà-la-môn Jūjaka già ấy rồi dẫn *hai đứa con yêu quý* trở về.

Cũng ngay khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara liền thức tỉnh, nhớ lại truyền thống của chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác trong quá khứ, có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác đều phải tạo đầy đủ năm pháp-hạnh đại-thí (Pañca mahāparicāga). ⁽¹⁾

Pháp-hạnh đại-thí ba-la-mật có 5 pháp là:

1-Pháp-hạnh đại-thí của cải tài sản, ngai vàng.

2-Pháp-hạnh đại-thí bộ phận trong thân thể của mình.

3- Pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng của mình.

4- Pháp-hạnh đại-thí con yêu quý.

5- Pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý.

Thật ra, vô số tiền-kiếp của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã từng tạo *ba pháp-hạnh đại-thí* là *pháp-hạnh đại-thí của cải tài sản, ngai vàng...*, *pháp-hạnh đại-thí bộ phận trong thân thể của mình, pháp-hạnh đại-thí sinh-mạng của mình*, nhưng chưa thực hành *hai pháp-hạnh đại-thí* là *pháp-hạnh đại-thí con yêu quý* và *pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý*. Cho nên, Đức-Bồ-tát Chánh-

¹ Khu. Jātakatṭhakathā, Mahānipāta, Vessantarajātakavaṇṇanā.

Đẳng-Giác Vessantara cần phải tạo 2 pháp-hạnh đại-thí này, để bồi bổ *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật* cho được đầy đủ trọn vẹn.

Để trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác, Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo đầy đủ trọn vẹn 30 pháp-hạnh ba-la-mật. Trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, phải có đầy đủ 5 *pháp-hạnh đại-thí* này mới gọi là đầy đủ trọn vẹn được.

Nếu Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác chưa tạo đầy đủ *năm pháp-hạnh đại-thí* này thì chắc chắn chưa có thể trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác được.

Hiểu biết rõ như vậy, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara tự nhủ mình rằng:

“Này Vessantara! Ngươi bố-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā là một trong năm pháp-hạnh đại-thí trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật mà chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác cần phải tạo cho được đầy đủ trọn vẹn.

Khi đã bố-thí hai đứa con yêu quý đến ông Bà-la-môn Jūjaka già rồi, ngươi đã thành tựu được pháp-hạnh đại-thí con yêu quý trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật.

Nay, hai con của ngươi đã thuộc về sở hữu của ông Bà-la-môn Jūjaka già rồi! Ngươi nhìn

thấy hai đứa con bị đau khổ, khiến người sinh tâm sân sâu nặng cùng cực, mà nảy ra ý định giết chết ông Bà-la-môn Jūjaka già ấy, lấy lại hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā yêu quý của người trở về. Đó là việc làm của Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác hay sao?

Thật ra, chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác đã thực hành pháp-hạnh đại-thí trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật rồi, sau đó không phát sinh tâm sân nóng nảy sâu nặng, mà chỉ có phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ mà thôi.

Sau khi tự khuyên nhủ mình như vậy, tâm của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara được ổn định, vắng lặng được phiền-não, Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara phát nguyện với lời chân thật rằng:

“Dù ông Bà-la-môn Jūjaka già đối xử với hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā của ta như thế nào, thì ta cũng nhẫn-nại giữ gìn đại-thiện-tâm trong sạch thanh-tịnh.”

Sau đó, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara ngự ra ngồi trước cửa cốc lá như pho tượng màu vàng.

Trên đường đi, hoàng-tử Jāli than vãn với hoàng-muội Kanhājinā rằng:

- Nay hoàng-muội Kanhājinā yêu quý! Đức Phụ-hoàng đã ban huynh muội ta cho ông Bà-la-môn già độc ác, ông đánh đập, chửi mắng

huynh muội ta, vừa lúi đi vừa đánh đập như lúi đàn bò. Nay, huynh muội chúng ta không còn Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu nữa.

- Nay hoàng-muội Kanhājina yêu quý! Huynh muội ta đau khổ, mệt lử cả người, đôi bàn chân bị sưng, không bước nổi được. Vậy, huynh muội ta cùng nhau chết cho rồi, còn sống mà khổ như thế này có ích lợi gì đâu?

Một lần nữa, ông Bà-la-môn Jūjaka dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina đi, bị vấp ngã xuống đường, làm sợi dây rời ra khỏi tay, nên hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina cùng nhau chạy trở lại gặp Đức Phụ-hoàng.

Ông Bà-la-môn bị ngã đau, cố gắng ngồi dậy, không thấy hai đứa trẻ, nên tâm sân phát sinh nóng nảy tức giận, cầm sợi dây và cây rượt đuổi theo, gặp hoàng-tử và công-chúa tại chỗ cốc Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, ông Bà-la-môn tức giận đánh đập một cách tàn nhẫn, chửi mắng rằng:

- Hai đứa trẻ con này giỏi chạy trốn đâu cho thoát khỏi tay ta.

Trước sự hiện diện của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, ông Bà-la-môn Jūjaka lấy sợi dây cột chặt vào tay của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina rồi lúi nhanh đi.

Khi ấy, công-chúa Kanhājina khóc than và tàu với Đức Phụ-hoàng rằng:

- *Tàu Đức Phụ-hoàng, ông Bà-la-môn già này thật là độc ác, tàn nhẫn quá! Ông đánh đập 2 huynh muội chúng con như đánh đàn bò.*

- *Tàu Đức Phụ-hoàng, ông Bà-la-môn già này chắc không phải là người, ông là Dạ-xoa hóa thành Bà-la-môn có thân hình dị dạng đáng ghê sợ, đến xin Đức Phụ-hoàng cho hai con, để ông ăn thịt.*

Hai huynh muội chúng con bị Dạ-xoa bắt đi ăn thịt, Đức Phụ-hoàng có biết hay không?

Lắng nghe tiếng khóc than và lời tàu thiết tha của công-chúa Kanhājina, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara chỉ còn phát sinh nỗi thống khổ cùng cực mà thôi, trái tim nóng lên, lỗ mũi nghẹt thở, phải thở bằng miệng, hai dòng nước mắt nóng chảy ra. Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ tư duy rằng:

“Nỗi thống khổ cùng cực này là do thương yêu hai con, không phải do nhân nào khác.”

Sau khi suy xét đã biết rõ nhân sinh nỗi thống khổ này, Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ liền ngồi kiết già lấy bình tĩnh trở lại.

Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina bị ông Bà-la-môn Jūjaka độc ác, tàn nhẫn, lôi đi mau; công-chúa Kanhājina vừa đi vừa than khóc rằng:

- Hai huynh muội chúng tôi mệt lử bước chân đi không nổi, vừa đói bụng vừa khát nước quá!

Hai huynh muội chúng tôi xin kính lạy tất cả chư-thiên ngự trong rừng núi Himavanta, ngự trên các cội cây, ngự nơi bến hồ, ... kính xin quý vị chư-thiên đến tàu cho Mẫu-hậu Maddī của chúng tôi biết rằng:

“Tàu Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājīnā của bà vẫn bình an, ông Bà-la-môn già độc ác, tàn nhẫn đang dẫn hai người con của Bà đi trên con đường nhỏ.

Tàu Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, nếu Bà muốn đi tìm hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājīnā thì xin Bà đi theo con đường nhỏ, từ cội lá ngự đi nhanh theo dấu chân, chắc chắn Bà sẽ gặp hoàng-tử và công-chúa ở giữa đường.”

Sau khi tha thiết khẩn khoản chư-thiên giúp tàu với Mẫu-hậu Maddī của mình, công-chúa Kanhājīnā than vãn và hy vọng Mẫu-hậu đến giúp đỡ rằng:

“Xin Mẫu-hậu mau đến kịp chiều nay, hai bàn chân của hai con đã bị sưng lên, đau đớn, nhức nhối không chịu nổi được nữa. Còn cổ tay của hai con bị ông Bà-la-môn già cột chặt bằng sợi dây rừng, làm trầy da, đứt thịt, máu chảy rơi theo đường, hai con đau nhức quá! Mẫu-hậu ơi!

Xin Mẫu-hậu đến mau để cứu hai con với!”

Chánh-cung hoàng-hậu Maddī

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã thực hành *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh đại-thí con yêu quý* (*piyaputtamahādāna*) cho ông Bà-la-môn Jūjaka làm cho mặt đất rung chuyển, chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, Đức-vua-trời trong 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các tầng trời sắc-giới đồng tâm hoan-hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã thực hành *pháp-hạnh đại-thí con yêu quý* (*piyaputtamahādāna*). Đó là *pháp-hạnh đại-thí con yêu quý cao thượng*.

Khi ấy, nhóm chư-thiên ngự tại rừng núi Himavanta nghe lời than vãn những nỗi khổ của hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā, hai huynh muội tha thiết khẩn khoản chư-thiên báo tin cho Mẫu-hậu Maddī mau lẹ đến cứu 2 con.

Nhóm chư-thiên ngự tại rừng núi Himavanta bàn bạc với nhau rằng:

“Lúc mặt trời chưa lặn, nếu Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī từ rừng ngự trở về không nhìn thấy hai con yêu quý, Chánh-cung Hoàng-hậu sẽ tâu hỏi Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, biết Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đã bố-thí hai đứa con yêu quý cho ông Bà-la-môn Jūjaka già dẫn đi rồi, chắc chắn Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī sẽ đi

tìm theo dấu chân hai con, với năng lực của mẫu tử tình thâm, Chánh-cung Hoàng-hậu sẽ phát sinh nỗi thống khổ cùng cực.”

Cho nên, vị Thiên-vương truyền lệnh rằng: *“Ba vị thiên-nam hãy hóa ra ba con thú dữ: con sư tử, con hổ, con báo chặn đường ngự trở về của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cho đến khi mặt trời lặn, rồi mới tránh đường cho Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự đi về.*

Sau đó, ba vị thiên-nam đi theo sau bảo vệ Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự về cốc lá được an toàn bằng ánh sáng trăng rằm.”

Ba vị thiên-nam thi hành theo lệnh, biến hóa ra con sư tử, con hổ, con báo nằm chặn đường không để cho nữ đạo-sĩ Maddī trở về cốc lá lúc ban chiều.

Khi ấy, nữ đạo-sĩ Maddī mang gùi trái cây ngự trên con đường trở về cốc lá, để phục vụ bữa ăn chiều cho Đức đạo-sĩ Vessantara và hai đứa con yêu quý đang chờ đợi.

Trên đường, nữ đạo-sĩ Maddī gặp phải ba con thú dữ: con sư tử, con hổ, con báo nằm chặn con đường nhỏ đủ một người đi, nên không thể tránh sang con đường nào khác được, nữ đạo-sĩ Maddī cung kính ba chúa sơn lâm này, tha thiết khẩn khoản rằng:

“Tôi là Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī của Đức-vua Vessantara bị lưu đày đến sống trong rừng núi Vaṅka này, tôi dẫn theo hoàng-tử Jālī và công-chúa Kaṇhājinā, hai đứa con yêu quý đi theo phục vụ Đức Phu-quân của tôi.

Xin quý chúa sơn lâm có tâm từ, tâm bi nhường đường cho tôi đem các thứ trái cây trở về phục vụ bữa ăn chiều cho Đức phu-quân và hai đứa con yêu quý của tôi.”

Ba chúa sơn lâm vốn là ba vị thiên-nam nghe lời cầu xin tha thiết khẩn khoản của nữ đạo-sĩ Maddī, ba vị thiên-nam cảm thấy vô cùng cảm động, nhưng vì phận sự nên phải chặn đường cho đến khi mặt trời lặn, mới tránh đường, và đi theo bảo vệ nữ đạo-sĩ Maddī ngự trở về đến cốc lá bằng ánh sáng trăng rằm được an toàn.

Nữ đạo-sĩ Maddī ngự đi về đến gần cốc lá, không nhìn thấy hoàng-tử Jālī và công-chúa Kaṇhājinā đứng chờ đón như mỗi buổi chiều.

Nữ đạo-sĩ Maddī hồi hộp bước đi theo con đường mòn dưới ánh trăng mờ, cảnh vật đêm nay vắng vẻ lạ thường, không một tiếng kêu của các loài vật, một cảnh tượng thật đáng rùng rợn chưa từng có trước đây.

Nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara ngồi trước cốc như pho tượng, nữ đạo-sĩ Maddī đến cung kính tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā của thần-thiếp ở đâu? Thần-thiếp không thấy 2 đứa con yêu quý đón thần-thiếp như mỗi chiều.*

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vẫn ngồi làm thinh không nói lời nào.

Chánh-cung Hoàng-hậu tâu lại rằng:

- *Tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā, 2 đứa con yêu quý của thần-thiếp đang nằm ngủ trong cốc lá của Hoàng-thượng phải không?*

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu như vậy đến lần thứ ba, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vẫn ngồi im lặng như trước.

Chánh-cung Hoàng-hậu khóc than vãn rằng:

- *Sở dĩ chiều nay ta đem trái cây về trễ là vì trên đường về gặp ba thú dữ nằm chặn đường, con đường nhỏ đủ một người đi, nên ta không còn con đường nào khác để tránh chúng được. Chờ đến khi mặt trời lặn, chúng mới chịu tránh đường, nên ta mới trở về trễ.*

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- *Tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā ở nơi nào? Thần-thiếp đã tâu*

nhiều lần, nhưng Hoàng-thượng vẫn làm thỉnh không nói lời nào, làm cho thần-thiếp đang khổ lại càng thêm khổ gấp bội.

Dưới ánh sáng trăng rằm, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī khóc than thảm thiết đi vào trong rừng tìm những nơi mà hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā thường đến chơi, đi qua hồ nước, tìm khắp mọi nơi trong rừng mà vẫn không tìm thấy hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā, hai đứa con yêu quý đâu cả!

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī trở lại cốc lá của Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara râu rắng:

- Tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā ở nơi nào? Hai đứa con yêu quý của thần-thiếp đang nằm ngủ trong cốc của Hoàng-thượng phải không? Hoặc hai đứa con yêu quý của thần-thiếp bị người ta bắt dẫn đi rồi phải không?

Nghe nữ đạo-sĩ Maddī tâu hỏi như vậy đã nhiều lần, nhưng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vẫn ngồi yên làm thỉnh không nói lời nào.

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vừa khóc than thảm thiết vừa thất tha thất thểu đi tìm hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājīnā quanh quẩn suốt đêm. Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī mệt lử, rồi thất vọng trở về đứng trước cốc, nhìn thấy Đức-

Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vẫn ngồi yên như pho tượng, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī khóc than nức nở rằng:

- *Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, hai đứa con yêu quý của thần-thiếp chết rồi hay sao?*

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngất xỉu ngã lăn xuống mặt đất chết giấc. Khi ấy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nghĩ rằng: “*Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī như thế nào?*”

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ bước xuống, đi đến đặt tay phải lên trên trán Chánh-cung Hoàng-hậu, biết cảm giác còn hơi ấm, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ đem nước rưới lên mặt. Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara không đụng chạm vào thân thể Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī suốt bảy tháng qua, nhưng do năng lực của tâm sâu não, quá cảm động nên trào hai dòng nước mắt, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đưa tay nâng thân hình tiêu tụy của Chánh-cung Hoàng-hậu đặt trên vế, rồi rưới nước lên mặt.

Một lát sau Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tỉnh lại, cảm thấy hổ thẹn, nên đánh lễ Đức đạo-sĩ, than rằng:

- *Tâu Hoàng-thượng, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, hai đứa con yêu quý của Hoàng-thượng ở đâu?*

Nghe Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- *Này nữ đạo-sĩ! Xin lỗi nữ đạo-sĩ, bản đạo đã thực hành pháp-hạnh **đại-thí hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājinā yêu quý** đến cho ông Bà-la-môn Jūjaka rồi, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.*

*Vậy, xin nữ đạo-sĩ Maddī phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ với pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** cao thượng này.*

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo như vậy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâu rằng:

- *Tâu Hoàng-thượng, Hoàng-thượng đã thực hành pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** đến cho ông Bà-la-môn Jūjaka rồi, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của Hoàng-thượng cho được đầy đủ trọn vẹn. Sao Hoàng-thượng không truyền bảo cho thần-thiếp biết ngay từ đầu hôm vậy?*

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- *Này nữ đạo-sĩ Maddī! Sở dĩ bản đạo không dám truyền bảo cho nữ đạo-sĩ biết ngay từ đầu hôm là vì bản đạo e ngại, nếu nữ đạo-sĩ biết như vậy thì sẽ không ngăn được sự khổ tâm cùng cực làm cho trái tim bị vỡ ra.*

- *Này nữ đạo-sĩ Maddī! Nữ đạo-sĩ nên phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.*

Xin nữ đạo-sĩ không nên buồn khổ nữa. Bản đạo hy vọng rằng chúng ta sẽ gặp lại hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina, hai con yêu quý của chúng ta.

- *Này nữ đạo-sĩ Maddī! Bản đạo có ý nguyện muốn trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác để tế độ chúng-sinh thoát khỏi biển khổ luân-hồi, nếu có người nào đến xin trái tim của bản đạo thì bản đạo dám mổ ngực lấy trái tim, đem bố-thí đến người ấy ngay.*

Nghe Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo như vậy, nữ đạo-sĩ Maddī tâu rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, nay thần-thiếp cảm thấy vô cùng hoan-hỷ với pháp-hạnh **đại-thí con yêu quý** cao thượng của Hoàng-thượng.*

Kính xin Hoàng-thượng nên thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, để hầu mong trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác trong thời-kỳ vị-lai.

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, phần đông mọi người có tính keo kiệt bủn xỉn trong của cải tài sản, con cái của mình, còn Hoàng-thượng là bậc*

luôn luôn hoan-hỷ thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, pháp-hạnh đại-thí con yêu quý của Hoàng-thượng. Đó là điều phi thường chưa từng có, làm cho mặt đất rung chuyển, chư-thiên 6 cõi trời dục-giới đều hoan-hỷ thốt lên lời Sādhu! 6 Đức-vua-trời cõi trời dục-giới cũng đều hoan-hỷ thốt lên lời Sādhu!

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī suy xét rằng:

Tuy người mẹ là người mang thai 10 tháng sinh con ra, nuôi dưỡng con bằng bầu sữa mẹ, ẵm bồng, chăm sóc nuôi nấng con khôn lớn, nhưng người cha vẫn là người chủ của người con. Cho nên, Hoàng-thượng thực hành pháp-hạnh đại-thí con yêu quý cho ông Bà-la-môn Jūjaka để bồi bổ cho đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật. Đó là pháp-hạnh đại-thí con yêu quý khó thực hành mà Hoàng-thượng đã thực hành được như vậy.”

Do nghĩ như vậy, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī tâm rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần-thiếp thành tâm nói lên lời hoan-hỷ “Sādhu!” với pháp-hạnh đại-thí con yêu quý của Hoàng-thượng.

Đức-vua-trời Sakka hỗ trợ

Đức-vua-trời Sakka thấy Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī

phát sinh đại-thiện-tâm cùng nhau hoan-hỷ pháp-hạnh **đại-thí hai đưa con yêu quý nhất** (*piyaputtamahādāna*) trong pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, nên Đức-vua-trời Sakka nghĩ rằng:

“Hôm qua, Đức-vua Bồ-tát Vessantara đã thực hành pháp-hạnh **đại-thí hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā yêu quý nhất** của Đức-vua Bồ-tát đến ông Bà-la-môn Jūjaka, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn, làm cho trái đất rung chuyển, các hàng chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, các Đức-vua-trời dục-giới cho đến chư phạm-thiên trong các tầng trời sắc-giới phạm-thiên đều hoan-hỷ thốt lên lời “*Sādhū!*” tán dương ca tụng vang rền khắp tất cả các cõi trời.

Sau này, nếu có người nào đến hầu Đức-vua Bồ-tát Vessantara, xin Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī thì Đức-vua Bồ-tát cũng sẽ ban Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cho người ấy, rồi dẫn đi nơi khác. Nếu như vậy thì Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara chỉ còn một mình, không có người hộ độ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ nữa.

Không muốn điều ấy sẽ xảy ra đối với Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara, ta nên biến hóa thành vị Bà-la-môn đến châu Đức-vua Bồ-tát, rồi xin Chánh-cung Hoàng-hậu để cho Đức-vua Bồ-tát thành tựu pháp-hạnh **đại-thí vợ yêu quý** (*piya-*

bhariyamahādāna) của Đức-Bồ-tát, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.

Sau đó, ta sẽ kính dâng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī trở lại cho Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara.

Nghĩ xong, vào lúc mặt trời mọc Đức-vua-trời Sakka từ cõi Tam-thập-Tam-thiên xuất hiện xuống cõi người, biến hóa thành Bà-la-môn đến châu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara có sự hiện diện của Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, rồi tâu rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara, Đại-vương có ít bệnh phải không? Tứ đại của Đại-vương được điều hòa, thân tâm của Đại-vương thường được an-lạc, Đại-vương ngự tại nơi núi rừng này, có các loại trái cây, các loại củ đầy đủ dùng hằng ngày phải không?

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara truyền bảo rằng:

- Nay Bà-la-môn! Bản đạo có ít bệnh, tứ đại của bản đạo được điều hòa, thân tâm thường được an-lạc, bản đạo ngự tại nơi núi rừng này, có các loại trái cây, các loại củ đầy đủ dùng hằng ngày.

Trú tại rừng núi Vaṇka này suốt bảy tháng qua, hôm nay bản đạo hân hạnh gặp được vị Bà-la-môn có phẩm hạnh cao quý là người thứ hai.

- *Này Bà-la-môn! Ông đến nơi này hợp thời đúng lúc, xin mời ông vào bên trong, mời ông ngồi dùng các loại trái cây, dùng nước một cách tự nhiên.*

- *Này Bà-la-môn! Ông đã vất vả đi đến đây có nguyện vọng gì, xin ông nói cho bản đạo rõ được không?*

Vị Bà-la-môn (vốn là Đức-vua-trời Sakka) tán dương Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương, dòng nước sông lúc nào cũng tràn đầy, không bao giờ khô cạn như thế nào, Đức-vua Bồ-tát Vessantara có tâm-từ, tâm-bi tế độ đến những kẻ hành khát cũng như thế ấy.*

- *Muôn tâu Đại-vương, kẻ tiện dân này già yếu, đến đây có nguyện vọng muốn xin Đại-vương ban Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cho kẻ tiện dân này.*

Đó là nguyện vọng của kẻ tiện dân già yếu này đến châu Đại-vương sáng hôm nay.

Đức-vua Bồ-tát thực hành pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý

Nghe Bà-la-môn tâu xin như vậy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara truyền bảo rằng:

- *Này Bà-la-môn! Ngày hôm qua, bản đạo đã thực hành pháp-hạnh **đại-thí hoàng-tử Jāli** và*

công-chúa Kanhā-jinā, hai đứa con yêu quý nhất của bản đạo rồi.

Nay, dù chỉ còn Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī mà thôi, bản đạo cũng vô cùng hoan-hỷ truyền bảo cho ông biết rằng:

- Nay Bà-la-môn! Ông chắc chắn sẽ được toại nguyện. Bản-đạo vô cùng hoan-hỷ ban Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đến cho ông với đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, bởi vì bản đạo hoan-hỷ thực hành pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật này.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đem bình nước ra, một tay cầm bình nước còn tay kia nắm tay Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ rót nước từ bình chảy xuống bàn tay Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, rồi chảy xuống bàn tay vị Bà-la-môn.

Đó là nghi lễ ban Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī cho vị Bà-la-môn.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã thành tựu pháp-hạnh ***đại-thí người vợ yêu quý*** (*piya-bhariyamahādāna*) của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, bởi bỏ vào pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ trọn vẹn.

Pháp-hạnh ***đại-thí người vợ yêu quý*** là 1 trong 5 pháp-hạnh đại-thí mà Đức-Bồ-tát Chánh

Đẳng-Giác cần phải thực hành để cho pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ trọn vẹn.

Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara có cơ hội tốt, duyên may, đã thành tựu được pháp-hạnh **đại-thí vợ yêu quý nhất**, nên Đức-Bồ-tát đạo-sĩ phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ.

Sau khi thực hành pháp-hạnh **đại-thí vợ yêu quý nhất** xong, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara hoan-hỷ truyền bảo với ông Bà-la-môn rằng:

“Ambho Brahmaṇa! Maddito me satagaṇena sahaṇṇaṇa sataṇṇaṇa sabbaññaññaññañnameva piyatarāṇa. Idāṇa me dānaṇa Sabbaññaññaññañnapaṭivedhaṇṇa paccayo hotu.”⁽¹⁾

- Nay ông Bà-la-môn! Bần-đạo chỉ có nguyện vọng muốn trở thành Đức-Phật Toàn-Giác mà thôi, là nơi yêu quý bậc nhất hơn cả yêu quý Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần.

Pháp-hạnh đại-thí vợ yêu quý này của bần đạo xin làm duyên lành để trở thành Đức-Phật Toàn-Giác.

Khi ấy, do oai lực của pháp-hạnh **đại-thí vợ yêu quý** bổ sung vào pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật được đầy đủ trọn vẹn của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đến cho ông Bà-la-môn, làm cho trái

¹ Khu. Jātakatṭhakathā, Mahānipāta, Vessantarajātakavaṇṇanā.

đất rừng mình chuyển động, trên bầu trời sấm sét vang rền, đỉnh núi Sineru (Tu-di-son) cúi xuống rừng núi Vaṅka tỏ sự cung kính, toàn thể chư-thiên trên cõi trời dục-giới, đều tán dương ca tụng bằng lời *Sādhū! Sādhū! Lành thay! Lành thay!*

Chư Đức-vua-trời các cõi trời dục-giới cùng toàn thể chư phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên đều chấp tay thốt lời *Sādhū! Sādhū! Lành thay! Lành thay!*

Còn *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* vẫn giữ trạng-thái tự nhiên, không hề biến sắc, không tỏ vẻ không vừa lòng *Đức phu-quân* của mình, không lộ vẻ ngượng ngùng, cũng không hề rơi nước mắt, *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* có đức tính nhẫn-nại tự nhiên.

Khi ấy, *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara* nhìn thấy *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī* vẫn tự nhiên, làm thỉnh không nói lời nào. *Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara* hiểu biết được đức tính cao thượng của *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara, tiên-kiếp của Đức-Phật Gotama, thực hành pháp-hạnh đại-thí hai đứa con yêu quý (piyaputtamahādāna) là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā còn nhỏ, và thực hành pháp-hạnh đại-thí người vợ yêu quý (piyabhariyaramahādāna) là Chánh-cung

Hoàng-hậu Maddī, để bổ sung cho đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, hầu mong trở thành Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác tế độ cứu vớt chúng-sinh thoát khỏi biển khổ luân-hồi.

Cho nên, ngôi vị Đức-Phật Chánh-Đẳng-Giác là mục đích Tối-thượng mà Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara yêu quý hơn cả hoàng-tử Jālī, công-chúa Kanhājinā và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī gấp trăm lần, gấp ngàn lần, gấp trăm ngàn lần.

Hiểu biết được mục đích Tối-thượng của Đức-vua Bồ-tát Vessantara, Đức Phu-quân của mình, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī hoan-hỷ hỗ trợ cho Đức-Bồ-tát Phu-quân của mình được thành tựu đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī vẫn giữ thái độ tự nhiên.

Khi ấy, nhìn thấy Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara Đức Phu-quân nhìn thẳng vào khuôn mặt của mình, nên Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī đồng dục tâm rằng:

- Muôn tâu Hoàng-thượng, thần-thiếp còn trẻ đẹp, là Chánh-cung Hoàng-hậu của Hoàng-Thượng. Vậy, Hoàng-thượng là Đức Phu-quân cũng là Đức chủ-nhân của thần-thiếp. Cho nên, Hoàng-thượng muốn ban thần-thiếp đến cho vị nào, tùy theo ý của Hoàng-thượng.

Thần-thiếp vô cùng hoan-hỷ thuận theo ý của Hoàng-thượng, chỉ để giúp cho Hoàng-thượng được thành tựu đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của Hoàng-thượng mà thôi.

Hiểu biết được đại-thiện-tâm vô cùng cao thượng của Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, nên vị Bà-la-môn vốn là Đức-vua-trời Sakka tán dương ca tụng rằng:

- *Muôn tâu Đại-vương Vessantara, Đại-vương đã thắng được kẻ thù bên trong tâm là mọi phiền-não và cảm thắng được kẻ thù bên ngoài là loài người và chư-thiên, nên làm cho mặt đất rừng mình chuyển động, Đức-vua-trời trong các cõi trời dục-giới cùng với chư-thiên trong 6 cõi trời dục-giới, chư phạm-thiên trong các tầng trời sắc-giới phạm-thiên cũng đều tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara. Tất cả chư-thiên, phạm-thiên đều hoan-hỷ thốt lên rằng:*

*“Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara đã thực hành pháp-hạnh **đại-thí hai đứa con yêu quý nhất** và thực hành pháp-hạnh **đại-thí người vợ yêu quý nhất**, để bồi bổ pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho được đầy đủ trọn vẹn.”*

Đó là những **pháp-hạnh đại-thí** khó thực hành, chỉ có chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác

mới có thể thực hành những pháp-hạnh đại-thí này được mà thôi. Những hạng người thường không thể thực hành được.

Cho nên, các pháp-hạnh ba-la-mật của chư Đức-Bồ-tát Chánh-Đẳng-Giác là cao thượng, khác hẳn với việc làm của những hạng người thường.

Sau khi nói lời hoan-hỷ tán dương ca tụng Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara xong, vị Bà-la-môn vốn là Đức-vua-trời Sakka nghĩ rằng: “Bây giờ, ta nên dâng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī lại cho Đức-Bồ-tát đạo-sĩ”, nên tâm rằng:

- Muôn tâu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, nay tôi xin kính dâng Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī lại cho Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ, bởi vì Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ và Chánh-cung Hoàng-hậu đều là hai bậc đại-thiện-trí thực hành phạm-hạnh cao thượng, hai bậc đại-thiện-trí đều thuộc dòng dõi vua chúa.

Hằng ngày, nữ đạo-sĩ Maddī hộ độ, phục vụ Đức-Bồ-tát đạo-sĩ.

- Muôn tâu Đức-Bồ-tát đạo-sĩ, bốn vương vốn là Đức-vua-trời Sakka trên cõi trời Tam-thập tam-thiên, xuất hiện đến nơi này, biến hóa thành vị Bà-la-môn, cốt để giúp Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ thực hành pháp-hạnh **đại-thí vợ trẻ yêu quý nhất**, để giúp cho thành tựu đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ mà thôi.

Khi ấy, vị Bà-la-môn biến trở lại thành Đức-vua-trời Sakka đứng trên hư không, chúc an lành Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, chúc Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara mọi việc được thành-tựu như ý, rồi Đức-vua-trời Sakka xin phép hồi cung trở về cõi trời Tam-thập tam-thiên.

Hoàng-tử Jāli, công-chúa Kaṇhājinā

Ông Bà-la-môn Jūjaka cầm sợi dây và cây dẫn hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā đi suốt một đoạn đường dài 60 do tuần, có chư-thiên theo bảo vệ hộ trì hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā suốt ngày đêm.

Mỗi ngày, đến khi mặt trời lặn, ông Bà-la-môn Jūjaka cột hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā tại gốc cây, nằm ngủ trên mặt đất, còn ông leo lên cây nằm ngủ trên cành cây, vì sợ các thú dữ làm hại ông.

Khi ấy, một vị thiên-nam hóa ra làm Đức-Phụ-hoàng Vessantara và một vị thiên-nữ hóa làm Mẫu-hậu Maddī hiện đến mở dây cột tay của hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, rồi xoa bóp toàn thân thể hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā, tắm rửa sạch sẽ, trang điểm đẹp đẽ, cho dùng vật thực chư-thiên, rồi ẩm lên đặt trên giường của chư-thiên trong một lâu đài, nằm ngủ cho đến lúc rạng đông, hoàng-tử Jāli

và công-chúa *Kaṇhājinā* trở lại bị cột dây như cũ, còn hai vị thiên-nam và vị thiên-nữ biến mất.

Nhờ vậy, hoàng-tử *Jāli* và công-chúa *Kaṇhājinā* vẫn khỏe mạnh không có bệnh.

Sáng dậy, ông Bà-la-môn *Jūjaka* leo xuống đất, ăn trái cây, uống nước, rồi tiếp tục dắt hoàng-tử *Jāli* và công-chúa *Kaṇhājinā* đi. Đến đoạn đường có hai ngã rẽ:

* Một ngã đến đất nước *Kāliṅga*.

* Một ngã đến kinh-thành *Jetuttara*.

Chư-thiên khiến ông Bà-la-môn *Jūjaka* không rẽ theo ngã đường đến đất nước *Kāliṅga* mà rẽ theo ngã đường đến kinh-thành *Jetuttara*, mà ông tưởng rằng đi trở về đất nước *Kāliṅga*.

Ông Bà-la-môn *Jūjaka* dắt hoàng-tử *Jāli* và công-chúa *Kaṇhājinā* đến kinh-thành *Jetuttara* chỉ có nửa tháng mà thôi. Đó là do oai lực của chư-thiên thâm ngấn đường.

Đức thái-thượng-hoàng Sañjaya nằm mộng

Đêm hôm ấy gần rạng đông, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya nằm mộng thấy rằng:

“Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya đang ngự trên sân rộng, nhìn thấy một ông Bà-la-môn già da đen đem hai đóa hoa sen đến đặt trong tay của Đức Thái-thượng-hoàng. Nhận hai đóa hoa

sen, Đức Thái-thượng-hoàng trang điểm hai bên lỗ tai, nhụy hai đóa hoa sen rơi xuống ngực.

Khi tỉnh giấc, Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo mời các vị quân sư đến đoán mộng.

Các vị quân sư tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, đây là giấc mộng lành, có hai người trong hoàng tộc của Đức Thái-thượng-hoàng từ xa trở về.

Nghe các vị quân sư đoán mộng như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng vô cùng hoan-hỷ ban thưởng cho các quân sư.

Đức Thái-thượng-hoàng tắm rửa, độ bữa ăn sáng xong, ngự đến ngôi tại sân rồng. Chư-thiên khiến ông Bà-la-môn Jūjaka già dắt hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā đến trước sân rồng.

Khi ấy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya nhìn thấy hai đứa bé, một bé trai giống như hoàng-tử Jāli và một bé gái giống như công-chúa Kanhājinā, hai đứa bé rất xinh đẹp dễ thương, ăn mặc như đạo-sĩ.

Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo vị quan cận thần ra dẫn ông Bà-la-môn già và hai đứa bé vào châu.

Vâng lệnh Đức Thái-thượng-hoàng, vị quan cận thần dẫn ông Bà-la-môn già và hai đứa trẻ vào châu Đức Thái-thượng-hoàng.

Nhìn thấy ông Bà-la-môn già nắm dây dắt hai đứa bé như dắt đàn bò vào chầu, *Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya* nhận biết ngay hai đứa bé ấy chính là *hoàng-tử Jāli* và *công-chúa Kanhājina*, cháu đích tôn của mình, nên truyền hỏi rằng:

- *Này ông Bà-la-môn! Ngươi từ đâu đến? Ngươi có được hai đứa bé này bằng cách nào? Ngươi hãy mau tâu cho Trẫm rõ?*

Nghe *Đức Thái-thượng-hoàng* truyền như vậy, ông *Bà-la-môn Jūjaka* già hoảng sợ tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, kẻ hèn này từ rừng núi Vaṅka đến, kẻ hèn đi đến rừng núi Vaṅka, xin Đức-vua Vessantara ban hoàng-tử và công-chúa cho kẻ hèn này. Đức-vua Vessantara đã hoan-hỷ ban hai đứa con yêu quý nhất cho kẻ hèn này. Từ rừng núi Vaṅka, kẻ hèn đã dắt hoàng-tử và công-chúa đến đây suốt 15 ngày qua. Tâu Đức Thái-thượng-hoàng.*

Nghe ông *Bà-la-môn* già tâu như vậy, nhưng *Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya* không tin đó là sự thật, nên truyền hỏi lại rằng:

- *Này Bà-la-môn! Trẫm không thể tin lời của ngươi là sự thật, bởi vì trong đời này không có người cha nào chịu đem hai đứa con nhỏ yêu quý nhất của mình cho người khác được.*

Vậy, người hãy tâu cho Trăm rõ, lý do nào mà người có được hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā này.

Ông Bà-la-môn Jūjaka già tâu rằng:

- Muôn tâu Đức Thái-thượng-hoàng, Đức-vua Vessantara là nơi nương nhờ của những kẻ hành khát, ví như mặt đất là nơi nương nhờ của tất cả chúng-sinh muôn loài, ví như đại dương là nơi nương nhờ của các loài thủy tộc.

Đức-vua Vessantara trú trong rừng núi Vaṅka đã bố-thí hoàng-tử và công-chúa đến cho kẻ tiện dân này, đem về làm tôi tớ cho người vợ trẻ yêu quý của kẻ tiện dân.

Nghe ông Bà-la-môn Jūjaka già tâu như vậy, các quan bàn tán với nhau rằng:

“Đức-vua Vessantara bị lưu đày ở rừng núi Vaṅka, chỉ có hoàng-tử Jāli và công-chúa Kaṇhājinā là nguồn an ủi, thế mà cũng đem bố-thí đến ông Bà-la-môn già này. Đó là điều phi thường chưa từng có!”

Khi ấy, Đức Thái-thượng-hoàng Saṅjaya truyền hỏi hai đứa cháu đích tôn rằng:

- Nay hai cháu yêu quý! Đức Phụ-hoàng của hai cháu đem hai cháu bố-thí đến ông Bà-la-môn già hành khát này với tâm trạng như thế nào?

Nghe Đức-vua nội truyền hỏi như vậy, hoàng-tử Jāli tâu:

- Muôn tâu Đức-vua nội, khi Đức Phụ-hoàng đem hai cháu bố-thỉ đến kẻ hành khát Bà-la-môn già này rồi, nghe tiếng khóc than của hoàng-muội Kanhājina, Đức Phụ-hoàng của hai cháu phát sinh nỗi khổ tâm cùng cực, đôi mắt đỏ ngầu chảy hai dòng nước mắt.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền hỏi tiếp rằng:

- Nay hai cháu yêu quý của vua nội! Đức Phụ-hoàng của hai cháu là Thái-tử của vua nội, Mẫu-hậu của hai cháu là vương-phi (con dâu) của vua nội.

Vậy, hai cháu là cháu đích tôn của vua nội.

Trước đây, hai cháu thấy vua nội, liền chạy đến ngồi trên vế của vua nội. Sao bây giờ, hai cháu đứng xa vua nội như vậy?

Hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua nội, Đức Phụ-hoàng của hai cháu là Thái-tử của Đức-vua nội, Mẫu-hậu của hai cháu là vương-phi (con dâu) của Đức-vua nội, và hai cháu là cháu đích tôn của Đức-vua nội. Nhưng bây giờ hai cháu là tôi tớ của ông Bà-la-môn già này, không còn là cháu của Đức-vua nội nữa.

Vì vậy, hai cháu phải đứng xa Đức-vua nội.

Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo rằng:

- Nay hai cháu yêu quý của vua nội! Hai cháu chớ nên tâu như vậy, làm cho trái tim của vua nội bị đau nhói, thân thể của vua nội nóng như ngồi trên lò than nóng, thân tâm của vua nội cảm thấy đau khổ, nổi thống khổ cùng cực.

- Nay hai cháu yêu quý của vua nội! Với bất cứ giá nào, vua nội cũng chuộc hai cháu yêu quý ra, không còn là tôi tớ của ông Bà-la-môn này nữa.

- Nay Jāli cháu yêu quý của vua nội! Khi bố-thí hai cháu yêu quý cho ông Bà-la-môn già này, Đức Phụ-hoàng của cháu có truyền bảo, mỗi cháu cần phải chuộc bao nhiêu hay không? Cháu nên tâu cho vua nội rõ, để vua nội truyền quan giữ kho đem của cải đến để chuộc hai cháu yêu quý của vua nội ra, không còn là tôi tớ của ông Bà-la-môn này.

Hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua nội, khi Đức Phụ-hoàng bố-thí hai cháu cho ông Bà-la-môn già này, nếu muốn chuộc hai cháu ra khỏi kiếp tôi tớ của ông Bà-la-môn già này thì Đức-vua nội cần phải trao cho ông Bà-la-môn già này một số của cải như sau:

** Về phần cháu, Đức-vua nội cần phải trao cho ông Bà-la-môn già này 1.000 lượng vàng.*

** Về phần hoàng-muội Kanhājinā dễ thương, cần phải trao cho ông Bà-la-môn này 100 tờ gái, 100 tờ trai, 100 con bò sữa, 100 con bò đực, và các thứ khác, mỗi thứ 100.*

Nghe hoàng-tử Jāli tâm như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền lệnh vị quan giữ kho lấy 1.000 lượng vàng, dẫn 100 tờ gái, 100 tờ trai, dắt 100 con bò sữa, 100 con bò đực, đồ dùng, đồ ăn, đồ uống, v.v... ban cho ông Bà-la-môn Jūjaka già, để chuộc lại hai đứa cháu đích tôn ra khỏi kiếp tội tở của ông Bà-la-môn già ấy.

Đức Thái-thượng-hoàng còn ban cho ông Bà-la-môn Jūjaka một lầu đài bảy tầng. Từ đó ông Bà-la-môn Jūjaka già có nhiều vàng, có nhiều tờ trai, tờ gái, và các thứ của cải.

Ông Bà-la-môn Jūjaka già vô cùng hoan-hỷ có được những thứ của cải quý báu, ở trong lầu đài sang trọng có nhiều người hầu hạ, ăn những món ngon vật lạ mà cuộc đời của ông không bao giờ dám mơ tưởng được.

Khi ấy, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā được tự do, thoát khỏi tội tở của ông Bà-la-môn Jūjaka già.

Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina được tự do

Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina không còn là tôi tớ của ông Bà-la-môn Jūjaka nữa, trở lại là cháu đích tôn của Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya. *Hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina* được tắm rửa sạch sẽ, mặc những trang phục của hoàng-tử, của công-chúa, ăn uống những món ăn ngon lành, rồi hoàng-tử lên ngôi trên vế của Đức-vua nội, công-chúa lên ngôi trên vế của bà nội.

Khi ấy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī truyền hỏi rằng:

- *Này hai cháu yêu quý của vua nội! Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu của hai cháu được khỏe mạnh phải không? Các loài thú dữ trong rừng không đến làm hại phải không?*

Hằng ngày, Đức Phụ-hoàng, Mẫu-hậu và hai cháu sống bằng các loại trái cây rừng, các loại củ có được đầy đủ hay không?

Hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- *Muôn tâu Đức-vua nội, bà nội, Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu của hai cháu vẫn khỏe mạnh như thường. Các loài thú dữ trong rừng không đến làm hại gì cả.*

Hằng ngày, mỗi buổi sáng, Mẫu-hậu của hai cháu là nữ đạo-sĩ thức dậy sớm, mang nồi xuống sông lấy nước uống, nước dùng đầy đủ, rồi dẫn hai cháu đến ở với Đức Phụ-hoàng. Sau đó, Mẫu-hậu một mình mang gùi trên vai, tay cầm cây mai, ngự đi vào rừng tìm các loại trái cây, các loại củ, đến buổi chiều mang về nuôi dưỡng Đức Phụ-hoàng, Mẫu-hậu và hai cháu dùng bữa ăn chiều, và dành lại một phần trái cây để dùng vào buổi sáng ngày hôm sau như vậy.

- Muôn tâu Đức-vua nội, bà nội, Mẫu-hậu của hai cháu vốn là công-chúa có thân mình mảnh mai, đảm đang việc nuôi dưỡng Đức Phụ-hoàng và hai cháu hằng ngày, nên thân hình trở nên ốm gầy, da dễ rám nắng.

Mỗi ngày, Mẫu-hậu của hai cháu một mình ngự đi vào rừng có nhiều loài thú dữ, các loài rắn độc đầy nguy hiểm đến sinh-mạng.

Còn Đức Phụ-hoàng của hai cháu là đạo-sĩ cao thượng, mặc da cạp, nằm trên mặt đất, ăn mỗi ngày một bữa vào buổi chiều, đi vào rừng tìm củi, và chăm nom săn sóc hai cháu, cũng chịu bao nhiêu nỗi vất vả khổ cực.

Lắng nghe lời tỏ thề của cháu đích tôn, hoàng-tử Jāli diễn tả đời sống vất vả khổ cực của Vương-phi Maddī (người con dâu hiền) và Thái-tử Vessantara, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya

và Hoàng-thái-hậu Phussatī vô cùng cảm động rơi nước mắt.

Khi ấy, hoàng-tử Jāli tâu tiếp rằng:

- *Muôn tâu Đức-vua nội, bà nội, trong đời này, những người cha mẹ đều yêu thương những đứa con trai, con gái của mình. Còn Đức-vua nội và bà nội có yêu thương Thái-tử Vessantara là Đức Phụ-hoàng của con hay không?*

Nghe cháu đích tôn, hoàng-tử Jāli tâu hỏi như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī cảm thấy đau nhói trong tim, nên truyền bảo rằng:

- *Này hai cháu yêu quý của vua nội! Đúng vậy, trong đời này, những người cha mẹ đều yêu thương những đứa con trai, con gái của mình, nhưng vua nội đã chiều theo lời tâu của dân chúng đất nước Sivi, nên vua nội đã lưu đày Đức-vua Vessantara, Thái-tử vô tội của vua nội đến rừng núi Vaṅka.*

Như vậy, vua nội không có tâm-từ, tâm-bi đối với Thái-tử Vessantara, làm cho Đức Phụ-hoàng Vessantara, Mẫu-hậu Maddī của hai cháu đích tôn của vua nội phải chịu bao nhiêu nỗi vất vả khổ cực như vậy.

Để sửa lại những lỗi lầm của vua nội trước đây, cháu nên đi thỉnh Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu của hai cháu hồi cung ngự trở về kinh-thành

Jetuttara, vua nội sẽ nhường ngôi báu lại cho Đức Phụ-hoàng của hai cháu, trị vì đất nước Sivi này.

Hoàng-tử Jāli tâu rằng:

- Muôn tâu Đức-vua nội, cháu tin chắc rằng: Đức Phụ-hoàng của cháu không tự mình hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara này theo lời thỉnh cầu của cháu đâu!

Cháu kính xin Đức-vua nội ngự đến rừng núi Vaṅka, làm lễ đăng quang truyền ngôi báu lại cho Đức Phụ-hoàng của cháu, rồi thỉnh hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi này.

Nghे lời tâu thỉnh của hoàng-tử Jāli, Đức Thái-thượng-hoàng Saṅjaya chấp thuận. Để cho buổi lễ phong vương truyền ngôi vua lại cho Thái-tử Vessantara được trọng thể, Đức Thái-thượng-hoàng Saṅjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī thân chinh ngự đến cùng với đoàn hộ giá tùy tùng đông đảo. Cho nên, Đức Thái-thượng-hoàng truyền lệnh quan thừa-tướng rằng:

- Nay thừa tướng! Trẫm sẽ thân chinh ngự đến rừng núi Vaṅka, để làm lễ phong vương truyền ngôi vua lại cho Thái-tử Vessantara, rồi thỉnh hồi cung trở về kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi này như trước.

Vậy, khanh hãy truyền lệnh của Trẫm rằng:

* Các đoàn binh: đoàn tượng binh, đoàn mã binh, đoàn quân xa, đoàn bộ binh hộ giá theo Trẫm. Các đoàn binh hãy chuẩn bị sẵn sàng.

* Các vương gia trong hoàng tộc chuẩn bị sẵn sàng.

* 60 ngàn vị quan sinh cùng ngày với Thái-tử của ta chia ra từng nhóm, mỗi nhóm mặc sắc phục khác nhau: nhóm mặc màu trắng, nhóm màu đỏ, nhóm màu vàng, nhóm màu xanh, ... trang sức đẹp để chuẩn bị sẵn sàng.

* Các vị Bà-la-môn quân sư, các vị Bà-la-môn trong triều ăn mặc chỉnh tề trang sức đẹp để chuẩn bị sẵn sàng.

* Dân chúng trong nội thành, ngoại thành, các tỉnh thành ăn mặc tử tế, trang sức đẹp để chuẩn bị sẵn sàng.

* 14 ngàn con voi báu, 14 ngàn con ngựa báu trang sức đầy đủ đẹp để chuẩn bị sẵn sàng.

* 14 ngàn chiếc xe trang hoàng lộng lẫy.

* Sửa sang con đường từ kinh-thành Jetuttara đến rừng núi Vanka đẹp để, hai bên đường có trồng hoa, treo cờ.

* Dân chúng chuẩn bị đồ ăn, thức uống ngon lành hai bên đường, để tiếp đãi những người đi đón rước Thái-tử Vessantara hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara, ...

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền lệnh đến các quan, toàn thể dân chúng trong đất nước Sivi hãy chuẩn bị sẵn sàng chờ lệnh khởi hành.

Ông bà-la-môn Jūjaka chết

Khi ấy, Bà-la-môn Jūjaka dùng vật thực ngon miệng, ăn quá độ, nên không thể tiêu hóa được, đã ngã lăn ra chết tại chỗ.

Đức Thái-thượng-hoàng truyền lệnh làm lễ hỏa táng và thông báo rằng:

“Ai là thân quyến của ông Bà-la-môn Jūjaka, hãy đến nhận thừa kế tất cả của cải tài sản của ông.”

Nhưng không thấy một ai đến, cho nên tất cả của cải tài sản của ông Bà-la-môn ấy được sung vào kho của triều đình.

Lễ đón rước Đức-vua Bồ-tát Vessantara

Trong vòng chỉ có 7 ngày, tất cả đều được chuẩn bị sẵn sàng, đặc biệt trong buổi lễ đi rước Đức-vua Bồ-tát Vessantara có *con Bạch-tượng báu (paccayanāga)* mà Đức-vua Bồ-tát Vessantara đã bố-thí đến 8 vị Bà-la-môn đất nước Kāliṅga trước đây.

Sau khi họ đem *con Bạch-tượng báu* về đất nước Kāliṅga thì trời không còn nắng hạn nữa, mưa thuận gió hòa, mùa màng cây cấy trồng trọt

tốt. Vì vậy, Đức-vua đất nước Kāliṅga truyền lệnh 8 vị Bà-la-môn đem trả *con Bạch-tượng báu* ấy lại cho đất nước Sivi. Cho nên, trong buổi lễ đón rước này, *con Bạch-tượng báu* vô cùng hoan-hỷ được gặp lại chủ cũ là Đức-vua Vessantara, bởi vì nó sinh ra cùng ngày với Đức-Bồ-tát Vessantara, chỉ để phục vụ Đức-vua Bồ-tát Vessantara mà thôi.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya thân chinh ngự đi cùng với các đoàn tùy tùng đông đảo đi theo hộ giá, *hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā* dẫn đường từ kinh-thành Jetuttara đến rừng núi Vaṅka, khoảng đường dài 60 do tuần.

Khu rừng núi Vaṅka thật phi thường, các loài hoa đua nhau nở rộ, các trái cây đua nhau chín có mùi thơm ngon ngọt, các loài chim rừng đua nhau hót lên tiếng lanh lút vui mừng trên các cành cây, những con thú rừng đua nhau trở tài rống lên tiếng vui mừng vang dội khắp khu rừng núi Vaṅka.

Phái đoàn người đến hồ Mucalinda, *hoàng-tử Jāli* cho đoàn dừng lại, đóng trại tại nơi ấy, để giữ gìn bảo vệ sự an toàn.

Khi ấy, nghe tiếng đàn voi rống, tiếng ngựa hí, ... Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara gọi nữ đạo-sĩ Maddī, dẫn nhau leo lên đỉnh núi cao, nhìn thấy các đoàn binh đông đảo, bụi mù bốc lên

trong khu rừng lớn, Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ truyền hỏi nữ đạo-sĩ Maddī rằng:

- *Này Maddī! Các đoàn binh đông đảo đang kéo đến đây, chắc chắn có việc quan trọng phải không?*

Nghe Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ truyền hỏi như vậy, nữ đạo-sĩ Maddī trả rằng:

- *Muôn tâu Hoàng-thượng, đúng vậy, chẳng có ai dám đụng đến Hoàng-thượng đâu!*

Kính xin Hoàng-thượng suy xét đến lời chúc an lành mà Đức-vua-trời Sakka đã chúc Hoàng-thượng trước đây.

Vậy, chắc chắn, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya sẽ ngự đến đây, đem lại những điều tốt lành đến Hoàng-thượng.

Nghe nữ đạo-sĩ Maddī trả như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara vô cùng hoan-hỷ cùng với nữ đạo-sĩ Maddī xuống núi, trở về ngồi tại cốc lá, nữ đạo-sĩ Maddī cũng ngồi trước cửa cốc lá của Đức-Bồ-tát.

Vương gia đoàn tụ

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền bảo với bà Hoàng-thái-hậu Phussatī rằng:

- *Này ái-khanh Phussatī! Nếu chúng ta ngự đến cùng một lúc thì sẽ xảy ra nổi sầu não lớn.*

Vậy, Trăm ngự đến gặp Thái-tử Vessantara trước, rồi ái-khanh ngự đến sau, kế tiếp hai đứa cháu đích tôn, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā đến sau cùng.

Khi ấy, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya ngự đi cùng với đoàn tùy tùng các quan hộ giá đông đảo đến cốc lá của Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara.

Nhìn từ xa, thấy Đức Thái-thượng-hoàng đang ngự đến, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara và nữ đạo-sĩ Maddī đứng dậy, ngự ra đón rước, quỳ xuống đánh lễ dưới hai bàn chân của Đức Thái-thượng-hoàng. Nữ đạo-sĩ Maddī tâm rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-hoàng, con là Maddī, con dâu của Đức Phụ-hoàng, kính xin đánh lễ dưới hai bàn chân của Đức Phụ-hoàng.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya cúi xuống ôm choàng Thái-tử Vessantara và Vương-phi Maddī vào lòng, hôn trên đầu, hai tay xoa vai hai người con. Nhìn thấy Thái-tử Vessantara và Vương-phi Maddī thân hình gầy ốm, Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya quá cảm động nên bật ra tiếng khóc. Một lát sau Đức Thái-thượng-hoàng được thỉnh vào ngồi trong cốc lá.

Đức Thái-thượng-hoàng truyền hỏi rằng:

- Nay hai con yêu quý! Hai con thường được khỏe mạnh hay không? Hai con có đầy đủ các

thứ trái cây để dùng hằng ngày hay không? Các loài thú rừng có đến làm khô hai con hay không?

Nghe Đức Phụ-hoàng truyền hỏi như vậy, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara tâm rằng:

- Muôn tâu Đức-Phụ-hoàng, hai con sống trong rừng núi Vanka này ít bệnh hoạn, nhưng phải vất vả khổ cực lắm, thiếu thốn mọi điều.

Hằng ngày mỗi buổi sáng, nữ đạo-sĩ Maddī mang gùi trên vai, tay cầm cây mai, ngự đi vào rừng sâu có nhiều thú dữ đầy nguy hiểm, tìm các thứ trái cây rừng, đào các loại củ, đến buổi chiều đem về nuôi dưỡng con và hoàng tử Jāli, công-chúa Kanhājinā, đủ ăn một bữa chiều tối.

Còn con ở cốc, vào rừng tìm củ khô, mang nổi xuống sông lấy nước, chăm nom săn sóc hai đứa con yêu quý nhất. Cuộc sống của chúng con chịu vô vàn cực khổ không sao kể xiết, nỗi khổ cực ấy đã dạy cho chúng con biết nhẫn-nại chịu đựng, biết tri túc. Cho nên, cuộc sống của chúng con vẫn được yên lành.

- Muôn tâu Đức Phụ-hoàng, chúng con bị lưu đày đến rừng núi Vanka này, dù cuộc sống có muôn vàn vất vả khổ cực về phần khổ thân vẫn chịu đựng được, nhưng nỗi khổ tâm vì phải xa lìa Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu thì không sao chịu nổi được.

Vì vậy, chúng con làm sao an-lạc cho được.

- Muôn tâu Đức Phụ-hoàng, hai đứa cháu đích tôn của Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā đã bị con bố-thí đến cho ông Bà-la-môn Jūjaka già. Ông Bà-la-môn là người độc ác, đã đánh đập, chửi mắng hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā, lôi kéo đi một cách tàn nhẫn, như đánh đập đàn bò.

Nếu Đức Phụ-hoàng nghe biết tin hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā thì xin Đức Phụ-hoàng truyền bảo cho hai con biết liền ngay bây giờ. Ví như vị thầy rắn trị nọc độc liền cứu sống bệnh nhân bị rắn độc cắn vậy.

Nghe Thái-tử Vessantara nóng lòng muốn biết tin hai đứa con yêu quý nhất, nên Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền bảo rằng:

- Này hai con yêu quý! Hai đứa cháu đích tôn yêu quý của Phụ-hoàng là hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā đã được Phụ-hoàng đem của cải tài sản ra chuộc lại rồi.

Vậy, hai con chớ nên nóng lòng khổ tâm nữa, chắc chắn hai con sẽ gặp lại hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā ngay bây giờ tại nơi đây.

Nghe Đức Phụ-hoàng truyền bảo như vậy, Thái-tử Vessantara và Vương-phi Maddī vô

cùng hoan-hỷ an tâm chờ đợi. Thái-tử Vessantara râu rắng:

- *Muôn tâu Đức Phụ-hoàng, Đức Phụ-hoàng vẫn được khỏe mạnh, thân tâm thường được an-lạc, và Mẫu-hậu của hai con cũng được khỏe mạnh, thân tâm thường được an-lạc, có đôi mắt sáng, không bị mờ vì khóc thương hai con phải không?*

Đức Thái-thượng-hoàng truyền bảo rằng:

- *Này hai con yêu quý! Mẫu-hậu của hai con vẫn khỏe mạnh, thân tâm thường được an-lạc, có đôi mắt vẫn còn sáng, không bị mờ vì khóc thương hai con.*

Thái-tử Vessantara râu hỏi về Đức Thái-thượng-hoàng, tình hình triều đình, hoàng tộc, dân chúng trong kinh-thành Jetuttara, ngoài kinh-thành, toàn thể dân chúng trong đất nước Sivi.

Khi ấy, Hoàng-thái-hậu Phussatī biết lúc này Đức Thái-thượng-hoàng, Thái-tử Vessantara và vương-phi Maddī (con dâu) đã bớt nỗi khổ tâm rồi, nên Bà nóng lòng muốn ngự vào gặp Thái-tử và vương-phi, con dâu yêu quý. Bà ngự đi cùng với đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo đến.

Nhìn từ xa thấy Mẫu-hậu Phussatī đang ngự đến, Thái-tử Vessantara và vương-phi Maddī

ngự ra đón rước, quỳ xuống đánh lễ dưới hai bàn chân của Mẫu-hậu. Nữ đạo-sĩ Maddī tâu rằng:

- *Muôn tâu Mẫu-hậu, con là Maddī, con dâu của Mẫu-hậu, kính xin đánh lễ dưới hai bàn chân của Mẫu-hậu.*

Hoàng-thái-hậu Phussatī cúi xuống đưa hai tay ôm choàng Thái-tử Vessantara và Vương-phi Maddī vào lòng, hôn trên đầu, xoa vai của hai người con yêu quý.

Khi ấy, cả ba vị vương gia đang đứng ôm nhau khóc vì quá cảm động, thì *hoàng-tử Jālī* và *công-chúa Kanhājinā* từ xa ngự đi đến.

Đức-vua Bô-tát Vessantara đứng nhìn thấy hai đứa con yêu quý nhất đang ngự đi đến, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī toàn thân cảm động không nén nổi xúc động, bật ra tiếng khóc lớn, chạy bỏ nhào về phía hai đứa con yêu quý của mình, như con bò mẹ chạy bỏ nhào đến con bê, ngã vật xuống nằm trên mặt đất ngất xỉu, từ hai đầu vú hai dòng sữa phun ra, vừa đúng lúc *hoàng-tử Jālī* và *công-chúa Kanhājinā* chạy bỏ nhào đến ngã trên ngực *Mẫu-hậu Maddī*, đưa miệng ngậm bú mỗi đứa một dòng sữa mẹ, rồi cũng ngất xỉu trên ngực *Mẫu-hậu*.

Thấy cảnh tượng *Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī*, *hoàng-tử Jālī* và *công-chúa Kanhājinā*,

hai đứa con yêu quý như vậy, nên Đức-vua Bồ-tát Vessantara phát sinh nổi thống khổ cùng cực không chịu đựng nổi, cũng bị ngắt xiủ ngã lăn xuống mặt đất ngay tại nơi ấy.

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya và Hoàng-thái-hậu Phussatī chứng kiến *Thái-tử Vessantara*, *vwong-phi Maddī* và hai đứa cháu đích tôn của mình như vậy, vô cùng xúc động, nên cũng bị ngắt xiủ ngã xuống nằm trên mặt đất tại nơi ấy.

Thấy sáu vị vương gia đều bị ngắt xiủ như vậy, 60 ngàn vị quan sinh cùng một ngày với Đức-Bồ-tát Vessantara, vì xúc động quá nên cũng đều bị ngắt xiủ, ngã xuống nằm trên mặt đất tại nơi ấy.

Những đoàn tùy tùng hộ giá khác nhìn thấy cảnh tượng cảm động quá đều cũng ngắt xiủ ngã xuống nằm trên mặt đất tại nơi ấy.

Trước cộc lá của Đức-Bồ-tát Đạo-sĩ Vessantara trở thành bãi tha ma đầy thân người nằm ngổn ngang bất động trên mặt đất.

Khi ấy, rừng núi Vañka bị rung chuyển, mặt đất bị rung động, núi Sineru (Tu-di-sơn) bị chuyển động, toàn thể chư-thiên trên 6 cõi trời dục-giới đều xao xuyến trong lòng.

Trận mưa phép

Khi ấy, Đức-vua-trời Sakka cỡi Tam-thập-tam-thiên nghĩ rằng:

“Sáu vị vương-gia cùng với các nhóm tùy tùng hộ giá đều bị ngất xỉu hết thảy, không có một ai có thể ngồi dậy rưới nước lên đầu để cho họ tỉnh lại được cả.

Vậy, ta nên hóa ra trận mưa rơi xuống ngay bây giờ.”

Nghĩ xong, Đức-vua-trời Sakka hóa một trận mưa rơi xuống chỉ cho sáu vị vương-gia cùng các nhóm tùy tùng hộ giá làm cho họ tỉnh lại mà thôi, còn những người khác không một ai bị ướt cả, hạt mưa rơi xuống đọng họ liền trượt xuống đất như hạt nước rơi xuống lá sen.

Ngay khi ấy, sáu vị vương gia tỉnh lại và nhìn thấy đám tùy tùng cũng đều tỉnh lại. Tất cả dân chúng trong đất nước Sivi nhìn thấy một sự kiện chưa từng có bao giờ, một trận mưa làm tỉnh lại sáu vị vương-gia cùng đám tùy tùng hộ giá đông đảo.

Buổi đoàn tụ sáu vị vương-gia: *Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Hoàng-thái-hậu Phussatī, Thái-tử Vessantara, Vương-phi Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājinā* làm cho toàn thể

dân chúng đất nước Sivi vô cùng cảm động trào nước mắt.

Tất cả những người trong hoàng tộc, dân chúng trong kinh-thành Jetuttara, dân chúng các tỉnh thành trong đất nước Sivi đều cảm động rơi nước mắt, rồi chấp hai tay khấn khoản thỉnh cầu Thái-tử Vessantara và vương-phi Maddī rằng:

- *Muôn tâu Thái-tử Vessantara, kính thỉnh Thái-tử lên ngôi vua trị vì đất nước Sivi, Vương-phi Maddī trở thành Chánh-cung Hoàng-hậu như trước.*

Nghe lời thỉnh cầu của toàn thể dân chúng đất nước Sivi, Thái-tử Vessantara làm thỉnh, bèn tâu Đức Phụ-hoàng rằng:

- *Muôn tâu Đức Phụ-hoàng, ngày trước dân chúng đất nước Sivi hội họp kéo đến trước cung điện yêu cầu Đức Phụ-hoàng mời hoàng-nhi là Đức-vua Vessantara ra khỏi đất nước Sivi, lưu đày đến rừng núi Vaṅka này.*

Khi nghe Thái-tử Vessantara tâu như vậy, Đức Thái-thượng-hoàng Saṅjaya truyền bảo rằng:

- *Này Hoàng-nhi Vessantara yêu quý! Thật vậy, ngày trước dân chúng đất nước Sivi hội họp kéo đến trước cung điện yêu cầu Phụ-hoàng mời hoàng-nhi ra khỏi đất nước Sivi, lưu đày đến rừng núi Vaṅka này. Do chiều theo yêu*

cầu của họ, nên Phụ-hoàng đã mời hoàng-nhi không có lỗi ra khỏi kinh-thành Jetuttara, ra khỏi đất nước Sivi, lưu đầy hoàng-nhi đến rừng núi Vaṅka này, làm cho hoàng-nhi, vương-phi Maddī, hai cháu đích tôn là hoàng-tử Jālī và công-chúa Kanhājinā phải chịu vô vàn khổ cực, vất vả thiếu thốn suốt thời gian chín tháng rưỡi qua.

Phụ-hoàng có lỗi đối với hai con và hai cháu đích tôn của Phụ-hoàng. Phụ-hoàng đã biết lỗi của mình từ lâu.

Vậy, hoàng-nhi nên bỏ lỗi cho Phụ-hoàng, để cho tâm của Phụ-hoàng được an-lạc lúc tuổi già.

- Nay hoàng-nhi yêu quý! Nay Phụ-hoàng xin truyền ngôi vua lại cho hoàng-nhi. Xin hoàng-nhi vâng lời Phụ-hoàng, xả bỏ cuộc đời đạo-sĩ ở tại rừng núi Vaṅka này, nhận lời lên ngôi làm vua. Phụ-hoàng sẽ làm đại-lễ đăng-quang hoàng-nhi lên ngôi vua, rồi thỉnh hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi.

Nghe lời khẩn khoản tha thiết của Đức Phụ-hoàng, Thái-tử Vessantara hoan-hỷ tâm rằng:

- Muôn tâu Đức Phụ-hoàng, hoàng-nhi cung kính vâng lời truyền dạy của Đức Phụ-hoàng.

Biết Thái-tử Vessantara đã nhận lời lên ngôi làm vua, Đức Thái-thượng-hoàng Saṅjaya cảm

thấy vô cùng hoan-hỷ, và nhất là 60 ngàn vị quan đồng sinh cùng một ngày với Thái-tử Vessantara lại càng hoan-hỷ tâu rằng:

- *Tâu Thái-tử Vessantara, xin mời Thái-tử đi tắm rửa cho thân thể sạch sẽ, thay bộ y phục đạo-sĩ, cạo râu, sửa tóc, rồi mặc bộ trang phục Đức-vua, để làm đại-lễ đăng-quang lên ngôi vua tại nơi đây.*

Thái-tử Vessantara truyền bảo rằng:

- *Này các khanh! Hãy chờ một lát.*

Thái-tử Vessantara ngự ra sau tắm rửa sạch sẽ, thay bộ y phục đạo-sĩ, mặc bộ y phục màu trắng tinh, ngự vào ngai trong cốc lá tư duy rằng: “*Ta đã trú tại cốc lá này suốt chín tháng rưỡi, đã thực hành pháp-hành thiên-định và các pháp-hạnh ba-la-mật, nhất là thực hành **pháp-hạnh đại-thí hai đứa con yêu quý và pháp-hạnh đại-thí người vợ yêu quý**, để bổ sung cho đầy đủ trọn vẹn pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật của ta, làm cho mặt đất rung chuyển, chư-thiên vô cùng hoan-hỷ nói lên lời “Sādhū! Sādhū!”*”

Ta chân thành tri ân nơi này, cầu mong tất cả chúng-sinh sống yên lành, thân tâm thường được an-lạc.”

Khi ấy, Thái-tử Vessantara ngự ra khỏi cốc, truyền bảo vị quan đến sửa râu, tóc xong, mặc

bộ trang phục Đức-vua, trang sức các viên ngọc quý lộng lẫy như Đức-vua-trời.

Lễ đăng-quang lên ngôi vua

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya truyền lệnh 60 ngàn vị quan sinh cùng ngày với Thái-tử Vessantara mặc trang phục chỉnh tề, bá quan văn võ tề tựu đông đủ, truyền lệnh đoàn nhạc trời lên, tiếng tù và được thổi lên vang dội khu rừng núi Vañka.

Đại-lễ đăng-quang Thái-tử Vessantara lên ngôi vua được cử hành rất trọng thể, Thái-tử Vessantara trở lại chính thức trở thành Đức-vua Vessantara tại khu rừng núi Vañka. Khi ấy, bầu trời gấm vang dội khắp mọi nơi, các loài thú rừng rống lên thành tiếng vui mừng hoan-hỷ, các loài chim đua nhau hót vui mừng Đức-vua Bồ-tát Vessantara.

Và vương-phi Maddī trang phục đẹp đẽ lộng lẫy như thiên nữ cũng được tấn phong trở lại ngôi vị Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī của Đức-vua Bồ-tát Vessantara.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī nhớ lại mới đây tại khu rừng núi Vañka này, Đức-Bồ-tát đạo-sĩ Vessantara và nữ đạo-sĩ Maddī sống chịu đựng vô vàn vất vả khổ cực.

Nay, cũng tại khu rừng núi Vaṅka này, sáu vương-gia đã được đoàn tụ: Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Hoàng-thái-hậu Phussatī, Thái-tử Vessantara, Vương-phi Maddī, hoàng-tử Jālī và công-chúa Kaṇhājinā, đại-lễ đăng-quang lên ngôi cũng đã cử hành trọng thể tại khu rừng núi Vaṅka này.

Khi ấy, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī truyền bảo hoàng-tử Jālī và công-chúa Kaṇhājinā rằng:

- Nay hai hoàng-nhi yêu quý của Mẫu-hậu! Khi biết Đức Phụ-hoàng thực hành pháp-hạnh **đại-thí hai con yêu quý** cho ông Bà-la-môn Jūjaka dẫn đi, Mẫu-hậu chỉ dùng trái cây một bữa mỗi ngày, nằm dưới đất, ngày đêm cầu nguyện chư-thiên hộ trì cho hai hoàng-nhi không có bệnh hoạn, thân tâm thường được an-lạc, và cầu mong sớm gặp lại hai hoàng-nhi. Pháp-hành của Mẫu-hậu được thành tựu trong ngày hôm nay.

Những pháp-hạnh ba-la-mật của Đức Phụ-hoàng và Mẫu-hậu xin luôn luôn hộ trì cho hai hoàng-nhi được sự lợi ích, sự tiến hóa, sự an-lạc lâu dài.

Bà Hoàng-thái-hậu Phussatī nghĩ rằng:

“Vương-phi Maddī của Thái-tử Vessantara suốt thời gian ở trong rừng núi Vaṅka, đã chịu

đựng muôn vàn vật vả, khổ cực, nay ta nên ban cho Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, con dâu của ta những bộ y phục sang trọng, những đồ trang sức quý giá, các thứ ngọc quý báu.

Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī mặc bộ y phục lộng lẫy, trang sức những thứ ngọc quý báu, đẹp đẽ lộng lẫy như một thiên nữ trong cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Khi ấy, các quan trang hoàng *con Bạch-tượng báu paccayanāga* lộng lẫy dẫn đến tâu với Đức-vua Bô-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī rằng:

- Muôn tâu Đại-vương Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, kính thỉnh ngự lên ngôi trên con Bạch-tượng báu này.

Đức-vua Bô-tát Vessantara và Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī ngự lên ngôi trên con Bạch-tượng báu dẫn đầu cùng với đoàn tùy tùng hộ giá đông đảo duyệt qua các đoàn binh hùng mạnh của triều đình.

Hồi cung trở về kinh-thành Jetuttara

Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya đã truyền lệnh sửa sang đẹp đẽ con đường từ kinh-thành Jetuttara đến khu rừng núi Vaṅka có chiều dài khoảng 60 do tuần đã hoàn thành xong.

Trên con đường hồi cung trở về kinh-thành Jetuttara, các đoàn binh hộ giá đi trước dẫn đường, tiếp theo sáu con voi báu của sáu vị vương-gia: *Đức Thái-thượng-hoàng Sañjaya, Hoàng-thái-hậu Phussatī, Đức-vua Bò-tát Vessantara, Chánh-cung Hoàng-hậu Maddī, hoàng-tử Jāli và công-chúa Kanhājina*. Và theo sau là các quan, hoàng tộc, Bà-la-môn và dân chúng đất nước Sivi.

Phái đoàn đi đến mỗi đoạn đường, dân chúng sống tại nơi ấy đón rước, tiếp đãi đầy đủ các món ăn ngon, đồ uống, ca hát nhảy múa kính mừng Đức-vua Bò-tát Vessantara hồi cung ngự trở về kinh-thành Jetuttara.

Cứ như vậy, suốt con đường dài khoảng 60 do tuần, cho đến kinh-thành Jetuttara.

Về đến kinh-thành Jetuttara, ngự vào cung điện, ngồi trên ngai vàng, Đức-vua Bò-tát Vessantara truyền lệnh hội triều, các quan văn võ tề tựu đông đủ, Đức-vua Bò-tát Vessantara truyền lệnh rằng:

- *Này các khanh! Trong toàn đất nước Sivi này, Trẫm truyền lệnh thả tất cả các tù nhân đang bị giam giữ cho được tự do, và thả các con vật đang bị trói buộc cũng cho được tự do.*

Trận mưa thất báu

Ngay đêm đầu tiên ngủ tại cung điện, vào canh chót đêm ấy, Đức-vua Bồ-tát Vessantara tỉnh giấc, nghĩ rằng:

“Nghe tin ta đã hồi cung ngự trở về cung điện, chắc chắn ngày mai, những người hành khát sẽ dẫn nhau đến xin ta bố-thí, ta sẽ lấy thứ gì để bố-thí đến những người hành khát đây.”

Ngay khi ấy, chỗ ngồi của Đức-vua-trời Sakka phát nóng lên, Đức-vua-trời Sakka xem xét do nguyên nhân nào thì biết rõ ý nghĩ của Đức-vua Bồ-tát Vessantara ấy, nên Đức-vua-trời Sakka hóa ra một trận mưa thất báu (bảy thứ báu) rơi xuống phía trước, phía sau cung điện, bảy thứ báu chất đầy đến thất lưng, còn rơi xuống trong kinh-thành Jetuttara, bảy thứ báu chất đầy đến đầu gối.

Sáng ngày hôm sau, Đức-vua Bồ-tát truyền lệnh rằng:

- Nay toàn thể dân chúng! Nếu bảy thứ báu nào rơi trước và sau nhà nào thì thuộc về cửa-riêng gia đình ấy. Còn lại bảy thứ báu nào rơi bên ngoài nhà thì nhặt đem nạp vào các kho của triều đình. Phần bảy thứ báu rơi xuống trong cung điện của Trẫm thì thuộc về của Trẫm.

Từ đó, Đức-vua Bồ-tát Vessantara ngự tại kinh-thành Jetuttara, trị vì đất nước Sivi bằng thiện-pháp, đất nước Sivi phồn vinh, thần dân thiên hạ sống trong cảnh thanh bình, an cư lạc nghiệp.

Đức-vua Bồ-tát Vessantara thực hành bồi bổ các pháp-hạnh ba-la-mật, nhất là pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật, dù Đức-vua Bồ-tát đem của cải bố-thí bao nhiêu đi nữa, cũng không hề vơi bớt chút nào cả, lúc nào của cải cũng đầy các kho. Đức-vua Bồ-tát Vessantara tạo pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật cho đến trọn đời trọn kiếp.

Sau khi Đức-vua Bồ-tát Vessantara băng hà, đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh làm Đức-Bồ-tát thiên-nam tên Setaketu tại cõi trời Tusita (Đâu-suất-đà-thiên) hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy.

Đức-Bồ-tát thiên-nam tên Setaketu là kiếp áp chót của tiền-kiếp của Đức-Phật Gotama.

Tóm lược các kiếp hiện-tại với kiếp kế-tiếp

* Tiền-kiếp của Ngài Trưởng-lão Sīvali là Đức-vua tạo **ác-nghiệp** bao vây kinh-thành, chiếm đoạt bất hợp pháp. Sau khi Đức-vua băng hà, **ác-nghiệp** ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi **đại-địa-ngục Avīci**, chịu quả khổ của ác-nghiệp suốt thời gian lâu dài cho đến khi mãn quả ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới ấy.

* Tiền-kiếp của *Đức-Phật Gotama* là Đức-vua Vessantara tạo *đại-thiện-nghiệp* thực hành *pháp-hạnh đại-thí* hai đứa con yêu quý và *pháp-hạnh đại-thí* người vợ yêu quý, để bổ sung cho đầy đủ trọn vẹn *pháp-hạnh bố-thí ba-la-mật*. Sau khi Đức-vua băng hà, *đại-thiện-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trên cõi trời *Đâu-suất đà-thiên (Tusita)*, hưởng quả an-lạc trên cõi trời dục-giới ấy.

* Trong kinh-thành Bārāṇasī có một tiểu phú hộ tên **Cūlaseṭṭhi** là người không có đức-tin nơi Tam-bảo, không tin nghiệp và quả của nghiệp, có tâm bòn xén keo kiệt trong của cải tài sản của mình, không tạo phước-thiện bố-thí của cải đến một ai, có tham-tâm say mê trong của cải, còn là người không có giới.

Sau khi *phú hộ Cūlaseṭṭhi* ấy chết, ác-nghiệp cho quả tái-sinh làm *loài nga-quỷ* cũng có tên là *Cūlaseṭṭhipeta (nga-quỷ Cūlaseṭṭhi)* có thân hình gầy ốm da bọc xương, xanh xao, đầu trọc, trần truồng đói khát trông đáng thương.

* Trong kinh-thành Sāvattthī, có *phú hộ Ānanda* có của cải tài sản 400 triệu kahāpaṇa là người keo kiệt bủn xỉn nhất trong của cải tài-sản của mình, không hề làm phước-thiện bố-thí đến cho những người nghèo khổ nào, có tính hay sân

hận, giận dữ đối với các người làm công. Phú hộ có người con trai duy nhất tên *Mūlasiri*.

Sau khi *phú hộ Ānanda* chết, *đại-thiện-nghiệp bậc thấp* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp đầu thai vào lòng người đàn bà thấp hèn trong nhóm một ngàn gia đình thuộc dòng dõi thấp hèn sống nương nhờ gần cửa kinh-thành *Sāvattī*.

Khi người đàn bà mang thai nhi (tiền-kiếp là phú hộ *Ānanda*), cả gia đình mẹ cha của thai nhi và những gia đình trong nhóm một ngàn gia đình đều bị ảnh hưởng quả của ác-nghiệp của thai nhi, nên cuộc sống vất vả khổ cực.

Khi người mẹ sinh đứa trẻ ra đời, đứa trẻ ấy bị tật nguyên nhiều bộ phận của cơ thể như 2 tay, 2 chân, đôi mắt, mũi, miệng, thân thể, v.v... là đứa bé kỳ dị khác thường đáng ghê sợ.

Vài năm sau, khi đứa bé đã lớn, có thể tự đi xin ăn, mẹ của đứa bé bỏ nó đi xin ăn một mình. Đứa bé ấy đi đến ngôi nhà lớn của ***phú hộ Mūlasiri***, nó nhớ lại tiền-kiếp đó là ngôi nhà của mình, nên bước qua cổng đi thẳng vào nhà. Nhưng những người trong nhà không ai nhận ra đứa bé ấy là phú hộ *Ānanda*, thậm chí còn xua đuổi đứa bé ấy đi chỗ khác, vì bây giờ đứa bé ấy trong hình dạng của một người tật nguyên, có các bộ phận trên cơ thể kỳ dị đáng ghê sợ.

Như vậy, của cải tài sản trong kiếp trước của người nào, kiếp sau của người ấy không thể hưởng được nữa. Ví như của cải tài sản trong kiếp trước của phú hộ Ānanda, kiếp sau của phú hộ Ānanda là đứa bé kì dị không còn liên quan nữa. Cho nên, kiếp trước với kiếp sau của mỗi người chỉ có ác-nghiệp và đại-thiện-nghiệp liên quan với nhau mà thôi.

* Trong kinh-thành Sāvattthī, có *phú hộ Anāthapiṇḍika* lần đầu tiên đến hầu đánh lễ Đức-Phật, lắng nghe chánh-pháp của Đức-Phật, liền *chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu*, tại nơi ấy.

Ông *phú hộ Anāthapiṇḍika* phát sinh đức-tin trong sạch nơi Tam-bảo. Kính bạch rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, con đem hết lòng thành kính xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Thế-Tôn, xin quy-y nương nhờ nơi Đức-Pháp-bảo, xin quy-y nương nhờ nơi chư Đại-đức tỳ-khuru-Tăng-bảo.*

- *Kính xin Đức-Thế-Tôn công nhận con là cận-sự-nam (upāsaka) đã quy-y Tam-bảo kể từ nay cho đến trọn kiếp.*

Ông *Phú hộ Anāthapiṇḍika* muốn mua khu vườn của ông Hoàng Jeta nên đã trả bằng vàng

trải khắp trên mặt đất. Phú hộ Anāthapiṇḍika cho thợ xây dựng ngôi chùa lớn đặt tên là **Jetavana**, gần kinh-thành Sāvattthī, rồi kính dâng đến chư tỳ-khưu-Tăng từ tứ phương có Đức-Phật chủ trì.

Bồ-thí cúng-dường của phú hộ Anāthapiṇḍika

Khi Đức-Phật ngự tại ngôi chùa Jetavana cùng với chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng, ông phú hộ Anāthapiṇḍika hoan-hỷ tạo phước-thiện bồ-thí cúng dường đến chư tỳ-khưu-Tăng, nên hằng ngày trong nhà của ông phú hộ luôn luôn chuẩn bị sẵn sàng 500 chỗ ngồi dành cho 500 vị tỳ-khưu như sau:

- 500 vị tỳ-khưu có thể dùng vật thực hằng ngày.
- 500 vị tỳ-khưu có thể dùng vật thực trong ngày rằm và cuối tháng.
- 500 vị tỳ-khưu có thể dùng cháo buổi sáng.
- 500 vị tỳ-khưu có thể dùng cháo trong ngày rằm và cuối tháng.
- 500 vị tỳ-khưu khách từ phương xa đến dùng vật thực.
- 500 vị tỳ-khưu sắp đi xa dùng vật thực.
- 500 vị tỳ-khưu bệnh dùng vật thực.
- 500 vị tỳ-khưu nuôi tỳ-khưu bệnh dùng.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika hoan-hỷ tạo phước-thiện bồ-thí cúng-dường đến chư tỳ-khưu-

Tăng như vậy, cho nên, một hôm Đức-Phật Gotama ngự tại ngôi chùa Jetavana tuyên dương công đức của ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

“Bhikkhave, mama sāvakaṇaṃ upāsakaṇaṃ yadidaṃ Sudatto Anāthapiṇḍiko.”

- *Này chư tỳ-khuru! Trong hàng cận-sự-nam Thanh-văn đệ-tử của Như Lai, Sudatta Anāthapiṇḍika là cận-sự-nam thí chủ xuất sắc nhất về hạnh hoan-hỷ bố thí.*

Đúng như Đức-Phật Padumuttara quá-khứ đã từng thọ ký cận-sự-nam tiền-kiếp của ông phú hộ Anāthapiṇḍika như vậy.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika mỗi ngày 1- 2 lần đến hầu đánh lễ Đức-Phật, thăm viếng chư tỳ-khuru, sa-di, mỗi lần đều có mang theo những thứ vật dụng cần thiết đối với chư tỳ-khuru, sa-di.

Ngày cuối cùng của ông phú hộ Anāthapiṇḍika

Trong kinh *Anāthapiṇḍikasutta* ⁽¹⁾ được tóm lược như sau:

Một thuở nọ, Đức-Thế-Tôn ngự tại ngôi chùa Jetavana của ông phú hộ Anāthapiṇḍika gần kinh-thành Sāvatthī. Khi ấy, ông phú hộ Anāthapiṇḍika bị lâm bệnh trầm trọng, gọi người thân tín đến truyền bảo rằng:

¹ Maj. Uparipannāsa, Saḷāyatanavagga, Anāthapiṇḍikasutta.

- *Này con thân yêu! Con hãy đi đến hầu Đức-Phật, cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật, rồi bạch theo lời của ta rằng:*

“- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phú hộ Anāthapiṇḍika bị lâm bệnh trầm trọng khổ thân, xin cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Phật.”

Tiếp theo, con đi đến hầu Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, rồi bạch theo lời của ta rằng:

“- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, phú hộ Anāthapiṇḍika lâm bệnh trầm trọng khổ thân, xin cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm bi tế độ đi đến tư gia của phú hộ Anāthapiṇḍika.” Bạch Ngài.

Sau khi nhận lời căn dặn của phú hộ Anāthapiṇḍika xong, người thân tín ấy đi đến hầu đánh lễ Đức-Phật, ngồi một nơi hợp lễ, rồi bạch theo nguyên lời căn dặn của ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

“- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, phú hộ Anāthapiṇḍika bị lâm bệnh trầm trọng khổ thân, xin cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Đức-Thế-Tôn.”

Tiếp theo, người thân tín ấy đi đến hầu đánh lễ Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta, ngồi một nơi hợp lễ, rồi bạch theo y nguyên lời căn dặn của ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

“- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, phú hộ Anāthapiṇḍika lâm bệnh trầm trọng khổ thân, xin cúi đầu đánh lễ dưới đôi bàn chân của Ngài Đại-Trưởng-lão.

- Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, kính xin Ngài có tâm bi tế độ đi đến tư gia của phú hộ Anāthapiṇḍika.” Bạch Ngài.

Sau khi nghe người thân tín của ông phú hộ Anāthapiṇḍika bạch như vậy, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta nhận lời. Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta cùng với Ngài Trưởng-lão Ānanda đi đến tư gia của ông phú hộ Anāthapiṇḍika, ngồi chỗ ngồi đã trải sẵn.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta truyền hỏi ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- Nay phú hộ! Con có kham nhẫn nổi thọ khổ không? Tư đại của con được điều hòa không?

Thọ khổ có giảm bớt, không tăng lên phải không?

Bệnh tình có giảm bớt, không tăng lên phải không?

Nghe Ngài Đại-Trưởng-lão hỏi, ông phú hộ Anāthapiṇḍika bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con không kham nhẫn nổi thọ khổ. Từ đại của con không được điều hòa.*

Thọ khổ càng tăng lên, không giảm bớt.

Bệnh tình tăng lên, không giảm bớt. Bạch Ngài.

Khi ấy, Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta thuyết pháp giảng dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika được tóm lược như sau:

- *Này phú hộ! Ông nên có chánh-niệm và tri-tuệ-tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ:*

- *Khi mắt tiếp xúc với đối-tượng sắc phát sinh nhãn-thức-tâm thấy đối-tượng sắc, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi tai tiếp xúc với đối-tượng thanh phát sinh nhĩ-thức-tâm nghe đối-tượng thanh, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi mũi tiếp xúc với đối-tượng hương phát sinh tỷ-thức-tâm ngửi đối-tượng hương, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi lưỡi tiếp xúc với đối-tượng vị phát sinh thiệt-thức-tâm nếm đối-tượng vị, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi thân tiếp xúc với đối-tượng xúc phát sinh thân-thức-tâm xúc-giác đối-tượng xúc, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Khi ý-thức-tâm sinh tiếp xúc với đối-tượng pháp phát sinh ý-thức-tâm biết đối-tượng pháp, không nên chấp thủ là ta, là của ta.*

- *Không nên chấp thủ sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn, là ta, là của ta, ...*

Ngài Đại-Trưởng-lão giảng dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika rằng:

- *Này phú hộ! Ông nên có chánh-niệm và trí-tuệ-tỉnh-giác thấy rõ, biết rõ:*

- *Không nên chấp thủ trong ngũ-uẩn: sắc-uẩn, thọ-uẩn, tưởng-uẩn, hành-uẩn, thức-uẩn cho là ta, là của ta.*

Tiếp theo Ngài Trưởng-lão Ānanda cũng khuyên dạy ông phú hộ Anāthapiṇḍika thực hành theo lời giảng dạy của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Ông phú hộ Anāthapiṇḍika vô cùng hoan-hỷ nghe lời giảng dạy của Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda.

Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda từ giã trở về ngôi chùa Jetavana.

Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika hiện xuống

Sau khi Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta và Ngài Trưởng-lão Ānanda từ giã trở về ngôi chùa

Jetavana không lâu, ông phú hộ Anāthapiṇḍika chết. Sau khi ông phú hộ vốn là bậc Thánh Nhập-lưu chết, *đại-thiện-nghiệp trong đại-thiện-tâm hợp với trí-tuệ* cho quả trong *thời-kỳ tái-sinh kiếp sau* (*paṭisandhikāla*) có **đại-quả-tâm hợp với trí-tuệ** gọi là *tái-sinh-tâm* (*paṭisandhiccitta*) làm phận-sự tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm **vị thiên-nam Anāthapiṇḍika** có hào quang sáng ngời trên cõi trời Tusitā (Đâu-suất-đà-thiên) trong lâu đài bằng vàng nguy nga tráng lệ giữa khu vườn rộng lớn, v.v. ...

Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika suy xét thấy rõ, biết rõ rằng: “*Những quả-báu lớn này là quả của đại-thiện-nghiệp bố-thí mà tiền-kiếp của ta ở cõi người đã tạo phước-thiện bố-thí cúng-dường ngôi chùa Jetavana và các thứ vật dụng cần thiết đến chư Đại-đức tỳ-khưu-Tăng có Đức-Phật Gotama chủ trì.*”

Vào canh giữa ngay đêm hôm ấy, *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* có hào quang sáng ngời hiện xuống tại ngôi chùa Jetavana làm cho xung quanh ngôi chùa Jetavana sáng ngời (*thi thể của ông phú hộ Anāthapiṇḍika đang còn nằm tại tư gia của ông*).

Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika đến hầu cung-kính đánh lễ Đức-Phật, rồi đứng một nơi hợp lễ, chắp hai tay bạch với Đức-Phật bằng câu kệ rằng:

- Kính bạch Đức-Thế-Tôn, ngôi chùa Jetavana này có lợi ích đối với con, Đức-Thế-Tôn đang ngự tại nơi này cùng với chư Đại-đức tỳ-khuru Tăng cao thượng.

Chư bậc Thánh-nhân trong sạch thanh-tịnh cao quý do 5 pháp là: **nghiệp** đó là tác-ý trong Thánh-đạo-tâm, **minh** đó là trí-tuệ trong Thánh-đạo-tâm, **pháp** đó là định tâm trong Thánh-quả-tâm, **giới** đó là giữ gìn các điều-giới trong sạch, **nuôi mạng cao quý** đó là sống theo chánh mạng; không phải con người cao quý do dòng dõi hoặc do giàu sang phú quý, quyền cao chức trọng.

Vì vậy, bậc thiện-trí biết sự lợi ích giải thoát khổ của mình nên thực hành pháp-hành thiện-tuệ dẫn đến chứng đắc Thánh-đạo, Thánh-quả thanh-tịnh.

Vị tỳ-khuru nào hướng tâm đến Niết-bàn, vị tỳ-khuru ấy chứng đắc Niết-bàn cao quý. Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta là Bậc cao quý do trí-tuệ, giới thanh-tịnh, đã diệt tận được mọi phiền-nã không còn dư sót.

Vị thiên-nam Anāthapiṇḍika bạch câu kệ như vậy, biết Đức-Phật hài lòng, vị thiên-nam cung-kính đảnh lễ Đức-Phật rồi biến mất, trở về cõi trời Đâu-xuất đà-thiên.

Khi ấy, đêm đã qua, sáng ngày hôm ấy, Đức-Phật truyền dạy chư tỳ-khuru rằng:

- *Này chư tỳ-khưu! Vào canh giữa đêm hôm qua, vị thiên-nam có hào quang sáng ngời hiện xuống tại ngôi chùa Jetavana làm cho xung quanh ngôi chùa Jetavana sáng ngời, vị thiên-nam ấy đến hầu cung-kính đánh lễ Như-Lai, rồi đứng một nơi hợp lễ, chắp hai tay bạch với Như-Lai bằng câu kệ như vậy. Sau đó, vị thiên-nam ấy cung-kính đánh lễ Như-Lai rồi biến mất, trở về cõi trời Đâu-xuất đà-thiên.*

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda kính bạch với Đức-Phật rằng:

- *Kính bạch Đức-Thế-Tôn, vị thiên-nam ấy có phải là vị thiên-nam Anāthapiṇḍika hay không? Bạch Ngài.*

Thường ngày ông phú hộ Anāthapiṇḍika có đức-tin trong sạch nơi Ngài Đại-Trưởng-lão Sāriputta.

Đức-Phật truyền dạy rằng:

- *Này Ānanda! Đúng như vậy, con đoán không sai, vị thiên-nam ấy chính là vị thiên-nam Anāthapiṇḍika từ cõi trời Đâu-xuất đà-thiên hiện xuống vào canh giữa đêm nay.*

Nghe Đức-Phật truyền dạy như vậy, Ngài Trưởng-lão Ānanda hoan-hỷ theo lời dạy của Đức-Phật.

Như vậy, *kiếp hiện-tại* của *phú hộ Anāthapiṇḍika* là *bậc Thánh Nhập-lưu*, có đức-tin trong sạch vững chắc nơi Tam-bảo, có giới-hạnh hoàn toàn trong sạch, tạo phước-thiện bố-thí cúng dường đến chư tỳ-khuru-Tăng.

Sau khi *phú hộ Anāthapiṇḍika* chết, *đại-thiện-nghiệp* cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm *vị thiên-nam Anāthapiṇḍika* có hào quang sáng ngời trên cõi trời Tusitā (Đâu-suất-đà-thiên), hưởng mọi sự an-lạc trên cõi trời ấy cho đến hết tuổi thọ.

* Kiếp hiện-tại của cô gái nghèo ⁽¹⁾ trong tích *Lājadevadhītāvatthu* được tóm lược như sau:

Một cô bé nghèo được thuê giữ ruộng, cô mang theo một gói bắp rang để ăn trong ngày.

Sáng hôm ấy, Ngài *Đại-Trưởng-lão Mahākassapa xả diệt-thọ-tướng (nirodhasamāpatti)* xong, xem xét thấy nên tế độ cô bé nghèo, nên Ngài *Đại-Trưởng-lão* mặc y mang bát đi thẳng đến chỗ cô bé để khát thực.

Nhìn thấy Ngài *Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* từ xa đến, cô bé vô cùng hoan-hỷ ra đón và đánh lễ Ngài *Đại-Trưởng-lão*, rồi đem phần bắp rang

¹ Dhammapadaṭṭhakathā, Pāpavagga, Lājadevadhītāvatthu.

để ăn trong ngày kính xin tạo phước-thiện bố-thí để bát cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão.

Trong khi cô đang phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ với phước-thiện bố-thí cúng dường đến Ngài Đại-Trưởng-lão, trên đường trở lại chỗ ở, cô bị một con rắn độc cắn cô chết. Do nhờ đại-thiện-nghiệp phước-thiện bố-thí cúng dường ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm thiên-nữ có tên là *Lājadevadhītā* trong lâu đài nguy nga trên cõi trời Tam-thập-tam-thiên.

Sau đó, khi nhớ lại tiền-kiếp của mình, thiên-nữ *Lājadevadhītā* vô cùng biết ơn Ngài Đại-Trưởng-Lão, nên hiện xuống chỗ ở của Ngài Đại-Trưởng-lão quét dọn, đem nước dùng, ... cho Ngài Đại-Trưởng-lão, nhưng Ngài Đại-Trưởng-lão không cho phép cô làm những công việc ấy, nên cô buồn tủi khóc.

Đức-Thế-Tôn thấy vậy, liền hiện đến thuyết pháp tế độ thiên-nữ.

Sau khi nghe Đức-Phật thuyết pháp, thiên-nữ *Lājadevadhītā* chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, trở thành bậc Thánh Nhập-lưu. Thiên-nữ vô cùng hoan-hỷ đánh lễ Đức-Thế-Tôn, rồi xin phép trở về cõi trời.

* Kiếp hiện-tại của bà lão nghèo khổ ăn mày ⁽¹⁾ trong tích *Ācāmadāyikāvimāna* được được tóm lược như sau:

Bà lão nghèo khổ ăn mày sống nhờ đằng sau hiên nhà người khác, người ta nhìn thấy bà đáng thương nên thường cho cơm, cháo và miếng cơm cháy... để bà sống qua ngày.

Một hôm, sau khi xả diệt-thọ-tướng, *Ngài Đại-trưởng-lão Mahākassapa* xem xét nên đi khát thực tế độ người nào trước. *Ngài Đại-Trưởng-lão* nhìn thấy một bà già nghèo khổ gần chết, sau khi bà chết, *ác-nghiệp* sẽ cho quả tái-sinh kiếp sau trong cõi địa-ngục.

Ngài Đại-Trưởng-lão có tâm bi cứu khổ, đi khát thực đến tế độ bà lão tránh khỏi cõi địa-ngục. Do nhờ phước-thiện bố-thí cúng-dường miếng cơm cháy, sau khi bà lão ấy chết, *đại-thiện-nghiệp* ấy sẽ cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị thiên-nữ trên cõi trời dục-giới Hóa-lạc-thiên.

Sau khi xem xét thấy rõ như vậy, vào buổi sáng, *Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa* đi khát thực đến đứng tại chỗ ở của bà. Trong khi đó, *Đức-vua trời Sakka* hóa thành người già đem vật thực đến cúng-dường để bát *Ngài Đại-*

¹ *Vimānavatthu*, Tích *Ācāmadāyikāvimāna*.

Trưởng-lão, Ngài Đại-Trưởng-lão biết rõ người già ấy là Đức-vua trời Sakka, nên trách rằng:

- *Này Đức-vua trời Sakka! Đức-vua không nên giành phước-thiện bố-thí của người nghèo khổ.*

Ngài Đại-Trưởng-lão không mở nắp bát, vẫn đứng yên trước chỗ ở của bà lão nghèo khổ ấy.

Bà lão nghĩ rằng: “Ngài Đại-Trưởng-lão này là bậc cao thượng được phần đông tôn kính, phần ta nghèo khổ không có gì quý giá để làm phước-thiện bố-thí cúng-dường đến Ngài, ta chỉ có nước cơm và miếng cơm cháy không ngon lành gì cả. Vả lại, còn đựng trong một đồ dùng không tốt đẹp, ta nào dám làm phước-thiện bố-thí cúng-dường để bát đến Ngài được.”

Nên bà bạch rằng:

- *Kính bạch Ngài Đại-Trưởng-lão, con kính thỉnh Ngài đi nơi khác. Bạch Ngài.*

Ngài Đại-Trưởng-lão Mahākassapa vẫn đứng yên không đi nơi khác, những người khác đem vật thực đến cúng-dường để bát, Ngài Đại-Trưởng-lão vẫn không mở nắp bát để nhận. Bà già nghĩ rằng:

“*Chắc chắn Ngài đứng đây để té độ ta.*”

Bà lão liền phát sinh đức-tin trong sạch muốn làm phước-thiện bố-thí cúng-dường, bà lão đem miếng cơm cháy đến, Ngài Đại-Trưởng-lão liền

mở nắp bát, bà phát sinh đại-thiện-tâm hoan-hỷ cung-kính cúng-dường để vào trong bát của Ngài Đại-Trưởng-lão.

Ngài Đại-Trưởng-lão tỏ vẻ muốn thọ thực, để cho bà lão nhìn thấy và phát sinh đại-thiện-tâm trong sạch hoan-hỷ trong phước-thiện bố-thí cúng-dường miếng cơm cháy ấy.

Mọi người hiểu ý, trải chỗ ngồi, Ngài Đại-Trưởng-lão ngồi thọ thực miếng cơm cháy ấy. Uống nước xong, Ngài Đại-Trưởng-lão thuyết pháp tế độ bà lão, làm cho bà lão phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, và Ngài Đại-Trưởng-lão còn cho bà biết được rằng:

“Bà đã từng là mẫu-thân của Ngài trong tiền-kiếp quá-khứ.”

Khi biết được như vậy, bà lão càng phát sinh đại-thiện-tâm vô cùng hoan-hỷ, sau thời gian không lâu, bà hết tuổi thọ (chết).

Sau khi bà chết, đại-thiện-nghiệp cúng-dường miếng cơm cháy ấy cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị thiên-nữ có hào quang sáng ngời, có nhiều oai lực trên cõi trời Hóa-lạc-thiên (cõi trời thứ 5 trên cõi trời dục-giới), hưởng mọi sự an-lạc cho đến khi hết tuổi thọ tại cõi trời dục-giới ấy.

Tóm lại, *kiếp hiện-tại* với *kiếp kế-tiếp* như sau:

- Mỗi người chỉ chịu *quả khổ của ác-nghiệp* trong *kiếp hiện-tại*, hoặc thừa hưởng *quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp* trong *kiếp hiện-tại*. *Quả của ác-nghiệp* hoặc *quả của đại-thiện-nghiệp* trong *kiếp hiện-tại* hoàn toàn không liên quan đến *kiếp kế-tiếp*.

- *Kiếp hiện-tại* của người nào đã tạo *mọi ác-nghiệp* hoặc *mọi đại-thiện-nghiệp*. Sau khi người ấy chết, nếu *ác-nghiệp nào* có cơ hội thì *ác-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh *kiếp kế-tiếp* 1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả (của ác-nghiệp ấy), mới thoát ra cõi ác-giới ấy.

Nếu *đại-thiện-nghiệp nào* có cơ hội thì *đại-thiện-nghiệp* ấy cho quả tái-sinh *kiếp kế-tiếp đầu thai* làm người trong cõi người; hoặc cho quả tái-sinh *kiếp kế-tiếp hóa-sinh* làm *vị thiên-nam* hoặc *vị thiên-nữ* trên cõi trời dục-giới, hưởng *quả an-lạc* của *đại-thiện-nghiệp* ấy trên cõi trời dục-giới ấy cho đến khi mãn quả của *đại-thiện-nghiệp* ấy, mới rời khỏi cõi thiện dục-giới ấy.

Tuy nhiên, *mọi ác-nghiệp* hoặc *mọi đại-thiện-nghiệp* của *kiếp hiện-tại* của mỗi người không chỉ có cơ hội cho quả *kiếp kế-tiếp*, mà còn có cơ hội cho quả từ *kiếp thứ 3* cho đến *kiếp chót* của *bậc Thánh A-ra-hán*, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân hồi trong tam-giới.

* **Vấn:** *Làm cách nào để của cải tài-sản thuộc về **của-riêng tạm-thời** của ta trở thành **của-riêng vĩnh-viễn** của ta?*

Đáp: ***Của-riêng tạm-thời** của ta ví như của cải tài-sản thuộc về quyền sở hữu của ta; các bộ phận trong thân thể của ta; công-danh sự-nghiệp; v.v... gọi là **của-riêng tạm-thời**, bởi vì có khi của cải tài-sản bị mất, ta vẫn còn; có khi ta đã chết, của cải tài-sản còn lại thuộc về quyền sở hữu của người khác. Ví dụ: Sau khi phú hộ chết, thì người con một được kế thừa ngôi vị phú hộ; sau khi Đức-vua băng hà, thì Hoàng-thái-tử lên nối ngôi vua.*

Cho nên, tất cả của cải tài-sản, công-danh sự-nghiệp, ... trong đời đều là của-riêng tạm-thời, không phải của-riêng vĩnh-viễn dành riêng cho một ai cả.

Nếu người nào có quả báu của đại-thiện-nghiệp nào, thì người ấy được thừa hưởng với thời gian lâu hoặc mau tùy theo năng lực của đại-thiện-nghiệp và quả của đại-thiện-nghiệp ấy.

Đức-Phật dạy nghiệp và quả của nghiệp rằng:

“Kammassako ’mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappaṭisaraṇo, yaṃ kammam karissāmi kalyāṇam vā pāpakam vā, tassa dāyādo bhavissāmi.”

“Ta có nghiệp là của-riêng ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp’, ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp hoặc quả khổ của ác-nghiệp ấy.”

Như vậy, chỉ có nghiệp là của-riêng ta thật sự mà thôi. Ngoài nghiệp ra, trong đời này không có gì là của-riêng ta thật sự cả.

*Thật vậy, khi người nào đã tạo mọi ác-nghiệp hoặc mọi đại-thiện-nghiệp nào rồi, mọi ác-nghiệp hoặc mọi đại-thiện-nghiệp ấy được lưu trữ đầy đủ trọn vẹn ở trong **tâm** từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài, từ vô-thủy cho đến kiếp hiện-tại.*

- Nếu ác-nghiệp nào có cơ hội cho quả khổ thì người ấy phải chịu quả khổ trong kiếp hiện-tại.

- Nếu ác-nghiệp ấy có cơ hội thì cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp 1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, ngạ-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.

- Nếu ác-nghiệp ấy còn có cơ hội thì cho quả khổ từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- Nếu đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội thì cho quả an-lạc thì người ấy hưởng quả an-lạc trong kiếp hiện-tại.

- Nếu đại-thiện-nghiệp ấy có cơ hội thì cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp 1 trong 7 cõi thiện dục-giới (cõi người và 6 cõi trời dục-giới) hưởng quả an-lạc của đại-thiện-nghiệp ấy.

- Nếu đại-thiện-nghiệp ấy còn có cơ hội thì cho quả an-lạc từ kiếp thứ 3 cho đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân hồi trong tam-giới.

Bậc thiện-trí có kammassakatāsammādiṭṭhi là chánh-kiến biết đúng, thấy đúng **ngiệp là của-riêng ta**, có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

Cửa-riêng tạm-thời trở thành cửa-riêng vĩnh-viễn

Bậc thiện-trí có trí-tuệ hiểu biết rõ của cải tài-sản chỉ là **cửa-riêng tạm-thời** của ta trong kiếp hiện-tại mà thôi, nên biết đem của cải ra tạo phước-thiện bố-thí đến chư Đại-đức tỷ-khuru-Tăng, thì trở thành **đại-thiện-nghiệp bố-thí là cửa-riêng vĩnh-viễn** của ta không chỉ trong kiếp hiện-tại mà còn đến kiếp chót của bậc Thánh A-ra-hán, trước khi tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khỏi tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đoạn-Kết

Người đời thường luận bàn về **của-riêng**, **của-chung**. Thật ra, **của-riêng** chỉ thuộc về quyền sở hữu tạm thời mà thôi, gọi là **của-riêng tạm-thời** của mỗi người. Còn **của-chung** chỉ hạn định trong kiếp hiện-tại mà thôi.

Đức-Phật dạy rằng: *Kkammassako'mhi* (ta có **ngiệp** là **của-riêng** ta). Khi ta đã tạo ác-ngiệp nào, đại-thiện-ngiệp nào rồi; mọi ác-ngiệp ấy, mọi đại-thiện-ngiệp ấy được lưu-trữ đầy đủ trọn vẹn trong **tâm**, từ kiếp này sang kiếp kia trong vòng tử sinh luân-hồi trong ba giới bốn loài.

Tassa dāyādo bhavissāmi: Ta sẽ là người thừa hưởng quả của nghiệp ấy.

- Nếu ác-ngiệp nào của người nào có cơ hội gặp 4 nghịch-duyên thì ác-ngiệp ấy cho quả khổ, quả xấu, người ấy phải chịu quả khổ, quả xấu của ác-ngiệp ấy, như người thừa hưởng.

- Nếu đại-thiện-ngiệp nào của người nào có cơ hội gặp 4 thuận-duyên thì đại-thiện-ngiệp ấy cho quả an-lạc, quả tốt, người ấy hưởng được quả an-lạc, quả tốt của đại-thiện-ngiệp ấy, như người thừa hưởng.

Bậc thiện-trí có **kammassakatāsammādiṭṭhi**: chánh-kiến sở-nghiệp là trí-tuệ thấy đúng, biết đúng tất cả mọi nghiệp là **cửa-riêng vĩnh-viễn** của mình, có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, tin nghiệp và quả của nghiệp.

*** Nghiệp (Kamma)** đó là tác-ý tâm-sở.

Nghiệp có 2 loại:

1- Ác-nghiệp (Akusalakamma)

- Khi tác-ý tâm-sở đồng sinh với 12 bất-thiện-tâm (12 ác-tâm) gọi là 12 bất-thiện-nghiệp (12 ác-nghiệp).

2- Thiện-nghiệp (Kusalakamma) có 4 loại:

- Khi tác-ý tâm-sở đồng sinh với 8 đại-thiện-tâm gọi là 8 dục-giới đại-thiện-nghiệp.

- Khi tác-ý tâm-sở đồng sinh với 5 sắc-giới thiện-tâm gọi là 5 sắc-giới thiện-nghiệp.

- Khi tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 vô-sắc-giới thiện-tâm gọi là 4 vô-sắc-giới thiện-nghiệp.

- Khi tác-ý tâm-sở đồng sinh với 4 hoặc 20 Thánh-đạo-tâm gọi là 4 hoặc 20 siêu-tam-giới thiện-nghiệp.

*** Quả của nghiệp (Kammaphala)**

Nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp.

- **Người ác** nào đã tạo mọi ác-nghiệp. Sau khi

người ác ấy chết, ác-nghiệp nào có cơ hội thì cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp 1 trong 4 cõi ác-giới (địa-ngục, a-su-ra, nga-quỷ, súc-sinh), chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy cho đến khi mãn quả của ác-nghiệp ấy, mới thoát ra khỏi cõi ác-giới.

- **Người thiện** nào đã tạo mọi đại-thiện-nghiệp (như 10 đại-thiện-nghiệp bằng thân, bằng khẩu, bằng ý; thực hành 10 phước-thiện như bố-thí, giữ gìn giới trong sạch, hành thiền, cung-kính, hỗ-trợ, hồi-hướng, nghe pháp, thuyết pháp, chánh-kiến).

Sau khi người thiện ấy chết, đại-thiện-nghiệp nào có cơ hội thì cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp 1 trong 7 cõi thiện dục-giới (cõi người, hoặc 6 cõi trời giới), hưởng mọi sự an-lạc trong cõi thiện dục-giới ấy cho đến khi hết tuổi thọ, mới rời khỏi cõi thiện dục-giới ấy.

- **Hành-giả** nào thuộc về hạng người tam-nhân thực hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm, giữ gìn cho đến khi chết.

Sau khi hành-giả ấy chết, **sắc-giới thiện-nghiệp** trong 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 16 tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tùy theo mỗi bậc thiền sắc-giới quả-tâm của mỗi hành-giả.

- **Hành-giả** nào thuộc về hạng người tam-nhân thực hành pháp-hành thiền-định, có khả năng dẫn đến chứng đắc 5 bậc thiền sắc-giới thiện-tâm và chứng đắc 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm.

Sau khi hành-giả ấy chết, **vô-sắc-giới thiện-nghiệp** trong 4 bậc thiền vô-sắc-giới thiện-tâm cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên 4 tầng trời vô-sắc-giới phạm-thiên, tùy theo mỗi bậc thiền vô-sắc-giới quả-tâm của mỗi hành-giả.

- **Hành-giả** nào thuộc về hạng người tam-nhân đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ, hành-giả ấy có duyên may gặp được bậc thiện-trí trong Phật-giáo, lắng nghe chánh-pháp của bậc thiện-trí, rồi thực hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhập-lưu Thánh-đạo, Nhập-lưu Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **2 loại phiền-não là tà-kiến** trong 4 tham-tâm hợp với tà-kiến và **hoài-nghi** trong si-tâm hợp với hoài-nghi không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhập-lưu**.

- **Hành-giả** nào là **bậc Thánh Nhập-lưu** đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và

5 pháp-chủ là tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Nhập-lưu, rồi thực hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Nhất-lai Thánh-đạo, Nhất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **1 loại phiền-não** là **sân** loại thô trong 2 sân-tâm không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Nhất-lai**.

- **Hành-giả** nào là **bậc Thánh Nhất-lai** đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Nhất-lai, rồi thực hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc Bất-lai Thánh-đạo, Bất-lai Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được **1 loại phiền-não** là **sân** loại vi-tế trong 2 sân-tâm không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh Bất-lai**.

- **Hành-giả** nào là **bậc Thánh Bất-lai** đã từng tích lũy đầy đủ 10 pháp-hạnh ba-la-mật và 5 pháp-chủ là tín pháp-chủ, tấn pháp-chủ, niệm pháp-chủ, định pháp-chủ, tuệ pháp-chủ có nhiều năng lực hơn bậc Thánh Bất-lai, rồi thực hành pháp-hành thiền-tuệ có khả năng dẫn đến chứng ngộ chân-lý tứ Thánh-đế, chứng đắc A-ra-hán

*Thánh-đạo, A-ra-hán Thánh-quả, Niết-bàn, diệt tận được 7 loại phiền-não còn lại là **tham, si, ngã-mạn, buồn-chán, phóng-tâm, không biết hổ-thẹn tội-lỗi, không biết ghê-sợ tội-lỗi** trong 4 **tham-tâm** không hợp với tà-kiến, và trong **si-tâm** hợp với phóng-tâm không còn dư sót, trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** cao thượng.*

** **Siêu-tam-giới thiện-nghiệp** trong 4 **Thánh-đạo-tâm** của 4 **bậc Thánh-nhân** không cho quả tái-sinh kiếp sau, nhưng mà trái lại làm giảm kiếp tái-sinh kiếp sau theo 4 **bậc Thánh-nhân** như sau:*

*- Sau khi **bậc Thánh Nhập-lưu** chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trong 4 cõi ác-giới, chỉ có đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi thiện-dục-giới là cõi người hoặc cõi trời dục-giới nhiều nhất 7 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp thứ 7 ấy, **bậc Thánh Nhập-lưu** chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

*- Sau khi **bậc Thánh Nhất-lai** chết, chỉ có đại-thiện-nghiệp cho quả tái-sinh kiếp kế-tiếp trong cõi người hoặc cõi trời dục-giới chỉ có 1 kiếp nữa mà thôi. Trong kiếp ấy, **bậc Thánh Nhất-lai** chắc chắn sẽ trở thành **bậc Thánh A-ra-hán** sẽ tịch diệt Niết-bàn, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.*

- Sau khi **bậc Thánh Bất-lai** chết, chắc chắn không còn tái-sinh kiếp sau trở lại cõi dục-giới, chỉ có **sắc-giới thiện-nghiệp** trong bậc thiên sắc-giới thiện-tâm nào cho quả tái-sinh kiếp kế tiếp hóa-sinh làm vị phạm-thiên trên tầng trời sắc-giới phạm-thiên, tương xứng với bậc thiên sắc-giới quả-tâm ấy. **Vị phạm-thiên Bất-lai** chắc chắn sẽ trở thành bậc **Thánh A-ra-hán** sẽ tịch diệt Niết-bàn tại tầng trời sắc-giới phạm-thiên, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

- **Bậc Thánh A-ra-hán** đã diệt tận được mọi tham-ái, mọi phiền-não không còn dư sót. Ngay kiếp hiện-tại, đến khi hết tuổi thọ (chết) gọi là **tịch diệt Niết-bàn**, giải thoát khổ tử sinh luân-hồi trong tam-giới.

Đức-Phật truyền dạy rằng: “Chính ác-nghiệp, thiện-nghiệp phân loại chúng-sinh thấp hèn hoặc cao quý.”

Bậc thiện-trí có đức-tin trong sạch nơi Tam-Bảo, có kammassakatāsammāditṭhi: trí-tuệ thấy đúng, hiểu biết đúng nghiệp là của riêng mình, **tin nghiệp và quả của nghiệp** của mình, hoàn toàn không tin vào **số-mệnh** hoặc **định-mệnh** nào cả.

Giả sử, nếu mỗi chúng-sinh có **số-mệnh** hoặc **định-mệnh** của mình, thì **ai** có khả năng an bài **số-mệnh, định-mệnh** của mỗi chúng-sinh lớn,

nhỏ trong bốn loài là thai-sinh, noãn-sinh, thấp-sinh, hóa-sinh trong tam-giới gồm có 31 cõi-giới chúng-sinh này được???

Thật ra, mỗi chúng-sinh có nghiệp và quả của nghiệp của-riêng mình, như Đức-Phật dạy nghiệp và quả của nghiệp rằng:

“Kammassako ’mhi kammadāyādo kammayoni kammabandhu kammappatisaraṇo, yaṃ kammam karissāmi kalyāṇam vā pāpakam vā, tassa dāyādo bhavissāmi.

*Ta có **nghiệp là của-riêng ta**, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-nghiệp hoặc ác-nghiệp’, ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-nghiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-nghiệp ấy.*

PL. 2565/DL.2022

Rừng Núi Viên-Không
xã Tóc-Tiên, thị xã Phú-Mỹ
tỉnh Bà-Rịa Vũng-Tàu

Tỳ-khuru Hộ-Pháp
(Dhammarakkhita Bhikkhu)
(Aggamahāpaṇḍita)

Patthanā

*Iminā puññakammena,
Sukhī bhavāma sabbadā.
Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo,
Loke sattā sumaṅgalā.*

*Vietnam raṭṭhikā ca sabbe,
Janā pappontu sāsane.
Vuddhiṃ viruḥhivepullaṃ,
Patthayāmi nirantaraṃ.*

*Năng lực phước-thiện thanh cao này,
Mong chúng con thường được an-lạc.
Mong cho chánh-pháp được trường tồn,
Tất cả chúng-sinh được hạnh phúc.
Dân tộc Việt Nam được phát triển,
Tiến hóa hưng thịnh trong Phật-giáo,
Bần sư nguyện cầu với tâm thành,
Hằng mong được thành tựu như nguyện.*

- * Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo lokasmim,*
- * Ciraṃ tiṭṭhatu saddhammo Vietnam-raṭṭhe.*
- * Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn
trên thế gian.*
- * Nguyện cho chánh-pháp được trường tồn
trên tổ quốc Việt-Nam thân yêu.*
- * Buddhasāsaṇaṃ ciraṃ tiṭṭhatu.*
- * Nguyện cho Phật-giáo được trường tồn.*

Thông Báo Tin Vui

Bộ sách **Nền-Tảng-Phật-Giáo** của soạn-giả Tỳ-Khuru Hộ-Pháp (Dhammarakkhita Bhikkhu) (Aggamahāpaṇḍita) là bộ sách gồm có 9 chương, chia ra làm 10 quyển được sắp xếp theo thứ tự từ quyển I đến quyển X. Quyển I: Tam-Bảo làm nền tảng cho quyển II: Quy-Y Tam-Bảo, v.v ... cho đến quyển IX: Pháp-Hành Thiền-Định làm nền tảng cho quyển X: Pháp-Hành Thiền-Tuệ.

Bộ sách Nền-Tảng-Phật-Giáo này đã được tái bản có sửa và bổ sung, đã chuyển sang ebook, được đưa vào trang web “trungtamhotong.org”. Nếu quý độc-giả nào có nhu cầu tìm hiểu thì vào trang web “trungtamhotong.org”, vào mục “thư viện”, tìm đến soạn giả: Tỳ-Khuru Hộ-Pháp, sẽ thấy tên các file sách bằng pdf.

Quý độc-giả nào dùng hệ điều hành IOS thì click vào tên sách và chọn “**Mở trong iBooks**”, sách sẽ tự động tải về máy. Còn với hệ điều hành android thì quý độc-giả có thể tải phần mềm đọc file pdf như **Adobe Acrobat Reader**, sau khi tải về sách sẽ nằm trong phần mềm đó, chỉ cần mở phần mềm lên sẽ thấy file sách.

Trong mỗi file sách, ở trang thứ 3 (Món quà pháp), dưới góc bên phải có ô “Mục lục”, chỉ cần click vào đó sẽ nhảy đến trang “Mục lục”.

Còn nếu muốn đọc sách theo thứ tự thì quý độc-giả chỉ cần lật từng trang sách như bình thường.

Mỗi quyển sách file ebook được trình bày có số trang hoàn toàn giống hệt như số trang quyển sách bên ngoài, cho nên, rất thuận lợi cho độc-giả đã từng đọc quyển sách nào rồi, mà quên **tích nào** hoặc **pháp nào**, v.v ... không biết ở trong trang sách nào, thì độc-giả chỉ cần đánh **tên tích ấy** hoặc **tên pháp ấy** trong ô tìm kiếm, sẽ tìm được một cách mau chóng ngay tức thì.

Cho nên, xin hân hạnh **thông báo tin vui** này đến quý vị độc-giả, rất mong được quý độc-giả quan tâm, chân thành biết ơn quý độc-giả.

SÁCH THAM KHẢO VÀ TRÍCH DẪN

- *Suttantapiṭakapāli và Aṭṭhakathā.*
- *Bộ Abhidhammatthasaṅgaha của Ngài Đại-Trưởng-lão Anuruddha.*
- *Toàn bộ Mahābuddhavaṃsa của Ngài Đại-Trưởng-lão Vicittasārābhivāṃsa (Visiṭṭhatipīṭakadhara, Mahātipīṭakakovidā, Dhamma-bhaṇḍāgārika).*
- *Toàn bộ sách giáo khoa “Paramatthajotika” của Ngài Đại-Trưởng-lão Saddhammajotika.*
- *Toàn Bộ Sách Ledi của Ngài Đại-Trưởng-lão Ledi Sayadaw, v.v...*

CÙNG MỘT SOẠN GIẢ

Đã xuất bản:

- **TÌM HIỂU PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ** (Tái bản lần thứ nhất)
- **8 SỰ TÍCH PHẬT LỰC**
- **Hạnh Phúc An Lành: THIỀN ÁC**
- **GUƠNG BẠC XUẤT GIA**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC-BỒ-THÍ** (Tái bản lần thứ nhất)
- **Hạnh Phúc An Lành: HIẾU NGHĨA**
- **Hạnh Phúc An Lành: NHẪN NẠI**
- **Hạnh Phúc An Lành: GIÁO PHÁP**
- **Hạnh Phúc An Lành: TÂM TỬ**
- **PHÁP MÔN NIỆM ÂN-ĐỨC-PHẬT** (Tái bản lần thứ nhì)
- **Thực-Hành Pháp-Hành Thiền-Tuệ: ĐỐI-TƯỢNG TƯ OAI-NGHI**
- **CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT KHỔ**
- **Ý NGHĨA ĐÊM RẼM THÁNG TƯ**
- **BÀI KINH CHO NGƯỜI BỆNH**
- **LỄ DÂNG Y KATHINA**
- **ĐỨC-PHẬT VỚI CÂY ĐẠI-BỒ-ĐỀ**
- **NGÔI BẢO THÁP GOTAMACETIYA**
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo: CẨM NANG QUY Y TAM-BẢO**
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo: 10 PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT BẠC THƯỢNG**
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo: TRÍ-TUỆ SIÊU-VIỆT**
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển I: TAM-BẢO** (Tái bản lần thứ ba)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển II: QUY Y TAM-BẢO**
(Tái bản lần thứ ba)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển III: PHÁP-HÀNH-GIỚI**
(Tái bản lần thứ ba)

- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IV: NGHIỆP VÀ QUẢ CỦA NGHIỆP**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển V: PHƯỚC-THIỆN**
(Tái bản lần thứ ba)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VI: PHÁP-HẠNH BA-LA- MẬT 1**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 2**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển VIII: PHÁP-HẠNH BA-LA-MẬT 3**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển IX: PHÁP-HÀNH THIỀN-ĐỊNH**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **Nền-Tảng-Phật-Giáo Quyển X: PHÁP-HÀNH THIỀN-TUỆ**
(Tái bản lần thứ nhất)
- **VI-DIỆU-PHÁP HIỆN THỰC TRONG CUỘC SỐNG**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **NGŨ GIỚI LÀ THƯỜNG GIỚI CỦA MỌI NGƯỜI**
(Tái bản lần thứ nhì)
- **NGƯỜI BIẾT ƠN VÀ BIẾT ĐỀN ƠN**
- **KINH CHUYỀN-PHÁP-LUÂN** (Tái bản lần thứ nhất)
- **VÒNG TỬ SINH LUÂN-HỒI** (Tái bản lần thứ nhất)
- **PHÁP NHÃN-NẠI** (Tái bản lần thứ nhất)
- **TÂM TỬ**
- **NGÀY RẼM THÁNG TƯ TRONG PHẬT-GIÁO**
- **TÌM HIỂU PHƯỚC-THIỆN BỐ-THÍ**
- **TÌM HIỂU PHÁP-CHƯƠNG-NGẠI**
- **TÌM HIỂU TỬ THÁNH-ĐẾ**
- **KINH TRẠNG-THÁI VÔ-NGÃ**
- **NGÃ – VÔ-NGÃ VẤN ĐÁP**

Địa chỉ liên lạc và phát hành

CHÙA TỔ BỬU LONG

81/1, Đường Nguyễn Xiển, Long Bình,

TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

ĐD: +84 (0) 778 608 925

LUẬN VỀ CỦA-RIÊNG, CỦA-CHUNG

TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

Chịu trách nhiệm xuất bản
Giám đốc

ThS. NGUYỄN HỮU CỐ

Chịu trách nhiệm nội dung
Q. Tổng Biên tập
LÊ HỒNG SƠN

Biên tập
NGUYỄN THỊ THANH THỦY

Sửa bản in
TỶ-KHUU HỘ-PHÁP

Trình bày & Vi tính
DHAMMANANDĀ Upāsikā

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

53 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
ĐT: (024) 3782 2845 - FAX: (024) 3782 2841

In 1000 cuốn, khổ 12 x 18cm, tại XN in Nguyễn Minh Hoàng.
Địa chỉ: 510 Trường Chinh, P.13, Q. Tân Bình, TP HCM.
Số ĐKXB: 274-2022/CXBIPH/01-11/TG
Mã ISBN: 978-604-61-8228-3
QĐXB: 47/QĐ-NXBTG ngày 15 tháng 02 năm 2022
In xong và nộp lưu chiểu: Quý II năm 2022

Đức-Phật dạy:

“Kammassako ’mhi, ...”

*“Ta có **ngiệp** là **của-riêng** ta, ta là người thừa hưởng quả của nghiệp, nghiệp là nhân sinh ra ta, nghiệp là bà con thân quyến của ta, nghiệp là nơi nương nhờ của ta. Ta tạo nghiệp nào ‘thiện-ngiệp hoặc ác-ngiệp,’ ta sẽ là người thừa hưởng quả an-lạc của thiện-ngiệp ấy hoặc chịu quả khổ của ác-ngiệp ấy.”*

*Như vậy, chỉ có **ngiệp** là **Của-riêng** vĩnh viễn của ta thật sự mà thôi.*

*Còn của cải tài-sản trong đời đối với mỗi người chỉ là **Của-riêng tạm-thời**. Thật ra, **Của-chung** không hiện hữu rõ ràng thật sự.*